



ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM



**Chuẩn Tướng
Lê Văn Hưng**



**Thiếu Tướng
Phạm Văn Phú**



**Thiếu Tướng
Nguyễn Khoa Nam**



**Chuẩn Tướng
Trần Văn Hai**



**Chuẩn Tướng
Lê Nguyên Vỹ**

Ngàn Đời Tưởng Nhớ!

131

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

Các Niên Trưởng, Các Sĩ Quan Quân Sự Vụ và Văn Hoá Vụ, các phu nhân, các Niên Trưởng và CSVSQ, các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, các Chiến Hữu, Thân Hữu, và các Mạnh Thường Quân, đã đóng góp bài vở, tài chánh, và công sức để thực hiện:

TẬP SAN ĐA HIỆU 131.

Phát Hành Tháng Tư Năm 2025.

QUAN ĐIỂM VÀ QUY ĐỊNH CỦA TẬP SAN ĐA HIỆU

* * *

A. QUAN ĐIỂM

Đa Hiệu là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN, là gạch nối giữa các cựu SVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương trên toàn thế giới, giữa thế hệ đi trước và những thế hệ kế thừa, trong đó có các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Đa Hiệu cũng là nơi để chiến hữu, thân hữu, các độc giả cùng chung lý tưởng chia sẻ quan điểm, lập trường chống Cộng

B. QUY ĐỊNH:

Để thực hiện được mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mỗi sẽ nhận được bài vở, như các bút ký, thơ văn qua nhiều đề tài, đặc biệt liên quan đến chiến trường xưa, đến Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số quy định cụ thể, như sau:

1. Không nhận bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chế độ và chủ thuyết Cộng Sản, đặc biệt là Cộng Sản VN.

2. Không nhận các bài viết có nội dung đả kích hay bôi nhọ cá nhân trong hay ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do rất đặc biệt. Những bài này cần chính xác và có tài liệu dẫn chứng.

3. Xin ghi rõ bút hiệu, tên thật, địa chỉ email, số phone,... để toà soạn khi cần có thể liên lạc.

4. Khi gửi các sáng tác cho toà soạn, có thể đính kèm qua email, qua bưu điện. Có thể dùng mọi nhu liệu tiếng Việt. Có thể đánh máy không dấu, hoặc viết tay.

5. Ban Biên Tập xin được phép cắt bỏ hay sửa chữa các bài viết, miễn không làm thay đổi nội dung.

6. Ban Biên Tập sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở báo khác, hay trên các trang web.

**TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TVBQGVN
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TH/CSVSQ/ TVBQGVN**

TẬP SAN ĐA HIỆU

TỔNG HỘI TRƯỞNG KIỂM CHỨ NHIỆM

CSVSQ ĐẶNG VĂN KHANH, K25

Email: hq501carmina@gmail.com

CHỦ BÚT

CSVSQ NGUYỄN TRỌNG VIỆT, K23

E-mail: dahieu2023@gmail.com

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ KIỂM THỦ QUỸ

CSVSQ TRƯƠNG THÀNH MINH, K28

E-mail: minh28149@gmail.com

PHÁT HÀNH:

Hội CSVSQ/ TVBQGVN Nam California, Hoa Kỳ.

Hội Trưởng: CSVSQ TRẦN VĂN GIỎI, K26

Email: gioivbct1981@gmail.com

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN

DA HIEU MAGAZINE

P.O. Box 341

Mt. Eden, CA 94557

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

<http://tvbqgvn.org> hoặc <http://tvbqgvn.net>

GROUP CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

TH/TT/CSVSQ/TVBQGVN <thcsvsqtvbqgvn@googlegroups.com>

Muốn vào group, email: hq501carmina@gmail.com

MỤC LỤC

STT	Đề Tựa	Tác Giả	Trang
1	Phân Đầu		1
2	Thư Tổng Hội	Đặng Văn Khanh	7
3	Năm Mươi Năm Quốc Hận	Nguyễn Quốc Đống	12
4	Sau Biển Cỏ Tháng Tư	Trần Huy Bích	28
4	Ngày Cuối Tháng Tư	Nguyễn Kim Biên	36
5	Mũ Đỏ, Mũ Đen	Đoàn Phương Hải	44
6	Thơ Nam Quan Phần Hận	Minh Thanh	58
7	Những Người Anh Hùng	Hà Thúc Giác	60
8	Ngày Tháng Không Quên	Huỳnh Dĩ Minh	64
9	Hành Quân Long Phi	Nguyễn Đình Hạnh	79
10	Thơ Đề Phòng	Phạm Kim Khôi	93
11	Kiếp Thuyền Nhân	Vĩ Vân	95
12	Cái Duyên Với Đà Lạt	Tôn Thất Diên	105
13	Ngày Tháng Sau Cùng	Captovan	111
14	Thơ Ga Cuối Đường Tàu	Phạm Trọng Sách	126
15	Thơ Đêm Alpha, Nỗi Đau	Vũ Hy Triệu	127
16	Trung Úy của Phụng Là	Tealan	129
17	Đà Lạt, Trường Võ Bị	Nguyễn Mạnh Trinh	143
18	Thơ Tết Trong Tù	Võ Ý	152
22	Chiến Khu D	Lê Đắc Lực	155
19	Vẫy Tay Ngâm Ngùi	Hương Thủy	163
20	Thơ Nghe Anh Kể Chuyện	Cao Văn Hải	172
21	Tìm Chồng	Thanh Tịnh	175
23	Năm Mươi Năm Vĩnh Biệt	Nguyễn Đức Thu	181
24	Thơ Đi Thăm Nuôi	Kiều Mộng Hà	197
25	Liên Đoàn 5 BĐQ	Nguyễn Văn Nam	199

26	Không Tàn Theo Năm	Thu Nga	206
27	Thơ Xin Ngồi Xuống Đây	Khuyết Danh	215
28	Không Buông Súng	Võ Nhẫn	217
29	Cuối Đời Nhìn Lại	Song Vũ	222
30	Thơ Mùa Giáng Sinh Buồn	Cao Kim	238
31	Hồi Ký của "Tù Cải Tạo"	Võ Văn Đức	240
32	Gặp NT Nguyễn Văn Dục	Trần Hữu Hạnh	245
33	Nhẫn Võ Bị Truyền Thống	Minh Nguyệt	254
34	Giã Biệt Quê Nhà	Bích Lan	250
35	Biệt Đội 817 Biệt Cách Dù	Trương Thành Minh	261
36	Người Cán Bộ TKS	Đào Quý Hùng	282
37	Hoàng Sa Nỗi Sóng	Phạm Văn Hồng	294
38	Thơ Tháng Tư Buồn	Vĩ Vân	312
39	Món Nợ Không Vay	Cổ Bi	313
40	My South Vietnam	Cao X Thanh Ngọc	320
41	Thơ Lời Nào Cho Em	Trần Thức	324
42	Về Thăm Trường Mẹ	Bùi Văn Đoàn	326
43	Phát Hành Đa Hiệu 130		330
44	Hồi Ký Phạm Trọng Sách	Ban Biên Tập	334
45	Tài Chánh	Trương Thành Minh	336
46	Thư Chủ Bút	Nguyễn Trọng Việt	346
47	Chia Buồn		347

TẬP SAN ĐA HIỆU 131

Phát Hành Tháng Tư Năm 2024

Kỷ Niệm Năm Mười Năm Quốc Hận

Báo phát hành định kỳ, mỗi năm ba số, vào các tháng 1, 5, 9.
Đa Hiệu số 131 đã được phát hành vào tháng 4, 2025.

Rất mong quý vị cộng tác viên đóng góp bài vở cho
Đa Hiệu số 132 trước ngày 15 tháng 7 năm 2025.



THƯ TỔNG HỘI

Paris, ngày 15 tháng 4 năm 2025

- Kính thưa quý Niên Trưởng,
- Kính thưa quý Phu Nhân, quý chị Phụ Nữ Lâm Viên,
- Thưa quý bạn đồng môn CSVSQ và các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu,
- Thưa quý vị độc giả và thân hữu,

1. Cộng Đồng Ty Nạn Việt Nam chống Cộng Sản lại một lần nữa kỷ niệm Ngày Quốc Hận 30 Tháng Tư. Ngày này, cách đây 50 năm, dân chúng miền Nam Việt Nam đã phải gánh chịu những tai ương thảm khốc, khi bị chủ nghĩa Cộng Sản ngoại lai thôn tính. Kể từ đó, Thành Phố Sài Gòn bị xóa tên, hàng trăm ngàn Quân Dân Cán Chính VNCH bị giam cầm trong các trại tập trung. Hàng triệu người, kể cả những người dân bình thường không hề có liên quan trực tiếp gì đến Chính Quyền Miền Nam nhưng vì hai chữ tự do và không chịu ách áp bức tàn bạo của CS Việt Nam, liều thân bỏ nước ra đi. Trong số này có hàng trăm ngàn người đã hy sinh mạng sống trong biển sâu, rừng thẳm.

Hồi tưởng lại ngày này cách đây vừa đúng 50 năm, những hình ảnh tàn bạo của năm xưa lại lần lượt hiện về, như một vết thương không bao giờ lành. Đất nước đột nhiên trở thành nhà tù lớn. Đã có biết bao đau thương tang tóc đến với mọi người, đến từng gia đình, nhà nhà tang thương, xã hội điêu tàn. Từ đó, con mất cha, vợ mất chồng, gia đình chia lìa tang tóc.

Tưởng nhớ đến những biến cố đau thương mà toàn thể dân chúng miền Nam phải gánh chịu cách đây 50 năm, xin hãy

dành một phút mặc niệm cho Dân, Quân, Cán, Chính đã hy sinh trên khắp bốn vùng Chiến Thuật, đến các tướng lãnh, những quân nhân các cấp và những cán bộ hành chánh, đã tuần tiết để bảo tồn khí tiết, cho các chiến sĩ vô danh VNCH đã hy sinh trong những giây phút cuối cùng cuộc chiến, Hy sinh vô bờ của họ đã tô thắm thêm lá cờ của tổ quốc VNCH.

Hãy tưởng nhớ đến những người dân vô tội trốn chạy Cộng Sản đã trở thành nạn nhân chỉ trong phút chốc. Hãy tưởng nhớ đến những người tị tỵ nạn phải bỏ xác trên biển cả, hay rừng sâu trên đường vượt biển, núi rừng để đến bến bờ tự do sau này. Đáng lẽ họ đã không phải bị hủy diệt cả cuộc sống, nếu không có ngày Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam.

Tháng Tư Đen, Tháng Tư Buồn, Ngày Quốc Hận. Chúng ta còn nhớ hay đã quên?

2. Sau 50 năm, vượt qua biết bao khó khăn khi lưu vong ra nước ngoài, người Việt Tỵ Nạn cộng sản đã xây dựng lại từ đầu cho cuộc sống của gia đình và xã hội. Dù vậy, họ vẫn không quên hướng về Việt Nam, về những người thân yêu không có cơ hội thoát khỏi chế độ cộng sản. Sau 50 năm, Cộng Đồng Việt Nam trên toàn thế giới đã là những cộng đồng chính trị vững mạnh, kể cả vật chất và tinh thần. Họ vẫn giữ được văn hóa và tình yêu quê hương đất nước và vẫn luôn tranh đấu chống Chủ Nghĩa Cộng Sản độc tài, đảng trị. Họ luôn tranh đấu cho một Việt Nam độc lập, không lệ thuộc Tàu cộng, dân chúng được tự do, lãnh thổ được vẹn toàn. Giờ đây, cùng đồng bào trong nước, họ luôn đòi hỏi cho kỳ được quyền sống căn bản cho người dân.

Một kết quả không thể chối cãi qua việc tranh đấu cho Cờ Vàng - cờ của VNCH, mà chúng ta vẫn ngẩng cao đầu, hãnh diện và tri ơn, tượng trưng cho tự do và chính nghĩa - đã được các quốc gia tỵ nạn công nhận và tôn trọng. Nghị Quyết Cờ Vàng đã bắt nguồn từ sự tranh đấu thành công của mọi người, trong đó có phần đóng góp tích cực của các Anh Chị Em

Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu ở Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, rồi lan rộng khắp các nơi. Từ Úc Châu tới Canada, từ Âu Châu đến Mỹ, nơi nào có người Việt là có cờ vàng tung bay. Mọi hành động phản đối của CSVN đều vô vọng.

Sau 50 năm, các thế hệ kế tiếp, trong đó có các hậu duệ Việt Nam Cộng Hoà và Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, đã lần tiến bước, hội nhập vào xã hội của quốc gia định cư và có những đóng góp rất đáng lưu ý. Đã có những hiền diện của họ ở các vị trí quan trọng trong giáo dục, y tế, kỹ nghệ, về nhiều lãnh vực khác nhau; kể cả trong quân đội và chính trị ở các quốc gia dân chủ tân tiến trên thế giới. Chúng ta hãnh diện về thành tựu của họ, vì họ vẫn tiếp tục tiếp nối con đường đấu tranh chống cộng sản độc tài mà chúng ta hằng theo đuổi.

3. Trải qua 50 năm, các CSVSQ/ TVBQGVN dần dần tụ hội với nhau. Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN đã được các vị cựu chỉ huy trưởng thành lập vào đầu những năm 1980. Từ đó, trải qua nhiều Ban Chấp Hành Tổng Hội (mỗi hai năm bầu lại một lần), dù phương thức điều hành có khác nhau, nhưng chúng ta đã kết hợp được sức mạnh chung cho việc đấu tranh chống CS, nêu cao được danh dự của TVBQGVN.

Trải qua 50 năm, một số đồng môn chúng ta vẫn dần bước, giữ vững vai trò của mình trong phong trào chống Cộng. Qua những việc đã làm, chúng ta vẫn giữ được niềm quý mến của Cộng Đồng VN hải ngoại. Đồng hương đặt niềm tin vào Võ Bị do thái độ tận tụy phục vụ, tư cách, và luôn tranh đấu cho lý tưởng tự do. May mắn thay! Trước năm 1975, uy tín của TVBQGVN được nâng cao, danh dự của các CSVSQ được tôn trọng qua các gương hy sinh xương máu, dấn thân quên mình trong cuộc chiến. Chúng ta được mọi người tin cậy khi chứng thực được tư cách và lòng trung thành tuyệt đối với Lý Tưởng Quốc Gia khi trải qua thời gian tù đầy khổ sai, biều lộ được tinh thần “uy vũ bất năng khuất”, quả cảm sau 1975.

4. Lòng yêu mến này không phải là bất biến, tồn tại được hay không tùy thuộc vào tình cảm của mọi người, và nhất là

vào chính thái độ của chúng ta. Cần chứng thực là chúng ta vẫn xứng đáng với lòng tin cậy đó, bằng tư cách và những việc làm hữu ích cho cộng đồng của chúng ta hôm nay.

5. Hiểu rõ được tầm quan trọng, Ban Chấp Hành Tổng Hội Truyền Thống luôn kêu gọi Quý Niên Trưởng và các Bạn, các Anh Chị TTNDH nêu cao vai trò và danh dự của các CSVSQ xuất thân từ trường mẹ, luôn xứng đáng được mọi người mong đợi. Thông qua group của Tổng Hội và Tập San Đa Hiệu, Tổng Hội luôn mong mỗi phát huy được sức mạnh của Tập Thể Võ Bị, qua phương tiện truyền thông. Phục vụ cho Tổng Hội của Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam là nhiệm vụ và tấm lòng của chúng tôi. Tuy nhiên, Tổng Hội rất cần tiếp sức của tất cả mọi người. Chúng ta hãy góp mỗi người một tay để xây dựng Tổng Hội ngày càng bền vững!

Một lần nữa, Ngày Quốc Hận 30 Tháng Tư lại hiện về. Ngày này đã để lại ấn tượng đau thương cho bao người, nhưng nó cũng là khởi điểm đã giúp chúng ta làm lại từ đầu, để chúng ta quyết tâm hành động, vì bên cạnh niềm đau mất nước, các CSVSQ năm xưa vẫn canh cánh bên lòng về món nợ núi sông còn mang trên vai chưa đền đáp.

Rất mong đại gia đình Võ Bị cùng nhau tham gia tích cực, giữ gìn và phát huy truyền thống của TVBQGVN.

Mong lắm thay!

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội
Tổng Hội Trưởng TH/ CSVSQ/ TVBQGVN
kiêm Chủ Nhiệm Tập San Đa Hiệu



CSVSQ Đặng Văn Khanh, Khóa 25



“Nếu phải làm lại từ đầu, tôi vẫn làm như thế, dù tôi biết rằng tôi sẽ mất tất cả, trừ danh dự.”

**Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi, 1975
Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh QLVNCH**

Hình Bìa:

Năm Tướng Lãnh VNCH đã tuần tiết vào ngày 30 Tháng Tư, 1975 để bảo toàn khí tiết:

- Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn IV và Quân Khu 4.
- Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II và Quân Khu 2.
- Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV và Quân Khu 4.
- Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh.
- Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

50 Năm Quốc Hận Những Bài Học Lịch Sử Của Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản

Nguyễn Quốc Đống, K. 13

Năm 2025 ghi nhận một dấu mốc quan trọng trong lịch sử cận đại của Việt Nam, là năm người Việt tỵ nạn cộng sản sẽ làm lễ tưởng niệm Ngày Quốc Hận lần thứ 50, ngày Cộng Quân Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam vào ngày 30.4.1975.

Cuộc đổi đời bi thảm bắt đầu cho quân, dân nước Việt Nam Cộng Hòa. Lịch sử một lần nữa lại tái diễn đối với người Việt yêu chuộng tự do, không chấp nhận cộng sản. Năm 1954, sau khi Hiệp Định Genève được ký ngày 21 tháng 7, 1954, nước Việt bị chia đôi tại vĩ tuyến 17, miền Bắc thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa theo chế độ cộng sản, miền Nam thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa theo chế độ tư bản (tự do, không cộng sản). Vì thế, đã có gần một triệu dân miền Bắc di cư vào Nam tìm tự do.

Năm 1975, Cộng Sản Bắc Việt chiếm miền Nam, cả triệu dân miền Nam lại rời bỏ quê hương qua nhiều đợt từ di tản vào Tháng 4, 1975; đến vượt biên, vượt biển nhiều năm sau đó.

Tính đến nay, Tháng 4, 2025, nửa thế kỷ đã trôi qua; chúng ta, những người Việt bị bắt buộc phải xa quê hương, đi lưu vong tỵ nạn cộng sản tại các quốc gia tự do khắp thế giới, hãy nhìn lại con đường đau khổ mà cha ông và chính bản thân đã trải qua. Hãy nhìn lại những trang sử đầy máu lệ, để xem chúng ta mất, được những gì; và học được những bài học quý giá nào có thể giúp chúng ta và các thế hệ con cháu trong việc xây dựng lại nước nhà.

*Tháng Tư tuyết hãy còn rơi
Tháng Tư tưởng niệm, rồi bờ ruột gan
Chuyện nhà triệu cảnh nát tan
Chuyện mình, nhắc đến Việt Nam: Bụi ngùi*
(Ý Nga, 22.4.2006)

Ba mươi Tháng Tư đôi đời
Miền Nam thất thủ, triệu người chết oan!!!
Gió bung cờ đỏ sao vàng
Thấp thoáng liềm búa, máu loang thành dòng,
Tùng đoàn già trẻ chân không,
Chạy trốn cộng sản, khốn cùng, tả toi,
(Thiên Thu, 30.4.2015)

Làm sao mà quên được những mất mát của người dân miền Nam sau ngày 30.4.1975!

Câu “nước mất, nhà tan” đã gói gọn tất cả những tang thương, đau khổ mà đa số là người VN sinh sống tại miền Nam phải gánh chịu. Kẻ gây tội ác chẳng phải là giặc ngoại xâm mà chính là đồng bào của họ, những người cùng tổ tiên, cùng quê hương, cùng màu da, cùng tiếng nói với họ; nếu có khác chẳng là khác về lý tưởng, không cùng ý thức hệ nên đã tàn nhẫn lao vào cuộc diệt chủng anh em mình suốt 20 năm trong chiến tranh Quốc- Cộng (1956-1975).

Những năm tháng yên ả của người dân miền Nam không còn nữa. Bên “thắng cuộc” hãnh diện là sẽ đem “độc lập, tự

do, hạnh phúc” cho cả nước, nhưng đó chỉ là những lời giả dối trắng trợn.

Người dân VNCH mất tự do (bị kèm kẹp dưới chế độ độc tài, bị quản lý bởi đảng, bởi đoàn, bởi cả trăm đoàn thể...), mất nhà (bị nhà cầm quyền tịch thu nhà, đuổi đi các vùng hoang vu được gọi là vùng kinh tế mới), mất tiền (qua các đợt đòi tiền), mất tài sản, ruộng đất, nhà máy, cơ sở kinh doanh (qua các đợt đánh tư sản, cải tạo công thương nghiệp), mất mạng (sĩ quan quân đội, viên chức chính quyền miền Nam bị giam tù nhiều năm trong các trại lao động tập trung mang danh là trại học tập cải tạo khiến cả trăm ngàn người chết vì đói, bệnh, tra tấn), mất nền văn hóa nhân bản (sách bị đốt, trí thức bị đi tù, trù dập), mất nền giáo dục dân tộc, khai phóng (học trò bị nhồi sọ, chỉ được dạy yêu chủ nghĩa Mác Lênin, yêu Hồ Chí Minh, yêu đảng cộng sản Việt Nam; đạo đức cổ truyền được thay bằng “đạo đức cách mạng”) (sic!).

*“Cải tạo” tập trung nhiều nơi,
Quân Dân Cán Chính, vui đời rừng sâu,
“Năm hạng” buộc xếp hàng đầu,
Đi “kinh tế mới”, đảng thầu tóm nhà,
“Thanh niên xung phong” hiện ra,
“Bài trừ tư sản”, tiền ma đổi hoài,
Đốt sách, thay tên đường rồi,
Giặt tượng Thương Tiếc, hồn người vì dân
Việt cộng nằm vùng ló dân
Mặc sức chỉ điểm “ngụy quân, ngụy quyền”
(Thiên Thu, 30.4.2015)*

Miền núi thẳm anh vui thây đất Bắc
Chôn bụng biển, kinh tế mới em đau
Nuôi mẹ già, con dại, an ủi nhau
Nhờ... thống nhất, Bắc Nam cùng đau khổ.
(Ý Nga, 24.9.2008)

*Một xã hội chủ nghĩa
Giết sạch hết nhân tài
Đâu “tự do, hạnh phúc”
Mà “độc lập” khoe hoài*

(Ý Nga, 3.12.2019)



Cờ vàng tại Melbourne, Úc Châu 2013

Cuộc sống âm no, kinh tế phồn thịnh của miền Nam dân dần biến mất trong nền kinh tế chỉ huy dưới chế độ cộng sản. Nông dân phải vào hợp tác xã nên dần dần mất ruộng; công nhân, người chủ tập thể của chế độ, làm việc trong các nhà máy quốc doanh quản lý bởi bọn cán bộ tham nhũng bắt tài, không được luật lao động bảo vệ nên đời sống ngày càng khó khăn, mặc dù họ được vinh danh là một trong hai giai cấp tiên phong của chế độ cộng sản.

Luật đất đai của kẻ cầm quyền không công nhận quyền sở hữu đất của người dân, chỉ công nhận quyền sử dụng, gây ra những vụ cưỡng chiếm đất tàn nhẫn, và tạo ra tầng lớp dân oan nhọc nhằn đi khiếu kiện nhiều năm! Dân bị cai trị bằng các chính sách nghiệt ngã. Thực phẩm, và các thứ thiết yếu trong đời sống chỉ được cung cấp giới hạn, theo tiêu chuẩn hàng tháng, và cán bộ luôn được ưu tiên hơn thường dân. Họ chủ

trương bỏ đói dân để dân phải bị khuất phục.

Xã hội miền Nam bị đào tận gốc, tróc tận rễ, ông xuống thẳng, thẳng lên ông. Đồi dào dẫn đến đồi nghề: viên chức chính phủ hầu hết mất việc, phải lao ra ngoài xã hội kiếm sống bằng những nghề mới, như buôn bán ở chợ trời (thuốc tây, đồ dùng gia dụng, sách cũ, ngoại tệ...), thư ký hành chánh thành công nhân xây dựng (trải đá làm đường), các nữ tu thành công nhân sản xuất lốp xe ngay tại nhà tu... Một số trí thức cũ được tạm giữ lại (giáo sư, kỹ sư, bác sĩ), nhưng lại phải làm dưới quyền những cán bộ lãnh đạo không trình độ chuyên môn, dốt nát, ngu si.

Cuối cùng, người dân miền Nam phải tìm đường thoát khỏi cái thiên đường cộng sản hoang tưởng, thực chất chỉ là địa ngục trần gian. Họ ra đi bằng nhiều cách, di tản vào Tháng 4, 1975; vài năm sau họ tìm cách vượt biên bằng đường bộ qua đường rừng Campuchia, hay vượt biển trên những con thuyền mong manh; chấp nhận cái chết để mong đến được bến bờ tự do. Hơn một triệu người ra đi, nhưng nhiều trăm ngàn người đã chết trong rừng sâu, hay ngoài biển cả. Cái giá của tự do quá đắt!

*Rời tin đến hung tin “TÀU VỠ”
Tàu đắm rồi, mong gì nữa em ơi
Trời ơi! Tàu giết em rồi
Biển chôn bao xác những người Việt Nam?!*

(Khóc Em, Thiên Thu, 26.11.2011)

Những thuyền nhân xấu số này, dù đã chết vẫn không được Việt Cộng để yên. Chúng can thiệp với chính quyền sở tại, bắt đục bỏ những tấm bia tưởng niệm thuyền nhân trên các đảo.

*Đục một bia tưởng niệm
Những thuyền nhân đã chết
Đảng rõ ràng tẩm liệm
Hương oan hồn thơm hoa.*

(Ý Nga, 23.1.2008)

Cuộc vượt thoát ra đi, trốn chạy cộng sản này đã cướp đi mạng sống của rất nhiều trí thức, các thành phần tinh hoa trong xã hội miền Nam.

Đến được bến bờ tự do, người Việt tỵ nạn cộng sản lưu vong phải đi lại từ đầu. Họ trắng tay khi bắt đầu cuộc sống mới trên xứ lạ quê người: Tìm chỗ ở mới, học ngôn ngữ mới, làm những công việc mới: bác sĩ thành công nhân, tướng tá mở tiệm buôn bán hay làm chuyên viên trong công sở... Những người tỵ nạn tương đối trẻ có điều kiện trở lại trường, lấy được bằng chuyên môn, và tìm được công việc làm thích hợp; nhưng đa số ở tuổi trung niên đã không còn cơ hội thăng tiến tốt, phải chấp nhận làm những việc lao động đơn giản hơn để nuôi bản thân và gia đình.

Tuy nhiên, bên cạnh nỗi buồn xa xứ, người Việt lưu vong đã tìm lại được cuộc sống tự do, no ấm; nhân phẩm được bảo vệ, không bị kỳ thị vì quá khứ “ngụy quyền, ngụy quân, ngụy dân”, con cái họ được giúp đỡ học hành đến nơi đến chốn. Chỉ thời gian ngắn sau ngày tái định cư, họ đã nuôi dạy con cháu thành công, đóng góp cho xã hội nhiều nhân tài trong nhiều ngành: giáo dục, y khoa, khoa học, kỹ thuật, luật, kinh tế.... Nhiều người Việt tỵ nạn Cộng Sản đã tham gia vào sinh hoạt chính trị dòng chính, trở thành dân biểu, nghị viên, giám sát viên, thị trưởng... tại địa phương, tích cực giúp đồng bào trong việc hội nhập nơi quê hương thứ hai. Đây là những thành tựu đáng kể của cộng đồng người Việt lưu vong.

Đa số người Việt tỵ nạn cộng sản tại các nước trong thế giới tự do đều nuôi dưỡng lý tưởng quốc gia, chống cộng sản vì nhiều người là viên chức chế độ cũ, quân nhân Quân Lực VNCH, từng bị cộng sản giam tù trong các “trại tập trung cải tạo” nhiều năm, nhiều người vốn là hậu duệ của những viên chức miền Nam cũ, nhiều người đã phải trốn chạy vì bị áp bức bóc lột trong nước. Họ vẫn giữ được lập trường quốc gia, quyết chống lại tà thuyết Mác Lênin vô thần của cộng sản. Họ là những người tỵ nạn chính trị, phải chọn lưu vong nơi xứ

người vì lập trường chính trị khác biệt không thể sống được trong chế độ cộng sản.

Tại quê hương thứ hai, sau thời gian ổn định cuộc sống mới, họ tham gia sinh hoạt trong các cộng đồng ty nạn, các hội đoàn cựu quân nhân, như Hội Cựu Chiến Sĩ QL/ VNCH, Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị, Hội Cựu SVSQ Võ Bị, Hội Cựu SVSQ Thủ Đức, hay các Hội Đồng Hương có lập trường quốc gia. Họ bảo vệ lá cờ vàng ba sọc đỏ của VNCH, di sản của người Việt yêu tự do, dân chủ; tài sản quý giá họ đem theo từ quê hương trong cuộc hành trình gian khổ tìm tự do. Họ vận động các hội đồng thành phố, các quốc hội tiểu bang ra các nghị quyết vinh danh và công nhận cờ VNCH là biểu tượng của người Việt ty nạn Cộng Sản. Người Việt ty nạn Cộng Sản cương quyết bảo vệ cộng đồng của mình chống lại sự xâm nhập của cộng sản, tránh cho con cháu khỏi bị cộng sản và tay sai tuyên truyền, lừa bịp. Nơi nào có sự hiện diện của viên chức cộng sản là họ biểu tình chống đối khiến chúng nhục nhĩ phải trốn tránh đi cửa sau, nơi nào có văn công Việt Cộng trình diễn họ cũng biểu tình chống đối. Họ tranh đấu không mệt mỏi cho lý tưởng tự do, dân chủ ; vì biết đó là lý tưởng cao đẹp; vì biết rằng họ chưa hoàn thành sứ mệnh đối với quốc gia dân tộc; vì biết rằng chủ nghĩa đỏ cộng sản đã và vẫn đang tàn phá đất nước và làm hại người dân Việt. Họ ý thức rõ mình chỉ là thiểu số đang được hưởng cuộc sống tự do, dân chủ tại xứ người, trong khi đại đa số đồng bào trong nước còn phải sống lầm than dưới chế độ độc tài toàn trị, nên họ không thể thờ ơ vô cảm với nỗi đau của đồng bào.

*Cho ai mình phải lo âu
Cho ai dân Việt trữu sầu oằn tim
Vì đâu vượt chết đi tìm?
Vì sao đất khách nổi niềm ưu tư?*

.....
*Dậy mà đi! Cố lên này!
Đích về chưa đến, chớ bầy cuộc vui*

*Dậy mà đi! Chớ ngủ vùi!
“Thất phu hữu trách!” Nhớ nuôi Ngày Về!*

(Ý Nga, 5.6.2003)

Trong bất cứ đoàn thể nào, và trong bất kỳ công việc gì, cũng có những kẻ lợi ngược dòng, làm nghịch lại với đa số, gây hại cho công việc chung. Động cơ khiến họ hành động trái chiều như vậy chỉ họ biết rõ: Vì danh, vì lợi, vì nhẹ dạ, ham vui, hay không bền chí...? Trong khi đó số đông người Việt ty nạn Cộng Sản vẫn giữ vững lý tưởng quốc gia, và miệt mài tranh đấu cùng các chiến hữu và đồng bào.

Tuy nhiên chúng ta cũng không ngạc nhiên khi một số người mang danh ty nạn cộng sản, ty nạn chính trị đã lén lút; thậm chí công khai rời khỏi hàng ngũ chiến hữu, quay sang cộng tác với kẻ thù, làm tay sai cho chúng; nằm vùng để phá hoại cộng đồng, đoàn thể của mình. Họ còn trở về Việt Nam đem tài năng và tiền bạc đầu tư kiếm tiền; mặc dù họ không đôi khi sống đời ty nạn tại quê hương thứ hai. Có kẻ quay về chỉ để hưởng thụ, ăn chơi, cho bỏ những ngày tù tội khôn khó tại quê nhà, hay để bù lại thời gian cày bừa tối tăm mặt mày nơi đất khách?! Họ viện dẫn nhiều lý do để biện minh cho thái độ trở cờ xấu xa này. Ngày xưa phải nhọc nhằn lắm mới thoát khỏi Việt Nam, để định cư ty nạn cộng sản tại một nước tự do; nay lại hoan hỉ quay về cái xứ đã mang đại nạn đến cho cuộc đời họ! Phải chăng vùng đất do cộng sản cai trị ngày nay đã thành đất lành, không còn đe dọa bản thân và gia đình họ?!

Hành động này vô tình đã giải oan cho Việt Cộng, chỉ làm đẹp mặt cho chế độ của chúng. Cộng đồng người Việt ty nạn Cộng Sản chỉ trích nặng nề những thành phần cơ hội chủ nghĩa, ích kỷ này.

*Ông khoe “Úp mặt hôn phi đạo”,
Mùi đất quê hương có ấm lòng?
Có hay non nước trong cơn bão
Rách tả tơi theo chủ nghĩa “hồng”*

(Ý Nga, 28.6.2002)

Sài Gòn mất tên, đổi đời, lánh nạn,
Tôi thề không về... dù chỉ thăm thôi,
Giờ nghe tin... Anh về đến nơi rồi,
Sài Gòn ơi! Mưa rơi hay tôi khóc?!

*Tôi ngỡ ngỡ nhận tin như cơn lốc,
Anh thật quên rồi, “Tổ Quốc” ghi ơn,
Anh đã bỏ đi “Danh Dự” trung cang,
Và phản bội lá cờ vàng “Trách Nhiệm”*

Tôi ở đây, lắng nghe Anh hùng biện,
Anh trở về, làm gì nhi? Thưa Anh?
Tôi ở đây, chờ xem lòng trung thành,
Anh từng nói... Anh dành cho Tổ Quốc!

(Thiên Thu, Canada, 13.6.2011)

Nhìn lại con đường lưu vong suốt thời gian dài 50 năm, người Việt tỵ nạn cộng sản chúng ta học được những bài học gì? Những bài học này đã được đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt, bằng máu của bản thân, gia đình, bạn bè, và đồng bào. Chúng ta không thể xem nhẹ mà phải khắc ghi, để làm hành trang trên con đường tranh đấu gian khổ, trường kỳ, vì mục đích chung của dân tộc Việt.

Trước hết chính là bài học về tình yêu quê hương, nói đơn giản là lòng yêu nước. Lòng yêu nước là yếu tố gắn bó những người không cùng nơi sinh trưởng, nhưng sống trên cùng mảnh đất nên sẵn sàng hy sinh cho đất nước. Nó là động lực giúp người dân chống giặc ngoại xâm. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người cộng sản đã lợi dụng lòng yêu nước của người Việt, khéo léo tuyên truyền cho chủ nghĩa Mác Lênin, một chủ thuyết hoang tưởng được sinh ra từ nước Nga, cái nôi của cộng sản quốc tế, mang nhiều chất bạo lực, khủng bố; hoàn toàn xa lạ với nếp đạo đức cổ truyền nhân bản của dân tộc Việt. Trong chiến tranh Quốc Cộng (1956-1975), bọn Bắc cộng kết án quân dân miền Nam là phản bội tổ

quốc, là nguy (giặc), là tay sai đế quốc Mỹ. Chúng xua quân xâm lăng miền Nam, mà lại tuyên bố đi “đánh Mỹ cứu nước”. Người bảo vệ đất nước ở miền Nam bị gọi là phản quốc, trong khi kẻ xâm lược phương Bắc đi giết đồng bào mình lại mang danh người yêu nước!

Sau ngày cộng sản cưỡng chiếm được miền Nam tự do, và đặt cả nước dưới chế độ độc tài, chúng đã công khai đánh tráo khái niệm về lòng yêu nước, dạy người dân “yêu nước là phải yêu chủ nghĩa xã hội”. Do đó chúng ta phải hết sức thận trọng, không để kẻ thù cộng sản lừa gạt, và hiểu sai về lòng yêu nước.

Yêu nước bây giờ phải được hiểu là bảo vệ tổ quốc chống lại bọn việt cộng nhiều phen công răn cắn gà nhà, bán đất, nhượng biển cho Tàu cộng, hèn với giặc mà ác với dân. Là người yêu nước chân chính, người Việt chúng ta phải ý thức được chính việt cộng là bọn bán nước, đã và đang gây ra mọi thảm cảnh cho đất nước và dân tộc Việt. Người Việt yêu nước dù sống đời lưu vong ở nhiều quốc gia trên thế giới phải giữ vững lập trường quốc gia, kiên quyết quang phục một Việt Nam không cộng sản, bảo đảm nhân quyền cho mọi công dân. Đó là lòng yêu nước chân chính mà chúng ta cần nuôi dưỡng và truyền lại cho thế hệ trẻ.

*Cộng sản chiếm đến đâu,
Dân bỏ chạy đến đó!
Bao nhiêu là tội ác,
Chồng chất từ bấy lâu?
Địa ngục đời có thật:
Nhằm hại người Quốc Gia
Khẩu hiệu toàn ba hoa,
“Đỏ” máu lời đường mật*

(Ý Nga, 20.2.2006)

Bài học lịch sử thứ hai là bài học về sự đoàn kết. Cổ nhân dạy chúng ta những lời khuyên đơn giản:

- Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết.
- Đoàn kết nên sức mạnh.
- Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Chúng ta thử nhìn vào một bó đũa, nếu bị tách riêng, từng chiếc đũa sẽ bị bẻ gãy dễ dàng; nhưng nếu gộp chung thành một bó, không dễ gì chúng ta bẻ gãy nguyên bó đũa. Việt Nam là một nước nhỏ, ở sát cạnh nước Tàu khổng lồ. Nước Tàu lớn, mạnh hơn nước ta nhiều lần, người Tàu tham lam và độc ác; nên nhìn lại lịch sử, chúng ta chứng kiến Việt Nam nhiều lần bị Tàu xâm lăng, và rơi vào cảnh Bắc thuộc cả ngàn năm. Tổ tiên chúng ta phải đổ nhiều máu xương mới giữ được đất sống cho chúng ta đến ngày nay.

Ngay trong chế độ phong kiến ngày xưa, các vương triều đã biết coi trọng tiếng nói và sức mạnh của con dân; vua, quan và dân đã biết đoàn kết một lòng chống giặc ngoại xâm từ phương Bắc. (Hội Nghị Diên Hồng diễn ra dưới đời vua Trần Thánh Tông, khi Việt Nam phải chống quân Nguyên Mông sang xâm lược nước ta lần thứ hai vào năm 1284.)

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp đầu thế kỷ 20, nhiều đảng phái cùng tham gia chống ngoại xâm. Việt Minh, tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã lợi dụng sự chia rẽ giữa các đảng phái quốc gia, để thu phục lòng tin của người dân, củng cố được lực lượng tới mức ép được Vua Bảo Đại của triều Nguyễn phải nhường quyền lãnh đạo đất nước cho chúng (Tháng 8, 1945).

Trong cuộc chiến tranh Quốc Cộng (1956-1975), chúng lại lợi dụng sự chia rẽ giữa các thành phần dân chúng, các đảng phái tại miền Nam Việt Nam, làm suy yếu chính quyền, làm nản lòng người dân VNCH, và cuối cùng cưỡng chiếm được vùng đất tự do cuối cùng của người Việt. Nếu người dân miền Nam biết đoàn kết, coi trọng quyền lợi tổ quốc hơn quyền lợi của đảng phái, phe nhóm, vùng miền, tôn giáo thì chúng ta đâu

dễ dàng mắt nước vào tay giặc thù, để bây giờ dân Việt phải sống đời lưu vong khắp nơi trên thế giới!



Cờ vàng vẫn mãi tung bay ở hải ngoại.

Sau tháng 4, 1975, người Việt tỵ nạn cộng sản đã biết đoàn kết để bảo vệ cộng đồng mình chống lại sự xâm nhập và phá hoại của cộng sản. Họ giữ vững phòng tuyến, vạch mặt kẻ thù CS và tay sai nằm vùng; nên lá cờ vàng của người Việt quốc gia vẫn còn tung bay trong các cộng đồng VN chúng ta, và cờ máu của cộng sản vẫn liên tục bị triệt hạ. Tuy nhiên chúng ta cần cảnh giác, vì cộng sản rất chai lì, và thâm độc. Chúng không từ thủ đoạn nào để chiếm lấy tình cảm và lòng tin của đối phương, bằng dụ dỗ (cho văn công đến trình diễn trong cộng đồng tỵ nạn Việt Nam để họ mua vui; mời người Việt tỵ nạn Cộng Sản về du lịch thăm quê hương, về đầu tư, kinh doanh kiếm tiền), hay bằng đe dọa, khủng bố (dùng pháp luật cộng sản trừng trị nếu họ về nước và thiếu cảnh giác).

Những năm gần đây chúng ta chứng kiến tình trạng mất đoàn kết trong giới người Việt tỵ nạn. Tổ chức cộng đồng chia hai, chia ba; tổ chức hội đoàn cũng bị chia rẽ, ngay cả các hội đoàn cựu quân nhân cũng không tránh được tình trạng phân hóa này. Nguyên nhân có nhiều, nhưng chúng ta cũng không loại bỏ yếu tố “thừa nước đục thả câu” của cộng sản và tay

sai. Tư tưởng vị kỷ, thái độ kiêu căng, hành động vô trách nhiệm, không biết nghĩ đến cái chung và danh dự tập thể của một số thành viên trong đoàn thể đã dẫn đến sự chia rẽ mất đoàn kết. Một tập thể chia rẽ chẳng khác nào một cái bình bị rạn nứt, làm sao huy động được sức mạnh để hoàn thành mục đích chung?

*Bao nhiêu nhóm quy về cùng một mối
Thì giặc nào lấy được đất của nhau
Công nào còn nhuộm mãi sắc đỏ au?
Mà chém giết bao thường dân vô tội!*

(Ý Nga, 6.5.2008)

Bài học thứ ba cần ghi nhớ là tinh thần kiên định trong công việc chung, bền tâm vững chí trước gian nan thử thách. Cổ nhân dạy ta: “Có công mài sắt có ngày nên kim” chính là dạy ta phải nhẫn nại. Hay câu nói sau: “Lửa thử vàng, gian nan thử sức” cũng là để dạy ta cần phải bền chí.

Hãy nhìn vào cuộc chiến tranh vệ quốc của quân dân miền Nam chống lại xâm lăng của Cộng Sản Bắc Việt đầu năm 1955. Nền Đệ Nhất cộng Hoà dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã gặp muôn vàn khó khăn để ổn định tình hình chính trị vô cùng phức tạp sau khi đất nước bị chia đôi vào tháng 7, 1954. Nếu người dân miền Nam không vững tâm, bền chí, không tin tưởng vào tương lai của nền cộng hòa non trẻ, làm sao chúng ta có thể đứng vững trước sự phá hoại của bọn CS nằm vùng ở miền Nam, và hành động tấn công của quân đội cộng sản từ miền Bắc tràn vào. Việc tái định cư cho gần một triệu đồng bào di cư vào Nam tìm tự do, và việc đối phó với các nhóm vũ trang phản loạn (đảng phái, giáo phái...) đòi hỏi chính phủ và người dân lúc đó phải hết lòng chiến đấu cho đại cuộc. Nếu chúng ta không vững tâm bền chí, hẳn miền Nam đã không có được hơn 20 năm sống no ấm dưới chế độ tự do, dân chủ. Không có kết quả nào đạt được mà không có hy sinh, mất mát. Đây là bài học quý giá chúng ta cần phải truyền

lại cho con cháu các đời sau.

*Vững vàng trái tim chúng ta
Không quên tiếng đời kêu gọi
Nước non mình đang trông chờ
Đại Nghĩa lòng ta tôn thờ
Cùng nhau kiên tâm tiến bước
Tâm hồn đẹp bao ý thơ*

(Nguyễn Hữu Nhật, Ý Nga)

Bài học cuối cùng mà người Việt tỵ nạn cộng sản không thể xem nhẹ, là việc đào tạo thế hệ kế thừa. Phần đông các cháu theo cha mẹ định cư tại xứ người khi tuổi đời còn rất nhỏ, nên ký ức về quê hương đã nhạt nhòa. Bây giờ rất nhiều cháu được sinh ra và trưởng thành trên xứ người, nên cảm thấy rất xa lạ với cội nguồn dân tộc Việt. Nhiều cháu không nói được tiếng Việt, nên khó sinh hoạt trong cộng đồng Việt; không viết và đọc được Việt ngữ, nên không tìm hiểu được nền văn hóa Việt, làm sao các cháu gắn bó được vquê hương của ông bà, cha mẹ; và làm sao trở thành thế hệ kế thừa của cha ông trong sứ mạng xây dựng đất nước Việt.

Đây là vấn đề nan giải mà chúng ta cần bỏ nhiều công sức và thời gian để tìm cách giải quyết. Khi các cháu còn nhỏ, phụ huynh nên chịu khó cho các cháu đến các lớp Việt ngữ để học nói, đọc và viết tiếng Việt. Đây cũng là cơ hội để các cháu tiếp xúc với ông bà, chú bác và các bạn trẻ đồng trang lứa. Ở tuổi thiếu niên, cha mẹ nên chuyện trò với các cháu để các cháu hiểu được lý do gia đình phải rời bỏ nơi sinh trưởng và định cư ở xứ người. Khi các cháu đã trưởng thành, phụ huynh có thể hướng dẫn các cháu tham gia sinh hoạt trong cộng đồng Việt tỵ nạn, để các cháu hiểu được lý tưởng cao đẹp mà cha ông hằng ấp ủ; đó là tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam.

Đây không phải là một công việc dễ dàng vì chúng ta đang nuôi dưỡng và giáo dục những mầm non của cộng đồng, cũng là tương lai của dòng Việt. Chỉ riêng cha mẹ, gia đình không

thể làm được công việc này, mà cần có sự hỗ trợ của cộng đồng.

Người Việt ty nạn cộng sản trực tiếp tham gia cuộc chiến chống cộng sản bảo vệ miền Nam (1956-1975), khi đặt chân đến vùng đất tự do, đa số đã ở tuổi trưởng thành, 20 đến 50 tuổi, có người đã 60 hoặc 70. Nhiều chục năm trôi qua, bây giờ họ đã bước vào tuổi già, sức yếu. Nếu không có thể hệ kế thừa, họ không thể tiếp tục sứ mạng còn dở dang. Chúng ta cũng đừng quên cộng sản và tay sai đang đầy dẫy quanh ta, sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn để lôi kéo con cháu chúng ta về phe chúng. Trong cuộc chiến sinh tử để giành thắng lợi cho chính nghĩa của người Việt quốc gia, chúng ta không thể để mất đi lực lượng trẻ, tài năng này.

*Ra trận, thuộc mỗi một bài
Bác, Đảng, Việt Cộng là loài bất lương
Nhớ tránh xa!
Chớ chung đường!
Kẻ bị chúng nhuộm cam, hồng, đỏ loe*

(Ý Nga, 29.8.2018)

Tóm lại, 50 năm là thời gian rất dài trong một đời người, ai trong chúng ta cũng có cái được, và cái mất. Riêng với người Việt ty nạn phải bỏ lại quê hương, rời xa cha mẹ, anh em, chạy nạn cộng sản, sống lưu vong nơi xứ người, những mất mát thương đau của họ không ai có thể cảm nhận bằng chính họ. Đối với họ, các tín niệm “tổ quốc, danh dự, trách nhiệm” vẫn là kim chỉ nam hướng dẫn họ trong hành trình tìm tự do và tranh đấu tại quê hương thứ hai. Có thể họ chưa hoàn thành sứ mạng với quê hương, dân tộc, còn mang mặc cảm phạm tội làm mất nước; nhưng 50 năm cũng chỉ là một quãng thời gian rất ngắn trong dòng sinh mệnh của dân tộc.

Vào thời khắc hiện nay, 50 năm sau ngày mất nước, người Việt ty nạn Cộng Sản dù ở nơi nào, vẫn cố gắng làm những gì có thể làm được trong khả năng, hoàn cảnh của mình; và luôn

nuôi dưỡng niềm hy vọng giải phóng được quê hương khỏi chủ nghĩa ma mị cộng sản, khỏi chế độ cộng sản độc tài toàn trị, viết trang sử mới tươi đẹp cho dân tộc Việt.

Ghi Chú:

1- Thi sĩ Ý Nga (sinh năm 1958 tại Quảng Nam, có bút hiệu khác là Á Nghi), là một thuyền nhân tỵ nạn cộng sản tại Ý 20 năm (1980-2000), định cư tại thành phố Calgary, Alberta, Canada từ năm 2000 cho đến nay. Công việc chính của Ý Nga là làm kế toán và dạy học. Tuy là phận nữ nhi, thân yếu; nhưng tâm bền, chí lớn, đã đóng góp nhiều công sức cho cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản tại Ý và Canada, trong nhiều lãnh vực văn hóa, từ thiện, giáo dục. Kho tàng văn thơ của Ý Nga là vô tận, nổi bật là dòng thơ tranh đấu thắm đượm lòng yêu nước, thương nòi. Thi sĩ chưa một lần trở về Việt Nam, vì đất nước “chưa đổi màu cờ”. Với tấm lòng sắt son dành cho quê hương, thi sĩ Ý Nga là một tấm gương sáng cho thế hệ trẻ trong cộng đồng Việt Nam tỵ nạn cộng sản.

2- Nhà thơ Thiên Thu (sinh năm 1949 tại Hà Nội), cũng là một thuyền nhân tỵ nạn cộng sản, rời Sài Gòn năm 1979, và hiện nay cũng định cư tại thành phố Edmonton, Alberta, Canada. Ngoài công việc chính là làm chuyên viên phân tích (data analyst) cho Sở Y Tế Alberta, Thiên Thu đóng góp nhiều bài thơ, văn ghi nhận những điều tai nghe, mắt thấy, và cảm nhận của mình đối với xã hội Việt Nam dưới chế độ cộng sản sau ngày 30.4.1975. Tác giả cũng chưa một lần trở về “thăm” quê hương bỏ lại, một nữ nhi vững tâm, bền chí, giữ vững lập trường quốc gia dân tộc, đáng cho người Việt tỵ nạn cộng sản nhất là giới trẻ noi theo.

20-2-2025

SUY NGHĨ CỦA MỘT NGƯỜI VIỆT

50 NĂM SAU BIẾN CỐ THÁNG 4-1975

Giáo Sư Trần Huy Bích, Văn Hóa Vụ

Việt Nam trong thế giới hiện nay

Năm mươi năm sau khi chiến tranh chấm dứt tháng 4/1975, chúng ta thử xem trong cộng đồng quốc tế hiện đại, vị trí của Việt Nam ra sao.

Theo thống kê của IMF (International Monetary Fund/ Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế), lợi tức tính theo đầu người ở Việt Nam cho năm 2025 là \$4,986 Mỹ kim, đứng hàng thứ 119 trên thế giới. Dĩ nhiên không thể so sánh nổi với Singapore, nơi người dân có lợi tức tính theo đầu người rất cao (93,956 MK), mức sống của dân Việt Nam hiện thấp hơn rất nhiều so với các nước Á Đông khác:

- Hàn Quốc (Nam Hàn): 37,675 MK (thứ 28 trên thế giới)
- Nhật Bản : 35,611 MK (thứ 33)
- Đài Loan : 34,944 MK (thứ 34)
- Malaysia : 14,423 MK (thứ 68)
- Thái Lan : 7,754 MK (thứ 96)
- Indonesia : 5,274 MK (thứ 118)

List of countries by GDP (nominal) per capita - Wikipedia

Theo bảng thống kê trên, mức sống của người dân Việt Nam chỉ vào khoảng một phần bảy mức sống của người dân tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan; vào khoảng một phần ba mức sống của người dân Malaysia; và bằng 64% (ít hơn 2/3) mức sống của người dân Thái Lan. Tuy Việt Nam có nhiều “đại gia” giàu hàng triệu, hàng tỷ Mỹ kim, nhưng đời sống của đại đa số nhân dân nói chung rất cơ cực. Lợi tức tính theo đầu người ở Việt Nam còn thấp hơn một cách đáng kể so với Indonesia, quốc gia có dân số rất đông (trên 282 triệu năm 2024):

Indonesia - Wikipedia

Điều đáng ngạc nhiên nữa là lợi tức tính theo đầu người ở Việt Nam còn thấp hơn của Mông Cổ (Mongolia), một quốc gia không có biển, đất đai toàn sa mạc và đồng cỏ, nằm kẹt giữa hai quốc gia chuyên chế khổng lồ là Nga và Trung Hoa. Cũng theo thống kê của IMF nói trên, lợi tức tính theo đầu người ở Mông Cổ cho năm 2025 là 7,576 MK (thứ 98 trên thế giới), bằng 152% lợi tức của người dân Việt Nam. Tuy học sinh Việt Nam vẫn được dạy là “đất nước chúng ta nhiều tài nguyên,” “tiền rừng bạc biển,” và người Việt vẫn được coi là thông minh, cần mẫn ..., tại sau 50 năm sau khi chiến tranh chấm dứt, mức sống trung bình của dân Việt Lại thấp hơn mức sống trung bình của người dân Mông Cổ, nơi chỉ có đồng cỏ và sa mạc?

Một hiện tượng đáng chú ý nữa là trong các quốc gia Đông Âu, mới từ giã chế độ CS khoảng 30 năm nay, người dân đều có lợi tức cao hơn ở Việt Nam:

- Cộng Hòa Tiệp (Czech Republic): 33,038 MK (thứ 37 trên thế giới)
- Hung Gia Lợi (Hungary) : 25,703 (thứ 45)
- Ba Lan (Poland) : 25,040 (thứ 50)
- Lỗ Mã Ni (Romania) : 21,570 (thứ 54)

- Bảo Gia Lợi (Bulgaria) : 18,456 (thứ 61)

Chúng ta thấy lợi tức trung bình của người dân Việt Nam chỉ bằng một phần bảy của người dân Tiệp, bằng 1 phần 5 lợi tức người Hung Gia Lợi hay Ba Lan, ít hơn một phần tư lợi tức của người dân Romania. Nước nghèo nhất trong nhóm trên, Bulgaria cũng có lợi tức cao hơn của người Việt 3.7 lần.

Đông Đức đã hợp với Tây Đức thành nước Đức thống nhất, và có lợi tức trung bình theo đầu người là 57,914 MK (thứ 16 trên thế giới). Lợi tức trung bình của người dân Đức (gồm cả Đông Đức cũ) cao hơn của người Việt nhiều hơn 11 lần.

Với sự lãnh đạo toàn chế (không ai được quyền can dự) của đảng CS, dân Việt ở tình trạng như thế. Vậy chúng ta có quyền hỏi: Sự lãnh đạo ấy có khôn ngoan, sáng suốt không?

Huyền thoại về “chiến tranh cứu nước”

Các nhà lãnh đạo đảng CS vẫn “rao giảng” rằng đảng CS Việt Nam có độc quyền lãnh đạo đất nước vì trong quá khứ, đã lãnh đạo thành công cuộc chiến tranh chống Pháp (để giành độc lập) và cuộc chiến tranh chống Mỹ (để đất nước được thống nhất). Thiết nghĩ chúng ta cũng nên đi sâu hơn, duyệt xét lại hai “sự nghiệp vĩ đại” ấy.

1. “Đánh Pháp giành độc lập”.

Sau khi Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt năm 1945, các cường quốc Âu Mỹ đều thấy rằng chế độ thuộc địa đã đến lúc cáo chung. Hoa Kỳ trả độc lập cho Philippippines. Đế Quốc Anh trả độc lập cho Ấn Độ, Miến Điện (Burma, nay là Myanmar), Mã Lai (Malaya, nay là Malaysia). Riêng có Hòa Lan cố gắng giữ thuộc địa, nhưng đến cuối năm 1949, cũng phải theo áp lực quốc tế (chủ yếu từ Hoa Kỳ), trả độc lập cho Nam Dương (Indonesia):

Indonesian National Revolution - Wikipedia

Pháp tiếc một số quyền lợi, chủ yếu về kinh tế (hầm mỏ, đồn điền cao su...), không muốn trả ngay độc lập cho ba quốc

gia Đông Dương (Việt, Miên Lào), nhưng sau khi bị dư luận quốc nội và quốc tế chỉ trích, cũng muốn thương thuyết để giữ lại phần nào. Sau khi đẩy được lực lượng kháng chiến do Việt Minh (CS) kiểm soát ra khỏi các đô thị về núi rừng Việt Bắc, Pháp ngỏ ý mong được thương thuyết với một lãnh tụ Việt Nam không phải là CS để trả lại độc lập dần dần:

Élysée Accords - Wikipedia

Nền độc lập được trình bày trong Hiệp Định Élysée (ký năm 1949 giữa Tổng Thống Pháp Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại) chưa toàn hảo, nhưng có thể kiện toàn. Theo trào lưu quốc tế thời ấy, Pháp cũng biết không thể làm chủ Đông Dương mãi mãi. Chiến tranh quá tàn khốc và sinh lực quốc gia bị tổn hại. Các nhà lãnh đạo phía quốc gia cũng nhận thấy điều đình với Pháp thực tiễn hơn là dựa vào sự giúp đỡ của Trung Cộng (làm chủ Trung Hoa từ 1949) để tiếp tục chiến tranh với Pháp. Tiếp tục chiến tranh là sự lựa chọn của lãnh tụ CS Hồ Chí Minh, người đã sang Bắc Kinh cầu xin các lãnh tụ CS Trung Hoa giúp đỡ hầu có phương tiện đánh Pháp. Giá của sự giúp đỡ ấy, cho tới nay người Việt đã nhận thấy rất rõ.

Thêm vào đó, đánh đuổi Pháp để thay thế bằng một quốc gia có chủ quyền, để dựng nên một xã hội thịnh vượng, công bằng, nhân ái... hẳn là điều ai cũng muốn làm. Người Pháp thắng tay với những người trực tiếp chống đối họ, nhưng không đàn áp thân quyền (không làm hại thân nhân các cụ Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu..., đưa con ông Hoàng Hoa Thám [cô Hoàng Thị Thê] sang Pháp học). Chế độ CS ở Trung Hoa và Việt Nam hiện nay có hành xử như thế không? Khi những người khác chính kiến bị đàn áp, thân nhân của họ cũng bị trừ giập.

2. Đánh Mỹ để thống nhất đất nước?

Trong cuộc Chiến Tranh Lạnh (the Cold War) giữa hai đại cường quốc Nga - Mỹ (1947-1991), Việt Nam không phải quốc gia duy nhất bị chia đôi. Chúng ta cũng thấy có Đông-

Tây Đức, Nam-Bắc Hàn, và Yemen. Đông-Tây Đức giữ tình trạng chia cắt cho đến khi thống nhất trong hòa bình năm 1990. Bắc Hàn có chủ động tấn công năm 1950, gây nên cuộc chiến tranh Cao Ly (the Korean War) trong những năm 1950-53, nhưng sau tháng 7/1953 cũng chấp nhận chia cắt ở vĩ tuyến 38, giới hạn cuộc tranh chấp ở mức độ “khẩu chiến.” Nam và Bắc Yemen thống nhất trong hòa bình năm 1990 nhưng vì lạc hậu, nghèo đói, vẫn chưa được ổn định. Việt Nam là quốc gia duy nhất trải qua một cuộc chiến thảm khốc với:

-- Ở miền Bắc:

- Trên 849,000 lính tử trận.
- Trên 600,000 lính bị thương.
- Trên 232,000 lính mất tích.

- Số thường dân ở vùng do CS kiểm soát bị chết vì chiến tranh có thể từ 30 ngàn tới 182 ngàn.

-- Ở miền Nam:

- 313,000 quân nhân tử trận.
 - 1,170,000 quân nhân bị thương.
 - Từ 195 đến 430 ngàn thường dân bị chết oan.
- Đúng là “nhất tướng công thành, vạn cốt khô”.

Vietnam War - Wikipedia

Hiện nay đất nước tuy thống nhất nhưng lòng người vẫn chưa thống nhất. Việt Nam bị tàn phá, trở nên lạc hậu, thua kém xa các lân bang. Trong khoảng đầu thập niên 1960, mức sống ở Hàn Quốc, Thái Lan, Mã Lai... thấp hơn ở Nam Việt Nam. Hiện nay họ tiến hơn rất xa. Có phải đó là “sự nghiệp vĩ đại” để các nhà lãnh đạo đảng CSVN lấy làm điều hãnh diện?

Sau Tháng 4/1975, người viết những dòng này được nghe có một lãnh tụ của chính thể Hà Nội huênh hoang khoe với một chính khách Thái Lan, “Dân Việt Nam chúng tôi rất hãnh diện đã thắng hai cường quốc thế giới.” Nhà chính khách Thái Lan đã mỉm cười, chỉ nhẹ nhàng trả lời, “Dân Thái Lan chúng tôi cũng hãnh diện ở chỗ không phải đánh nhau với cường

quốc nào cả.” Để có thể thắng Miền Nam, họ vay mượn thêm từ CS Trung Hoa và ngày nay, đang cắt biên, cắt đất để trả nợ.

Việt Nam khác xa Hoa Kỳ?

Khi cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ kết thúc tháng 4 năm 1865, tướng Robert E. Lee, Tổng Chỉ Huy Quân Đội Miền Nam, chỉ còn khoảng 30,000 binh sĩ trực tiếp dưới quyền, trong khi đạo quân của Tướng Ulysses S. Grant, Tổng Chỉ Huy Quân Đội Miền Bắc, đang đối trận với ông, là 115,000. Biết không thể chống lại, tướng Lee báo tin xin hàng.

Tướng Grant và các sĩ quan dưới quyền đón tiếp Tướng Lee một cách lịch thiệp, hòa nhã. Theo ý Tướng Grant, binh sĩ miền Nam (trừ các sĩ quan) chỉ cần giao nộp khí giới và trở về nhà (các sĩ quan được giữ lại võ khí cá nhân). Sau khi được biết rằng ngựa của các kỵ binh và pháo binh miền Nam là của cá nhân họ, do họ đem tới, tướng Grant đồng ý để kỵ binh và pháo binh miền Nam được quyền đem theo ngựa khi trở về nhà. Binh sĩ miền Nam đang bị kẹt trong các tiểu bang do quân miền Bắc trấn giữ được quyền dùng phương tiện giao thông của chính phủ liên bang một cách miễn phí trên đường hồi hương. Khi được biết một số đơn vị của quân đội miền Nam không còn thức ăn, tướng Grant ra lệnh cung cấp 25,000 khẩu phần ăn. Thực ra hầu hết những phần ăn này là trong kho dự trữ của quân đội miền Nam, nhưng một vị tướng miền Bắc đã lấy được khi tấn công đoàn xe lửa tiếp tế của miền Nam hôm trước. Tướng Grant và Tướng Lee đồng ý mỗi bên cử ra ba sĩ quan để trông cho việc đầu hàng diễn ra đúng thủ tục và giao ước:

Ending the Bloodshed | National Archives

Sau khi Tướng Lee ra hàng, các tướng khác của miền Nam (như các Tướng Joseph Johnston, Richard Taylor ...) cũng đồng ý hàng, và cuộc Nam Bắc phân tranh của Hoa Kỳ chấm dứt (1).

Chỉ trừ việc Tổng Thống Abraham Lincoln bị ám sát một

cách đáng tiếc do một kẻ quá khích ngày 15 tháng 4 năm 1865, dân Hoa Kỳ tập trung vào việc tái kiến thiết đất nước. Đường xe lửa được thiết lập một cách nhanh chóng để giúp việc phát triển về miền Tây. Hai năm sau, 1867, Hoa Kỳ đã mua được Alaska của Nga. Mười chín năm sau, 1886, tượng Nữ Thần Tự Do (do Pháp tặng) được dựng lên ở New York. Hoa Kỳ thành một cường quốc được thế giới ngưỡng mộ.

Trong một bài thơ làm trong cảnh đời lưu vong ở San Diego, California vào tháng 3-1977, mang tiêu đề “Bài Học Lớn,” nhà thơ Cao Tần (tên thật Lê Tất Điều) kết thúc bằng những câu sau đây:

*Nếu mai một bổng đời đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương.*

Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bồ bịch hết không đưa nào là Ngụy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng (2).

Dưới mắt các Tướng Grant và Lee, chỉ khác nhau về ý nghĩ “nên giữ nô lệ da đen hay nên cho nô lệ được giải phóng”, Nam quân và Bắc quân đều là người Mỹ. Dưới mắt nhà thơ Cao Tần, dù nghĩ rằng chủ thuyết CS là đúng hay không nghĩ như thế, người lính từ miền Bắc hay miền Nam đều là người Việt Nam. Những người Việt chưa bị chủ thuyết CS làm cho biến tính đều dễ dàng đồng cảm với ông. Chỉ đáng tiếc ở chỗ có những người Việt đã bị chủ thuyết ấy làm cho mất nhân tính, không dễ thấy được sự đồng cảm.

Ghi chú

1. Xem thêm: “Aftermath of the Civil War,” trong *Chronicle of World History* (Old Saybrook, CT: Konecky & Konecky, 2008), trang 490-491.

2. Cao Tần. “Bài Học Lớn,” trong Thơ Cao Tần.
(San Diego, CA: Tin Yêu, 1984), trang 26.



Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Tiểu
Khu Chương Thiện.

Ngày 1 tháng 5 năm 1975, không nghe theo lệnh của DVM, ông
tiếp tục chiến đấu, bị bắt và cầm tù. Tháng 8, 1975, VC đem ông
ra xử bắn. Trước khi chết, ông đã hô to:

“Đả đảo Cộng Sản! Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm!”

NHỮNG NGÀY CUỐI THÁNG TƯ 1975

Minh Anh Nguyễn Kim Biên, K10

Sáu giờ chiều 27/4/1975, Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình, Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia chỉ định tôi giữ chức Liên Đoàn Trưởng Tham Sát kiêm Chỉ Huy Trưởng Biệt Đoàn 222 Cảnh Sát Dã Chiến. Ông cho biết đã ra lệnh cho các đại đội Trinh Sát Tỉnh thuộc Vùng 3 tập trung về Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn. Riêng Biệt Đoàn 222 vẫn còn đầy đủ đàn em cũ của anh (tôi chỉ huy Biệt Đoàn này từ năm 1968-1972). Tôi tuân lệnh và xin một điều, “chỉ nhận, thi hành lệnh của Thiếu Tướng...” Đúng lúc máy vô tuyến nhỏ trên bàn phát tiếng nói của đặc phái viên,

- “*Lưỡng viện Quốc Hội vừa đồng thanh ủy nhiệm Đại Tướng Dương Văn Minh giữ chức Tổng Thống VNCH, thay thế đương kim Tổng Thống Trần Văn Hương. Một số nghị sĩ, dân biểu lên ngay trực thăng Mỹ đón ở sân sau Quốc Hội...*”

Một phút im lặng... Tư Lệnh đăm chiêu. Tôi ngỡ ngàng rời khỏi văn phòng Tư Lệnh.

Ngày 28/4/1975, sau buổi chào cờ đầu tuần, Chuẩn Tướng Bùi Văn Nhu, Tư Lệnh Phó nói:

- “Buổi họp tham mưu sáng nay hủy bỏ, tất cả về nhiệm sở tùy nghi...”

Tôi không ngạc nhiên, dù muốn hay không chẳng còn sự lựa chọn nào khác vì tình hình đất nước giờ đây đang rơi vào tình thế vô vọng. Ngay cả Bộ Tổng Tham Mưu, Bộ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, Bộ Tư Lệnh Biệt Không Quân đã vắng bóng nhiều tướng lĩnh...! Sư Đoàn 18 đã triệt thoái về Sài Gòn. Một pháo đội 105 ly đóng tại công viên trước cổng sân vận động Cộng Hoà đường Nguyễn Kim, trong khi vài pháo thủ vẫn cười đùa với các em nhỏ. Dân Sài Gòn đua nhau đi mua nhu yếu phẩm, trong khi một số khác đi coi đồng bào chạy loạn về Thủ Đô. Đài phát thanh, đài truyền hình liên tục thông báo tin chiến sự, giờ giới nghiêm, cùng lời kêu gọi của Tổng Trần Sài Gòn:



Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình, Nguyên Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, 20..

- “...Đồng bào bình tĩnh. Quân Nhân, Cảnh Sát, Nhân Dân Tự Vệ túc trực 100%, sẵn sàng chiến đấu...”

Vào những giờ cuối cùng, Sài Gòn vẫn sinh hoạt tương đối trật tự. Vẫn không có một vụ gây rối, ồn ào, xáo trộn nào, trừ ở khuôn viên Tòa Đại Sứ Mỹ và Phi Cảng Tân Sơn Nhứt, nơi người người chen lấn để được lên phi cơ di tản. Về phía chính quyền, nội các của tân Tổng Thống vẫn bất động, ngoài việc “đi đêm” đàm phán với phái đoàn Cộng Sản trong Ban Liên Hợp Bốn Bên ở Tân Sơn Nhất và Ông Vũ Văn Mẫu đã yêu cầu cơ quan DAO rời khỏi Việt Nam!!!

Ngày 29/4/75, suốt một tuần lễ trôi qua, cả ngày lẫn đêm

vận tải cơ C5 (di tản cô nhi VN), C130 và máy bay dân sự cùng với trực thăng hạ cánh, cất cánh tại phi trường; cũng như tại Tòa Đại Sứ Mỹ và vài địa điểm trong Đô Thành để bốc những người có danh sách di tản. (Đa số có liên hệ với Mỹ như làm việc, phối ngẫu, quen biết cùng với gia đình, thân nhân họ.) Giờ đây, Quốc Lộ 4 từ Long An đến ngã ba Trung Lương, Việt Cộng đắp ụ, phá đường, phục kích và bắn tỉa.

Đêm 29/4/75, Cộng quân pháo kích, phóng hỏa tiễn 122 ly vào kho đạn Thành Tuy Hạ, phi trường Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng Tham Mưu, cũng như vùng dân cư Phú Nhuận, khu chợ Thái Bình vv... Súng liên thanh, súng cá nhân nổ từng hồi ở các quận ven biên do các đơn vị Biệt Động Quân, Dù, Cảnh Sát Dã Chiến, và các đơn vị phòng thủ đụng độ với Cộng quân.

Ngày 30/4/1975, theo tin tức từ đài BBC, kế hoạch di tản của Mỹ đã kết thúc lúc ba giờ sáng.

Sáu giờ sáng trên xe Jeep cảnh sát từ đường Trần Quốc Toản qua Nguyễn Tri Phương, Trần Hưng Đạo, khi tới bến Bạch Đằng, tôi thấy tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân, hai chiến hạm đang nổ máy sẵn sàng ra khơi... Tôi chỉ chú Tám tài xế quẹo xe vào đường Tự Do. Khi vừa tới nhà thờ Đức Bà, một cô khoảng 30 tuổi hốt hoảng từ cổng tòa Đại Sứ Mỹ vừa chạy vừa vẫy tay xin quá giang. Tôi hỏi:

- “Cô đi đâu?”

- “Thăm Mỹ viện của em ở đường Trương Minh Giảng. Em bối rối quá...” Cô đáp.

- “Nếu cô muốn di tản lên tàu Trường Xuân ở bến Bạch Đằng, tôi còn nhiều việc phải làm...”

- “Xin Trung Tá cho em tới bến Bạch Đằng...”

Sáng sớm tinh sương, đường vắng tanh, các góc phố Nhân Dân Tự Vệ đang đứng gác, Cảnh Sát Dã Chiến vẫn vững tay súng canh phòng các điểm trọng yếu (bộ, sở chính phủ, trụ sở

Thượng, Hạ Viện, Ngân Khố Quốc Gia vv...) Trong làn gió nhẹ ban mai, tôi cảm thấy thoải mái đôi chút, mặc dù tâm tư đang nặng trĩu. Tôi về tới nhà thì vợ và đàn con nhỏ đại đã thức giấc đợi tôi về...

Những người ở lại chấp nhận mọi nguy hiểm, cầu mong một phép lạ... cũng như vẫn nuôi hy vọng, vẫn tin tưởng vào Quân Đoàn IV là điểm tựa duy nhất cho Dân Thủ Đô tử thủ chờ một giải Pháp Quốc Tế. Tiếc thay! Vào lúc 10 giờ



Một đơn vị của Biệt Đoàn 222 Cảnh Sát Dã Chiến vào những ngày cuối cùng của Tháng Tư, 1975, trên đường phố Sài Gòn.

sáng 30/4/1975, Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng...!!! Một nhát búa chí tử cuối cùng tiếp tay với nước bạn đồng minh giết chết một Dân Tộc!!! Giờ đây, tên của VNCH đã bị xóa trên bản đồ thế giới!!! Đã một thời Mỹ - Việt đề huề. Cờ vàng ba sọc đỏ cùng với cờ các nước bạn đồng minh được phi hành gia Neil Armstrong mang theo phi thuyền Apollo 11 đổ bộ lên Cung Hằng vào ngày 20/7/1969.

Chiều 30/4/75, cảnh tang thương thể hiện trước mắt mọi người. Từng nhóm quân nhân Dù, BĐQ, Bộ Binh.. từ các quận ven biên thất tha, thất thểu rời bỏ chính y. Súng, đạn bỏ rải rác trên đường Trần Quốc Toản, Công lý, Trần Hưng Đạo... Nước mắt những người lính này đang chảy ra tràn trề, trong khi tản mác vào các đường, và ngõ hẻm trong thành phố!

Trong cảnh tuyệt vọng, giờ đây dân Sài Gòn bắt đầu hoảng loạn, hoang mang, sợ sệt. Xe tăng cộng quân tiến vào Đại Lộ Thống Nhất ủi sập cổng dinh Độc Lập. Tội phạm hình sự thoát ra từ khám Chí Hoà bắt đầu quấy phá thành phố. Cùng một số VC nằm vùng và đám “côn đồ đeo băng đỏ” trên cánh tay đi nghênh ngang trên hè phố, vào nhà dân (*nhất là nhà sĩ quan, công chức cao cấp mà chúng biết*) hạch sách đủ thứ, đồng thời ra lệnh buộc tất cả nhà dân phải treo cờ Cộng Sản...!

Trên bầu trời mây đen bao phủ, cơn mưa nặng hạt trái mùa đổ xuống Thủ Đô gầm thét, như chia xẻ với nước mắt, ngậm ngùi, buồn tủi, uất hận, tuyệt vọng của Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hoà.

Sau khi nhận tin dữ từ ông Dương Văn Minh, nhiều người đã tuần tiết bằng súng cá nhân, bằng độc dược... Trong đó phải kể đến: Thiếu Tướng Phạm Văn Phú tại tư gia đường Nguyễn Kim, Trung Tá Nguyễn Văn Hoàn tại Phòng 2 Bộ Tổng Tham Muu, gia đình Trung Tá Vinh gồm chín người cùng tự sát tại Tân Sa Châu, Trung Tá Long - Cảnh Sát - tự sát tại Đài Tưởng Niệm TQLC trước Quốc Hội, gia đình Thiếu Tá... vợ và hai con cùng chết trong bữa cơm với độc dược, và còn rất nhiều kẻ cả thường dân...!!!

Những chiếc xe tang đơn độc đang âm thầm chạy vội vã tới các nghĩa trang ngoại ô.

Ở Vùng 3, Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ tuần tiết tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5/ BB...!

Ở Vùng 4, Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam Tư Lệnh Quân Đoàn IV tuần tiết tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV, tuần tiết tại tư gia. Chuẩn Tướng Trần Văn Hai tự sát tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 7...!!! Không ai biết còn có bao nhiêu Anh Hùng Vô Danh thuộc VNCH đã tuần tiết vào ngày này???

Sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, chỉ sau một thời gian ngắn, hàng trăm ngàn quân nhân, công chức, Cảnh Sát bị

đầy trong các trại cải tạo khổ sai. Vợ con, cha mẹ, thân nhân của họ bị đuổi ra khỏi nhà đi vùng kinh tế mới, nơi rừng sâu, nước độc, sỏi đá, sinh lầy! Đúng là Nước mất thì Nhà tan!!!

Kẻ thù không đội trời chung là Tập Đoàn Cộng Sản Hà Nội, bọn bán nước hại dân, kẻ đến là chủ nghĩa thực dụng của cường quốc (khi cần họ o bế, tâng bốc VNCH là Tiền Đồn của Thế Giới Tự Do vv...và vv... Khi đã đạt mục đích, họ bỏ rơi không thương tiếc!) đã cấu kết, đi đêm, để bức tử VNCH, một chính thể Dân Chủ thực sự, Do Dân và Vì Dân.

Tháng Tư Đen - Ngày Quốc Hận 30/4/1975, không bao giờ phai nhạt trong tâm khảm của người dân Việt Nam và nỗi đau chung của cả Dân Tộc!

(Xin ghi lại 50 năm đã trôi qua, người viết vẫn buồn, vẫn nhớ... Đã đăng TS/ĐH-2015) Sydney 27/2024.



50 Năm, Được Gì và Mất Gì???

Cao Xuân Thanh Ngọc, K14/2

Tôi sinh năm 1975, bao nhiêu năm tưởng niệm mất nước là tôi được bấy nhiêu tuổi... Trước năm 75, tôi nghe nói gia đình tôi tương đối bình yên, cho dù đó là thời chiến, nhưng gia đình có một cuộc sống sung túc và ai cũng được hưởng một nền giáo dục nhân bản.

Là đứa con của một người cha là lính trong QLVNCH, khi Cộng Sản Bắc Việt chiếm được miền Nam vào ngày 30 tháng 4, năm 1975, cha tôi bị bắt vào cái trại tập trung khổ nghiệt! Vận mệnh bi thảm của đất nước bắt đầu từ đó. Thay vì đưa tay đón lấy hoà bình, người miền Nam đón lấy những thảm kịch của phân ly, đói nghèo, bất hạnh và chết chóc.

Những nạn nhân VNCH bị đầy đọa trong các trại tập trung từ Nam ra Bắc không khác gì những trại Gulag ở Siberia Nga xô! Những năm đói khổ từ cá nhân đến gia đình, sống chết trên đường vượt biên, chính là cái giá cao nhất để trả cho hai chữ Tự Do.

Thế hệ đi trước đã sống chết với miền Nam để xây dựng và bảo vệ, và với đau thương của dân tộc, để rồi từ đó nó trở thành một giai đoạn lịch sử quý giá cho giới trẻ Việt Nam. Chúng tôi- những người con của những người lính VNCH đã

có cơ hội được học hành và thành công tại quê hương thứ hai trên khắp thế giới, chúng tôi được giáo dục và hưởng được những di sản của Việt Nam Cộng Hoà từ Cha Mẹ của chúng tôi.

Sự thành công của tôi nơi xứ người cũng làm cho tôi hãnh diện, nhưng tôi hãnh diện hơn là con của một người lính VNCH, con gái của một cô giáo của trường Sư Phạm Quy Nhơn và hơn hết, tôi không bao giờ quên tấm thẻ căn cước tỵ nạn cộng sản của mình!

Xin đừng bao giờ quên!!!!

Tháng Tư, 2025.



*Trả tự do cho các tù nhân chính trị và tôn giáo tại
Việt Nam!
(Tại Washington, DC)*

Mũ Đỏ, Mũ Đen

Đoàn Phương Hải / TĐ11ND

Tưởng nhớ anh Năm Nguyễn Đình Bảo, Nguyễn Đức Dũng, và những anh hùng Mũ Đỏ, Mũ Đen đã vì quốc vong thân tại Damber.

Gửi NT Bùi Văn Lộc, Lê Văn Mỹ, Phạm Đức Hùng, Phan Cảnh Cho, và những chiến hữu Mũ Đỏ, Mũ Đen, Công Bình... đã tham chiến tại Damber để nhớ những ngày ngút ngàn máu lửa.

(Tiếp theo)

Thấy dân làng và bầy trẻ nhỏ run sợ, thiếu đói, nghèo nàn bên dăm ba củ khoai, một ít cơm độn bắp với những vết thương máu mủ tanh hôi đang làm độc trên thân thể.

Anh Năm, “Đại Lộc”, ra lệnh cho tiền trạm xin trục thăng chở gạo sảy, đồ hộp, thuốc men vào vùng hành quân.

Xế trưa hôm đó những người lính Mũ Đỏ, Mũ Đen gom dân lại để cấp phát lương thực. Bưng bó, chữa trị những vết thương mưng mủ đang làm độc trên mình những người dân khốn khó và những đứa bé đen đúa gầy gò, khổ nạn của chiến tranh.

Nhìn những đôi mắt ngây thơ trẻ dại, rạng rỡ hân hoan nhai kẹo cao su, thè lưỡi liếm môi cho hết chút đường cát trắng, chậm chậm cắn miếng thịt heo. Mắt long lanh, đứng gần người để cảm thấy vị ngọt, mùi thơm đang từ từ tan tã kẽ răng, ngấm sâu vào từng thớ thịt với những nụ cười hồn nhiên ánh mắt vui sướng, trông mới sót sa tội nghiệp làm sao!



Đại Úy Đoàn Phương Hải (phải), Sĩ quan Hành Quân cùng Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn.

Chắc đã lâu lắm chúng mới có một ngày no đủ. Vài đứa bạo dạn lại gần chiến xa, sờ sờ mó mó, khiến tôi nhớ lại hình ảnh tuổi thơ với chiếc quần đùi nâu đứng bên đường Số 6, nghech mũi ngửi cái mùi ngái ngái thơm thơm của dầu xăng khi lại gần chiếc xe nhà binh.

Đêm im vắng, trời trong cao, lóng lánh muôn ngàn tinh tú. Văng vẳng tiếng tụng kinh ề ề hòa với tiếng mõ khoan thai đều đều của sư cụ và mấy chú tiểu trên chùa.

Gối đầu lên ba lô, ngả lưng trên nền gạch dưới mái hiên chùa, chúng tôi kể cho nhau nghe những ngày Tây về làng, theo bố, mẹ chạy loạn, tản cư, từ Cổng thần, Chợ Đại về tới Phủ Lý, Hà Nam...

Quê hương tôi sao quá đọa đầy! Ngàn năm đô hộ chống Tàu, trăm năm Trịnh Nguyễn phân tranh, rồi chống đánh Nhật, chống Tây. Năm 1954, đất nước chia đôi, yên ổn vài năm rồi lâm cảnh nổi da sáo thịt, huynh đệ tương tàn vì chủ nghĩa Cộng Sản, vì mộng nhuộm đỏ giang san của người anh em miền Bắc!

Nghe tiếng đạn bom từ thuở lọt lòng, tham dự chiến tranh cầm súng bóp cò khi tuổi đời vừa đủ lớn đủ khôn!

Nếu Vương Quốc Cao Miên không cho phép Cộng Quân lập an toàn khu trên lãnh thổ để tiến đánh miền Nam; thì chắc chắn xe tăng, đại pháo và những người lính miền Nam sẽ không có mặt trên xứ sở xa lạ nghèo nàn này!

Nhắm nháp ly cà phê nóng đầu ngày, khi những vệt nắng ban mai nhảy múa lung linh trên phong sô, bên tiếng hót trong cao của bầy chim chích chòe trên mái tam quan. Lòng thanh thản vì vừa qua một đêm yên tĩnh, không có tiếng súng, tiếng bom. Tôi lẩm nhẩm cầu xin may mắn cho đơn vị khi bước vào chùa già biệt vị sư già.

Chiến xa lăn xích hướng về lại Căn Cứ Hoả Lực Hồng Hà để trở về quê mẹ. Hình ảnh dân làng và bầy trẻ đang giờ tay vẫy thấp thoáng bên lũy tre.

Nắng đã lên quá đỉnh đầu, không khí oi bức ngột ngạt khó chịu. Sau mấy tiếng đồng hồ quần nát vùng hành quân, chiến đoàn phân tán quân quanh bìa rừng để chờ tiếp tế lương thực, đạn dược và xăng nhớt. Trực thăng võ trang bay lượn bao vùng cho mấy chiếc Chinook đáp xuống tiếp tế. Hai ba chuyến thả hàng xong xuôi, chuyến cuối cùng đang là là trên mặt đất thì đột nhiên phòng không, cối 82 và hỏa tiễn của địch từ nhiều hướng khác nhau nhả đạn như mưa. Một Chinook trúng đạn sau đuôi, bốc cháy như một cây đuốc khổng lồ.

Trực thăng võ trang bao vùng nhào lên nhào xuống bắn phá vị trí pháo của địch.

May là rút gần mặt đất nên phi hành đoàn Mỹ từ trong trực

thăng chạy kịp ra khỏi thân tàu, trước khi trực thăng phát nổ. Lính Mũ Đen ào tới xịt bình chữa lửa lên mình mấy anh phi công Hoa Kỳ rồi kéo họ nhào xuống hệ thống phòng thủ.

Vì địa thế bằng phẳng toàn bụi rậm và rừng cây thấp nên phi cơ quan sát nhận ra vị trí súng của địch, chỉ điểm cho khu trực tới tấp nhào xạ kích, đánh bom trong màn lưới phòng không địch từ nhiều vị trí.

Máy thiết xa M48 chất đầy xăng nhớt mới tiếp tế may mắn không bị cháy, đang chạy ngang chạy dọc bom xăng, bom dầu cho chiến xa.

Phi hành đoàn chiếc Chinook trúng đạn đang liên lạc qua hệ thống Mỹ để chờ trực thăng bốc ra.

Trời đã về chiều, đoàn quân di chuyển qua vị trí khác tìm địa thế đóng quân đêm.

“Tubip” Liệu đang chữa trị cho mấy quân nhân bị thương nhỏ to với ông bạn bác sỹ quân y bên Thiết Giáp.

- Bắt đầu vất vả rồi đó, đi chung với mấy ông mệt bỏ mẹ, lúc nào cũng âm ỉ đầy mùi xăng nhớt, phun khói đầy trời, nằm phơi bụng, phơi lưng lên cho chúng pháo. Chỉ được cái khỏe là đỡ phải lội bộ, hỏa lực ăn trum thiên hạ và nhất là đầy đủ mấy ông Bud, ông 33 (bia Budwiser và bia 33)!

- Nhưng cũng dễ thành than lảm ông ơi! Mới chưa đầy một năm về đơn vị mà thiết đoàn đã đụng lớn cả chục lần, “rang muối” gần chục xe rồi đấy ông ơi!

Ngoài tuyến phòng thủ lính tráng đang đào hầm hố, dựng lưới chống B40 ngay trước đầu xe.

Quá nửa đêm khi mọi người đang say ngủ thì bỗng choàng mình tỉnh giấc, lăn xuống hố vì những tiếng nổ kinh hoàng cày tung đất đá ngay sát bên tai.

Tiếng nổ của hỏa tiễn, của cối 82 nghe ngắn, tê lạnh, buốt sát đến hải hùng. Cái âm thanh quen thuộc giống như tiếng mở nút chai nghe rõ mồn một từ góc rừng, kèm theo là những

tiếng rít, tiếng hú rợn người của hỏa tiễn 122 đang quơ lưỡi hái tử thần sé gió bay đến vị trí đóng quân.

Mặc dầu đã quá quen thuộc với những cơn mưa pháo khủng khiếp ở Hạ Lào, ở vùng hỏa tuyến. Thế nhưng cái giây phút cực kỳ ngắn ngủi, căng thẳng thần kinh trong lúc đạn đang bay tới mục tiêu vẫn làm cho thần kinh căng thẳng, tức ngực và khó thở! Vừa nghe đạn nổ đằng trước, đằng sau, bên trái, bên phải, thì lại hồi hộp, miệng đắng lưỡi khô khi nghe tiếng rít của đợt pháo tiếp theo. Cứ như thế mà chờ mà đợi, phó thác cho số mệnh!

Đột nhiên một tiếng nổ chát chúa kinh hoàng làm rung chuyển cả xe. Tai tôi ù đi, tối tăm mặt mày khi toàn thân văng lên đập vào thành xe. May là có thói quen khi nghe tiếng pháo là chụp chiếc mũ sắt lên đầu, nên không hề hấn gì cả. Ngay bên cạnh Trung Tá Bảo cũng đang ôm ngực chống tay, dựa vào thành xe.

Lệnh lạc, báo cáo vang lên trong máy, “Bảo Ngọc” chụp ống liên hợp liên lạc với “Đại Lộc” và các đại đội ngoài phòng tuyến.

Bỗng có tiếng báo cáo của toán tiền đồn cho biết là Việt Cộng tập trung rất đông, đang dàn quân, đào hầm hố, bố trí theo bờ suối, sát đường.

Vì sợ bị lộ vị trí nên toán tiền đồn sau khi đã quan sát, theo dõi và cho tọa độ vị trí địch, xin rút ra điểm hẹn trước khi trời sáng.

Mặc cho pháo vẫn tiếp tục rơi, thân thể còn đang ê ẩm, Anh Năm và tôi như vừa được uống một liều thuốc hồi sinh, quên cả đau, dán mắt vào vị trí địch quân trên bản đồ để phác họa trận địa pháo trút lên đầu địch.

- Đúng ngay chốc là thế nào chúng cũng phục kích mình tại đây. Tao sẽ dùng chiêu “Gây ông đập lưng ông, tiền pháo hậu xung” mà địch vẫn thường dùng, để mưa pháo và bom lên đầu chúng. Hỏa lực sẽ thiêu đốt sạn đạo Damber. Công Trường 7

Cộng Quân sẽ tan nát, thảm bại trong trận thư hùng quyết tử này!



Thiết Đoàn 20 Chiến Xa trên một cao địa tại Nam Đông Hà tháng 4/1972.

Anh Năm vừa nói, vừa khoanh tròn, di tới di lui cây viết chì mờ trên tấm bản đồ, ngay vị trí địch một cách đầy tin tưởng.

Có tiếng C 47 Hỏa Long vào vùng thả hỏa châu, đại liên sáu nòng như bò rống xả đạn vào vị trí địch, nhờ thế mà pháo địch im tiếng.

Vừa chui ra khỏi xe tôi đã điếng hồn vì trái hỏa tiễn 122 ly nổ ngay cạnh đào một hố sâu bên thành xe. Mảnh pháo chém đứt xích thiết xa, cây đại liên 50 trúng mảnh cong vòng văng xuống đất.

- Anh Năm, mình hên thật, chút xíu nữa là đi đứt. Kỳ này hành quân về Anh phải cúng heo và rời cột cờ đi chỗ khác!

- Mấy thằng tụi mày sao lúc nào cũng lèm bèm, tối ngày tìm đọc ba cái trò bói toán, tử vi, luận bàn cứ như thánh sông làm tao điên cái đầu!

Tubip Liệu mới từ xe bên cạnh chui ra phán thêm một câu.

- Đệ nhất phong thủy miền Nam, “Diễn tiên sinh”, khi được

xếp lớn đón lên coi doanh trại đã lắc đầu nói là bộ chỉ huy nằm trên thế đất sát chủ. Đã thế sân cờ lại còn đối diện với Nghĩa Trang Quân Đội. Nếu không dời ngay xuống phía Nam trông ra bờ sông thì lành ít dữ nhiều, chắc anh còn nhớ chứ anh Năm!

- Nghe nói Phủ Đầu Rồng, Dinh Thừa Tướng, Bộ Tổng Tham Mưu, một số đại quan văn võ trong triều muốn thăng quan tiến chức, hưởng đủ bổng lộc trời ban, đều phải năm lần bảy lượt xin yết kiến “Diễn tiên sinh”, đó anh Năm!

- Ông Cần, Ông Tĩnh lựa bộ chỉ huy và sân cờ, tao mới về có lựa chọn gì đâu! Nhưng chẳng biết đó là điềm vui hay điềm buồn, điềm lành hay điềm xấu cho quốc gia, mà Phủ Đầu Rồng, dinh Thừa Tướng lại tin vào bói toán tử vi. Nay con rùa đặt chỗ này, mốt hồ nước, giả sơn đặt chỗ kia. Minh là dân quanh năm đánh đấm, trước khi xuất quân lại tin phong thủy, gieo cầu, cúng bái cầu xin thì còn đánh đấm giặc giã gì nữa!

Tôi ngược lên cao, trời trong ngập ánh trăng, cần ăng ten, đại bác, bóng người quanh pháo tháp lung linh di chuyển ngả dài theo ánh hỏa châu. Đại liên sáu nòng từ máy bay vẫn như bò rống vạch ngang vạch dọc từng giây đạn lửa đỏ rực trong đêm, xen kẽ với tiếng phòng không từ nhiều vị trí địch khác nhau bắn lên máy bay, đạn lửa đuổi nhau giữa bầu trời đầy sao vẽ thành bức họa chiến tranh lạ mắt.

Để chắc ăn cho cuộc tấn công vào sáng ngày mai, chúng tôi xin mấy “thăm” B52, nhưng Bộ chỉ huy cho biết là không có, và sẽ dành ưu tiên Pháo Binh, Không Wuân cho trận địa.

- Sáng rồi, mình “thượng đài” nhập trận đi anh Năm!

- Báo cho Mê Linh đón tụi nhỏ tiền đồn và sẵn sàng trong đánh ra, ngoài đánh vào, kẹp địch ngay chính g-Tụi nhỏ đã gặp phe ta rồi, hôm qua Mê Linh làm ăn lớn, tiêu diệt nguyên một đại đội đặc công đánh vào căn cứ, tịch thu nhiều vũ khí và tài liệu của địch.

Trời sáng dần, ngồi trên pháo tháp chiến xa tôi nhắc ông

nhòm nhìn về khoảng rừng trước mặt. Dọc theo tỉnh lộ, khu rừng lau đầy hoa trắng ngã nghiêng uốn mình theo gió, cảnh vật im vắng trong làn sương mỏng ban mai.

Sau những gò mối, lùm cây, bên bờ suối, giờ này chắc địch quân đang ẩn mình dưới giao thông hào. Chắc chúng cũng đang hướng ống nhòm, căn góc độ, dựng biểu xích, mở khóa an toàn của đủ loại vũ khí chờ Thiết Giáp và Nhảy Dù tiến vào mục tiêu.

Tôi chợt nghĩ đến gia đình, một thoáng Sài Gòn, mái ấm gia đình mờ mịt cuối chân mây.

Sau khi đã bàn thảo với “Đại Lộc” xếp Mũ Đen, lệnh lạc rõ ràng cho các cánh quân. Trung Tá Bảo vỗ mạnh vai tôi, xiết chặt hai tay vào nhau, ý như bóp nát địch quân. Ngay lúc đó là hàng ngàn tiếng rít sè gió của ba pháo đội Pháo Binh Nhảy Dù của ông “Lước Hóc Môn” từ nhiều vị trí khác nhau “T.O.T” chụp đạn xuống mục tiêu. Rừng cây đất đá, bụi lửa tung lên cao khi đạn pháo xoáy vào lòng đất. Lẫn trong tiếng nổ hân có những đôi mắt tròn trừng lẫn với tiếng gào thét đón đau. Máu thịt, cốt xương sẽ tan từng mảnh tung lên cao, vương trên cành cây ngọn cỏ, hay vùi sâu trong lòng đất.

Hàng ngàn đạn pháo, hết đợt này đến khác vẫn đang xé gió cày tung vị trí Bắc Quân.

Pháo vừa ngưng thì phi cơ quan sát L19 từ trên cao nhào xuống mục tiêu hướng dẫn khu trục oanh kích trận địa.

Từng đoàn khu trục, âm thanh rít bên tai, lao từ trên cao thả hàng chuỗi bom chụp trên trận địa rồi kéo cánh lên cao, trông rõ bộ đồ bay màu cam và chiếc nón bay của các phi công bạn.

Rừng cây bùng lên trong biển lửa khi bom “Napalm” chạm mặt đất hùng hục thiêu đốt cây rừng.

Phòng không địch bắn lên phi cơ, vẽ những bông hoa khói, xám đen, nổ như pháo bông đầy đặc quanh thân tàu.

Đúng là địa ngục rực lửa, lửa từ lưng trời rót xuống, lửa từ

mặt đất bốc lên, lửa vàng chói hừng hực, cuồng bạo đốt cháy cỏ cây, thiêu hủy thân xác con người. Tất cả chỗ nào cũng chỉ nghe tiếng đạn tiếng đạn bom, chỗ nào cũng chỉ toàn lửa và lửa.

Phi cơ lắc cánh chào quân bạn bay khỏi vùng. Chiến trường còn đang bốc khói là Thiết Giáp và Nhảy Dù xả đủ loại hỏa lực ào ào xung phong vào trận địa.

Mặc dù bị nhồi giập vì Pháo Binh, bị đốt ngập trong biển lửa, nhưng đủ loại hỏa lực đại liên, B40, B41, đại bác không giạt của địch vẫn nhả đạn như mưa vào đoàn cua sắt đang ào ạt tấn công.

Bị dồn vào tử lộ không lối thoát thân nên địch liều chết tử chiến tới cùng. Xạ thủ phòng không bị xích chân vào đại liên 37 ly nhả đạn như mưa chống trả.

Phối hợp nhịp nhàng nhị thức Bộ Binh, Thiết Giáp, kể cả chiếc xe ủi đất lớn của Công Binh cũng đang giờ nghiêng lưỡi cày bằng sắt dày ngăn đạn cho lính Dù nhào lên thanh toán mục tiêu. Đây là lần đầu tiên trong bao nhiêu trận chiến lính Dù mới thấy cảnh lạ lùng khi anh tài xế can đảm, gan dạ, say khói súng cùng Mũ Đen, mũ Đỏ lái xe ủi đất xông trận.

Ác chiến kéo dài từ sáng tới chiều. Mùi thuốc súng, mùi da thịt khét lẹt từ hàng trăm xác địch cháy đen. Xương thịt máu me nhầy nhựa đỏ lôm trong mắt xích chiến xa văng lên pháo tháp làm tôi muốn ới trước cảnh tượng khủng khiếp và ghê rợn.

“Tubib” Liệu và toán y tá quần áo đầy máu sau mấy gò mồi lớn đang cấp cứu cho các thương binh.

Khi những tia nắng chiều vàng đỏ cuối ngày, lướt thướt kéo ngang rừng cây, nhuộm đỏ thành cầu, thì trận chiến cũng vừa tàn.

Bùn lầy, cỏ tranh, khu rừng hoa lau trắng đỏ ngầu màu máu, xác địch ngổn ngang, co quắp cháy đen.

Dăm ba chiếc nón sắt rần ri móp méo lũng sâu vết đạn nằm bên những chiếc nón cối ngụy trang đầy lá cây rừng bên bờ lau sậy xào xạc gió chiều.

Trận chiến nào cũng có mất mát thương vong. Đại Úy Nguyễn Đức Dũng Đại Đội Trưởng Đại đội 111 Tiểu Đoàn 11ND cùng gần 30 Mũ Đỏ, Mũ Đen đã hy sinh, và khoảng 10 thiết xa bị bắn cháy.

Tựa bên pháo tháp chiến xa nhìn về phía rừng cây, tôi như đang thấy những cánh rừng thông bạt ngàn xanh ngắt trên Đà Lạt. Như thấy Dũng trong bộ đại lễ trắng đang quỳ xuống, đứng lên trong ngày lễ mãn khoá trên Vũ Đình Trường. Xa xa Lâm Viên đỉnh hùng vĩ giữa trời xanh... Tiếng gió, tiếng kèn, quện với giọng ngâm buồn u uẩn bên ngọn lửa thiêng bập bùng trong đêm Truy Diệu...

*“Mô đất lạ chôn vùi thân bách chiến.
Máu anh hùng nhuộm thắm lá cờ Nam!”*

Sau khi tham dự hành quân Lam Sơn 719 tại Hạ Lào trở về. Vì nhu cầu công vụ, nên Dũng đang là một sĩ quan sáng giá của Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù được lệnh chuyển về làm Đại Đội Trưởng cho Tiểu Đoàn 11ND. Cả đơn vị không ai là không nhớ dáng dấp thư sinh, đẹp trai, hay mắc cỡ, mặt đỏ bừng như con gái của Dũng. Chính vì hiền lành dễ thương, lúc nào cũng cười, nên Dũng nổi tiếng đào hoa trong đám bạn bè, và thường bị các cô trêu chọc.

Đất lạ Damber đã cướp mất người anh hùng tuổi trẻ. Nguyễn Đức Dũng, Khóa 22 Võ Bị - Người “Thích mặc quân phục từ nhỏ, và đội Nón Đỏ khi ra trường”.

Người sĩ quan Dù can đảm, tháo vát trẻ trung, chưa thỏa chí tang bồng thì đã bỏ đồng đội bỏ anh em!!!

Ngủ yên đi, Dũng! Và nhớ kéo dù theo gió bay về quê cũ Bắc Ninh, nơi chôn bình yên, nơi dòng sông tuổi nhỏ, phụ lưu sông Đáy, sông Hồng cuộn cuộn phù sa. Nơi có giọng hò Quan Họ, hội Lim, nơi cất tiếng khóc chào đời, nơi không

binh đao thù hận.

Trên đồi Mũ Đỏ Long Bình, dưới giàn hoa dừa tím phát phơ bay trước căn phòng nhìn xuống ngã ba sông Đồng Nai mênh mông uốn khúc bên làng Cao Thái đầy cỏ nội hoa rừng, thoảng mùi thơm khuynh diệp sẽ mãi mãi vắng thiếu bóng anh!

Đêm đó chiến đoàn dừng quân ngay trên trận địa, người sống và người chết ngủ vùi cạnh bên nhau.

Nằm yên trên võng, tôi lơ đãng nhìn những ngôi sao đôi ngôi set ngang bầu trời, để nghe hơi thở, khói súng chiến trường lắng đọng trong tim.

Ngoài kia tiếng rên la đau đớn của thương binh ta và địch, đang gọi tên người thân, chống chọi từng giây từng phút với tử thần, còn có tiếng rên la, trần trối của một sĩ quan thương binh miền Bắc nghe rất lạ tai!

Chữ nghĩa, ngôn từ đã hoàn toàn đổi thay từ khi chúng tôi xa đất Bắc di cư vào Nam năm 1954. Đêm nay, người thương binh địch, quê quán Hà Đông, cùng tuổi, cùng quê với tôi. Biết đâu thuở nhỏ lại chẳng biết nhau bên gốc đa đầu làng, chơi với nhau trước sân đình, bên giếng nước, khi mới dăm bảy tuổi. Anh thương binh đang thều thào gọi tên vợ con khi biết mình khó lòng sống sót với viên đạn xuyên ngang lồng ngực. Tấm hình đen trắng mộc mạc của cô gái quê với hàng chữ thương yêu gửi tặng chồng khi vượt Trường Sơn. Tấm ảnh vấy máu, đang nằm trong đôi tay khô héo, khi Tubip Liệu lấy ra từ trong túi đặt lên tay anh.

Dù Mũ Đỏ, Mũ Đen, dù nón cối dép râu, hay Bắc, Trung, Nam, khi nhắm mắt xuôi tay thì xác thân đều sẽ rã mục hình hài làm xanh tươi cây lá. Gió núi mưa rừng sẽ gột sạch máu xương. Chim chóc, muông thú sẽ kéo về. Đồi sống sẽ trở lại, thôn ấp xóm nhà, lũy tre, ruộng đồng, cây trái, sẽ xóa mờ đi vết tích chiến tranh.

Tôi nằm đông đưa trên võng chấp chờn nghĩ tới vợ con, để

biết mình vừa sống còn qua trận chiến.

Với mấy trăm xác địch nằm ngổn ngang khắp nơi trên chiến địa. Đại liên phòng không, cối 82, B40, B41, đại bác không giật và hàng trăm cây AK sắp đầy như củi trên 4 chiếc M548. Trung đoàn địch trấn giữ Dambar kể như bị xóa tên trên bản đồ trận liệt.

Dưới ánh nắng gay gắt, chói chang hầm hập nung người của xứ chùa Tháp, mùi hôi của xương thịt người chết mặc kẹt trong xích xe bắt đầu xông lên khó chịu.

- Hôi quá! Cả ngày ăn ngủ trên xe sao mấy anh chịu nổi!

- Thì cũng quen đi thôi!

Nói xong người lính Mũ Đen rít hơi thuốc thơm Quân Tiếp Vụ, từ từ nhả khói giọng nặng trĩu u buồn.

- Chiến tranh mà! Mới đó mà tôi đã qua tám năm chiến trận. Không biết còn đánh nhau cho tới bao giờ! “Đi đêm mãi chắc cũng có ngày gặp ma!”

Tiếng máy truyền tin oang oang chuyển lệnh cho đoàn quân rời vùng, tiếp tục hành quân giải tỏa Liên Yính Lộ 7.

Mấy con qua đen cát tiếng kêu quang quác, đang đứng rĩa lông trên nòng cây đại bác cong queo, cạnh vòng hoa kẽm gai trên mấy chiếc chiến xa cháy đen ngoài cánh đồng.

Đã hơn hai tháng miệt mài trong lửa đạn. Tôi đang nhớ Sài Gòn, nhớ vợ con; nhớ dàn hoa giấy đỏ trước nhà, và những con chim gi, chim chích chòe mỏ đỏ, cánh đen bay chuyền trong buổi trưa Hè. Tự nhiên tôi thèm tô phở, ly cà phê, hơi thuốc. Nơi cuối trời, bếp lửa gia đình mờ mịt cuối phương Nam...

* * *

Chiến tranh càng ngày càng nghiệt ngã. Quê hương, sông núi quặn chìm trong bom đạn. Tuổi trẻ miền Nam hết lớp này đến lớp khác gục ngã, hy sinh trên núi trên rừng, trên ruộng

trên nung... lấy xương trắng máu đào để bảo vệ miền Nam.

Sau chiến thắng Damber, hơn nửa năm sau, một số bạn bè, đệ huynh trong trận chiến này đã lần lượt hy sinh trong mùa Hè bão lửa 1972.

Tháng 12/4/1972 Trung Tá Nguyễn Đình Bảo vĩnh viễn nằm lại trên đỉnh Charlie vùng ba biên giới Quân Khu 2, sau một tuần lễ tử chiến đẫm máu với hai Trung Đoàn 64 và 48 của Sư Đoàn 320 Cộng Quân.

Đại Úy Hoàng Ngọc Hùng, Đại Đội Trưởng 112 Tiểu Đoàn 11ND hy sinh ngay trước sân nhà, nơi anh cất tiếng khóc chào đời, sống những ngày ấu thơ êm đềm ngoài Quảng Trị, trong trận chiến tái chiếm Cổ Thành 6/1972.

Chi Đoàn Trưởng Thiết Kỵ “Phi Điều” hy sinh trong trận ác chiến tại đồn điền Krek, Kampuchia!

Chi Đoàn Trưởng Chiến Xa Bắc Đẩu* chiến đấu tới hơi thở cuối cùng tại Hải Lăng!

Hình ảnh các anh như đang sống lại trong tôi khi cùng nhau xông pha trận mạc.

Xin thấp nén hương lòng để tưởng nhớ các Anh.

Trận chiến đã nằm sâu, phai nhạt dần theo tuổi đời, năm tháng, thời gian từ hơn một phần tư thế kỷ. Nhưng vì “Nhớ bạn bè, nhớ anh em”, nên người viết cố ghi lại hình ảnh đệ huynh của một thời chiến trường xưa cũ. Xin lượng tình tha thứ nếu như có điều gì sơ sót.

Memorial Day, Bắc Cali.

*** Cố Thiếu Tá “Bắc Đầu” Nguyễn Ngọc Bích, người tử trận ba lần:**

Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, Thiết Đoàn 18 KB được lệnh tăng cường cho chiến trường Quảng Trị, phía Bắc sông Thạch Hãn. Một quả đạn 130mm của địch quân CSBV đã rơi ngay chiếc Thiết Vận Xa M-113 của Đại Úy Nguyễn Ngọc Bích khiến ông bị đã tử trận. Ngày 27/4/1972, thi hài cố Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Bích được di tản về Mỹ Chánh, Quảng Trị bằng GMC. Đến Cầu Ga thì quân xa chở thi hài ông bị trúng đạn hỏa tiễn tầm nhiệt AT-3, khiến Ông bị tử thương lần thứ nhì.



Đồng đội đã đóng cho ông một chiếc áo quan tạm thời thứ hai và tiếp tục di tản. Ngày 30/4/1972, quân xa sang sông bị mắc lầy và xe ông trúng đạn pháo kích một lần nữa. Ông bị tử thương lần thứ ba trước khi thi hài ông được đưa về với gia đình!

Cố Nhạc Sĩ Trần Thiện Thanh nghe được câu chuyện thương tâm này, đã cảm kích và sáng tác bài hát **BẮC ĐẦU** để tặng người Anh Hùng Vị Quốc Vong Thân Thiết Kỵ QL-VNCH Nguyễn Ngọc Bích. **BẮC ĐẦU** là danh hiệu truyền tin của cố **Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Bích**.



NAM QUAN PHẢN HẠN

Nguyễn Minh Thanh, Khóa 22

Tin đất Mẹ bị cắt dăng Tàu Tặc
Người Việt Nam ruột thắt quặn lòng đau!
Ôi!! Thên thang bao xương trắng máu đào
Đã đổ xuống len vào từng mạch đất...

*Nam Quan ơi!! Nơi tuyến đầu Tổ - Quốc
Nay, mất rồi phần đất giống Rồng Tiên!!
Nam Quan ơi!! Nơi phần đất thiêng liêng
Vùng đất Mẹ, những thiên bi hùng sử!!*

Giờ lại sách từng trang về quá khứ
Chính nơi đây: - Phụ tử biệt tình thâm
Dáng uy nghiêm lẫm liệt Nguyễn - Phi - Khanh
Truyền dũng khí hùng anh cho Nguyễn - Trãi

*Chính nơi đây: - Một qua không trở lại
Hồn Liễu Thăng còn hãi khiếp quân Nam
Tổ - Tiên xưa đẫm máu giữ giang san
Nay Việt Cộng âm thầm dăng cho giặc!!*

Đau lòng quá sóng trào lên khóe mắt
Thù thiên thu giặc Bắc lũ xâm lăng
Năm ngàn năm giòng lịch sử nhọc nhằn
Song oanh liệt chống ngăn phường cướp nước

*Những trận đánh đến long trời lở đất
Tên Thoát Hoan vỡ mặt viá hồn kinh
Bạch - Đằng - Giang vẫn ngạo nghễ soi mình
Dòng Nhứt - Tảo uy linh còn phảng phất...*

*Đau lòng quá Nam - Quan giờ đã mất
Mất cánh tay hay đứt một bàn chân!!
Nương xứ người luân lạc... khắp xa xăm
Nòi giống Việt qui tâm về Cố - Quốc...*



***Chủ nghĩa Cộng Sản đã bị phá sản, cái còn đang hiện hữu
chỉ là những ký sinh. Nếu cơ thể có sức đề kháng tốt thì
không một ký sinh nào xâm nhập được.***

*Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh,
Tháng Tư 1975). Ông được thăng cấp thiếu tướng tại mặt
trận.) Sư Đoàn 18 Bộ Binh là đơn vị cuối cùng ngăn chặn
CSBV tại Long Khánh vào những ngày cuối cùng của Tháng
Tư Đen.*



Những Người Anh Hùng Của Tôi

Hà Thúc Giác, Khoá 17

Nhân ngày kỷ niệm 40 năm Quốc Hận: “Hận mình, hận người bỏ rơi mình, hận bọn CS tham tàn quốc tế, nhưng hận nhất vẫn chính là những kẻ mang hình dáng Việt Nam mà cuồng tín phục vụ cho đế quốc Liên Xô, Trung Cộng, cho chủ thuyết cộng sản độc hại nhất của nhân loại.”

(Cần Xét Lại Ngôn Từ - Nhà Văn Dương Thu Hương.)

Trong không khí u buồn của ngày Quốc Hận năm nay, tôi xin được thắp một nén hương để đứng nghiêm chào các vị anh hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã tuần tiết theo vận nước tang thương:

- Trung Tướng Phạm Văn Phú (1927-1975).
- Trung Tướng Nguyễn Khoa Nam (1927-1975).
- Thiếu Tướng Lê Văn Hưng (1933-1975).
- Chuẩn Tướng Trần Văn Hai (1927-1975).
- Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ (1933-1975).
- Trung Tá CSQG Nguyễn Văn Long (1919-1975).

Những người đã đi vào lịch sử Việt Nam bằng con đường của Hoàng Diệu (1828-1882), Phan Thanh Giản (1796-1867), Nguyễn Tri Phương (1806-1873) và của Võ Tánh (?-1801), Ngô Tùng Châu (?-1801)

Các Đại Tá Hà Thúc Ứng, Nguyễn Hữu Thông, Võ Toàn; các Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc, Đỗ Hữu Tùng, Phan Ngọc Lương là “Những Anh Hùng Vị Quốc Vong Thân”.

Tôi xin cúi lạy các người con yêu của Mẹ Việt Nam đã ngã xuống trước họng súng của quân thù như Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Đại Tá Hà Thúc Ứng, Trung Tá Phan Ngọc Lương, Trung Úy Hà Thúc Long và hàng ngàn hàng vạn anh linh khác nữa. Những người đã vượt qua ranh giới của sợ hãi để hiến ngang nơi gương Nguyễn Thái Học (1902-1930), Trần Quang Diệu (1760-1802) và Bùi Thị Xuân (1771-1802).



Trung Tá Lê Văn Ngôn, Tiểu Đoàn Trưởng 92 BĐQ, Khóa 21

Tôi xin nghiêng mình tưởng niệm trước những cánh đại bàng đã rơi rụng sau ngày tháng Tư Đen, những niên trưởng, niên đệ, những người bạn cùng khóa xuất thân từ trường MẸ: Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (TVBQGVN), những người mà lúc còn sống đã có nhiều kỷ niệm với tôi:

- Trung Tá Thủy Quân Lục Chiến Nguyễn Văn Nhiều, Khóa 15 TVBQGVN đã tự tử trên con tàu chở tù ra miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa vào tháng 6-1976.

- Trung Tá Hà Thúc Bằng, Khóa 15 TVBQGVN hy sinh vào những giờ phút cuối cùng của cuộc chiến năm 1975 tại Quảng Ngãi.

- Đại Tá Nguyễn Hữu Thông (1937-1975), Khóa 16 TVBQGVN thuộc Sư Đoàn 22 Bộ Binh đã chấp nhận chết cùng với thuộc cấp khi có lệnh đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh.

- Trung Tá Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc (1938-1975) và Đại Bàng Thái Dương Đỗ Hữu Tùng, Khóa 16 TVBQGVN, thuộc Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến, ngày 30-3-1975 đã yên nghỉ trong vùng biển Đà Nẵng: “Biển là nơi chôn trong sạch nhất để tiếp nhận các anh vào cõi Vĩnh Hằng.”

- Trung Tá Vũ Văn Phao, Khóa 18, Tiểu Đoàn Trưởng TĐ 4/2 Sư Đoàn 1 Bộ Binh đã mất tích khi bay máy bay chỉ huy hành quân ở vùng Khe Sanh –Lao Bảo. Sau 35 năm tìm kiếm đã được đưa về an nghỉ tại Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington, Virginia, Hoa Kỳ.



Thiếu Tá Võ Vàng, Khóa 17, 1967. (Sau này ông lên trung tá.)

- Trung Tá Thủy Quân Lục Chiến Trần Văn Hợp, Khóa 19, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 TQLC Trâu Điền chết vì đói trong ngục tù CS tại Hoàng Liên Sơn, Bắc Việt.

* Trung Tá Biệt Động Quân Lê Văn Ngôn (1941-1978), Khóa 21, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 92 BĐQ. Trong suốt 510 ngày tử thủ căn cứ Tổng Lê Chân (Tonle Tchombe) đã hai lần được thăng cấp đặc cách tại mặt trận:

Lần thứ nhấtng được thăng cấp thiếu tá. Tiếp đó, năm 1973 sau thời gian tử thủ lâu dài, ông được đặc cách trung tá. Cuối cùng Trung Tá Ngôn mở đường máu thoát ra bên ngoài rồi dùng hỏa lực phi pháo san bằng căn cứ chôn xác cộng quân.

(Viết theo Tr/Tá Lực Lượng Đặc Biệt Nguyễn Văn Long, Khóa 17):

“Người không chịu ở lại Tổng Lê Chân, nhưng rồi lại chết thảm trong trại tù Yên Bái vì bệnh kiết lỵ mà không có gì ngoài

thuốc “Xuyên Tâm Liên!”

Khoá 17 Võ Bị.

Đặc biệt đối với các bạn Khóa 17, những người sĩ quan ưu tú của khóa Lê Lai đã “phút chốc trở thành người thiên cổ”:

- Đại Tá Võ Toàn, Sư Đoàn 1 Bộ Binh đã đền nợ nước cùng với Tướng Nguyễn Văn Diễm (1930-1975) trong một tai nạn trực thăng khi rút lui khỏi Vùng I Chiến Thuật.

- Trung Tá Biệt Động Quân Võ Vàng bị cán bộ Việt Cộng bắn chết để trả thù một cách hèn hạ khi đang ở trong trại tù Cộng Sản

- Trung Tá Thủy Quân Lục Chiến Huỳnh Văn Lượm đã nhảy vào chảo nước sôi để chấm dứt cuộc đời của một trại viên cải tạo lao động khổ sai của giặc Cộng.

- Trung Tá Phan Ngọc Lương, người thương phế binh chỉ còn một chân thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh. Anh Lương là Bí Thư Quân Ủy Tỉnh Thừa Thiên và Thị Xã Huế của Đại Việt Cách Mạng Đảng đã bị nhà cầm quyền CS xử tử tại Huế vào ngày 9/9/1979, sau một cuộc tổ chức nổi dậy lật đổ bạo quyền nhưng bất thành của Mặt Trận Dân Quân Phục Quốc Trị Thiên.

Và còn rất nhiều các niên trưởng, niên đệ, những người bạn khác của tôi đã vì nước hy sinh mà tôi không được biết. Xin anh linh quý liệt vị, niệm tình tha thứ./.



Đại Tá Võ Toàn, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 1 Sư Đoàn 1 BB, Khóa 17.



NHỮNG NGÀY THÁNG KHÔNG QUÊN.

Huỳnh Minh, K28

Tôi sẽ không dùng từ “trại cải tạo” mà là “trại tù”.

Câu chuyện tôi kể sau đây để nhớ lại những ngày tháng trong ngục tù Việt Cộng (VC gọi là “học tập cải tạo”).

Sau 30/4/1975 như tất cả những quân cán chính của miền Nam, tôi là sĩ quan mới ra trường, nhưng cũng phải đi trình diện như bao người khác của chế độ Việt Nam Cộng Hoà. Thành thật mà nói nếu chúng tôi những người trẻ tuổi chưa biết gì nhiều về những thủ đoạn gian manh CSBV. Sau này khi đã ở trong ngục tù của cs rất nhiều người kể cả những người từng là chính trị gia cùng những sĩ quan cao cấp cũng không biết những mánh khéo gian manh, độc ác của bọn cán cộng miền Nam lẫn miền Bắc. Chính vì thế nên mọi người mới lũ lượt đi trình diện “học tập cải tạo”.

Thông báo cho biết là những người đã từng làm việc cho chế độ “ngụy” công chức thì csbv, vc, gọi là “ngụy quyền”, quân nhân thì gọi là “ngụy quân”, như nhóm cấp úy thì đi “học tập” thì mang theo lương thực cho 10 ngày cộng với một ngày đi, một ngày về, vậy là 12 ngày; cấp tá trở lên là 30 ngày cộng với một ngày đi, một ngày về. Thế là cả một mẻ lưới lừa bịp

đã tóm dính hầu hết những thành phần nòng cốt của chế độ VNCH. Một sự thật đau đớn mà cho tới ngày nay, nếu những ai còn ngây thơ tin vào những gì bọn CSBV & VC nói thì đó là những người “ngu” nhất hành tinh, vì chẳng những đó là thói lưu manh bịp bợm chỉ một lần, mà còn xảy ra với biết bao lần khác trong những trường hợp khác.

Nhóm sĩ quan từ cấp úy trở lên trình diện tại Ty Cảnh Sát Biên Hòa ngang rạp hát Biên Hùng. (Tôi sẽ chỉ nói họ của những người tôi biết, tên thì tôi viết mẫu từ đầu thôi vì lý do tế nhị) để kể lại trong truyện của tôi, gần nhà Le H P người bạn đã cùng tôi vượt trại ở Trà Vinh- Bến Giá. Tôi sẽ kể lại một số bạn khác nữa cũng ở Biên Hòa mà tôi từng quen biết trong lúc ở trại Phú Lợi và sau này.

Cấp bậc từ thiếu úy, đến trung úy, sau ngày 25/6/75 bị đưa về Trại 8 (bọn VC gọi như thế) là khu gia binh của Trung Đoàn 7, 8 của Sư Đoàn 5 VNCH, và một số bên trại gia binh của Trung Đoàn 9, mà bọn VC đặt là Trại 10.

Trại Phú Lợi tức là Trại 8, chia làm bốn đội 1, 2, 3, 4, ở trong bốn dãy nhà của gia đình binh sĩ cũ nhưng các vách ngăn đã phá ra làm thành một dãy nhà thông suốt, đầu này có thể nhìn thấy đầu kia. Khi ấy bọn cán bộ cho mọi người vào khu trại cửa cũ mỗi người có ba tấm ván bề ngang ba tấc dài 1m8 về làm chỗ nằm và mỗi nhà chia làm 8 tổ; mỗi tổ 12, 13 người.

Những tên VC mặt mày trông ngu dốt được gọi là cán bộ quân giáo. Thí dụ cán bộ Nhà 1 là tên tóc quăn sau này mới biết là tên lơ xe đồ. Còn tên có hàm răng bít vàng cán bộ Nhà 3 là tên đánh xe ngựa. Riêng tên cán bộ Nhà 2 của đội tôi là tên Lợi người Thanh Nghệ tiếng nói nặng xì. Hắn nói những điều ra vẻ “cách mạng” sáo ngữ như bao “con sáo người” khác chỉ có một luận điệu:

- ‘Phải thành thật khai báo... con người mới xã hội chủ nghĩa... không còn giai cấp người bóc lột người...’

Cán bộ Nhà 4 là tên ba Vàng mê vọng cổ cải lương... Riêng

tên trại trưởng tên Sơn gọi là Tư Sơn, giống như hầu hết tất cả những tên cán bộ này chỉ gọi theo thứ như là cán bộ Ba hay Tư, Năm gì đó... Trong những ngày ở trại Phú Lợi chúng bắt mọi người “lên lớp”. Cái thứ từ ngữ lạ lùng này đối với tất cả những người miền Nam quả khó hiểu, tức là gom tất cả lại lên hội trường để nghe bọn “cán bộ giáo dục” thực chất là nghe những kẻ dốt nát quê mùa nói ra những giọng điệu “cách mạng”. Sau này chúng tôi mới hiểu ra những con “vẹt người” này chỉ nhai lại một cách máy móc, chính chúng nói ra những điều mà chúng cũng không hiểu.

Riêng những tên gọi là cán bộ quản giáo có một đặc tính chung khi nói hoặc “lên lớp” đều có cách nói thêm vào trong câu nói những tiếng đệm như á, mà là, cái,... Tất cả những từ ngữ ngớ ngẩn của cán bộ tôi sẽ để trong ngoặc đơn. Thật ra đây chỉ chứng tỏ sự dốt nát, những chữ này chẳng qua đệm vào trong khi chúng bí từ ngữ; thí dụ: (vừa qua mà nói) các anh là những sĩ quan “ngụy” đã từng có nợ máu với nhân dân (là á) được cách mạng khoan hồng .. các anh phải (nắm) rõ vị trí (cụ ly) để làm cho đúng... Những câu nói ngô nghê đầu Ngô mình Sở chẳng ra mô tê gì nghe buồn cười.

Trong thời gian một năm đầu ở trại Phú Lợi khoảng tháng thứ ba chúng bắt đầu đưa tù “cải tạo lên lớp” để học tập 10 bài. Hầu hết chúng tôi đều đình ninh sau 10 bài này chúng sẽ cho chúng tôi về. Thật quá “ngây thơ”! Đại khái những bài đó chỉ là những tuyên truyền láo khoét... Đế Quốc Mỹ là kẻ thù, “ngụy quân” là công cụ, “ngụy quyền” là tay sai. Đế Quốc Mỹ là tên sen đầm quốc tế, lao động là vinh quang v.v.v.

Giảng viên là những tên VC mặt vàng bụng beo, răng đóng đầy bựa thuốc lào, quân phục mầu cứt ngựa bèo nhèo nhếch nhác. Cách giảng bài như tôi đã nói ở trên, cách thức chúng giảng những bài “học tập chính trị” đều giống nhau, thỉnh thoảng lại thêm vào những dẫn chứng nghe ngờ nghệch và buồn cười. Thí dụ có lần chúng nói về nước VN là “rừng vàng biển bạc” dẫn chứng bằng bài thơ con cóc của Hồ Chí Minh

sáng tác: “Nước ta ở về miền nhiệt đới khí hậu tốt. Rừng vàng biển bạc đất phì nhiêu. Nhân dân anh dũng lại cần kiệm. Bè bạn năm châu giúp đỡ nhiều.” Tên quân giáo vênh vênh mặt nói:

- Đây, Hồ chủ tịch đã nói thế (là á) không sai, bởi vậy bọn đế quốc thực dân thèm thuồng (cái là) tài nguyên vật chất của nước ta.

Tất cả chúng tôi nhìn nhau cười thầm vì chẳng hiểu “tài nguyên vật chất” là cái gì!!!

Còn biết bao nhiêu điều ngớ ngẩn, ngu xuẩn khác như là “nữ cán bộ vc Quảng Ngãi dùng súng trường bắn rơi trực thăng... Ba tên chiến sĩ anh dũng dùng lựu đạn diệt xe tăng Mỹ... Phái đoàn khoa học gia Nhật xin qua khảo sát đất đai của nước ta họ mang giấy có đề lôm đề khi đi trên đất nó sẽ bám vào đế giày. Đến khi ra về khách sạn bác Hồ cho đem biếu tặng giấy khác và nói rằng “giày họ đi đã bẩn nên bác tặng họ giày mới” thu lại tất cả giày họ đã đi. Đây! “Bác” khôn ngoan và sáng suốt thế đấy. Vậy là chuyện định ăn cắp đất về khảo sát không thành, vì bác biết trong đất của ta có chất ‘a bà xít’ có thể làm bom nguyên tử.”

Chất a bà xít là chất gì thật tình cả những giáo sư hóa học đang ở tù khi ấy cũng không biết [nguyên văn của bọn cán bộ quân giáo]. Điều này đã nói lên tính khôn vặt của một lãnh tụ mà bọn chúng tôn sùng cũng được tuyên truyền và thần thánh hoá đến buồn cười.

Trong thời gian 10 bài chính trị, sau mỗi bài “lên lớp” chúng bắt mỗi đội chia tổ để “thảo luận”. Hầu như mọi người chúng tôi đều ngây thơ tin rằng sau 10 bài chúng sẽ cho chúng tôi về, thời gian này là khoảng tháng 10 năm 1975. Vậy mà những bài học “lên lớp” và “thảo luận” kéo dài mãi đến Tháng 5, 6/1976.

Mỗi lần lên lớp chúng tôi lại được chứng kiến ngu dốt và lão khoét của bọn cán bộ vc, hình như chúng nói mà chẳng

biết mình đang nói gì thí dụ chúng gọi nước Iran, Irắc là ‘một rãng, một rắc’ (nguyên văn). Chuyện máy bay phục kích ‘giặc lái’ Mỹ trên không bằng cách trốn trong mây. 10, 15 năm nữa sẽ theo kịp Mỹ, Anh, và các nước tiên tiến... Thật ra mỗi khi họp thảo luận chúng tôi chẳng có thảo luận gì, ngoài việc nói chuyện vặt! Mỗi khi thấy cán bộ quân giáo đến gần chúng tôi mới bắt đầu làm như tranh luận sôi nổi lắm thường thì tổ trưởng chỉ định những người mồm mép làm chuyện này.

Trong thời gian này các đội đã bắt đầu lộ ra những tên được gọi là antene, tức những người cũng ở tù nhưng cố lập công vì ngây thơ tin rằng những báo cáo với cán bộ chúng sẽ được về sớm. Một đội thường có vài tên. Chúng thường xuyên được gọi lên ban chỉ huy để báo cáo về những người tù khác, như những ai có ý định chống đối, những ai tỏ ra bất mãn hay có ý định dè bĩu chê bai... Nhưng trong khoảng thời gian này từ khoảng tháng 9-1975 đến tháng 6-1976, chúng cho “lên lớp” vài bài trong số 10 bài còn phần lớn là “thảo luận tổ”.

Trong tổ của tôi có tên Nguyễn H M, làm ra vẻ rất “tích cực”. Trong thời gian đầu chúng còn cho tù giữ tiền, đồng hồ, nhẫn vàng... trong trại có “căn-tin” bán những món vặt như chuối, thuốc Lào, thuốc rê... do tên em vợ của cán bộ ba Vàng trông coi. Tên này thọt chân không biết hắt mua được cái áo jacket không quân ở chợ trời hay lượm ở đâu, nhưng hắt khoe là bắn rơi máy bay “ngụy” tịch thu được cái áo này; Nguyễn H M bán đi cái nhẫn vàng, không phải để mua đồ ăn (thời gian này tù bắt đầu đói, có những người nổi đầy ghẻ, có lẽ vì thiếu dinh dưỡng cùng với điều kiện vệ sinh tồi tệ) để mua đèn cầy, hằng đêm khi trại tắt đèn, tất cả các phòng tù phải đi ngủ riêng tên N H M thắp đèn cầy trong mùng để “học tập” làm bài “thảo luận” ra vẻ chăm chỉ, cố gắng học tập “đường lối cách mạng”.

Hắt còn có một biệt danh là M khọt, bởi mỗi lần trước khi nói chuyện hắt phải khọt, khọt mấy cái trong họng, lập công bằng cách báo cáo với tên ba Vàng người phụ trách an ninh

trại. Hẳn thường ngồi gần những người hấn cho là có thái độ chống đối nghe ngóng và cứ mỗi buổi chiều giả bộ lảng vảng khu nhà bếp sau đó chạy tọt qua nhà cán bộ, thường bọn chúng ngồi chờ hỏ dưới đất để chúng báo cáo. Đội nào cũng có, Đội 4 có hai anh em ruột là T và T. (Hai tên này nghe đâu cũng đã qua Mỹ nhưng trốn biệt tăm.) Đội 2 còn có những tên ăn ten ngầm bọn này đáng sợ mãi sau này mới lòi ra, trong số đó có Lê T K. Những ngày đầu khi tập trung vào trại hấn là người đầu tiên mặc bộ bà ba đen và mang dép râu chúng tỏ là tên thức thời hấn. Cũng cùng loại như tên Nguyễn H M, có lần thảo luận tỏ hấn nói:

- Tôi đâu muốn đi du học ở Mỹ (hấn được đi Mỹ hai lần tu nghiệp) vì bị ép đi thôi!!!

Ngoài ra còn nó những tên như Đinh C N cũng thuộc loại anten ngầm... những tên làm anten để lập công với việt cộng sau này cũng chẳng đạt được gì khá hơn. Tên M khọt sau này bị giam giữ bảy năm hơn đủ điều kiện đi Mỹ, nhưng không dám làm hồ sơ nên ở lại VN, riêng Đinh Công N ở tù khoảng 9 năm, tên này dường như cũng qua Mỹ theo diện H.O nhưng trốn biệt tăm. Cuộc đời của những thằng hèn này ở đâu cũng thế chúng chẳng bao giờ thoải mái để được sống cuộc sống của một người bình thường. Chúng tôi ở Trại 8 Phú Lợi hơn năm.

Khoảng Tháng 7 năm 1976, chúng gom tù lại và chuyển trại, kỳ này chúng đưa chúng tôi về trại Hóc Môn. Đây là trại thuộc Liên Đoàn 5 Công Binh VNCH, là một căn cứ lớn đầy đủ những dụng cụ xây dựng, nhưng dưới mắt bọn vc ngu dốt đó là tàn dư Mỹ Ngụy. Chúng biến nó thành trại tù và phá tan tành những máy móc, dụng cụ rất tốt cần thiết để xây dựng, những khu kho bãi tráng xi măng, bọn cán bộ bắt tù đào xới lên để trồng rau muống. Những cây trụ bằng nhôm, những trụ antene, chúng cho tù phá ra để lấy nhôm làm lược, kẹp, vách ván. Tôn mái nhà đập bỏ để làm rương (người miền Nam gọi) bọn cán bộ vc gọi là hòm cho chúng. Khi chuyển Trại 8 về đây

chúng chia ra làm hai.

Đội 1 và 2 về trại T4 riêng. Đội 3 và 4 chúng chuyển qua Trại T2, trong Trại T4 này cũng gồm cả những người sĩ quan đi trình diện ở Sài Gòn ở từ trước, trước khi vào trại đi qua một dây conex. Những conex này sau này nhốt các bạn tôi như Trần N T bạn cùng khóa ra trường về Thủy Quân Lục Chiến người đã trốn ở trại Đồng Ban Tây Ninh cùng với hai bạn khác nhưng bất thành bị bắt lại, bị bọn cán bộ vc đánh đập rất tàn nhẫn. Sở dĩ tôi gặp lại T là vì nhà ở của Đội 11 chúng tôi sát với nhà bọn vệ binh và conex, lúc bọn vệ binh bắt tù ra làm cỏ vệ sinh chung quanh khu nhà chúng ở. Khi tôi gặp lại T ở đây cũng là lúc chúng tôi sắp bị đưa lên trại Kà Tum Tây Ninh. Trong những ngày đó tôi cũng gặp lại Niên Trưởng Lương T T là sĩ quan cán bộ đại đội lúc chúng tôi còn trên trường Võ Bị. Riêng NT Lương T T bị đánh đập dã man đầu cạo trọc, mới đầu chúng nhốt NT trong căn nhà bỏ trống kế Đội 7, sau mới chuyển ra dây conex. Nghe đâu sau này NT trốn lần nữa (nhưng hoàn toàn không còn tăm tích.)

Trong khoảng thời gian 1976-77, chúng cũng bắt đầu cho thả những tù có thân nhân cách mạng (tôi không viết hoa chữ này vì với tôi bọn chúng chẳng Cách Mạng gì cả mà là lũ đốt nát, cướp cạn, lưu manh), và những người gia đình có tiền chạy chọt với bọn cán bộ nên được cho về sớm. Chẳng hạn đội tôi có Phạm S D, Nguyễn T T, Lưu Đ T (là con của một cán bộ vc làm lớn ở ngoài Bắc. Nghe đâu sau này khi được thả T được đưa về làm cho báo Tuổi Trẻ của vc), Nguyễn H H, Trương Đ B, Huỳnh M T (T gạo)... Lúc này chúng tôi ở tù cũng hơn một năm. Thông báo mang lương thực đi “học tập cải tạo” (chữ của vc) 12 ngày là trò lừa bịp. Chúng tôi, những người trẻ tuổi, chưa có kinh nghiệm gì về chế độ cộng sản bị lừa đã đành, nhưng một số lớn những sĩ quan cao cấp cũng bị lừa như chúng tôi.

Trong thời gian ở Trại T4 có vài việc xảy ra. Đầu tiên là vụ một đại úy trong khu nhà ở sát hàng rào, trên đường đi qua các

trại, tôi không nhớ tên vì ông này đã trốn khỏi trại mà không để lại một dấu tích nào. Bọn vc tức lắm nhưng không dám nói ra nên tin tức chỉ truyền miệng nhau trong các anh em tù. Vụ thứ nhì là việc một hạ sĩ quan, tên B ở Thiết Giáp thuộc đội ở Nhà 3 bị đánh chết. B đã nhiều lần khai anh không phải là sĩ quan nhưng vì muốn lấy le nên mang lon trung úy, mặc dù anh chỉ là hạ sĩ. Bọn vc không tin cũng không cứu xét gì. B trong một lần bị bệnh lên cơn sốt đã chửi từ hồ chí minh đến phạm văn đồng v.v.v... Nhà Trưởng Nhà 3 tên Q chạy ra báo với cán bộ vc. (Tên Q sau này có biệt danh là Q heo ho, bị tên cán bộ trưởng trại bắt gặp đang mài nhôm làm lược, kẹp lúc trại có lệnh cấm làm vì tất cả nhôm trong trại bị tù phá, hạ từ những trụ anten, nên bọn vc không còn nhôm để làm lược kẹp rương hòm. (Vụ này bọn vc thích và nể tài anh em tù lắm. Những tên vệ binh khi được về phép thường vào trại nhờ những anh em khéo tay làm lược, kẹp, hòm, xiềng cho chúng và chúng thì có quyền nên muốn lấy nhôm ở đâu thì lấy. Mỗi khi như thế bọn chúng đưa cho tù một số nhôm hay cây gỗ để tù làm cho những món như quà tặng mà chúng mang về Bắc) cho chúng.

- Anh Q làm gì đó? Tên cb hỏi.

Q nhìn lên hoảng hồn bí quá bèn đá:

- Dạ! Báo cáo cb, con heo nó ho!!

Chính Q chạy ra công báo cáo với bọn cán bộ. Bọn vệ binh sầm sập chạy vào trại lôi anh B đang lên cơn sốt, chui xuống xuống gầm sàn ngủ, vừa đánh đập, vừa lôi kéo B, đem ra ngoài công nhốt B vào conex. Đêm đó, cả một lũ vc mấy chục tên vào conex. Nhà 11 đội chúng tôi gần nhà vệ binh nghe tiếng đấm đá thành thịch liên tục và tiếng B rên la. Sáng hôm sau chúng gọi Q heo ho cho người vào conex đem xác B lên bệnh xá. Khi đó những bạn tù thấy B mặt, mũi đầy máu đã chết từ lâu hồi đêm rồi. Mọi người đều trách Q đi báo cáo để làm chết bạn tù.

Tháng 5/1977, lúc này chúng tôi bị tù cũng hơn hai năm

rồi. Mỗi lần gặp cán bộ vc coi đội có người hỏi:

- Khi nào chúng tôi được về?

Câu trả lời bao giờ cũng là:

- Về hay ở là tùy vào sự tiến bộ của các anh.

Đó là câu trả lời huê vốn, cái định nghĩa “tiến bộ” chẳng qua là câu nói lừa bịp, của bọn vc. Với tôi, đã có quyết định là sẽ trốn thoát nếu có điều kiện và nhất là sau khi nhìn thấy hình ảnh của những bạn tù trốn trại từ nơi khác đưa về, những điều này không làm tôi nản lòng.

Trong một buổi sáng, đang chuẩn bị sinh hoạt như mọi ngày, bọn vc súng dài, súng ngắn ào vào trại, ra lệnh tập trung hết tù lại, mang hết tất cả tư trang ra sân. Đêm hôm trước đội nhà bếp của trại được lệnh làm gấp đôi số bánh mì. Sau khi lãnh phần bánh mì mỗi người hai ổ (ổ nhỏ cỡ gang tay), tù bị đưa lên trước sân trung đoàn của trại ở đây xe molotova đậu sẵn. Sau khi đọc tên tù được đưa lên xe, chúng tôi biết họ chuyển chúng tôi đi trại khác. Trước khi đi tên trưởng trại nói:

- Các anh là thành phần tiến bộ, chúng tôi tạo điều kiện cho các anh đến sinh hoạt và lao động ở một môi trường tốt hơn. (Đây là nguyên văn của tên trưởng trại vc.) Các anh đừng nhảy xe, những vệ binh sẵn sàng làm nhiệm vụ bắn bỏ những ai có ý định trốn trại!!

Sau khi đưa lên xe molotova (loại xe vận tải quân sự do Liên Xô chế tạo) mỗi xe sức chứa 30 người, giờ chúng nhồi nhét hơn 50 nên xe chật cứng. Hầu như ai cũng phải đứng. Vài bạt được phủ kín trên mui xe hai tên vc một tên ngồi quay mặt phía trước, một tên quay mặt phía sau với súng ak mình đeo đầy đạn. Đến chiều gần sáu, bảy giờ chúng di chuyển. Vậy là chúng tôi đi vào buổi chiều. Thời gian này trời tối nhanh, chúng di chuyển đêm để dân chúng không để ý, mọi người trong xe vừa nóng, vừa mỏi chân. Chúng tôi không nhận được phương hướng, và chỉ đoán mò. Sau khi chạy hơn ba tiếng những đoạn đường tương đối bằng phẳng rồi sau đó là những

đoạn đường dẫn dốc kinh khủng, nghiêng qua đảo lại. Một quá chúng tôi ngồi đại xuống sàn xe, người này ngồi chổng lên người kia và thay phiên nhau. Khoảng năm giờ sáng xe ngừng lại, chúng cho mở bật xe. Khi ấy chúng tôi mới biết mình đang ở giữa những cánh rừng trước đó có những dãy nhà lá sau này mới biết đó là Bộ Chỉ Huy của Trung Đoàn Việt cộng gọi là Đoàn L6. (Đây là Mật Khu Dương Minh Châu của vc trước kia.) L6 gồm 6 T từ T1 đến T6.

Sau khi điểm danh xong, khoảng 300 tù cùng chuyển trại từ các T khác thuộc trại Hốc Môn thành ông Năm. Nhóm chúng tôi thuộc trại T4 Hốc Môn khoảng 50 người được đưa về trại T2 Kà Tum. Hai tên vc khác lại dẫn chúng tôi đi xuyên rừng khoảng hơn nửa tiếng mới đến một khu có những dãy nhà lá to và dài hơn. Lại điểm danh khi đó có bốn năm người quần áo tả tơi và vúi hốc hác cũng như chúng tôi đứng ra nhận quân về B của họ. Ở Katum không gọi là đội như ở Hốc Môn mà gọi là K mỗi K chia ra bốn B.

Sau này chúng tôi mới biết trại nằm trong khu vực Mật Khu Dương Minh Châu của Việt cộng. Toán chúng tôi khoảng 20 người đưa về B2, B trưởng cũng là tù tên L (không nhớ họ). Mỗi B có bốn A. Tôi về A2 gồm có Vũ V N, Trần C L, Nguyễn T L, La T N; sau này N là người đã giúp đỡ tôi khi tôi bị nhốt conex, và lúc tôi vượt trại về lại Sài Gòn.

Khi về đây tôi và Mộng T P gốc người Nùng quyết định trốn trại. P rủ thêm Bùi T B gốc Nhảy Dù, Phạm N H cũng Nhảy Dù, vậy là bốn người. Trong những lần bọn vc bắt đi rừng chặt cây, lấy mây song... nhóm chúng tôi đi dò đường, với ý định sẽ băng qua Kampuchea để đến Thái Lan; lúc đó khoảng Tháng 7. Khi đó mỗi người được trại cho thăm nuôi, P và B nói là cần la bàn và bản đồ, tôi khi đó đến lượt được thăm, nên trại cho viết thư về nhà dặn dò (bọn vc gọi là động viên người nhà). Có một người bạn được thăm nuôi trước tôi và ở gần nhà, tôi đã nhờ chuyển lên đưa một lá thư cho nhà tôi. Điều này bọn cán bộ cấm, nếu ai đưa thư lên ra ngoài sẽ bị

cúp thăm nuôi nếu bắt gặp sẽ bị nhốt kỷ luật, nhưng người bạn này đã giúp được tôi. Trong thư gửi chị tôi, nhờ chị cố kiếm cho tôi cái la bàn nếu có thêm bản đồ tổng quát của Việt Nam cũng được.

Khoảng đầu Tháng Chín, chị ba tôi lên thăm sau hơn hai ngày vất vả đi từ Tây Ninh trên những chiếc xe lôi chở hai, ba gia đình của tù chạy dần dốc khổ sở qua những con đường do tù khai phá sơ sài từ rừng Cà Tum ra đến Bó Túc, một căn cứ cũ của Lực Lượng Đặc Biệt. Từ đây lại gánh đồ thăm nuôi đi bộ hai, ba cây số đường rừng vào trại, lại nằm thêm một đêm ngoài khu lán dựng sơ sài do tù làm.

Sau hàng bao nhiêu năm tháng có lẽ một điều mà các cựu tù “cải tạo” không thể nào quên được là công lao khó nhọc của các mẹ, vợ, chị, em tù hy sinh khôn cùng với những cựu tù chúng ta cả một miền Nam trù phú sống dưới sự kềm kẹp của lũ khi Trường Sơn ngu dốt, độc ác.

Lần này, tôi nghĩ chắc là lần thăm sau cùng. Chị tôi đã dấu được trong hủ mắm ruốc bọc chúng trong bao nylon nhét ở giữa hủ chiếc la bàn bộ binh và cái bản đồ tỉ lệ xích 1/2.000.000. Mặc dù không chi tiết nhưng có thể dùng xác định hướng tổng quát. (Sau này tôi bị bắt lại, chị tôi lại gói ghém đi thăm thẳng em tù bất hạnh nhiều lần nữa. Khi viết lại những dòng này chị đã bỏ tôi đi xa... xa lắm rồi, không còn bao giờ gặp lại.) Chúng tôi lợi dụng đêm không trăng hẹn gặp nhau ngoài bãi rừng. P và tôi cùng B nên chúng tôi ra rừng và đợi B và H.

Vài ngày trước khi tôi có rủ Nguyễn H H của tổ mộc, cưa xẻ cùng trốn H đồng ý. H từng là Trưởng Toán Viên Thám thuộc Trung Đoàn 42 Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Chúng tôi thân nhau khi cùng ở trại Phú Lợi. Đêm hôm đó P và tôi chờ H ra rừng, hơn 1/2 giờ không thấy H. Chúng tôi đã gặp B và H nên đành lên đường. Sau này khi bị bắt về mới biết H lạnh căng đỗi ý nhưng lại không báo cho tôi biết. Rất tiếc là không có H, vì có H chưa chắc chúng tôi bị bắt lại, hay là cũng sẽ biết

tích hay có thể bị Miên cộng Pol Pot giết. Các toán của một vị Niên Trưởng Trần N T, từng là sĩ quan cán bộ đại đội trên trường, cùng với sáu bạn tù khác, toán của một NT Khoá 27 Nguyễn V C, Nguyễn H, Nguyễn T T K29 v.v.v. cùng một số bạn khác ở các trại tù khác như trại Đồng Ban, Trại Phước Long mà về sau tôi được biết đã không có tin tức gì mãi đến nay sau 40 mấy năm. Và lại lúc này tôi cũng chưa có kinh nghiệm như những lần tôi trốn sau này một mình.

Chúng tôi cứ nhắm hướng Tây Bắc mà đi. B lớn tuổi nhất giữ la bàn và bản đồ lại từng ở Nhảy Dù thâm niên nên chúng tôi rất tin tưởng. Mới đi một hồi qua cánh rừng trại bắt đi lấy cây mây, tre, song; chúng tôi gặp thêm ba người nữa là Nguyễn Đ H, Bùi Đ, Nguyễn V T. Thì ra nhóm này là bạn của B và H cho toán này đi theo mà không cho tôi và P biết. Vì la bàn và bản đồ là của tôi nên tôi quyết định chỉ đi có bốn người chúng tôi mà thôi, vì đã ra rừng rồi nên cho họ cùng đi, sau này khi bị bắt tôi mới biết được khả năng của từng người.

Đi hơn tám ngày băng qua các trảng nước mênh mông, nước chát ngắt phèn, P có mang theo một số lưỡi câu và nhợ nylon nhưng các trảng nước này không thấy một con cá. Có những cây trái rụng đầy dưới gốc nhưng chúng tôi không dám ăn, vì chim, kiến không ăn. B nói đó có thể là cây độc. Chúng tôi đi dưới những cánh rừng già bầy, tám ngày không thấy ánh mặt trời. Có những con chim lạ to lớn kêu quan quắc giống như gà rừng. B nói đó là chim hồng hoàng, người đã từng ở Nhảy Dù từ thời Điện Biên Phủ nói thế. Có những cánh rừng le ngút ngàn hết cụm này, đến cụm khác tán phủ trùm xuống như cái dù nếu không có la bàn không biết làm sao thoát ra nó. Ban đêm những lá le mục phát ra như lân tinh.

Đến ngày thứ tám ra khỏi khu rừng le, chúng tôi biết là đang ở trong khu rừng cao su. Khi xem lại bản đồ chúng tôi đoán có thể đó là rừng cao su Mimot trên đất Camphuchea. Nếu như vậy chúng tôi đã lọt vào lãnh thổ Miên theo như bản đồ trại Kà Tum cách Mimot 20 cây số hay hơn về hướng Tây

Bắc. Trưa hôm đó đang băng qua các cây cao su thì nghe có tiếng súng nổ khoảng hơn cây số hướng Tây Bắc. Chúng tôi dừng lại nghe ngóng dường như có giao tranh ở phía trước. Sau một hồi bàn tính chúng tôi đổi hướng đi về phía Bắc tránh xa nơi có tiếng súng nổ. Đó là ngày thứ 9. Đêm đó chúng tôi ngủ trong rừng cao su. Hôm sau đi đến khoảng 10 giờ sáng thấy có một căn nhà tranh bỏ hoang. Thay vì cho người vào thám sát cả toán chúng tôi đi vào không ngờ đó là nơi phục kích của việt cộng.

Thế là cả toán bị bắt lại. Ban đầu chúng cho là bọn Pol Pot, nhưng sau khi điều tra chúng biết là tù trốn trại. Có điều may mắn là B đã liệng bỏ cái la bàn và bản đồ ở đâu khi bị bắt trước đó, nếu không, chắc bị chúng bắn bỏ mất rồi. Chúng trói chúng tôi lại bằng dây dù giải chúng tôi đi bộ đến chiều về hậu cứ của chúng. Khi biết chúng tôi là tù “cải tạo” chúng thay nhau đánh đập chúng tôi suốt đêm. Một trận đòn thù!

Trong đêm đó chúng dẫn chúng tôi bằng đường rừng về lại trại T2, sau khi nhốt chúng tôi trong cái cũi đang nhau bằng cây gai rừng chỉ ngồi được ở vị thế lom khom. Vì bị trói dính chùm với nhau, tối đó đưa chúng tôi vào buồng giam. Tất cả chúng tôi bị cùm chân trong cái cùm cây. Cùm là hai thanh gỗ khoét hai cái lỗ xù xì hai chân lọt vào hai cái lỗ nhỏ xíu, hai thanh gỗ nghiêng vào phía trên gót chân làm rách da đau thấu xương. Cứ đêm đến chúng vào thay nhau đánh đập chúng tôi. Mỗi buổi trưa một bạn tù mang mỗi người một nắm cơm không suốt một tuần, chúng tôi nghĩ chắc bỏ mạng rồi. Nhưng một buổi sáng chúng gom chúng tôi lại dẫn ra sân trung đoàn trại. Chúng tôi nghĩ là chúng bắn bỏ chúng tôi (chúng đã làm điều này với các bạn tù ở T khác).

Sau đó thấy các bạn tù gồng gánh rời trại sau này, chúng tôi mới biết là Miên cộng Pol Pot đã đánh đến Bô Túc. Chúng bắt chúng tôi lên xe molotova còng lại từng cặp. Các bạn tù ở T khác cũng được đưa lên chung xe tay bị còng, là bạn tù trốn trại ở T khác bị bắt lại, gồm 3 người T1 trong đó có một NT

K16, hai người T4, một người T3. Chính vì vậy sau này tôi được biết thêm tin tức một số bạn tù VB đã trốn đi và không có tin tức gì kể từ đó.

Xe chở chúng tôi về lại hướng Sài Gòn. Đến Ngã Ba An Sương chạy về Biên Hoà, đến trưa vào trại tù sau này mới biết là trại tù Suối Máu. Sau đó xe dừng trước các trại ở đây gọi tên tù xuống xe và bàn giao cho cán bộ trại đó mà họ gọi là K không gọi là T như ở Hóc Môn hay Cà Tum. Chúng tôi gồm bốn người H (ND), S (TQLC), N (SĐ 18), tôi thuộc K3. Trước mỗi K là một dãy thùng conex, bốn người chúng tôi cứ hai người một thùng. N và tôi một thùng, H và S một thùng. Vậy là cuộc đời thùng conex và nhà thiếc 13 tháng chúng tôi không được vào trại cho đến ngày chuyển ra trại Hàm Tân Z30C khoảng tháng 11 năm 1978.

Cuộc đời tôi không dừng lại ở đây. Đến khoảng cuối năm 1980 tôi vượt trại lần nữa, lần này chỉ đi một mình.

Chuyện cũng đã dài tôi sẽ kể lại những chuyến vượt các trại tù khác như trại tù Đồng Phú (Đồng Xoài Phú Giáo), trại Cây Dương 30/4, và chuyển vượt biên qua Kampuchea đến biên giới Miên Thái Sisophon (hay còn gọi là Swai Chat) và bị bắn làm tổn thương thần kinh bàn chân phải gọi là dropped-foot, và lần sau cùng tôi bị bắt lại trả về trại Hàm Tân Z30C năm 1991. Sau ba tháng biệt giam cùm chân và chuyển qua Z30D (lại ba tháng biệt giam cùm chân), đến 30/4/ 1992 được thả và 1995 qua Mỹ hồ sơ H44.

Để thay lời kết, mặc dù với thời gian ra trường ngắn ngủi tôi rất tiếc không được phục vụ đất nước VNCH. Qua các bài viết của các NT Phan Nhật Nam, Vương Mộng Long, Đoàn Phương Hải, Tô Văn Cấp, Trương Dưỡng, Kiều Công Cự... và nhiều niên trưởng khác và những sĩ quan và binh sĩ của Quân Lực VNCH đã anh dũng chiến đấu chống lại bọn việt cộng ngu dốt, đã có biết bao nhiêu chiến sĩ đã hy sinh cuộc đời và mạng sống cho đất nước Việt trong các trận đánh trên bốn

Vùng Chiến Thuật và lao tù cộng phi đã để lại trong tôi một niềm hãnh diện và cảm hứng kính phục không bao giờ phai. Tôi sẽ mang nó mãi đến khi không còn hiện diện trên cõi đời.

Mặc dù đã trải qua cuộc đời tù hơn 11 năm với cấp bậc thiếu úy mới ra trường vài ngày, tôi đã chứng kiến những người tù là các niên trưởng, các bạn tôi, và các anh em thuộc trường VB thương yêu giúp đỡ, đùm bọc nhau trong hoàn cảnh nghiệt ngã tù ngục. Những hành động này được các tù nhân khác và anh em của các quân trường bạn quý mến, nể phục cái tinh thần VB gắn bó, không bỏ nhau, chỉ cần biết là VB không cần biết anh là khoá nào. Chính đó là tình thân ái hun đúc từ cội nguồn TRƯỜNG MẸ xa xưa. Trong những ngày gần đây ở hải ngoại và trong nước trong diễn đàn VB tuần nào cũng có phân ưu các cựu SVSQ VB VĨNH VIỄN ra đi. Chắc chắn tương lai không xa cái tên CSVSQ VB cũng sẽ xoá nhoà và biến mất trong cõi vô cùng, vì khoá nhỏ như chúng tôi cũng đã ở vào độ tuổi 70.

Điều đáng buồn chỉ vì cái TÔI (của một thiếu số). Ở hải ngoại này mặc dù chúng ta đã hoàn toàn tự do không còn sống dưới cái bóng của việt cộng, nhưng làm cho tinh thần ái của VB tan nát chỉ để thoả mãn cho cái TÔI phù phiếm thì thật đáng trách. Họ không nghĩ rằng một ngày nào đó chính họ cũng không còn hiện diện trên cõi tạm này khi biến khỏi mặt đất. Trong tâm họ chỉ mang theo nỗi ty hiềm tức tưởi đáng lẽ ra là chút hình ảnh hào hùng đẹp đẽ của một quân trường cùng cái tinh thần ái mà mình đã từng được hưởng với cái tâm BÌNH AN.

Hai Cuộc Hành Quân Liên Tiếp Ba Động và Thới Hoà

Nguyễn Đình Hạnh, K19

1. Hành Quân Long Phi: Ba Động

Tỉnh Vĩnh Bình nằm giữa hai cửa biển, Cung Hậu và Định An (cửa biển thứ bảy của sông Cửu Long), là một vùng bờ biển sinh lầy với những cây đước, cây mắm, cây cao chỉ bốn hay năm thước, với những rễ phụ mọc rũ xuống để cho cây có thể trụ lại khi nước triều lên xuống. Lẫn lộn trong những đám cây mắm, đước, tràm, còn rải rác những giồng đất (đồi đất nhỏ), trên đó trồng dừa hay tre dày đặc, khi thủy triều lên, trông như những đồi nhỏ. Bờ biển cạn nên không tiện cho tàu cá lớn, chỉ có những tàu cá nhỏ mới cập bờ được. Nơi đây cũng là nơi thích hợp cho Việt cộng ẩn náu. Địa thế ngập mặn mênh mông, còn khi thủy triều xuống thì lầy lội, dân cư thưa thớt. Nhưng nơi đây rất tiện lợi



cho địch (VC) đổ đồ tiếp vận bằng những tàu nhỏ, nguy trang như tàu đánh cá đột nhập ban đêm, rồi rút lẹ trước khi trời sáng. Vì khả năng giới hạn của Sư Đoàn 9 phải bao một vùng trách nhiệm rộng, nên Sư Đoàn ít mở các cuộc hành quân quy mô tới vùng này.

Cuối năm 1968, một phi cơ của Đệ Thất Hạm đội rớt xuống nơi đây. Vì thế, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 9 Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, mở cuộc Hành Quân Long Phi từ ngày 26 đến 30 tháng 12 năm 1968, nhiệm vụ tảo thanh VC, và tìm kiếm tung tích hai viên phi công bị mất tích trong vùng.

Lực lượng hành quân chính gồm Trinh Sát 9 phối hợp với Trung Đoàn 14/9 của Đại Tá Lê Văn Năm và Tiểu Đoàn 43 Biệt Động Quân của Thiếu Tá Hiệp? Lộ trình tiến quân của Trung Đoàn 14 và Tiểu Đoàn 43 BĐQ từ cửa biển Định An về hướng Đông Bắc làm đe chặn địch. Riêng cánh quân Trinh Sát 9 đơn độc làm búa, xuất phát từ bờ biển Ba Động, cửa biển Cung Hậu, tiến dọc theo bờ biển, nhắm hướng Tây Nam lùng địch. Hòa lực yểm trợ có chiến hạm USS Newport CA 148 của Đệ Thất Hạm Đội neo tại cửa Định An. Cả hai cánh quân lục soát lùng địch ngược nhau, và sẽ bắt tay với nhau khoảng giữa đường thuộc xã Long Lộc thuộc Quận Long Toàn, Tỉnh Vĩnh Bình.

Vì bãi đổ quân tại Vàm Mũi Giá của Trinh Sát 9 do Đại Úy Nguyễn Đình Hạnh/ K19 lầy lội nhiều chướng ngại vật, khó có bãi trống nào có thể đổ cả đơn vị được, nên đoàn trực thăng chở Trinh Sát 9 phải vòng ra biển, rồi bay trở lại đất liền và đổ quân xuống đầm ruộng muối trống sát mé biển Ba Động. Địa thế hơi trống với những cây mắm, đước lúp xúp cao hơn đầu người, và sinh lầy nước mặn. Trực thăng vừa rà rà gần mặt đất là địch đã từ các gò đất cao quanh bãi đổ quân, bắn xuống xối xả. Hỏa lực địch mạnh nhất, từ một đồn địa phương bỏ hoang bên trái bãi đáp, khiến một binh sĩ bị thương.

Một trung sĩ truyền tin của Mỹ mang máy PRC-25, có lẽ lần đầu tiên ra trận và bị địch bắn tứ phía, khi thấy có lính bị

thương, nên hốt hoảng bỏ chạy. Ngay lập tức, mấy binh sĩ kẻ bên anh vội rượt theo, đè anh ấy xuống ruộng muối để tránh những làn đạn địch đang từ những gò đất cao xung quanh bắn xuống. Trong khi gunships Cobra yểm trợ, chúng tôi đã vội vàng đánh chiếm đồn hoang và các đỉnh cao điểm xung quanh bắn xuống. Chừng 30 phút sau Trinh Sát 9 đã lần lượt làm chủ tình hình. (Sau này, khi hành quân về, tôi họp sĩ quan cố vấn lại và khiển trách. Riêng viên trung sĩ Mỹ bị đưa ra tòa án quân sự, và giáng 2 cấp, chuyển chuyên đi Tiểu Đoàn 2/16).

Khi chiếm được những ụ và đồi thuộc cao điểm này, chúng tôi mới khám phá ra đó là những công sự nổi, xây bằng bê tông dày cỡ một mét, mô hình theo hình chữ L, giống như của địch vẫn đào sâu dưới đất. Lối cửa vào hầm hẹp, ngang độ một mét, đi vào sâu độ năm mét, cuối đường hầm thì rẽ trái hay phải vào một phòng rộng mỗi cạnh sáu hay bảy mét. Các công sự này được đắp đất dày và cao cả năm hay 10 mét, tạo thành những ngọn đồi đất nho nhỏ, trên đó trồng tre, chuối, dừa hay cây ăn trái. Trong hầm đủ cho một gia đình ăn ở an toàn khi bị pháo kích. Cửa hầm hướng ra biển, và có tấm màn dày che. Nhờ vậy ánh sáng trong hầm ít lọt ra ngoài ban đêm. Tường và nóc bằng bê tông liền lạc một khối. Xa trông như những ngọn đồi nhỏ rải rác khắp vùng bờ biển Ba Động. Chung quanh những ụ đất này, nước biển luôn lấp xấp mắt cá chân, còn sát xung quanh hầm trở thành những hào nước rộng khá sâu. Cũng may là chúng tôi đổ quân ngoài bờ biển ban ngày, nên từ trên máy bay đã nhận ra địa thế như những ốc đảo trồng dừa hay tre xanh trong một vùng bờ biển lấp lánh.

Khi bị đánh bại, tàn quân địch chỉ còn vừa bắn vừa tháo chạy sâu vào trong nội địa, về hướng Quận Long Toàn và Tiểu Cần.

Sau khi tàn thương, rảnh tay, chúng tôi mở rộng tầm hoạt động, vì Trinh Sát 9 đã chiếm được cao điểm là những gò nhỏ với cây che ngụy trang. Lộ trình tiến quân của Trinh Sát 9 dọc theo mé biển từ Mũi Giá, Ba Động xuống phía Nam đến xã

Long Lộc, Quận Long Toàn. Cuộc hành quân sau đó không còn gặp địch và công binh chỉ lo phá hủy các công sự và đồ tiếp tế của địch nằm rải rác cả một vùng bờ biển rộng lớn.

Đến bốn giờ chiều thì Trinh Sát 9 bắt tay được với Tiểu Đoàn 43 Biệt Động Quân ở Long Lộc. Sau đó, Trinh Sát 9 được lệnh ở lại qua đêm vùng hành quân, nhiệm vụ giữ an ninh cho các đơn vị bạn rút ra bờ biển, và sẽ có tàu Hải quân Việt Nam tới vận chuyển các đơn vị bạn về thị xã Vĩnh Bình. Riêng Trinh Sát 9 sẽ nằm lại, tiếp tục truy lùng ngày kế, phá hủy các địa điểm tiếp tế nhân vật lực của địch, từ đường biển xâm nhập dọc theo ven biển từ Cửa Ba Động đến tận Cửa (biển) Định An, tìm kiếm hai viên phi công của Đệ Thất Hạm Đội mất tích trong vùng.

Trong lúc mở rộng vòng đai giữ an ninh cho đơn vị bạn, tôi nhận ra là nhiều lu nước uống ở trong các công sự của địch nhiễm độc và không thể uống được. Kể cả những vũng nước mặn đọng trên mặt đất cũng bị địch bỏ chất độc. Capt. Muller Thym nhìn thấy một cây AK-47 trong vũng nước mà thấy anh em binh sĩ không buồn lượm, mừng húm, tưởng anh em binh sĩ đơn vị bỏ sót, vội lợi xuống lượm. Anh bị độc, tuy không chết, nhưng chỗ nào nước chạm vào người đều phồng rộp như phải bỏng, phải tàn thương gấp về Hawaii chạy chữa, cả tháng sau mới lành.

Đến bảy giờ chiều thì Trinh Sát 9 đã rút về gần tới địa điểm đổ quân hồi sáng, Khu trục Hạm Newport CA-148 đã bắn dọn an toàn chung quanh đồn địch bỏ trống để chúng tôi nghỉ qua đêm. Những khẩu hải pháo 3 inches đã làm sạch mỗi cạnh 3 miles quanh đồn. Mặt đất rung chuyển như động đất cả tiếng đồng hồ. Tôi đã qua đêm yên ổn, có lẽ địch thấy hải pháo bắn dữ dội quá nên cao bay xa chạy rồi.

Vì ngoài tầm yểm trợ của pháo binh Việt Nam nên ngoài trực thăng võ trang Cobra còn có hải pháo 3" từ Khu Trục Hạm Newport News CA-148 của Đệ Thất Hạm Đội neo tại

cửa Định An yểm trợ.



Khu trục hạm USS Newport News CA-148 với 9 khẩu hải pháo - Turret 3 Firing Mission

<https://www.youtube.com/watch?v=iZynpdqXBmo>
[USS Newport News Ship's Choir, Vietnam 1968](#)

Hôm sau chúng tôi tiếp tục lùng địch sâu vào nội địa, nhưng nước thủy triều trong đêm đã xóa hết dấu vết của địch. Vì nước mặn cũng như những lu khạp nước ngọt của địch trong vùng có độc, chúng tôi yêu cầu tiếp tế nước uống. Những thùng nước đục lấy từ ruộng còn cả rong rêu, được thả xuống từ máy bay, chúng tôi cũng phải uống.

Quanh vùng cửa biển trống trải, không chạm địch, nên lợi bì bơm lục soát đến hai giờ trưa thì được lệnh Zulu (rút lui) ra bờ biển trống trải, để rút về căn cứ tại Sa Đéc. Đơn vị nhanh chóng tập trung và sắp toán tại một ruộng muối gần bãi biển Ba Động. Bãi đất trống trải, các đơn vị của Trinh Sát 9 tản mát trong những lều chứa muối. Vài binh sĩ dùng nón sắt xúc những những con tép bạc hay cua cá còn kẹt lại trong ruộng muối. Độ nửa tiếng đồng hồ sau thì tiếng trực thăng đến. Chúng tôi thả khói hiệu, rồi từng toán tiến ra chỗ trống,

và được trực thăng bốc về sân banh Vĩnh Bình. Tại đây đoàn quân xa của Trinh Sát 9 cũng sẵn sàng di chuyển ngay trước khi trời tối hẳn.

Ngày 29 tháng 12 năm 1968 thì cuộc hành quân Long Phi tại bờ biển Ba Động chấm dứt.

Hành quân trong vùng nước mặn, áo quần ngấm muối loang lổ, thân thể ngứa ngáy, súng cũng bắt đầu lổm đóm hoen rỉ, ai nấy thấm mệt, mong chóng trở về căn cứ để tắm rửa, và bổ sung đạn dược. Toàn đơn vị lên xe để kịp di chuyển về căn cứ. Đường từ Vĩnh Bình về Sa Đéc theo Tỉnh Lộ 7A, phải đi ngang qua Quận Càng Long và Minh. Dù mệt mỏi, nhưng khi ngang qua các Quận Càng Long, Minh Đức, binh sĩ của Trinh Sát 9 vẫn sẵn sàng đề phòng phục kích. Khi đoàn quân xa chờ Trinh Sát 9 về đến ngang xã Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long thì lại nhận được công điện khác, là dừng quân ngay giữa đường để nhận lệnh hành quân mới.

Từ ngày Trinh Sát 9 lãnh thêm nhiệm vụ xung kích, hề thanh toán chiến trường xong, là rút về căn cứ ngay trong ngày, nên ai nấy đều mang tới đa hỏa lực trên người, bớt đi đồ ăn nhiều ngày như thời nhảy toán viễn thám. Chúng tôi liên lạc lại với Phòng 3 hành quân, cho biết Trinh Sát 9 cần bổ sung đạn dược thêm, mới có thể đi hành quân tiếp được. Trong lúc liên lạc qua lại, đoàn xe chúng tôi vẫn tiếp tục di chuyển dần về tỉnh lỵ Vĩnh Long, mục đích là nếu phải nằm lại, thì đơn vị chúng tôi cũng đã ở giữa thị xã, sẽ an toàn nghỉ qua đêm. Cuối cùng, Phòng Hành Quân Sư Đoàn yêu cầu chúng tôi cho biết vị trí đóng qua đêm để sẽ chờ đạn dược tiếp tế đến. Biết không thể di chuyển thêm, đoàn xe đi xuyên thành phố Vĩnh Long và dừng quân tại một trường tiểu học bên phải vệ đường, ngay ngã ba lộ đầu tỉnh Vĩnh Long. Rẽ trái là Quốc Lộ 4 đi Cần Thơ, còn đi thẳng trước mặt thì ra cầu Bắc (Mỹ Thuận). Nơi nghỉ qua đêm có vòi nước của trường học, binh sĩ có thể tắm rửa, nấu nướng cho khỏi ngứa ngáy và nghỉ ngơi qua đêm.

2. Hành quân giải tỏa đồn Thới Hòa, Trà Ôn, Vĩnh Long

Khoảng 9 giờ tối, có một xe Jeep của Phòng Ba Tiểu Khu Vĩnh Long, và một xe GMC chở số đạn mà chúng tôi yêu cầu bổ xung đến. Thiếu Úy trưởng đoàn đến tìm và đưa cho tôi một bao thư mỏng đóng dấu “Tối Mật” của Phòng 3 Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 9. Thấy mỏng nên tôi rọi đèn và mở ngay ra xem. Trong đó, vòn vẹn có một miếng giấy:

“Trinh Sát 9 sẵn sàng tại phi trường Vĩnh Long lúc 5 giờ sáng hôm sau để trực thăng vận.”

Đặc lệnh truyền tin với 2 tần số được kèm theo

1. Làm việc với Tiểu Khu Vĩnh Long trong lúc bay.
2. Tần số truyền tin được đổi để liên lạc thẳng với đơn vị bạn ở dưới đất trong vùng hành quân khi có lệnh.

Đây là một lệnh hành quân thiếu nhiều chi tiết cần thiết.

Chúng tôi đã tham dự đủ kiểu hành quân, giải cứu tù binh (Long Hưng, Sa Đéc, Nhà Bàn Châu Đốc); đột kích đêm (Thới Lai, Cờ Đỏ, Nhà Mân, Cái Tàu Hạ, Nhà Bàn, Châu Đốc..); tiếp cứu và thanh toán chiến trường theo yêu cầu của các đơn vị bạn (Trung Đoàn 14, 15, 16 (13 cũ). Lần nào chúng tôi cũng nhận Lệnh Hành Quân đầy đủ, chứ không có vụ hành quân mà chúng tôi không biết gì về địch tình, địa thế, và cũng âm thầm chẳng có đơn vị nào phối hợp hay trừ bị, yểm trợ.

Trung Sĩ Nhất Lâm Văn Tuyền, Ban 3 đánh đoán và chuẩn bị sẵn bản đồ toàn tỉnh Vĩnh Long cho đơn vị ôm đi theo.

Đồn Địa phương quân Thới Hòa.

Đúng bốn giờ sáng hôm sau, đoàn quân xa Trinh Sát 9, đã có mặt dọc theo phi đạo bên cạnh các trực thăng của 101st US Không Kỵ (US Air Mobile) đang mở máy sẵn chờ. Vừa thấy đoàn xe xuất hiện đầu phi đạo, ba chiếc trực thăng võ trang Cobra cất cánh bay trước ít phút dọn bãi đáp. Kế đó đoàn trực thăng chở chúng tôi nối đuôi lần lượt bay theo ngay chớ không

đội giờ xuất phát. Tôi theo dõi lộ trình trên bản đồ bằng đèn bấm. Theo đội hình hàng một, đoàn trực thăng bay thấp sát nóc nhà, dọc theo Quốc Lộ 4 hướng về Quận Bình Minh, rồi nhắm tỉnh Cần Thơ đèn thấp thoáng đang sáng. Tuy nhiên, vừa ra giữa sông Hậu Giang, thì trực thăng lại chuyển hướng ra biển. Khi bay ngang qua khỏi Quận Trà Ôn bên trái, thì đoàn trực thăng lại đổi hướng bay vô lại đất liền, hướng về Quận Tam Bình.



Áp Tường Hưng, xã Thới Hoà, Trà Ôn, Vĩnh Long (Ngã Ba Rạch Nhà Cháp & Kinh Trà Ngoa) Bắc Hương Lộ 164. Vị trí đồn Thới Hòa, Trà Ôn ngay ngã ba kinh chỗ ngôi nhà ngói đỏ.

Thình lình, Trinh Sát 9 nhận được lệnh đổi sang tần số làm việc với đơn vị bạn bên dưới.

Trong khi bay, chúng tôi vẫn theo dõi lộ trình bay trên bản đồ, nên dễ dàng định tọa độ và địa thế. Đồn nằm ngay Áp Tường Hưng, tại góc phía Bắc của ngã ba Kinh Trà Ngoa và Rạch Nhà Cháp gặp nhau.

Nhìn xuống đất, ba chiếc Cobra võ trang bay đi trước chúng tôi chừng 10 phút đang oanh tạc dọc theo Rạch Nhà Cháp để dọn bãi đáp nơi phía Bắc của đồn.

Qua máy PRC25 đã chỉnh sẵn tần số thứ hai, chúng tôi mở máy liên lạc và hỏi xem đơn vị bạn bên dưới là ai. Lập tức, bên kia đầu máy, một người xưng là Thiếu Úy Đại Đội Trưởng Địa

Phương Quân, Đồn Trưởng Thới Hòa. Anh cho biết đồn anh hiện bị một trung đoàn địch bao vây ngày đêm.

Tôi yêu cầu anh em binh sĩ Địa Phương Quân trong đồn núp cẩn thận kéo lạc đạn. Khi đoàn trực thăng vừa xà xuống đất, ba chiếc trực thăng vũ trang bay cất lên cao và dạt qua hai bên, nhường chỗ cho Trinh Sát 9 xuống và tấn công hai bên cạnh đồn, làm hàng rào hỏa lực yểm trợ Trung Đội Quân Báo của Chuẩn Ủy Vũ Văn Kiệm tiến trực tiếp vô đồn cách bãi đồ quân chừng vài trăm thước

Toán địch bao vây ngoài ruộng trồng trái, khi trực thăng chưa đáp xuống đã tháo chạy về hướng xã Mang Thít, Quận Vũng Liêm, và Càng Long, bỏ lại bên hồ cá nhân còn ướt dầu chơn, những gói cơm vắt và mắm sặt. Đám việt cộng nằm bao vây ngoài đồng trồng, nổi từ bờ kinh Trà Ngoa tới Rạch Nhà Cháp, mục đích của chúng chặn bắt anh em binh sĩ Địa phương quân nếu rút chạy bằng đường về Quận Tam Bình.

Vị anh hùng mà tôi gặp.

Trinh Sát 9 dễ dàng đàn áp địch với hỏa lực hùng mạnh của 11 cây đại liên M60 và cả phóng hỏa tiễn M72, phóng lựu M79. Trời mờ sáng thì Trinh Sát 9 đã làm chủ tình hình quanh đồn, anh em binh sĩ trong đồn vui mừng, quên cả nguy hiểm, leo đứng trên bờ đất cao phòng thủ đồn, chỉ cho chúng tôi những vị trí địch để lực soát.

Những đơn vị Trinh Sát 9 còn lại đã tiến chiếm các mục tiêu hai bên đồn và tiếp tục mở rộng vòng đai an toàn. Lực lượng địch chỉ phản ứng lẻ lẻ rồi tháo chạy theo bờ kinh về hướng Đông Bắc.

Một vị trung sĩ trong đồn gỡ giây leo chằng chịt trên hàng rào, ra hướng dẫn chúng tôi lối vô đồn.

Bây giờ trời đã mờ sáng, đứng trên bờ cao phòng thủ đồn, tôi mới có dịp quan sát. Đồn nằm ngay ngã ba kinh, yết hầu di chuyển bằng đường sông, chở nông sản về Sài Gòn đều phải đi ngang qua đây. Xã Thới Hòa một thời trù phú, bây giờ chỉ

còn lại một cái đồn trợ trụ, giây kẽm gai quanh đồn đứt ngang đứt dọc, giây leo chằng chịt, điều này chứng tỏ đã lâu không còn ai ra vô đồn. Cảnh tượng trong đồn sơ xác vì pháo địch, không còn gì là nguyên vẹn, kể cả cái cây cột antenna duy nhất để liên lạc với bên ngoài cũng bị bắn đứt từ lâu. Trong đồn chỉ có thể liên lạc với bên ngoài vào ban đêm bằng sợi giây điện thoại WD1TT cột vào một cành tre và một người giờ lên cao khi trời tối. Vì thế tín hiệu lúc có lúc không rõ ràng.

Dân chúng xã Thới Hòa, lớp bỏ ra Quận Trà Ôn hay Tam Bình lánh nạn. Phần còn lại bám víu mảnh đất kiếm sống thì phải theo VC, ngày ngày làm ruộng thì phải đóng góp gạo “cứu quốc” nuôi bộ đội công đồn. Vì thế thành ra bên cạnh khắp gạo còn có hũ gạo của “anh chị nuôi”.

Không thấy sĩ quan Đồn Trưởng, tôi hỏi:

- Thiếu Úy đồn trưởng đâu?

Viên trung sĩ này chỉ cho tôi biết chỗ vị sĩ quan Đồn Trưởng núp phòng thủ trong đó. Đó cũng chỉ là một lỗ nhỏ dưới vòng đai phòng thủ vừa người chui. Chui vô trong đó, tôi thấy lờ mờ hai người nhỏ bé, một người ngồi ôm máy truyền tin C10, còn một người dán mắt vô lỗ châu mai, chỉ cho Trinh Sát 9 lục soát các vị trí tình nghi của VC. Sau hàng dừa là vị trí súng cối 82mm của địch. Trước khi là một lỗ nhỏ vừa người chui xuống ít phút, chúng còn pháo kích. Có thể chúng nó không khiêng chạy kịp, nên dấu dưới mấy cái mương quanh. Mùi hôi trong hang tối khiến tôi choáng váng, ngộp thở. Tôi vội chui ra ngoài, hít mạnh mấy hơi mới thấy tỉnh lại, cùng lúc vị đồn trưởng và người hiệu thính viên cũng chui ra theo.

Chào nhau xong, tôi nhận thấy viên đồn trưởng nhỏ nhắn, mặt mày xanh xao, đứng lảo đảo như muốn té. Khi vội đỡ anh đứng vững, tôi thấy anh rất nhẹ và nhỏ thó như một đứa nhỏ. Một người vội mang thùng đạn kê ra phía sau anh để anh ngồi đỡ. Dần cơn xúc động trước tinh thần quả cảm của anh em Địa Phương Quân đồn trú, tôi tự nghĩ rằng anh hùng không

phải tìm kêu từ xa. Họ là những người đang đứng trước mặt, là những anh em gây nham đang bảo vệ từng tấc đất này đây.

Vài phút sau anh mới tỉnh trí. Anh kể tôi nghe, đồn anh gồm một Đại Đội Địa Phương Quân trú phòng, nhưng bị vây đã 11 tháng, cứ mỗi đầu giờ là địch pháo kích, hoặc thấy khói bốc lên nấu cơm là địch lại pháo kích, anh em trong đồn phải ăn gạo sống. Gà trong đồn đẻ, ấp và nở đầy mà không bắt và nấu được. Tình trạng này khiến anh em đồn trú đều bị suy nhược, răng bị rụng hết, ai nấy đi đứng loạng choạng. Bị tấn công liên tục nên đồn bị thiệt hại nặng. Binh sĩ tử thương không chôn cất được, đành phải bỏ họ trong những lu vắn dùng chứa nước. Hiện đồn chỉ còn lại 11 binh sĩ, 11 hạ sĩ quan và anh mà thôi. Suốt ngày đêm địch bắc loa kêu gọi đầu hàng.

Hôm qua, số binh sĩ trong đồn tuyệt vọng, nghĩ họ bị bỏ rơi, muốn đầu hàng, nhưng anh em hạ sĩ quan thì không. Cuối cùng, họ quyết định cùng đồng ý đợi thêm hai ngày nữa mà không có tiếp viện, thì anh em binh sĩ sẽ tự ra đầu hàng, dầu cho anh em hạ sĩ quan có bắn chết họ. Vị Đồn Trưởng liên lạc với Tiểu Khu xin chỉ thị, và được biết sẽ có tiếp cứu hôm nay. Đồn của anh khá kiệt quệ cả đạn dược lẫn thực phẩm chỉ được tiếp tế bằng thả dù. Gạo nặng thì rơi trong đồn, thực phẩm nhẹ thì nuôi địch ngoài hàng rào phòng thủ. Ngay cả cái lon thiếu úy của anh thả xuống, hãy còn máng lủng lẳng ngoài hàng kẽm gai phòng thủ mấy tháng rồi.

Anh kể tiếp, đồn của một người bạn anh đã không đủ sức kháng cự, nên đã đầu hàng VC. Anh bạn này đã bị VC đập bể đầu, nhưng không chết. Anh này đôi lúc được đưa tới trước đồn Thới Hòa kêu anh đầu hàng, mà đầu vẫn còn băng. Anh phải sống vất vưởng trong vùng xin ăn, địch đã không dùng mà muốn trở lại Tiểu Khu cũng không được, vì anh đã giao nạp tất cả vũ khí của đại đội anh cho địch. Từ đó, VC cũng rảnh tay nên dồn mọi nỗ lực tấn công đồn Thới Hòa.

- Chúng tôi nhận lệnh Tiểu Khu xuống đón Thiếu Úy, và

anh em binh sĩ đồn trú về dưỡng quân. Tôi nói.



Hương lộ 907, trái phần dưới bản đồ; Hương lộ 901, phải.

Thiếu Úy Hòa lặng thinh không nói gì cả. Tôi nghĩ có lẽ anh không nhận được tin bỏ đồn nên ngạc nhiên, hay xúc động. Tôi lập lại lần nữa anh mới uể oải đeo cây Carbine M2 đứng lên. Một tay che mắt như bị chói như người mất hồn:

- Bỏ đồn sao, Đại Úy?

Nhìn kỹ con người anh bé nhỏ như đứa nhỏ 12 tuổi, mắt quầng thâm. Anh nhìn quanh rồi đứng yên như pho tượng, người run nhẹ, rồi lại từ từ nhìn xung quanh lần nữa, như cố ghi lại hình ảnh thân yêu quen thuộc lần chót. Ba bờ đất phòng thủ đồn mỗi cạnh chừng 50 thước. Những lỗ hang khoét sâu dưới chân bờ như hang chuột khổng lồ. Xa bên ngoài là lớp rào kẽm gai và concertinas được giăng ra, giây leo chằng chịt, che phủ dưới đó là những lớp mìn bẫy. Những lu, khắp nước sứt mẻ dọc theo bờ đất chỉ có người trong đồn biết lu nào để chứa nước, lu nào chứa xác đồng đội.

Là người lính chiến, tôi hiểu được tâm trạng của anh, những anh em chiến sĩ Địa Phương Quân đã chiến đấu đến phút cuối để bảo vệ từng tấc đất này, bao kỷ niệm đang quay cuồng trong anh, như một cuốn phim bi hùng. Tôn trọng phút riêng tư, tôi đứng yên quan sát, khi anh quay lại nhìn tôi, tôi thấy đôi mắt quầng thâm, có những giọt nước mắt lăn trên gò má. Anh thảng thốt hỏi lại tôi:

- Minh bỏ đồn sao, Đại Úy?
- Phải, tôi nhận được lệnh như vậy.
- Còn những anh em nằm lại trong đồn thì sao?
- Chuyện đó, Tiểu Khu họ phải lo tiếp, nhưng anh em trong đồn cần phải được về nghỉ dưỡng sức.

Đôi đũa kỷ niệm.

Anh nghe vậy, rút trong người ra một đôi đũa đưa tặng tôi rồi nói:

- Đây là đôi đũa gỗ, tôi ngồi canh VC, rảnh lấy một mặt bàn cắm lai chuốt ra, tặng Đại Úy làm kỷ niệm.

Tôi cầm xem rồi đưa trả lại Th/Úy Hòa:

- Đây là kỷ niệm xương máu của Th/Úy, tôi không dám nhận. Nó là linh hồn của nhiều chiến hữu đồng đội mình đã nằm xuống, một báu vật trân quý, Thiếu Úymnên giữ nó.

Không liên lạc được với Tiểu Khu Vĩnh Long, Trinh Sát 9 liên lạc với Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 9 xin quyết định về số phận anh em binh sĩ đồn trú. Tôi được lệnh là, giúp hộ tống di tản tất cả anh em Địa Phương Quân bằng đường bộ về Quận Càng Long, rồi từ đây sẽ dùng quân xa đưa họ về Tiểu Khu Vĩnh Long. Qua bản đồ, chúng tôi thấy anh em Địa Phương Quân sức khỏe rất sa sút, vũ khí của cả một đại đội Địa Phương Quân còn lại khó có thể di chuyển được một đoạn đường xa. Chỉ còn hai giải pháp khả thi:

1. Nếu trực thăng đến đón chúng tôi về, Trinh Sát 9 sẽ để cho anh em Địa Phương Quân đi trước với vũ khí cơ hữu của họ. Còn Trinh Sát 9 chúng tôi sẽ ở lại, thì sẽ phá hủy đồn, và rút về sau.

2. Nếu không có trực thăng bốc về, thì chúng tôi sẽ đưa mọi người sang bên kia bờ kinh Trà Ngao, rồi rút về xã Mang Thít, từ đó có thể di chuyển về Long Hồ (địa bàn Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 16) và về Vĩnh Long. Với giải pháp sau này, chúng tôi

sẽ đi trong tầm yểm trợ pháo binh. Lộ trình này sẽ phải băng đồng 20 cây số, nhưng tương đối an toàn hơn là rút về hướng Quận Tam Bình để làm mồi cho địch bắn sê.

Trong lúc còn cố bắt liên lạc với Tiểu Khu, chúng tôi nhận được tin khoảng một giờ nữa, đơn vị Trinh Sát Trung Đoàn 15 do Trung Úy Chương (lời) sẽ đổ xuống tăng cường. Tôi quyết định nhanh, đưa gấp anh em Địa Phương Quân ra bãi đáp. Do đó, chúng tôi chia làm hai nhóm, một nhóm hộ tống anh em Địa Phương Quân ra bãi đáp trước, một nhóm ở lại phá hủy đồn. Đạn dược, thuốc nổ thì gom lại để công binh phá hủy trước khi chúng tôi rút đi,

Khi người lính Địa Phương Quân cuối cùng được chúng tôi diu ra khỏi đồn thì Th/Úy Hòa mới chịu rời đi, có lẽ anh còn bịn rịn không nỡ bỏ lại những đồng đội đã nằm xuống còn ở trong lu. Đi khỏi đồn vài bước thì anh té xuống, chúng tôi phải cho người cõng anh ra bãi đáp, phần vì suốt thời gian dài ngồi chiến đấu, sức khỏe anh đã suy sụp, nhưng ý chí chiến đấu của người chiến sĩ VNCH không cho phép anh gục ngã, bây giờ anh mới bị kiệt sức. Anh còn phều phào nói:

- Dân trong làng đều là VC, họ đã tiếp tay nuôi dưỡng chúng, và kêu gọi chúng tôi đầu hàng, chúng tôi có thể bắn để trả thù cho những người đã nằm xuống mà không sợ oan.

Tôi chỉ âm ừ để anh yên lòng rời về bệnh viện. Đâu đó trên hàng rào kẽm gai vẫn còn cặp lon Thiếu Úy mà anh chưa có dịp được chánh thức mang. Cặp lon Chuẩn Úy trên vai anh vẫn ngạo nghễ chỉ huy giữ vững tiền đồn, chỉ có những người có lý tưởng quốc gia mới bền bỉ chiến đấu lâu như vậy.

Cuộc di tản hoàn tất, Trinh Sát 9 rút về căn cứ nghỉ ngơi.

(Còn Tiếp Tẩn Công Vị Trí Đồn Thới Hòa)



Đề Phòng

Phạm Kim Khôi, Khóa 19

Kẻ thù đang tìm cách
Thay máu các hội đoàn
Trước 75 liên quan
Miền Nam ta thuở đó

*Chúng để mắt dòm ngó
Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan
Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam
Mục tiêu cần đánh phá*

Chiêu đầu chúng phụ họa
Cho cái Tổng đâm ngang
Chiêu sau chúng đánh giá
Cho cái Tổng kết đoàn

*Nay chúng muốn bứng cả
Võ Bị Nam Cali
Nòng cốt phải triệt đi
Hội trưởng bầu lại mới*

Chúng phát thư kêu gọi
Các hội viên đi bầu
Đồng bọn bàn với nhau
Nhỏ cò nhỏ tận rễ

*Nhưng mạnh tâm độc kế
Thay máu các hội đoàn
Đã không quá dễ dàng
Như kẻ thù mong muốn*

Võ Bị không bị cuốn
Vào âm mưu tối đen
Cái hội vẫn giữ nguyên
Kỷ cương và truyền thống

Võ Bị Vẫn Đoàn Kết Từ Lâu

Tập thể Cựu Sinh Viên Sĩ Quan
Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam
Kể từ khi thành lập Tổng Hội
Tinh thần đoàn kết rất minh quang

*Bỗng dưng lò ra cái hội mới
Vỗ ngực rồi bắc loa kêu gọi
Võ Bị hãy đoàn kết với nhau
Võ Bị vẫn đoàn kết từ lâu*

Trong khi tập thể không ngờ đã
Chọn làm Tổng Hội Trưởng phá hôi
Đoàn kết quay lưng theo cái gọi
Trùng tu chổi bỏ chính danh rồi

*Nội ứng ngoại nhập đã hện gập
Hai thân điều khiển bởi một đầu
Hành động tiếm danh xúc tiến gập
Đoàn kết giòi trong xương rúc sâu*

Tập thể Cựu Sinh Viên Sĩ Quan
Vạch mặt bè lũ tay trong đang
Ra sức toan xé nát Tổng Hội
Ngoạc mồm đoàn kết nỏ mồm gian



KIỆP THUYỀN NHÂN

Vĩ Vân, Khóa 20/1

“... Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên. Như dòng sông nước cuộn quanh buồn, như người đi cách mặt xa lòng. Ta nhủ thăm em có nhớ không?”

Sài Gòn ơi! Đâu những ngày khi thành phố xôn xao, trong niềm vui tiếng hỏi câu chào, sáng đời tươi thắm vạn sắc màu. Nay còn gì đâu?

Sài Gòn ơi! Đâu những ngày mưa mùa khoác áo đi, đâu quây hoa quán rượu đêm về, đâu rộn ràng giọng hát Thái Thanh...?”

Bài hát của người ca sĩ trên Tivi làm tôi chột ngậm ngùi, xót xa, lòng dâng lên một nỗi buồn vời vợi. Đúng thế, sau Ngày 30 Tháng Tư năm 1975 chúng ta đã mất Sài Gòn, nó đã bị thay bằng một cái tên khác. Chẳng những vậy, chúng ta mất cả Huế, Nha Trang, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Cần Thơ, Cà Mau,... mất cả miền Nam Việt Nam yêu dấu.

Bây giờ là tháng Tư rồi. Ngoài sân những cánh hoa đào cuối mùa bắt đầu rơi lả tả theo cơn gió nhẹ thoảng qua, những nụ hoa Jacaranda bắt đầu chớm nở để chào đón mùa Hè tươi vui ấm áp sắp đến trên đất nước Tự Do. Tuy nhiên, tháng Tư cũng lại là tháng lịch sử tang thương của dân tộc chúng ta với bao niềm bi phần lại chậm hiện về. Giờ này niềm đau vẫn

còn đông đầy, còn âm ỉ trong lòng tôi như một dấu ấn hằn sâu không bao giờ nhạt nhòa phai lãng.

Sau những ngày tháng đó, rất nhiều dân miền Nam Việt Nam đã tìm đủ mọi cách để ra nước ngoài tránh chế độ Cộng Sản. Phần lớn họ đi bằng đường biển trên những chiếc tàu nhỏ, lớn đủ loại, rất nguy hiểm và đã được thế giới gán cho một cái tên vừa đáng thương vừa mai mỉa là Thuyền Nhân (Boat People).

Ký ức của tôi chợt dừng lại khi có tiếng điện thoại reo. Đây đây là giọng nói của đứa em họ, con cậu tôi từ Toulouse bên Pháp gọi sang. Sau những câu chuyện hàn huyên, thăm hỏi sức khỏe cho nhau, chợt em hỏi tôi:

- Chị ơi, chị còn nhớ dì Sáu của em không? Em vừa mới nói chuyện với Minh, con của dì Sáu ở miền Bắc nước Mỹ. Minh kể lại câu chuyện vượt biên ngày trước của mình cho em nghe. Ôi! Dù chuyện đã xảy ra lâu rồi nhưng em vẫn cảm thấy đau lòng, thương cảm làm sao, chị ạ!

- Ô! Chị có biết câu chuyện. Khi chị ở trại tỵ nạn Galang - Indonesia chị có gặp Minh và đã được nghe kể lại, nhưng chị không ngờ Minh lại là anh họ của em.

Tôi hồi tưởng lại thời gian đó vào giữa tháng Tư năm 1985.

Sau khi chồng tôi được trở về từ trại tù ít lâu, chúng tôi đã tìm cách vượt biên ra khỏi nước.

Chuyến đi của chúng tôi vô cùng gian nan và nguy hiểm, đã mất hơn một tháng dài đi qua các đảo của Indonésia như đảo Paulaulaut, đảo Sédanau, đảo Kuku, và trạm sau cùng là đảo Galang, trung tâm tị nạn lớn nhất tại Indonesia do Cao Ủy Liên Hiệp Quốc lập ra. Nơi đây những người tị nạn sẽ được gặp gỡ phái đoàn của các quốc gia như Mỹ, Canada, Pháp, Anh, Úc và các nước tự do khác. Những người tị nạn nếu được một quốc gia nào nhận thì sẽ vào khóa học Anh Văn trước khi được sang quốc gia đó.

Những ngày tháng ở trên đảo Galang tôi đã được nghe bao nhiêu câu chuyện đau đớn, nát lòng của những người thật tội nghiệp được mang danh là thuyền nhân (boat people), những người đi tìm tự do trên con tàu nhỏ mong manh, mà sống chết chỉ trong đường tơ kẽ tóc.



Có câu chuyện của hai chị em gái bị hải tặc Thái Lan cưỡng hiếp trên tàu. Ai cũng hiểu đó là một điều đau khổ ngoài ý muốn, nhưng nhiều người vô ý thức nên khi lên đến đảo họ thường xì xầm chê bai hai cô. Đến một đêm vì không chịu đựng được nỗi khổ tâm, nhục nhã, hổ thẹn hai cô đã đi ra gốc cây đa cổ thụ của khu Galang II treo cổ tự tử. Nghe vài người nói rằng có lẽ vì linh hồn hai cô không siêu thoát nên đêm đêm người ta nghe có tiếng khóc than rên rĩ ở gốc cây đa. Những người tị nạn đã động lòng thương tâm nên lập một ngôi miếu ngay chỗ hai cô đã tự tử để thờ cúng cho ấm lòng người bạc mệnh.

Mỗi lần tôi đi ngang qua miếu đều thấy có nhang đèn, hoa quả của những người tốt bụng cúng kiến.

Có cảnh vợ khóc chồng, con đã chết trên biển cả, hoặc chồng khóc vợ đã chết vì kiệt sức, đói khát mà qua đời ngoài trùng khơi xa thẳm.

Còn biết bao nhiêu câu chuyện đau lòng khác nữa nhưng câu chuyện của một thanh niên khoảng 17-18 tuổi đã làm tôi rơi nhiều nước mắt vì có những nạn nhân là người quen, người cùng quê hương với tôi.

Thời gian đã quá lâu, mấy mươi năm rồi nhưng tôi vẫn còn nhớ câu chuyện của cậu thanh niên tên Minh kể lại (mãi đến bây giờ tôi mới biết Minh là cháu vợ của cậu ruột tôi).

Ngày đó tôi đã gặp em Minh trên đảo Galang với gương mặt thất thần, nét kinh hoàng còn đọng trên gương mặt thiếu niên khi em thuật lại chuyến đi của mình cho mọi người nghe:

- “Tôi là người ở tỉnh Cần Thơ. Vì tôi sắp sửa bị đi “nghĩa vụ quân sự” sang Kampuchia (bị Việt Cộng bắt đi lính) nên ba mẹ tôi tìm mọi cách cho tôi vượt biên ra nước ngoài. Tôi đã đi rất nhiều chuyến nhưng đều bị thất bại. Đôi lúc tôi cũng nản chí không muốn đi nữa. Tuy nhiên viễn ảnh đi lính cho VC làm tôi sợ hãi nên vẫn tìm cách tiếp tục vượt biên, không được chuyến này thì tìm chuyến khác cho tới lúc thành công mới thôi.

Vào một ngày kia có người trung gian của tổ chức vượt biên tìm đến ba mẹ tôi cho biết sắp có một chuyến đi rất tốt, tàu đậu ngay bến sông chợ Cần Thơ, được xuống “cá mập”* luôn không cần phải đi “tắc xi”**. Ba mẹ tôi mừng rỡ và đưa trước cho ông ta một số vàng.

Đến ngày hẹn, người trung gian dẫn tôi xuống bến sông Cần Thơ chỉ cho tôi một chiếc ghe bầu chở khóm. Tôi đã có kinh nghiệm vượt biên nhiều lần rồi nên khi nhìn thấy bảng số ghe: Hậu Giang số... tôi nhẩm tính cộng lại thì ra con số bù” nên tôi hơi lo sợ. Vì ba mẹ tôi đã đưa tiền trước rồi tôi không thể quay về, đành bước xuống ghe.

Khi ngồi trong ghe lòng tôi hồi hộp không yên vì số của ghe là số bù (không có điểm nào) và chiếc ghe là loại ghe bầu tức là ghe có mũi bầu tròn chỉ có thể đi trong kinh rạch, sông ngòi không có sóng to gió lớn. Loại ghe đi biển phải có mũi

nhọn và cao mới có thể lướt sóng được. Tôi chỉ còn biết đọc kinh cầu nguyện và phó mặc số mạng cho Bề Trên định liệu.

Vì ghe đậu ngay bên sông chợ nên người mua kẻ bán tấp nập không ai để ý ai. Số hành khách từ từ được chuyển xuống ghe, số khóm trên ghe vơi đi vì được chuyển sang ghe khác như một sự giao hàng, đổi chác bình thường. Cuối cùng thì chỉ còn khóm ở phía trước và phía sau ghe, chính giữ ghe toàn là người. Tàu rời bến và chạy dọc theo dòng sông hướng về cửa biển, qua những trạm kiểm soát đều êm xuôi vì chắc người tổ chức có chi tiền cho Công An VC mua bãi, bến rồi.

Khi tàu ra khỏi hải phận Việt Nam, số khóm còn lại được vớt xuống biển hết và chúng tôi đã nhìn thấy được ánh sáng mặt trời.

Qua hai ngày sau thì lương thực cạn dần và chẳng bao lâu hết sạch, ngay cả xăng dầu cũng không còn nên tàu không chạy được đành trôi lênh đênh trên biển cả. Những người tổ chức vượt biên thường là vậy, họ chỉ cho một ít lương thực, xăng dầu rồi đẩy tàu ra biển có ra sao cũng mặc. Họ bảo khi ra khỏi hải phận Việt Nam có tàu ngoại quốc nhiều lắm, người ta sẽ vớt tàu mình.

Số người trên tàu vì say sóng, vì đói lạnh nên đều mệt nhỏi, rời rã. Cho đến đêm thứ ba vào khoảng 3, 4 giờ gì đó bỗng có một chiếc tàu lớn chạy gần đến tàu của chúng tôi, mọi người mừng rỡ, lạy tạ ơn Trời Phật. Khi chiếc tàu lớn đến gần mọi người mới nhận ra đó là tàu đánh cá của Thái Lan. Những truyền thuyết về hải tặc Thái Lan khi còn ở Việt Nam chúng tôi đã nghe quá nhiều rồi nhưng chúng tôi không làm sao tránh khỏi, họ đã đến gần tàu tôi. Chúng tôi chỉ cầu mong sao gặp được người tốt, trên đời cũng có kẻ xấu người tốt chứ! Họ cho tàu cặp sát tàu chúng tôi, một thủy thủ Thái nhảy qua tàu tôi, hấn ta dùng một dây cáp lớn cột tàu tôi và tàu họ lại với nhau rồi kéo tàu tôi đi. Mọi người trên tàu mừng rỡ vì nghĩ rằng họ sẽ kéo giùm chúng tôi vô đất liền trao cho một trại tị nạn nào

đó.

Khi họ kéo tàu tôi đi được một khoảng, họ bỗng ngừng lại và nhảy sang tàu chúng tôi, xét tất cả người trên tàu, lấy hết của cải chúng tôi mang theo. Lạ lùng thay không một ai phản kháng dù họ chỉ có dao và búa không có súng đạn chi cả. Một điều lạ nữa là họ chỉ có khoảng hơn mười người thôi trong khi trên tàu tôi có cả 100 người già, trẻ, bé, lớn.

Sau khi lấy hết của cải, họ bước trở ra phía trước tàu. Một tên Thái Lan nhìn thấy cô gái trẻ hấn ta bỗng dừng lại đưa đôi mắt rực lửa nhìn cô. Cô gái sợ hãi kêu rú lên thất thanh, hấn liền đưa chiếc búa sắc bén lia ngang cổ cô gái, một vòi máu phún ra và cô gái ngã quỵ. Thật kinh hồn khi thấy họ giết người dã man như vậy, nhiều bà lớn tuổi trên tàu sụp lạy chúng xin tha chết, chúng chẳng nói năng gì rồi trở về tàu và chặt đứt sợi dây cáp. Chúng tôi nghĩ rằng họ đã tha chết cho chúng tôi, tuy thoát chết nhưng vẫn lênh đênh ngoài biển cả trong cơn đói khát hoành hành.

Nào ngờ sau khi chặt đứt dây cáp, họ cho tàu chạy ra xa một chút rồi bỗng quay đầu lại, dùng mũi tàu nhọn của họ đâm mạnh vào tàu của chúng tôi. Sức đụng mạnh làm một số người đứng trước mũi tàu bị văng xuống biển. Bây giờ chúng tôi đã hiểu họ muốn giết hết chúng tôi để phi tang, không còn nhân chứng để tố cáo họ trước Cao Ủy Liên Hiệp Quốc khi đến nước thứ ba.

Tiếng khóc than, tiếng kêu trời, lời trần trối vang vang hòa lẫn tiếng gió, sóng gào trong đêm đen nghe rợn người. Bề Trên còn thương xót tôi, trong lúc thập tử nhất sinh, lúc tột cùng tuyệt vọng tôi nhìn thấy một bình xăng bằng nhựa trước mắt. Với kinh nghiệm vượt biên nhiều lần và bản năng tự vệ, tôi chộp lấy bình xăng và cởi bỏ ngay cái quần jean cùng với chiếc áo sơ mi đang mặc, chỉ còn mặc cái áo thun lót và cái quần đùi cho nhẹ nhàng.

Tàu hải tặc cứ lùi ra xa rồi quay đầu lại tiếp tục đâm mạnh

vào tàu tôi. Số người rơi xuống biển càng nhiều. Tàu chúng tôi bị thủng nhiều lỗ, nước bắt đầu tràn vào và tàu từ từ chìm xuống cùng một lúc với bao tiếng thét kinh hoàng tuyệt vọng. Tôi vội vàng ôm bình xăng nhảy xuống biển.

Những người trên tàu kẻ bị văng xuống biển, kẻ tự nguyện nhảy xuống, những người còn kẹt giữa tàu vì nước tràn vào nên đành chết ngộp trong đó. Thật bi thảm làm sao!

Lúc đó vào khoảng bốn, năm giờ đêm, trăng mờ nhạt không nhìn rõ mọi vật nhưng họ dùng đèn pha soi rọi khắp nơi trên mặt biển. Tội nghiệp cho những kẻ còn chút hơi sức, cố dùng tàn lực đang bị bả, bị bõm lội loi ngoi trên mặt biển với hy vọng kéo dài sự sống thêm chút nữa. Nhưng kẻ ác nào chịu buông tha. Họ quay tàu lại chạy trên đầu những người khốn khổ, cho “chân vịt” của tàu chặt chết hết. Bọn họ còn dùng búa và dao cùi xuống chém vào đầu những người còn đang boi ngoi ngóp dưới biển.

Làm như vậy khoảng chừng 20 phút cho tới khi mặt biển trở lại bình thân không còn dao động, khi biết chắc những thuyền nhân Việt Nam đã chết cả rồi họ mới chịu quay tàu bỏ đi.

Nhờ ánh trăng mờ nhạt và tôi đã để bình xăng lên đầu nên bọn hải tặc nghĩ đó chỉ là cái bình xăng trôi, vì thế tôi theo dòng nước trôi ra xa nên thoát được tai kiếp.

Khi thấy tàu họ đã đi xa rồi tôi mới ngoi đầu lên và nằm dài trên bình xăng vì mệt, sợ hãi và lạnh. Sóng biển đưa tôi trôi đi, trôi mãi. Tình cờ có một bình xăng nữa từ đâu trôi đến gần tôi cùng với một túi nylon. Tôi vớt bình xăng và túi nylon đó, trong túi là me ngào đường. Tôi cởi áo thun rồi cột hai bình xăng lại với nhau cho chỗ nằm. Chỗ nằm dành cho tôi giờ đã rộng hơn. Tôi thầm cảm ơn ai đó đã cho tôi túi me ngào đường. Người đó chắc đã nằm sâu dưới lòng đại dương rồi. Chắc là có một chiếc tàu nào nữa đã bị họ thủ tiêu trong đêm nay gần đây đây.

Me ngào đường đã giúp tôi rất nhiều nhưng rồi tôi cũng bắt đầu kiệt sức. Tôi nghĩ là mình sẽ chết nơi đây ba mẹ tôi nào hay biết. Mặc cho sóng nước đưa đẩy, tôi cảm thấy rã rời, lâng lâng... chờ rơi vào lòng biển sâu. Trời đã dần dần có chút ánh sáng. Thoáng thấy xa xa có một chiếc tàu lớn đang chạy tới, tôi cố dùng hết tàn lực tuột chiếc quần đùi của tôi đưa lên ra dấu vẫy gọi. Thật may mắn vô cùng họ đã nhìn thấy tôi qua ống nhòm nên cho tàu chạy thẳng về phía tôi. Sau đó tôi bất tỉnh không còn biết gì cả.

Khi cảm thấy có hơi ấm quanh mình và nhiều tiếng nói lao xao, tôi mở mắt ra thấy mình đang nằm trong nhà bếp của một chiếc tàu ngoại quốc. Vì nói được tiếng Anh nên tôi vội hỏi:

- Tôi đang ở đâu đây? Các ông là người nước nào?

Một người đứng trước mặt tôi cầm ly rượu đưa tôi:

- Em uống đi cho ấm rồi hãy nói chuyện.

Sau khi tôi uống hết ly rượu ngọt, người thấy ấm lại, đầu óc tôi hơi tỉnh táo và tôi đã nhớ lại mọi việc. Tôi lập lại câu hỏi:

- Xin cho tôi biết các ông là người nước nào? Tàu này là tàu gì?

- Tàu chúng tôi là tàu đi đánh cá. Chúng tôi là người Thái Lan nhưng đánh cá mướn cho Singapore. Tàu còn đi trên biển khoảng một tuần nữa mới về. Chừng đó em sẽ về Singapore với chúng tôi, em chịu không? Nhưng nói cho chúng tôi biết vì sao em lại như thế này?

Họ là người Thái Lan dù làm việc cho Singapore nhưng nếu tôi nói thật thì có thể vì danh dự dân tộc họ sẽ thù tiêu tôi chẳng? Nghĩ vậy nên tôi nói dối:

- Tôi là người Việt Nam. Tôi đã vượt biên cùng một số đồng bào tôi nhưng chẳng may tàu quá cũ bị sóng làm bể tàu, tàu chìm. Tất cả đều chết hết chỉ có tôi may mắn còn sống sót và được các ông cứu.

Người nói chuyện với tôi là vị thuyền trưởng. Ông lắc đầu

tỏ vẻ thương hại, thông cảm và nói:

- Thôi em hãy nghỉ ngơi rồi chúng tôi sẽ đưa em về Singapore, nơi đó có đại diện của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc, người ta sẽ giúp em đi đến nước thứ ba.

Sau đó họ mang cho tôi một đĩa cơm và bảo tôi ăn rồi nghỉ tạm dưới bếp chờ họ sắp xếp chỗ cho tôi. Tôi chỉ ăn được một ít thôi, phần vì quá mệt, phần vì còn bàng hoàng kinh hãi và đau xót cho đồng bào mình đã chết quá oan uổng.

Tôi lên mang đĩa cơm ra ngoài thành tàu van vái vong linh những người cùng đi chung trên chuyến tàu với tôi, rồi tôi đổ đĩa cơm xuống biển cúng họ.

Lòng tôi lúc nào cũng buồn thảm bi ai và bị ám ảnh vì cái chết đau thương của những người đồng hương nên tôi không thấy thoải mái khi ở chung với những người Thái Lan, mặc dù họ cũng tử tế với tôi.

Hai hôm sau thấy dạng một chiếc tàu nhỏ từ xa chạy đến. Các thủy thủ nhìn qua ống nhòm họ cho đó là chiếc tàu của người Việt Nam vượt biên. Họ hỏi tôi có muốn đi chung với những người trên tàu đó không vì theo họ nghĩ thì chiếc tàu nhỏ đó đang đi về hướng Indonésia.

Tôi mong được cùng đi với người nước mình nên trả lời với họ là muốn. Họ tặng cho tôi một áo thun, một quần jean, hai lon nước ngọt rồi thả tôi lên một cái phao và đẩy tôi đến gần chiếc tàu kia. Khi họ nhìn thấy tôi được người trên chiếc tàu nhỏ kéo lên chắc chắn rồi mới quay tàu bỏ đi.

Quả đúng như vậy, đó là tàu của những người Việt Nam vượt biên. Tôi được lên tàu của người đồng hương mình và sau cùng thì tôi đã đến được Galang. Kỷ niệm đau thương này có lẽ sẽ theo tôi suốt đời, đến chết cũng không thể nào quên...”

Câu chuyện em Minh kể lại đã làm rơi nước mắt bao người trên đảo Galang thời đó. Những gì tôi còn ghi nhớ được chỉ

có vậy thôi, cho tới ngày nay khi nghĩ đến tôi vẫn nghe lòng
nghèn nghẹn xót xa. Thương thay cho một dân tộc điều linh,
thống khổ vì đâu?

Còn biết bao nhiêu giai thoại về thuyền nhân không bút
mực nào tả hết được.

* * *

Sau một thời gian dừng chân ở Galang - Indonésia, gia đình
tôi được chính phủ Hoa Kỳ chấp nhận cho vào nước Mỹ định
cư.

Đã mấy mươi năm rồi, chúng ta đã trải qua bao đắng cay
tủi nhục, bao gian nan nguy hiểm. Những đau thương, thống
khổ đều phát sinh sau ngày 30 tháng Tư đen 1975. Cả Miền
Nam như rơi vào địa ngục, bao nhiêu quân dân các cấp phải
lâm cảnh lao tù, nhất là những người lính Việt Nam Cộng Hoà
ở trong trại cải tạo. Các anh trong tù có những nỗi đau, nỗi khổ
nhục của các anh; những người vợ trẻ chúng tôi ở ngoài cũng
có những nỗi đau, nỗi nhục của chúng tôi, còn những đứa con
thơ bị xã hội bấy giờ bạc đãi, chà đạp... nói làm sao hết lời!

Thời gian đã quá xa xôi, tóc xanh ngày nào giờ đã bạc màu
theo năm tháng, nhưng nỗi buồn vong quốc vẫn còn nghèn
nghẹn trong tim người dân Việt có lẽ đến muôn đời trọn kiếp.

Trong cơn gió nhẹ của Tháng Tư buồn tôi chỉ còn biết thầm
cảm ơn những người lính chiến Việt Nam Cộng Hoà năm xưa
đã nằm xuống trên mảnh đất quê hương để bảo an dân quốc.
Những người lính chiến may mắn còn sống sót sau cuộc chiến
tang thương, những người lính còn được trở về từ trại tù Cộng
Sản, tất cả đều là những người đã vì tổ quốc, dân tộc mà hy
sinh. Tôi cũng thầm cầu nguyện cho hương hồn của những
người Việt Nam đã vì đi tìm hai chữ Tự Do mà phải bỏ mình
trên biển cả hay một xó rừng nào đó... được an nhàn thênh
thang nơi cõi vĩnh hằng.

Cali- Một tháng Tư buồn.

Cái Duyên Với Đà Lạt

Tôn Thất Diên, Khóa 10

(Cựu Trưởng Khoa Anh Văn TVBQGVN)

Bài viết này đề cập đến cái ‘tôi’ hơi nhiều, nhưng không tránh được. Bạn nào thường ghét cái tôi thì xin vui lòng bỏ qua. Nội dung bài viết liên quan đến những kỷ niệm với thành phố Đà Lạt và nguyên nhân đưa đến cuộc sống nơi này trong gần mười năm trước khi di tản.

Ngoái nhìn lại từ cái tuổi đã quá ‘thất thập cổ lai hy’, tôi thấy cuộc đời sao mà rắc rối quá. Đức Phật dạy đời là vô thường, là bể khổ, trong khi Chúa lại chịu đóng đinh để gánh hết mọi tội lỗi của con người.

Đời không đáng sống như vậy mà thiên hạ vẫn tiếp tục sinh con, đẻ cái như một cái máy. Đối với một số người thì đó là bản phận, đối với một số người khác thì đó là vinh dự.

Đa số phụ nữ xem việc mang nặng đẻ đau là một niềm vui, con lọt lòng mẹ mà khóc oe-oe thì dù vừa trải qua những cơn đau khủng khiếp vẫn mỉm cười sung sướng.

Mà nghĩ cho cùng thì tiếng khóc của hài nhi chắc chắn không phải là sự biểu lộ của vui mừng, không phải như người lớn một đôi khi cảm thấy hân hoan quá đến nỗi bật khóc. Trừ một vài trường hợp ngoại lệ như vậy, trên thế gian này, có thể

nói mà không sợ sai lầm là tiếng khóc chỉ là hệ lụy của một hoàn cảnh đau đớn, tuyệt vọng, một nỗi khổ đang chịu đựng. Hải nhi khóc có lẽ là vì nó không hài lòng với sự ra đời của nó. Nó có muốn hiện diện trên cõi đời này không? Không ai biết, vì có ai hỏi ý kiến nó đâu.

Từ cái mốc sơ khởi trong cuộc đời nó là sinh ra, nó đã không có được cái quyền tự do quyết định cho bản thân về giới tính, về chủng tộc và giai cấp của những người sẽ nuôi dạy nó, và về bao nhiêu thứ phức tạp, rắc rối mà khi lớn lên nó phải đương đầu để sinh tồn, không thể trốn tránh đâu được.

Ấy vậy mà riêng tôi đến giai đoạn sắp rời bỏ cuộc đời đầy đau khổ này để trở về với cát bụi, với hư vô, tôi cảm thấy không ân hận lắm. Bảo là không ân hận gì cả hay ân hận vô cùng thì hơi ngoa. Tôi đã trải qua thời niên thiếu trong cảnh nghèo, lớn lên trong chiến tranh cùng với những năm dài tù tội trong các trại tập trung “cải tạo” của Việt Cộng, nhưng so với bao nhiêu người khác, tôi thật tình nhận ra tôi đã được Trời ưu đãi với nhiều may mắn. (Bạn nào không tin ở Trời thì xin bỏ qua những điều suy nghĩ ‘vớ vẩn’ của tôi.)

Tôi xin cảm ơn Trời và cảm ơn cha mẹ tôi đã sinh ra tôi, nuôi dưỡng và dạy dỗ tôi được như ngày nay. Dĩ nhiên tôi không quên cảm ơn tất cả những ai đã trực tiếp hoặc gián tiếp, nhiều hoặc ít, tích cực hay tiêu cực, ảnh hưởng đến cuộc đời tôi mà tôi không sao kể hết được, luôn cả các bạn đang đọc bài viết ‘lắm cảm’ này.

Trong hơn năm mươi năm trưởng thành, thời gian sống ở Đà Lạt là thời kỳ đáng nhớ nhất của tôi với cuộc sống tại một thành phố rất đặc biệt của quê hương trong không khí mát lạnh dễ chịu.

Do đất nước nằm trong vùng nhiệt đới, nên thành phố Đà Lạt được rất nhiều người Việt Nam và ngoại quốc mơ ước đến sinh sống. Nhờ Trời, tôi đã may mắn đạt được ý nguyện, một phần lớn nhờ... tiếng Anh! Nghe có vẻ khó tin, nhưng đó là sự

thật. Bốn năm ở trung học phổ thông trường Khải Định Huế, tôi thuộc loại học trò giỏi Toán và Pháp Văn trong khi khả năng Anh Văn thì chỉ ở mức trung bình. Sau khi xong lớp Đệ Tứ, tôi phải bỏ học đi làm kiếm tiền giúp cha mẹ đang vất vả nuôi sống gia đình. Làm chưa được một năm thì có lệnh động viên đi Thủ Đức gửi đến nhà (vì không còn đi học nên không được hoãn dịch) cùng lúc có thông báo rộng rãi về cuộc thi tuyển vào Trường Võ Bị Liên Quân ở Đà Lạt.

Tôi ngu ngơ nghe nói đến Đà Lạt là nghĩ tới ước mơ lâu nay và thấy dường nào cũng phải đi lính bảo vệ miền Nam chống cuộc xâm lấn có Việt Minh (chưa biết rõ Cộng sản) có vẻ kéo dài nên tôi nộp đơn thi vào Đà Lạt, có nghĩa là chấp nhận mặc áo ‘nhà binh’ suốt đời.

Ngày tôi báo tin xa nhà để đi Đà Lạt trong tâm trạng buồn nhiều hơn vui, cha tôi thần thờ còn mẹ tôi thì khóc ràn rụa, mất ăn mất ngủ. Bà chỉ cười tươi khi tôi trở về sau chín tháng vắng mặt.

Vì thuộc mạng hỏa nên tôi mê cái lạnh của Đà Lạt (*lấn đôi má hồng của các nàng thiếu nữ*), tôi nghĩ có thể xin ở lại làm huấn luyện viên. Tuy nhiên, tôi không đành lòng để mẹ tôi buồn rầu vì xa đứa con trai đầu. Tôi được đóng đồn cách xa Huế khoảng 15 đến 20 cây số (may mắn được Trời cho), tương đối an toàn, hàng tuần có thể về nhà.

Sau Hiệp Định Genève tháng 7-1954, tôi được chuyển về làm việc ngay trong thành phố nhưng chỉ ít lâu thì được gọi theo học một lớp quân sự bổ túc ba tháng tại Đà Lạt. Lại Đà Lạt! Lần này tôi thân thiết hơn với Đà Lạt vì được tự do hơn, thoải mái hơn, tuy thời gian có ngắn ngủi. Tôi có linh tính là thế nào tôi cũng sẽ trở lại nữa, dù chưa biết chắc sẽ trở lại như thế nào.

Về Huế làm việc văn phòng ở đơn vị mới ngay trong thành phố (cũng Trời cho, không quen ai) tôi tự học ráo riết để thi Tú Tài. Tôi được tin vui may mắn đã qua được Tú Tài 1 sau

hai năm miệt mài, chỉ một ngày trước khi vào Sài Gòn học Anh Văn tại Hội Việt-Mỹ trong ba tháng do lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu. Cuộc đời tôi bắt đầu đánh với tiếng Anh kể từ đó.



***Khóa 16 trong một lớp học Văn Hóa vào năm thứ hai.
Người ngồi giữa , hàng sau là SVSQ Hoàng Công Trúc (Cán
Bộ Đại Đội Trưởng Đại Đội G, 1966-1970)***

Học xong, lãnh sự vụ lệnh về làm thông dịch viên cho phòng Cố Vấn Mỹ ở Huế, cái bằng Tú Tài 2 lại thôi thúc tôi ráo riết tự học. Đang cắm đầu học được mấy tháng thì được lệnh đi học lớp Đại Đội Trưởng thứ hai tại Fort Benning, Georgia.

Nhờ khá tiếng Anh, tôi được yêu cầu ở lại làm thông dịch viên nhưng tôi xin hồi hương, vì muốn gần cha mẹ và... bà xã tương lai.

Về lại Huế làm việc trong mấy năm, tôi thoáng nghe Bộ Tổng Tham Mưu có kế hoạch chọn người đi học Văn Khoa Sài Gòn để lấy bằng Cử Nhân Giáo Khoa Anh Văn về làm giáo sư cho chương trình huấn luyện bốn năm của Trường Võ Bị Quốc Gia. Tôi nộp đơn (mới vừa đủ điều kiện) và (may mắn có ‘quý nhơn’ ngầm giúp, mãi sau này mới biết) được chọn.

Học xong, tôi rời Sài Gòn lên TVBQGVN Đà Lạt để phục vụ tại Khoa Anh Văn của Khối Văn Hóa Vụ (phân biệt với Khối Quân Sự Vụ lo việc huấn luyện quân sự) để giảng dạy Anh Văn, song song với các môn học của các khoa khác theo đúng chương trình cấp Cử Nhân do Bộ Giáo Dục ấn định.



Khóa 26 (1970-1974)

Thành phần giáo sư nòng cốt của Văn Hóa Vụ, do đó, lần lượt được gửi qua Mỹ học để lấy bằng Master về các lãnh vực chính của đại học. Tôi lại được nằm trong số này. Sau hai năm học tại UCLA (University of California, Los Angeles), tôi hoàn tất bằng M.A. in TESL (Master of Arts in Teaching English as a Second Language).

Về lại Đà Lạt làm Trưởng Khoa Anh Văn, mấy tháng sau tôi được Giáo Sư Phó Bá Long, Khoa Trưởng Trường Chánh Trị Kinh Doanh tiếp xúc và đề nghị tôi thành lập Ban Anh Văn cùng phụ trách mời giáo sư trong chương trình phát triển môn Anh Văn cho trường.

Tôi đã huy động nhiều giáo sư của Văn Hóa Vụ để giúp giải quyết số lượng sinh viên đông đảo của Trường, theo tiêu chuẩn tối đa 30 sinh viên cho mỗi lớp, mỗi tuần học bốn giờ. Vì là sinh viên Chánh Trị Kinh Doanh nên sách giáo khoa cũng được soạn riêng cho họ để tập trung giúp sinh viên nhanh chóng và dễ dàng tham khảo rất nhiều sách bằng tiếng Anh do các trường đại học Mỹ gửi tặng.

Thành công của phần lớn các sinh viên Chánh Trị Kinh

Doanh từ Khóa 8 tại Mỹ (sau năm 1975) có lẽ có sự đóng góp của Ban Anh Văn.

Rất tiếc, cuối tháng 3-1975 là ngày cuối cùng của sự liên hệ gần bó của tôi và bao nhiêu người khác, nhất là các cựu SVSQ/ TVBQGVN, với Đà Lạt mến yêu, không hy vọng gì trở lại. Cho dù nay mai đất nước được tự do, Đà Lạt cũng không còn là Đà Lạt dễ thương của thời trước 1975.

Cuộc xâm lăng tàn bạo bất chấp mọi tiêu chuẩn luật pháp và đạo lý của tập đoàn Cộng Sản miền Bắc đã gây nên một cuộc đời khủng khiếp, xóa tan tất cả. Còn chẳng chỉ là những kỷ niệm trong trái tim và trong ký ức của mọi người dân VNCH ở miền Nam. Trong khi đó, tiếng Anh càng ngày càng phát triển mạnh ở nước Việt Nam Cộng Sản vì nhu cầu thực tế. Có thể đó là triển vọng cho một tương lai tốt đẹp của đất nước.

Cuộc đời của bất kỳ người Việt Nam nào kể từ khi Cộng Sản xuất hiện đều phải trải qua ‘ba chìm bảy nổi’, không nhiều thì ít, được trở về với cát bụi thì yên ổn, còn sống thì còn khổ, cách này hay cách khác.

Như đã ghi ở trên, tôi tự xét thấy mình gặp được nhiều may mắn chứ thật sự chẳng có tài cán gì. Số phận đưa đẩy, ngay cả lúc nằm xuống cũng chẳng biết sẽ ra sao, đi nhanh, êm thắm... hay dây dưa, đau đớn... tùy trời.

Tôi mang ơn rất nhiều người, và riêng đối với sự nghiệp dạy Anh Văn và nơi cư trú thoải mái là Đà Lạt, tôi vẫn ghi nhớ mãi công ơn của ông thầy nhà binh đầu tiên của tôi ở trường Võ Bị, người đã thương mến và âm thầm nâng đỡ tôi, cho tôi bước qua những ngã rẽ sáng sủa để được hưởng những năm tháng rất đáng quý.

Xin muôn vàn cảm tạ Thầy K.

Ngày Tháng Sau Cùng Anh Ở Đâu?

Captovan, K19

Vào những ngày tháng sau cùng của Tháng 3, Tháng 4 năm 1975 anh ở đâu, làm gì, thế nào, tại sao, là đề tài ai cũng thích kể cho người khác nghe và ai cũng thích không muốn nghe người khác kể. Biết vậy nhưng tôi vẫn cứ kể, viết lung tung khắp nơi. Nay nhân dịp kỷ niệm gần 50 năm mất nước, tôi xin trích một vài đoạn gọi là để nhắc cho những đầu bạc ở tuổi cổ lai hy đừng quên những gì mình đã khóc ở tuổi 33. Đàn ông ở tuổi 33 là đang sung sức, tuổi tung hoành mà phải khóc vì mất quân, mất quần áo thì buồn thật! Nay sống kiếp tị nạn tuổi đã 75-80 có thừa, thừa mỡ, mũ áo xênh xang, quên chuyện cũ quay về nơi “tụt quần” năm xưa để tìm niềm vui thì buồn thật!

Ngày 30/4/1975 là cái tang chung của quân dân Miền Nam, mà tang thì dĩ nhiên là buồn rồi! Riêng đối với quân nhân các cấp thì ngoài cái buồn còn bị đau: “Sự nghiệp đang công đeo đuổi” bảo vệ đất nước thì “gãy gánh nửa đường”! Tùy hoàn cảnh lúc xảy ra đại tang, có người muốn quên, muốn chôn sâu; có người thì nhớ mãi, hằng năm vẫn “làm giỗ” cho đồng đội để nhắc cho chính mình bốn phận hiện tại.

Thôi thì mỗi vị ở một hoàn cảnh khác nhau, “bị” ra đi chưa

hắn là đáng trách nếu vào lúc đó không có trách nhiệm gì, không có quân trong tay. Đứng trước tử thần thì khó ai mà không tìm lối thoát, nhưng người ở lại chưa hẳn đã là “anh hùng”.

Các anh chị kể chuyện Tháng Tư ra đi thì tôi xin kể chuyện Tháng Tư ở lại:

Quận Thuần Mẫn mất ngày 7/3/1975, gia đình con gái của anh Cả tôi là hai cháu Liên-Kính đang ở trong quận, không biết sống chết ra sao, chưa biết phiêu bạt nơi nào thì Ban Mê Thuột mất ngày 11/3/75. Dòng dân quân, xe cộ súng đạn chen chân trên Tỉnh Lộ 7B, xác người đứng, ngồi, nằm lại đây.

Nghe radio loan tin chiến sự lan nhanh tới Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng khiến “bu” tôi khóc, vì Đà Nẵng là nơi thắng con út của cụ là Tô Văn Cáp và thắng cháu nội Tô Văn Minh, cả hai là Không Quân, đang ở Đà Nẵng. Mẹ tôi cuống quýt lên, đi không nổi, ngồi không yên, bệt xuống sàn nhà, dựa lưng vào tường, tay lần chuỗi Mân Côi, miệng lâm râm cầu kinh rồi lại hỏi tôi đi hỏi tin tức con cháu của cụ. Tôi biết hỏi ai bây giờ? Thấy bà mẹ quê khóc đứng khóc ngồi, vừa khóc vừa đọc kinh, gọi tên các con cháu khiến tôi phải nghĩ cách nói dối để mẹ an lòng:

- “Mẹ cứ yên tâm, con đã nhờ mấy người bạn ở Tổng Tham Mưu đi tìm hộ rồi.”

Vừa nói dối Bà Mẹ Quê xong thì tôi nhận lệnh ra trình diện ngoài hành quân gấp.

Sáng 19/3/75, tôi vừa đi xin được mấy thùng mìn chống chiến xa từ một người bạn thủ kho đạn ở Long Bình về để tăng cường phòng thủ cho căn cứ Sóng Thần thì nhận được lệnh của Đại Tá Tham Mưu Trưởng gọi ra trình diện hành quân ở Quảng Trị gấp. Tôi đi gặp Tr/Tá Nguyễn Đức Ân, Chỉ Huy Trưởng căn cứ Sóng Thần, nói:

- Tr/Tá cho người sang căn cứ để tôi bàn giao kế hoạch phòng thủ, số mìn chống chiến xa. Tôi cần một ngày bàn giao

và sẽ chỉ ra hành quân ngày 21/3 mà thôi.

Tuy là Chỉ Huy Trưởng Căn Cứ Sóng Thần nhưng Tr/Tá Ân kiêm luôn Trung Tâm Huấn Luyện nên ông bận lo chuyện bên Trung Tâm Huấn Luyện mà giao cho tôi toàn quyền lo việc trong căn cứ. Qua bốn đời chỉ huy trưởng từ Th/Tá Trần Ngọc Toàn, Tr/Tá Lê Bá Bình, Đ/Tá Nguyễn Năng Bảo, rồi Tr/Tá Ân, tôi vẫn là người nhận lệnh và thi hành, nhưng lần này tôi quyết định trước rồi trình sau. Tr/Tá Ân có vẻ không vui nên nói ngắn gọn:

- “Tùy cậu.”

Cùng nhận lệnh với tôi có Th/Tá Doãn Thiện Niệm, anh là Đại Đội Trưởng Đại Đội Thủy Xa (một loại thủy xa kênh cào dùng làm kiếng). Niệm đã đi ngay trong ngày 19/3. Còn tôi, chuyện gia đình đang rối như canh hẹ, tôi mà báo cho mẹ tôi biết rằng tôi phải ra Huế, Đà Nẵng nơi thằng con út và cháu đích tôn của cụ đang ở đó thì chắc cụ thăng thiên sớm, nên tôi đành phải lại nói dối mẹ là đi công tác ở Vũng Tàu.

Đúng lời hứa, tôi đến Bộ Tư Lệnh Hành Quân tại căn cứ Non Nước Đà Nẵng chiều ngày 21/3/75. Vừa thấy tôi, ông L.Q chỉ tay vào mặt tôi và ra lệnh:

- Lệnh gọi từ 19/3, sao bây giờ ông mới ra? Tôi sẽ đưa ông ra tòa án quân sự, bây giờ đi liên lạc với Tr/Tá Phán để phòng thủ căn cứ Non Nước.

À ra thế, tôi đâu có ngờ gặp ông ở đây! Ông đang an bình ở Sài Gòn, bị Tư Lệnh gọi ra hành quân nên ông “hành” cấp dưới, “Tao ra mày cũng phải ra.”

Ruột đang nẫu như dưa hấu phơi nắng, nghe ông mắng và dọa sẽ đưa ta tòa án quân sự khiến tôi cũng phải bật cười, nhưng không nói gì mà coi đồng hồ chỉ ba giờ chiều ngày 21/3/75. Thấy tôi mỉm cười, ông không nói thêm mà bỏ đi. Đây là lần thứ hai tôi bị ông L.Q này hành tôi! Lần trước ở cổng Trung Tâm Huấn Luyện Rừng Cấm, ông đứng với Tr/Tá Ân và mấy bông hoa. Khi ông gọi tôi đến, tôi lái xe jeep

đến tình diện ông không đúng lễ nghi trước bông hoa nên ông thưởng tôi 15 ngày trọng cấm vì tội lái xe jeep không có tài xế. Lần này ông lại nạt nữa, phạt nặng hơn, sẽ đưa tôi ra tòa án quân sự, nhưng vẫn không quên ra lệnh cho tôi phòng thủ căn cứ Non Nước, tại Đà Nẵng.

Phòng thủ cái gì khi trong tay tôi không có quân mà chỉ có cây Colt? Nhiệm vụ phòng thủ là của Tr/Tá Phu Nhơn Nguyễn Văn Phán, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Hành Dinh. Buồn tình tôi đi lang thang, bất ngờ gặp Đ/Úy Lê Quý Bình, cùng Khóa 19 với tôi, chàng hỏi thăm:

- Mày đang ở CC Sóng Thần Thủ Đức mà ra đây làm cái củ cái gì?

- Ông Tham Mưu Trưởng LQ gọi tao ra để hành (quân). Thế mày trông củ cái gì ở đây?

- Tao làm Phó Tiểu Đoàn 18 cho ông Trần Ngọc Toàn.

- Ông Toàn đang coi Tiểu Đoàn 4 mà.

- Ông ấy vừa bàn giao Tiểu Đoàn 4 cho Đinh Long Thành để thành lập Tiểu Đoàn 18.

Đinh Long Thành là người thứ hai của Khóa 19/TQLC được làm tiểu đoàn trưởng sau Trần Văn Hợp trong số hơn 30 tên cùng Khóa cùng Binh Chung. Long Thành “được” bàn giao giữa tiếng súng nổ đạn bay. Tiểu đoàn trưởng chưa kịp biết mặt, biết tên các trung đội trưởng thì cái “Đinh bị Long” ngay tại bãi biển Thuận An. Tiểu Đoàn Phó là Th/Tá Nguyễn Trí Nam và Đại Đội Trưởng Đ/Úy Tô Thanh Chiêu, tử trận, rồi tiểu đoàn bị nạn vào ngày 27/3 trên pháp trường cát Thuận An!

Tình hình chiến sự biến chuyển từng giờ, ai cũng tối tăm mặt mũi, tôi được lệnh vào Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn (TTHQ/SĐ) trong căn cứ Non Nước Đà Nẵng để làm việc, để theo dõi tình hình chiến sự, nhờ vậy mà biết được tin tức các nơi, biết được LĐ.147/TQLC đang bị kẹt tại bãi biển Thuận

An.

Trước khi mất Ban Mê Thuật, ba Lữ Đoàn Dù 1, 2, 3 trấn thủ Đà Nẵng, còn bốn Lữ Đoàn TQLC ở Huế, Quảng Trị. Như vậy là hai Lực Lượng Tổng Trừ Bị bị biến thành Địa Phương Quân và Nghĩa Quân để giữ đất đóng đồn!



Bia mộ được dân địa phương dựng lên để tưởng niệm các anh hùng tử sĩ TQLC đã hy sinh trên bãi biển Thuận An, Đà Nẵng vào Tháng 3 năm 1975.

Ngày 11/3/75 Ban Mê Thuật thất thủ. Ngày 13/3/75 Tổng Thống ra lệnh rút Dù về Sài Gòn làm tổng trừ bị, trong số những anh hùng Mũ Đỏ này hẳn là có nhiều K19 như Hải Khê Đoàn Phương Hải, Triệu Cháy Nguyễn Văn Triệu, Anh Võ Võ Trọng Em v.v... Khi rút Dù từ Đà Nẵng vào Sài Gòn thì TQLC được lệnh kéo ba Lữ Đoàn 258, 369, 468 từ Huế vào Đà Nẵng để trám chỗ trống do Dù rút đi, chỉ còn để lại ở Huế Lữ Đoàn 147 TQLC mà thôi.

Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 147 TQLC là Đ/Tá Nguyễn Thế Lương, Lữ Đoàn Phó là Tr/Tá Nguyễn Đăng Tổng K16, gồm có các Tiểu Đoàn 3, 5, 7 của các Tiểu Đoàn Trưởng K20 là Nguyễn Văn Sử, Phạm Văn Tiền, Phạm Cang và Tiểu Đoàn 4

của K19 Đinh Long Thành. Lữ Đoàn 147 TQLC và Sư Đoàn 1 BB là lực lượng Quân Đoàn I Tiền Phương dưới quyền chỉ huy của Tr/Tướng Lâm Quang Thi.

Khi bỏ Huế, Tướng Thi cho lệnh rút quân ra bãi biển Thuận An, xuôi Nam vào Đà Nẵng bằng cách dùng cầu hay tàu thuyền vượt qua cửa biển Tư Hiền, nhưng đi nửa đường thì ông Tướng cho lệnh dừng lại để chờ tàu Hải Quân vào đón, vì cầu qua cửa Tư Hiền không làm được.

Nhưng không có tàu nào vào đón quân dân ta như lời ông Tư Lệnh hứa mà chỉ có con tàu ma*. Thế mới kỳ! Do kỳ cục hay kỳ đà nào cản mũi mà tàu Hải Quân không vào bốc TQLC được, cũng không vào tiếp tế! Quân trên bờ hết đạn, hết lương thực, hết nước uống giữa tứ bề là nước, địch bao vây tấn công, Cọp Biển đánh bị hy sinh “oan uổng”, chết đủ kiểu, chết trên bờ, chết dưới nước, chết trong lòng con tàu ma*, chết tức tưởi, chết vì hỏa lực từ trên các đồi cát xả xuống, chết vì chửi thề rồi ôm nhau rút chốt lựu đạn mini tự sát!

*(*Một chiếc tàu vào bốc quân, nhưng vì số lượng đông quá sức chứa, tàu mắc cạn đang loay hoay tìm cách lui ra biển thì bị VC chơi B40, B41 vào tàu. Người chết trong lòng tàu, người chết trên boong, người rơi xuống biển “chết vì nước” nên tôi gọi đó là con tàu ma, còn Thằng Ba Gãy Súng, Cao Xuân Huy gọi là quan tài sắt.)*

Hiện nay, năm 2012, đồng bào thôn An Dương và các thôn dọc theo bờ biển Thuận An đã và đang mới chỉ thu gom được 132 bộ xương trôi dạt vào bờ, trôi lên mặt cát rồi các ân nhân này đem tập trung vào một khu gọi là nghĩa trang với bia đá:

“Thập Loại Cô Hồn Hiện Hách Chi Mộ”.

Vâng, dù đã gãy súng, nhưng những người lính bảo vệ Miền Nam Tự Do vẫn được người dân dưới xã hội của “kẻ thắng cuộc” kính trọng, sự hy sinh của họ được tôn vinh là “Hiện hách”

Chi tiết về thảm họa vào những ngày tháng sau cùng đã

được chính những người lính TQLC trực tiếp tham dự kể lại trong các bài viết như: “Ngày Tháng Không Quên” của Đ/Tá Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó TQLC, của Th/Tá Phạm Cang viết về “Tiểu Đoàn 7 TQLC - Từ Một Cuộc Di Tàn”, đã có “Người Lính Bị Bỏ Rơi” của Bác Sĩ Phạm Vũ Bằng, “Hồn Hoang Trên Pháp Trường Cát Thuận An” của Cần Thơ, Trâu Điền Đ/Úy Kiều Công Cự viết về “Những Ngày Tháng Sau Cùng Của Tiểu Đoàn 2 TQLC”. Đ/Úy Tân An Đoàn Văn Tịnh với “Xưa Nay Chinh Chiến Mấy Ai Về”. Kinh Ngư Cao Xuân Huy viết “Tháng Ba Gãy Súng”. “Tháng Ba Chôn Súng” của Hùm Xám LQ Lê Khắc Phước, “Tháng Ba Buồn Hiu” của Tiểu Cần Nguyễn Thế Thụy, “Tuyên Sông Bờ” của Hắc Long Phan Văn Đông.

Những tác giả trên không phải nhà báo ngồi Mai Hương, Di-Val, Bò-Đá đánh giặc theo radio BBC, họ cũng không phải là người có thiên lý nhãn, đang chỉ huy chiến trận ở Quảng Trị nhưng không viết về Quảng Trị mà viết về chiến trận An Lộc. (?) Họ là người trong cuộc, dù cấp bậc và chức vụ khác nhau, nhưng cùng cầm súng trong không gian Quảng Trị mịt mù khói lửa. Họ đã thấy, đã nghe những gì xảy ra trước mắt nên những gì họ ghi lại là tương đối chính xác như nhau, có khác chăng chỉ là tiêu tiết.

Trong câu chuyện “Ngày Tháng Sau Cùng” này, tôi xin được trích một số chi tiết trong những tác phẩm kể trên để độc giả hậu phương, tuổi trẻ thế hệ nối tiếp có thể hiểu được trước đây ông, cha, đã sống và chiến đấu như thế nào và vì sao “ta” được an cư lạc nghiệp trên quê hương thứ hai, đừng quên chúng ta là người Mỹ gốc Việt Nam Cộng Hoà.

Lính cầm súng chiến đấu thì cầm chắc cửa tử trong tay, không chết nay thì mai, đang nhai miếng cơm sấy thì đạn bắn toét miệng, cơm, máu và óc văng vào mặt thẳng bên cạnh! Họ không kêu không than không trách vì đó là bổn phận, nhưng nếu chết vì cấp chỉ huy cầu thả, “đem con bỏ chợ” thì không hiểu được, chỉ biết chửi thề.

Dù là tấn công hay lui binh đều cần có ít nhất là hai kế hoạch, vậy mà một cuộc lui binh cấp sư đoàn (+) lại chỉ có đường duy nhất là rút ra bờ biển, ra bờ biển thì bắt buộc phải có cầu hay tàu. Nhưng rồi Tướng Hải Quân chẳng làm nổi một “cái cầu” để TQLC đi! Nếu có kế hoạch hai, lấy Quốc Lộ 1 làm trục lui binh cho Sư Đoàn 1 BB và TQLC thì quân ta rộng đường tiến thoái, dầu có thiệt hại cũng không bị lâm vào cửa tử như đã xảy ra!

Khi biết TQLC bị kẹt ngoài bãi biển, Tướng TQLC đã ra mật lệnh cho Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 147 rút ra, lui theo Quốc Lộ 1, nhưng đã quá trễ rồi. Những bí mật này chỉ có “mặt trời” biết. Thế là đủ rồi, tôi mời các bạn vào vào Đà Nẵng.

Ngay khi có lệnh rút khỏi Huế từ chiều 24/3, người dân từ Bắc xuôi Nam, người từ Tam Kỳ Quảng Ngãi ngược lên, tất cả đổ vào cái túi Đà Nẵng, bao thảm cảnh xảy ra tại đây, có nhiều K19 chứng kiến, trong đó có Th/Tá Hoàng Trai, Tr/Tá Lê Khắc Kha. Tôi cũng bất ngờ bắt gặp hai chàng mặc quân phục Bộ Binh, đội beret xanh TQLC, đang lờ quờ chen chúc trong đám đông hỗn loạn. Tôi tưởng hai chú TQLC này bỏ đơn vị nên cho Quân Cảnh chạy đến tóm cổ. Nhưng nhìn thấy trên ve áo của hai chàng có cái huy hiệu quen thuộc: “Con rồng ngâm kiếm”, tôi biết họ là ai. Tôi không hỏi tên, khoá mấy mà chỉ vội xúc lên xe đem về cùng tôi trong căn cứ Non Nước. Họ mới mãn khoá, ra trình diện đơn vị, nhưng tìm không ra nên đi lạc vào mê cung. Tôi ở Non Nước, em tôi ở đài Rada Sơn Trà, cháu Tô Văn Minh ở phi trường Đà Nẵng mà không thể liên lạc được với nhau.

Sáng ngày 29/3/1975, khoảng sáu giờ, trong Trung Tâm Hành Quân TQLC quá ngột ngạt, vì có VIP ba sao ngồi ôm đầu trong đó. Tôi ra ngoài để hít tí gió biển thì gặp hai anh Tr/Tá Xuân Phúc và Đỗ Hữu Tùng, Trưởng-Phó Lữ Đoàn 369, Trâu Điền Trần Văn Hợp, với những xe jeeps và cần câu. Chúng tôi chuyển tay nhau ca café đen và điều thuốc, hít khói vào thờ ra

hơi buồn và thở dài! Chúng tôi hỏi nhau về kế hoạch 5W, vì đã có lệnh bỏ Đà Nẵng mà chưa biết đi về đâu bằng đường nào? Con đường duy nhất là Biển Đông.



Những binh sĩ trẻ, cán trường của TQLC đang đứng trên bãi biển Thận An, chờ “lệnh”. Định mệnh đã đưa các anh đến đâu? Giờ này các anh còn, hay đã mất?

Non Nước sáng hôm 29/3 ấy trời âm u vì khói đạn pháo kích đêm qua còn bao phủ, ngột ngạt, bất chợt có tiếng ồn ào, mọi người hướng ra biển, nơi có ánh đèn nhấp nháy, đó là tín hiệu của 2 tàu LSM vào đón TQLC. Đại Tá Tư Lệnh Phó cho Bộ Tham Mưu, các đơn vị yểm trợ ra bờ biển trước. Tôi đứng nghiêm chào hai anh Phúc-Tùng và Hợp, bắt tay nhau mà nước mắt chảy vòng quanh, tức trào máu họng. Các anh ở lại điều động quân, tôi là dân tham mưu nên đi ra bờ biển trước. Đi phía trước chúng tôi là Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I Ngô Quang Trưởng, Đại Tá Tư Lệnh Phó TQLC

Chiều tối 28/3, khi các tư lệnh đang họp tại Bộ Tư Lệnh Hành Quân ở Tiên Sa thì VC pháo kích, buổi họp tan, quý tướng lãnh tan hàng. Tướng Thoại Hải Quân thì không còn tàu đón, trực thăng của Tướng TQLC bị hỏa tiễn chém gãy cánh. Hai ông đành đi bộ men theo sườn núi tìm “thuyền ra cửa biển”, còn Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn Ngô Quang

Trường thì về với TQLC. Thật là trở trêu! Đêm qua, Tướng Trường “qua đêm” trong Trung Tâm Hành Quân TQLC tại Non Nước. Sáng 29/3/1975, Ông cũng bơi ra tàu HQ như chúng tôi và đã được diu lên tàu an toàn.

Sóng to gió lớn mà tàu thì đậu mút tầm 300m thì làm sao đây? Nhìn những anh em Công Binh bơm xuồng Zodiac, mang phao vào cổ mà thèm. Họ ung dung ngồi chờ trên bãi cát, sóng dội lên bờ rồi rút họ ra khơi theo, phao và xuồng cao su được kéo ra tuốt ngoài xa, tưởng như đến được tàu. Nhưng không, sóng sau dồn sóng trước, hất ngược những zodiac lên bờ, còn những cái phao màu vàng cam thì bị sóng dập vùi, trôi dạt tứ phía, lững lờ như những đám lục bình trôi, và qua vài con sóng dập vùi, những người mang phao đã nằm bất động, chết vì nước!

Cùng tắc biển, tôi chợt nghĩ đến bài học vượt sông bên bờ hồ Than Thở, dùng poncho làm phao, sóng cao thì ngụp xuống cho sóng tràn qua đầu nên không bị kéo trở lại. Tôi đuối quá rồi. Vào cái lúc sắp xuôi tay, miệng đọc kinh “nhân danh cha và con” thì một sợi dây thừng từ trên tàu bay tới, tôi chụp được sợi dây và được kéo lên. Gật đầu cảm ơn những người quăng dây thì tôi nhìn thấy nụ cười nửa miệng của anh Th/Tá Phạm Văn Sắt K16 và Th/Tá Phan Công Tôn. Tuy nhiên Đ/Úy Nguyễn Văn Hương K17 TĐ được kéo lên nửa chừng thì bị tuột tay nắm dây, anh rơi trở lại biển, chìm vào đáy tàu!

Từ trên boong tàu Hải Quân, nhìn xuống nước, tôi thấy mặt những người cột phao quanh cổ đã ngửa mặt tím ngắt lên trời, nằm bất động. Họ đã chết thật rồi, vớt người sống chưa xong thì ai mà nghĩ chuyện vớt xác, coi như thủy táng, “lính thủy đánh bộ” mà, chẳng nào cũng chết vì nước.

Trong lúc bao nhiêu người đang cố gắng tìm cái sóng trong cái chết để bơi ra tàu thì VC pháo kích, khói bụi mịt mờ trên bờ nơi anh Phúc, Tùng và Hợp còn trên đó, người người tán loạn. Đạn rơi tôm-tôm quanh tàu, tàu bèn gài số de ra khơi,

kéo theo những người bơi chưa tới, và họ không bao giờ tới được tàu HQ nên đành về Thủy Cung hay Thiên Quốc.



TQLC cùng Thiết Giáp vượt biển. Không rõ đơn vị này có thể tới tàu được không, hay đã chìm trong biển cả?

Số phận hai anh Phúc và Tùng “mất tích” từ đó. Ngay sau những loạt hỏa tiễn 130 ly, không ai biết các anh đi về đâu, những ai không tận mắt chứng kiến thì đừng phịa chuyện rằng các anh đã lên trực thăng. Chán hơn nữa là có chàng nhà “zăng, nhá báo” Hải Quân tên Kim nào đó ở tận Sài Gòn viết về Đà Nẵng dám phịa rằng hai anh Phúc và Tùng đang bơi ra tàu thì bị pháo kích chết! Xin lỗi anh tí, phịa vừa thôi, anh ngồi tại Hải Quân Công Xưởng Sài Gòn mà biết chi chuyện Đà Nẵng!

Tôi tin rằng hai anh Phúc, Tùng mất tích trong khói lửa của VC. Trần Văn Hợp thì khá hơn, chúng tôi đã gặp nhau khi về đến Vũng Tàu. Nhưng còn một K19/TQLC khác cũng mất tích như hai anh Phúc-Tùng, đó là Hồ Ngọc Hoàng. Hoàng là Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 6 của Tr/Tá Lê Bá Bình. Bình lên tàu được, nhưng cánh B của Hoàng thì kẹt lại và đã nhập chung với Tiểu Đoàn 9 của Th/Tá Lâm Tài Thạnh. Họ chiến đấu suốt ngày đêm 29/3 ở chủng viện Sơn Trà và Hoàng mất tích trong đêm đó. Tất cả diễn tiến này đã được Ban 3 Tiểu

Đoàn 9 là Đ/Úy Đoàn Văn Tịnh K22 viết trong hồi ký “**Xưa Nay Chính Chiến Mấy Ai Về**”

Sư Đoàn (-) TQLC về đến Vũng Tàu ngày 1/4/75, đóng quân trong căn cứ Úc Đại Lợi sát với bãi sau để bổ sung quân số và tái trang bị để tiếp tục nhiệm vụ lên đường hành quân.

Chiều xuống, sau khi xong việc, Hợp và tôi ngồi trên bãi cát, chân thò xuống nước, tai nghe radio transistor loan tin chiến sự, mắt nhìn ra biển khơi, tàu bè tới lui, đêm xuống xa xa cuối chân trời. Thành phố biển sáng đèn, tàu xếp hàng ngang đi về đâu không biết, trên đó có bao nhiêu thượng cấp, lãnh đạo của đất nước tôi! Bất giác liếc sang bên phải là bãi biển “mộng mơ” mà trước đây đã một lần tôi dẫn người yêu ra đây ngắm trăng mặt. Vào lúc đầu sôi lửa bỏng của Tháng 4, chúng tôi tính chuyện gọi vợ con ra Vũng Tàu “nghỉ mát” mà trong đầu không hề nghĩ tới chuyện “tìm đường bỏ nước” ra đi.

Vợ chưa kịp ra thì ngày 16/4 mặt trận Phan Rang thất thủ, TQLC được lệnh lên đường tăng cường cho Quân Đoàn III, từ mặt trận Long Khánh, Long Thành, Biên Hòa, rồi Long Bình và tử thủ tại căn cứ Sóng Thần vào sáng ngày 30/4/75.

Một điều đau thương nhưng cũng rất hạnh diện để nhắc lại là vào thời khắc đầu sôi lửa bỏng này, TQLC được bổ sung một số thiếu úy Chiến Tranh Chính Trị và Võ Bị vừa làm lễ tốt nghiệp tại Long Thành. Thay vì đi phép như các khoá đàn anh thì họ súng đạn ba-lô ra thẳng chiến trường. Các niên đệ này đã chiến đấu và rồi nhiều anh em đã gục ngã khi trên ba-lô còn mang theo cái mũ SVSQ! Họ là những Khóa 28, 29 Võ Bị và K4 Chiến Tranh Chính Trị. Những anh em bị thương được đưa về bệnh viện Lê Hữu Sanh Thủ Đức thì trưa ngày 30/4 lại bị VC đuổi ra, “thằng mù cũng thằng què”! Ôi đau thương!

Sáng 30/4/75 khoảng 10 giờ, tại căn cứ Sóng Thần, Tango Đ/Tá Tư Lệnh Phó Nguyễn Thành Trí họp cùng các đơn vị trưởng, dù trong tình thế tuyệt vọng. Ông hải lòng khi thấy tất

cả các đơn vị trưởng đều có mặt, các đơn vị vẫn chỉnh tề hàng ngũ, súng vẫn cầm tay, tử thủ tại đây, không có đại đơn vị VC nào có thể vượt qua tuyến này. Nhưng vận nước đã không được quyết định bởi những người trực tiếp cầm súng, mà ở tận mãi đâu đâu, ở lâu 3 góc “chành-chành” hay 5 góc, lâu cao gác tía, Tonton ra lệnh đầu hàng, quân sĩ ngỡ ngàng ngỡ ngác!

- “Là quân nhân, nhưng không làm gì khác được. Thôi anh em về với đơn vị, giải thích cho các cấp biết, nhiệm vụ cầm súng của chúng ta đã bị kết thúc”.



Bãi biển Non Nước sáng 29/3, những cái dầu ngập lặn sắp chết vì “nước”!

Tango Nguyễn Thành Trí, Đại Tá Tư Lệnh Phó Sư Đoàn TQLC nói với các đơn vị trưởng xong, ngược mặt lên trần nhà cho nước mắt không rơi. Quay sang tôi, ông nói:

- Cần Thơ ở lại để bàn giao căn cứ Sóng Thần cho phía bên kia!

Tôi biết Đại Bàng Tango lập lại câu nói của TT Big Minh cho có lệ và cũng là lúc Thiếu Tá Trần Văn Hợp Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 nắm tay tôi, nháy mắt, hát đầu về phía doanh trại Tiểu Đoàn 2 TQLC, nằm phía Tây trong căn cứ.

Hiểu ý cái bấm tay của Hợp, tôi “bất tuân thượng lệnh” của Tango, không bàn giao cái căn cứ này cho thằng “củ cải” nào cả mà đi theo thằng bạn cùng khóa về vị trí đóng quân của nó cho có đôi, vào lúc khoảng cách sinh tử là sợi chỉ.

Sau khi nói lời cuối cùng với quân sĩ Tiểu Đoàn, Hợp vốn bản tính bình tĩnh lắm lì cũng phải quay đi lau nước mắt rồi cùng tôi kẻ trước người sau đi ra khỏi căn cứ Sóng Thần. Như cái xác không hồn, chúng tôi nương theo dòng người, men theo ven xa lộ để về trại gia binh Cửu Long Thị Nghè. Vừa ngang tới đoạn hăng “xi-măng” Hà Tiên trên xa lộ thì nghe súng nổ giòn phía trước, chỗ ngã ba Cát Lái. Tụi nó cối chạy dạt về sau, lum khum chạy núp hai bên đường bắn trả, tôi nghe tiếng Bắc Kỳ quen- *Địt mẹ bọn Trâu Diên ngoan cố.*

Thần hồn nhát thần tính, hể thấy quân phục rần rì là chúng tôi tưởng “Trâu Diên”. Chúng vẫy tay, ra hiệu cho đồng bào đi trước đi, vì chúng biết rần rì không bắn vào dân ta, tôi chửi thảm: “Các anh bộ đội tử tế quá!” Tôi liếc Trần Văn Hợp rồi hất hàm:

- Đi.

Đúng như tôi dự đoán, đồng bào đi trước, bọn giặc cướp VC trộn trấu đi theo sau liền, vì dĩ nhiên “lòng súng nhân đạo” của những người anh em Trâu Diên tách bầy, chiến đấu tới cùng đã không bắn vào quân VC, vì chúng đi lẫn vào dân ta. Tôi chửi thảm đúng điệu quê hương Bắc Kỳ:

- *Địt mẹ con cháu ba-ác tàn ác, lấy dân làm bia đỡ đạn.*

Về đến Thị Nghè thì thấy phía trước một toán cánh tay đeo băng đỏ đi ngược lại phía tôi, tay cầm súng M16 thỉnh thoảng bắn ông “Thiên”. Chúng đang xô đẩy một bộ rần rì bị trói hai tay phía sau. Tôi nhận ra người thượng sĩ này, anh là an ninh trưởng trại gia binh Cửu Long, nơi gia đình vợ con tôi đang trú ngụ. Tránh đầu bọn trâu đánh này? Tôi xẹt vào một cái sân nhà bên đường, núp sau những chậu bông mai tứ quý, liếc phía sau, thấy Hợp cũng xẹt vào con hẻm gần đó.

Bài viết này xin kết thúc ở đoạn tuyệt đại đa số các cấp lãnh đạo và chỉ huy ở Sài Gòn thì tìm đường ra sông ra biển, không phải để tự tử mà đi tìm đến chốn bình an, trong khi các TQLC đang đóng quân tại Vũng Tàu như đi “nghỉ mát”, thiên thời địa lợi nếu muốn “vượt biển một mình” thì dễ như trở bàn tay. Nhưng vì nhiệm vụ, họ lại kéo nhau trở vào đất liền, tiếp tay ngăn quân thù với Sư Đoàn 18 BB, và cuối cùng thì tử thủ ở căn cứ Sóng Thần, rồi tuyệt đại đa số các cấp chỉ huy TQLC từ Tư Lệnh Phó, các Lữ Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, Trưởng Phòng, Đại Đội Trưởng, Trung Đội Trưởng đều vào tù!

Cùng một đội tù tại Long Giao gồm có 3 K19 là Trần Văn Hợp, Huỳnh Văn Phú, Tô Văn Cấp, TQLC/17 Trần Kim Hoàng, Lê Văn Cưu, TQLC/21 Trần Quang Duật, Doãn Thiện Niệm, Lê Xuân Sơn và nhiều Võ Bị và Võ Khoa TQLC khác nữa như Th/Tá Lê Đình Bảo, Th/Tá Lâm Tài Thạnh, Th/Tá Quách Ngọc Lâm v.v...

Những mất mát liên tiếp xảy đến trong ngục tù là tự tử, tử nạn như các Tr/Tá Nguyễn Văn Nhiều K14, Nguyễn Đăng Tổng K16, Huỳnh Văn Lượm K17, Đoàn Thức, Nguyễn Hữu Cát, Th/Tá Trần Văn Hợp K19 v.v... và tôi được tặng hơn 10 cuốn lịch.

Kết thúc những ngày tháng sau cùng của chúng tôi là như thế, như thế. Thế còn các bạn thì sao? Hẳn cũng ba chìm bảy nổi chín cái lênh đênh! Hãy viết đi, ít ra cũng “còn một chút gì để nhớ để thương” cho chính mình và thương các đồng đội tàn phế tại quê nhà./.



Ga Cuối Đường Tàu

Phạm Trọng Sách, K18

Còi tàu vừa thét lên,
và từ từ dừng lại.
Tôi đang đứng ở con tàu,
và muốn xuống ga này.
Không phải “ga cuối đường tàu”
Đường tàu còn những nhà ga nữa
nhưng tôi muốn xuống ga này.

* * *

*Tôi muốn dời con tàu,
dù rằng các bạn tôi,
còn có người đi tiếp,
tới những nhà ga,
tới những miền xa lạ.*

* * *

Tôi muốn chia tay các bạn tôi,
với lời chúc an bình,
với ước mong may mắn,
cho hành trình bạn tôi,
êm xuôi như nước chảy,
qua cánh đồng đầy hoa.

* * *

*Tôi muốn xuống ga này,
Ga cuối cuộc đời tôi.
Xin gửi lời cảm ơn,
đến những người thân yêu,
đến những con, những cháu,
đến những bạn đồng môn,
đến những người chiến hữu,
đã từng nắm tay nhau,
đã từng khóc đồng đội,
nằm chết trong rừng sâu.*

* * *

Xin cảm ơn tất cả,
đã một lòng yêu thương
đã một lòng tận tụy.
trong kiếp sống vô thường.

* * *

*Còn em, còn em yêu.
Cho anh xin lỗi em,
đã đến giờ chia tay,*

*đã đến giờ ly biệt.
Cuộc đời bao oan nghiệt.
Cuộc đời bao chua cay
Cuộc đời bao mệt đắng,
Anh mang nó theo anh,
Để những năm tháng cuối,
Em sống trong an lành.*

* * *

Tôi muốn xuống ga này,
Ga cuối cuộc đời tôi.
Nhìn lại ga đã qua,
Nhìn lại những năm tháng
Bao mệt mỏi lắm than,
Bao gian nan tù đầy.
Công danh và tiền bạc,
Như gió thoảng mây bay.

9/24/24

ĐÊM ALPHA.

Vũ Hy Triệu. K28.

Tặng các bạn tôi - K 28.

Tôi quỳ xuống giữa trời đêm
Tháng ngày gian khổ yếu mềm đã qua
Tôi quỳ giữa bản tình ca
Màu alpha đỏ ngấm qua tâm hồn
Tình huynh đệ. nghĩa đồng môn
Mồ hôi đổ. máu bớt tuôn chiến trường
Tôi quỳ giữa những yêu thương
Giữa đêm lạnh Vũ Đình Trường hiển linh
Lòng tôi bắt chợt rừng mình
Hai vai nặng trĩu tự tình Lâm Viên
Tôi như quỳ giữa vô biên
Hồn sông núi, phút linh thiêng hiện về

*Đêm alpha. đêm nguyện thề
Đứng lên. ngã xuống bộn bề máu xương
Thời gian một đóa vô thường
Màu alpha đỏ hóa sương khói rồi.*

NỖI ĐAU

Vũ Hy Triệu, K28

*một thời tuổi trẻ trôi về đâu
sao ta cứ mãi ngẩn ngơ sầu?
tháng Tư rơi... Tháng Tư đâu bề
bỏ lỡ đời mình trên nỗi đau*

*nhớ thuở ta về lạnh giấc mơ
mẹ già đơn chiếc - lũ em thơ
nhà trống gió lửa cay con mắt
áo trận chôn theo với màu cờ*

*ta trải hồn đau theo ngày tháng
phơi luôn nỗi nhớ khúc ly tan
ta treo ước vọng vào sâu thẳm
để thấy đời ta muốn hoang tàn*

*một thời tuổi trẻ đã chìm sâu
tóc xanh nay đã nhuộm thay màu
nửa đời úp mặt vào cay đắng
sống hết kiếp người với nỗi đau...*

Trung Úy của Phụng Là

Tealan, Khóa 26/2

*** Kỷ Tương

Không gì buồn và cảm thấy chán đời cho bằng lúc nằm trong Quân Y Viện khi chung quanh mình toàn thương bệnh binh. Nơi đây không nghe tiếng cười, chỉ nghe có tiếng rên đau, chỉ thấy ánh mắt buồn lo từ những thân nhân vào thăm viếng. Nhờ chân không bị thương nên tôi chọn cho mình cái thú đi tới lui nhìn ngắm người khác, để thỏa mãn tính tò mò của mình. Tôi thích đưa mắt nhìn những người khách từ lúc mới bước vào phòng. Vì thế, anh thương binh nào có người đến thăm viếng là tôi đều biết.



Ở trong phòng không thương bệnh binh nào có được nhiều người đến thăm như anh Hạ Sĩ Há. Ngày nào cũng vậy, có vài ba người thân nhân hay lối xóm của anh mang quà bánh đến thăm anh, thường là những người Hoa. Cùng bị thương một

lượt với tôi, nhưng vết thương của anh nhẹ hơn cho nên anh Há sắp đến ngày xuất viện. Không biết sau lần bị thương này anh ta có còn muốn trở lại chiến trường nữa không? Tôi phải ở lại trong bệnh viện này thêm thời gian nữa vì vết thương trên cánh tay trái của tôi phải điều trị lâu hơn anh. Bác sĩ nói tôi may mắn, không bao lâu nữa tôi sẽ được xuất viện.

Chiều nay, giường anh Há lại có thêm hai người khách đến thăm. Ngoài người vợ của anh ngày nào cũng vào, còn có một bà búi tóc kiểu người Việt, còn người kia là một cô gái. Thích ngắm nhìn con gái đẹp là một lẽ thường ở bất cứ người đàn ông nào. Tôi không ra khỏi ngoại lệ đó. Hôm nay, tôi cảm thấy nhịp tim mình đập mạnh hơn khi nhìn thấy ở đây, duyên hay sao mà lần đầu tiên có một cô gái hấp dẫn với tôi. Cô có mái tóc ngang vai, có làn da trắng mũi cao, có đôi mắt như vành trăng khuyết nhìn vào trông có vẻ hay lạ.

- Chà, con gái nhà ai mà trông dễ thương hết biết. Tiếng một anh đang nằm ngang giường tôi nói vọng qua.

Thật vậy, cô gái nhà ai mà vừa đẹp vừa dễ thương quá đi thôi. Mà không biết có thương dễ không! Ước gì mình được quen cô ta nhỉ. Tôi tự cười thầm với ao ước đó. Cô ta đứng yên lặng, không chăm chú nghe chuyện, thỉnh thoảng đưa đôi mắt có hàng lông mi dài nhìn quanh căn phòng, ra ngoài cửa sổ. Có lúc khách của anh Há, và cô gái ấy cùng một lượt nhìn sang giường tôi. Có lẽ anh Hạ Sĩ Há đang kể gì về tôi cho mấy người kia nghe. Rằng tôi không có ai thăm viếng kể từ ngày vào bệnh viện này. Rằng tôi không cho ba tôi biết, vì tin tôi bị thương chỉ làm người lo lắng thêm. Ba tôi ở chỉ có một mình, cô quạnh từ ngày mẹ tôi mất đi cách nay gần hai năm. Đứa em gái tôi có chồng lính, đi theo chồng ở mãi tận Nha Trang. Em gái tôi chắc bận rộn với hai đứa con nhỏ, và có lẽ không khá giả gì lắm vì ít nghe nói nó về thăm nhà.

Tôi nhớ ba tôi. Nghe ba tôi hay nói như lời than thở, “Ba có hai đứa con mà không đứa nào ở gần bên ba hết.” Bao giờ

xuất viện, tôi sẽ về ở nhà với ba tôi một thời gian ngắn dưỡng thương trước khi trở lại hậu cứ. Rồi lại nghĩ tới các bạn đồng đội của tôi. Lúc này giặc đánh phá nhiều nơi, chiến trường đang cần lính mà tôi thì nằm bó gối ở đây. Nhớ bạn bè, nhớ các thuộc cấp của tôi. Không biết lúc này... Tôi không bỏ họ được. Tôi thậm chí mong được sớm trở lại đơn vị.

Hình như cô gái đang bước hướng về phía tôi. Chợt một phát đau nhói từ cơ vết thương ở cánh tay, chỉ vài giây thôi nhưng cũng đủ làm cho tôi phải nhắm mắt lại, chịu đựng!

- Chú Trung Úy..., chú Trung Úy...

Cơn đau vừa lắng xuống. Một giọng nói thật là dễ thương (lại dễ thương nữa). Duyên hay sao, mới nghe lần đầu âm thanh của em mà tôi nghe như luyện nhớ nó từ lâu lắm rồi. Nhưng tôi phải mở mắt ra, chớ nhắm mắt hoài cô nàng bỏ đi là tôi hệt.

- Chú Trung Úy, chú Há biểu em mang mấy miếng bánh bông lan này qua biểu chú.

- Cám ơn cô, bánh bông lan cô làm đó hả?

- Dạ không, má của em làm bánh. Em chỉ có lo học thôi, em không biết làm.

- Tên tôi Tương, còn cô là...?

- Em tên Là.

- Sao Là gọi tôi bằng Chú Trung Úy. Bộ tôi già lắm hả.

- Chú Há gọi chú bằng Ông Trung Úy.

- Vậy Là sẽ phải gọi tôi là “ông chú”.

- Em thấy chú còn trẻ nên em kêu bằng chú.

- Vậy là tôi còn may mắn được bỏ tiếng ông.

- Dạ. À, tuần sau chú Há rời bệnh viện, Trung Úy không còn ai quen ở đây chắc là Trung Úy sẽ buồn lắm. Nghe chú Há nói, không có ai đến thăm Trung Úy hết.

- Ồ, tôi... chắc là tôi sẽ buồn lắm vì không thấy Là đến đây nữa.

- Nếu Trung Úy thích ăn bánh bông lan thì em sẽ học cách làm, rồi em mang vào cho nhen.

Rồi sau đó, một tuần hai lần Là đến thăm tôi. Mỗi lần đến thăm, nàng đều mang một chút món canh, một chút món mặn, và dĩ nhiên lần nào cũng có bánh bông lan.

- Hồi trước khi chưa gặp Trung Úy em đâu có biết nấu nướng gì. Bây giờ em đòi Má của em dạy để chính tay em nấu cho Trung Úy. Má em nói rằng, em là con gái, làm như vậy con trai cười cho.

- Nợ bánh bông lan là quá đủ. Được Là đến thăm anh là quý lắm rồi. Anh không mong gì hơn.

Lúc sau này Là không còn gọi là “chú” nữa, chỉ còn gọi tôi là Trung Úy. Tôi có hỏi sao Là hay gọi tôi là Trung Úy, đó là chỉ là một cấp bậc trong quân đội thôi. Là nói, “Em cũng không biết tại sao em thích gọi anh là trung úy.” Tôi nghe riết rồi quen. Ghiền. Vắng. Nhớ.

Tôi biết tôi yêu Là. Có lẽ Là cũng yêu tôi. Có lẽ cả hai đứa tôi đều biết tình cảm của mình đối với nhau. Nhưng không ai nói ra. Có lẽ cả hai chúng tôi đều thích để như vậy. Làm như nếu tiến xa hơn nữa thì tình yêu càng mỏng manh như thủy tinh dễ vỡ. Là, một cô gái giàu nghị lực, nhưng rất đa cảm và thật thà. Tôi yêu luôn những cá tính của Là. Tôi yêu những buổi chiều hai đứa im lặng đi bách bộ bên nhau trong khu bệnh viện, chỉ nghe tiếng chân nhau dẫm lên những chiếc lá khô. Tôi chợt nghĩ tới một ngày gần đây hai đứa sẽ xa nhau.

- Anh muốn còn bệnh hoài để được gần em.

- Bộ anh không nhèo hả?

- Ừa, em cũng biết dùng tiếng này.

- Sao hồng biết. Em là người Việt mà.

Tôi nói cho Là biết bác sĩ cho tin tuần sau tôi sẽ xuất viện. Vết thương ở tay chưa lành hẳn, sau khi trở về đơn vị tôi vẫn còn phải đi tái khám. Tay tôi còn yếu, phải mất một thời gian khá lâu mới mạnh lại như cũ. Không sao. Vẫn còn đánh giặc được. Ra chiến trường. Biệt Động Quân, Sát! Mau hết là cái chắc.

- Anh kể nghe dữ quá.

- Với giặc là phải như vậy mới thắng được nó, chớ mình hiền quá nó “phơ” mình.

Mặt trận càng ngày càng có những trận đánh lớn, thương binh chuyển về đây mỗi ngày một nhiều thêm. Bệnh viện rất cần giường cho các thương binh khác. Tôi có giấy xuất viện vào đầu tuần sau đó. Tôi phải rời bệnh viện lúc xế trưa này. Trả giường. Rời phòng. Chiều nay Là sẽ vào thăm tôi như thường lệ. Đi loanh quanh trong bệnh viện đợi Là đến rồi chúng tôi sẽ cùng rời khỏi nơi đây.

Trên đường trở lại dãy phòng, dáng ai ngồi trên băng đá ở dưới tàng cây, ai giống như Là đang ngồi quay lưng lại. Hình như Là đang khóc. Bước đến gần nằng, tôi nhẹ gọi.

- Phụng Là, anh đây.

Là mừng rỡ quay mặt lại, hình như có ánh long lanh trong vành trăng khuyết.

- Trung Úy, em tưởng anh bỏ em đi rồi.

- Là khờ khạo quá. Anh đợi em từ trưa tới giờ. Anh không để em lạc mất anh đâu.

Tôi muốn nói thêm... “Anh sẽ không bao giờ bỏ em... trừ khi anh chết.” Nghĩ sao, tôi không nói với Là như thế vì thấy giống như một lời hứa hẹn chưa phải lúc.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi trở lại đơn vị là tôi phải ra mặt trận. Đánh giặc liên miên, khi chỗ này, khi chỗ kia. Trong thư, Là muốn đi thăm tôi. Là lại thật thà viết... “Lần đầu tiên gặp Trung Úy, em nghe chú Há nói... Trung Úy có nhiều đào

đẹp lắm...”

Có lần tôi nói với Hạ Sĩ Há, “Tôi mà còn nghe “chú” nói với Là rằng tôi có nhiều đào nữa, tôi sẽ phạt “chú” đó ghen.”

Tôi và Là vẫn còn chưa ai nói lên tiếng yêu, nhưng tôi biết không ai ngăn được tình yêu của chúng tôi. Tôi có kể cho ba tôi nghe rằng tôi sẽ cưới Là làm vợ. Ba tôi đồng ý.

- “Bao giờ con muốn tiến tới, ba sẵn sàng lo chuyện cưới vợ cho con.”

Tôi biết, ba tôi rất vui, muốn tôi có vợ và mong muốn tôi được ở gần Sài Gòn. Khi có dịp ở gần bên nhau, tôi cố giữ mình tránh có những cử chỉ đụng chạm đến xác thịt với Là. Rất khó cho một chàng trai trẻ đang yêu và gần bên người yêu như tôi trong những lúc này. Tôi không biết đời lính của tôi sẽ ra sao. Sống và chết kề bên nhau trong tích tắc. Là ngây thơ trong trắng quá. Tôi không muốn mình là người gây khổ cho Là. Nhưng, tôi thèm có Là, thèm có một người vợ. Tôi muốn có vợ. Chắc hẳn về phép tới này, thế nào tôi cũng xin với ba tôi đến với gia đình Là.

* * *

*** *Phụng Là*

Từ hồi chú Há bị thương tới giờ, Má tôi đi theo thím Há vào thăm chú đã hai lần rồi, mà toàn là lúc tôi bận đi học. Khi về, tôi chỉ nghe má tôi kể lại tình trạng bệnh của chú mà thôi. Sau khi ba tôi mất cách đây sáu năm, bà con phía bên nội gần nhất của tôi chỉ còn có gia đình chú thím Há. Vậy chớ tôi ít có khi gặp được chú lắm vì chú đi lính gì đó ở đâu xa, chớ chú đâu có ở Sài Gòn. Khi tôi được đi thăm chú thì nghe nói chú Há sắp xuất viện rồi. Má tôi nói, hôm nay nhìn chú Há khá hơn trước nhiều lắm. Hôm đầu tiên mọi người nhìn thấy da mặt chú xanh như tàu lá vì bị mất máu, làm ai cũng lo cho chú.

Lần đầu vào trong quân y viện, tôi thật là ngỡ ngàng khi chính mắt mình nhìn thấy có quá nhiều thương binh. Tôi tránh

không dám nhìn vào vết thương của ai hết vì tôi rất dễ xúc động. Thấy người ta đau là tôi đau. Với lại, hình như mấy ông lính này người nào cũng có ánh nhìn lạnh lùng, khó tính. Tôi nhớ có một bài hát có câu... “bên người yêu tật nguyền chai đá...” Chắc ý họ nói mấy ông này đây.

Hồi nãy, lúc mới bước vào phòng, đôi mắt tôi chạm phải cái nhìn của một thương binh, có vết thương đang băng ở cánh tay trái, đang ngồi trên giường cuối phòng. Tránh ánh nhìn của người ta nhưng đợi có dịp người ta quay đi chỗ khác là tôi len lén nhìn lại đàng đó. Chợt chú Há nói với mẹ tôi,

- Để em chia bớt bánh bông lan cho ông Trung Úy đang nằm ở đàng kia. Ông bị thương cùng một lượt với em mà ông không cho ba ông hay. Ông có mấy cô đào đẹp lắm mà họ không ở gần đây nên không thấy ai thăm ông hết. Em mến ông lắm, đánh giặc cũng dữ mà cũng chịu chơi hết mình với anh em nên ai cũng mến ông. Là, đem bánh bông lan này qua cho ông Trung Úy đó. Nói của chú Há mời.

Rồi kể từ buổi chiều ngày đó, tôi có dịp quen với một người con trai, một người lính. Từ trước tới giờ tôi chưa từng nghĩ tới rằng tôi sẽ quen lính, mà lính mặc đồ bông nữa chớ. Tôi nghe nói mấy ông lính mặc đồ bông dữ lắm. Chắc tại có đeo hình con cọp nhả răng nên người ta nói dữ, chớ tôi thấy anh lính trung úy tôi quen có dữ đâu. Rồi những ngày kế tiếp, tôi nhận thấy tôi không còn là một đứa con gái vô tư bé bỏng như trước kia. Tôi biết để ý chăm sóc bề ngoài hơn và biết... làm bánh bông lan nữa, vì Trung Úy thích ăn bánh bông lan mà.

Má tôi hay nhắc nhở:

- “Minh là con gái phải giữ thể. Đừng làm quá đàn ông, con trai họ coi thường mình nghe con. Lính tráng rầy đây mai đó. Má nghe chú Há nói, ông trung úy đó quen nhiều cô đẹp lắm đó. Con cẩn thận, con chưa biết gì về ông ta.”

Tôi nghe má tôi nhắc lại câu đó mà lòng tôi cảm thấy buồn buồn. Không đi thăm Trung Úy thì tôi nhớ, mà đi gặp hoài thì

sợ Trung Úy cười chê. Có lần tôi nói với Trung Úy...

- “Anh có cười chê em không, khi mà con gái cứ đi thăm con trai hoài?”

Anh chỉ cười nhẹ, rồi vuốt tóc tôi. Mà hình như anh cũng nhớ tôi thì phải. Có lần tôi đợi nướng bánh nên đến trễ, anh ấy nói:

- “Nãy giờ anh cứ mong em, không biết hôm nay em có tới không?”

Lúc này tôi hay tìm mua báo đọc, thấy tin Việt Cộng xâm nhập vào miền Nam của mình càng ngày càng nhiều thêm. Từ khi quen anh, tôi quan tâm đến tình hình chiến sự, khác với lúc trước tôi chỉ toàn nghe người ta nói chuyện buôn bán, làm áp phe. Tôi như lạc lõng trong thế giới không thích hợp này. Má tôi hay nói:

- ”Ráng lo học cho có cái nghề, chớ còn mua bán, cái ngành thương mại này không thích hợp với con của má.”

Ngoài việc trông đợi thư anh, tôi phải cố gắng lắm mới dồn tâm trí vào việc học cho xong năm cuối ngành Sư Phạm. Tôi có khoe với anh, “Em làm cô giáo chớ bộ.” Anh cười nói, “Làm cô giáo với anh thì có.” Tôi nghe anh nói làm tôi cũng lo, anh sợ làm cô giáo tại học sinh chúng nó sẽ ăn hiếp tôi. Anh biết tôi trông đợi thư anh, nên mặc dù bận hành quân liên miên thỉnh thoảng anh cũng gởi về tôi vài chữ cho tôi yên lòng. Nhìn thấy người lính nào với màu mũ nâu là tôi nghĩ tới anh... tôi muốn viết, ”Phải chi có anh đang ở gần bên, em không bận tâm suy nghĩ, dồn hết tâm trí vào việc học để khi ra trường may ra em được dạy ở gần Sài Gòn đúng như Má của em muốn. Nghĩ và nhớ tới anh nhiều.” Nhưng tôi chỉ viết cho anh vài chữ thôi, vì tôi ngại ngần trải lòng tôi ra trên trang giấy. Tôi có làm thơ nữa mà mắc cỡ nên không dám gởi cho anh...

*Ngày ấy, tim tôi đập rộn ràng.
Ngoài sân nắng trải, gió lùa sang.*

*Hình như chim én vu vơ hát.
Mừng chúc trao nhau nụ hôn đầu.*

Ở trong xóm Tàu, lâu lâu có đám tang của người già, người bệnh. Họ khóc la, đánh trống, gõ xềng um sùm. Còn ở bên xóm Việt, gần đây hình như ngày nào cũng có đám tang của những người lính trẻ tử trận. Tôi thấy trên quan tài nào cũng có phủ lá cờ vàng ba sọc đỏ. Đám tang bên xóm Việt mình sao mà lặng lẽ quá, không ồn ào như ở bên.

Ở gần nhà tôi, có mấy người lính cũng vừa mới tử trận. Tôi còn nhớ một anh, hồi nhỏ, ảnh cũng hay ngạo tôi là Xẩm lai... Mấy tháng trước có lần đi về phép, anh có qua nhà thăm má tôi rồi bắt chuyện với tôi. Tôi thấy ảnh đang hoang nghiêm chỉnh hơn hồi nhỏ nhiều. Ảnh không còn gọi tôi là Xẩm nữa. Hôm đám tang của ảnh có một chị chạy tới khóc. Tôi thấy trên tay chị có đứa con còn nhỏ xíu.

Sau khi Hiệp Định Paris, tin tức cho biết Cộng Sản miền Bắc đưa quân ào ạt vào để xâm lăng miền Nam. Vì thế mặt trận càng ngày càng khốc liệt. Tôi lo cho anh mà không biết phải làm sao cho nên tôi bắt đầu tin vào thần thánh. Mặc dù tôi đang học để thi năm cuối, bận lắm vậy mà cũng ráng đi đến chùa cầu khẩn cho anh hoài. Anh ơi! Em có nghe người Hoa ở đây họ đồn rằng... Tả Quân Lê Văn Duyệt linh lắm. Anh biết không, em lo sợ cho anh, em có lên chùa cầu khẩn xin với Tả Quân Quan Lớn...

- “Ông cũng là Quan, xin Ông giúp cho anh Trung Úy của con! Con muôn vạn đội ơn Ông! Bao giờ hết chiến tranh, Trung-úy của con được trở về bình an con hứa con sẽ lạy Quan Tả Quân một trăm lạy.”

Rồi anh thư lại ôm ờ:

- “Quan lớn Tả Quân làm sao biết hết mấy ông quan nhỏ của ông. Em phải cho Quan Tả Quân biết trung úy đó là gì của em thì Tả Quân mới biết chứ. Còn trung úy thì nhiều lắm ông đâu có biết là ai đâu, là gì của em mà phù hộ. À, mà sao em

hứa với Quan Tả Quân... nhiều quá vậy, chắc anh sẽ lay phụ với em cho đủ một trăm lay...”

Ngày làm lễ ra trường, anh không về dự được, chỉ có má tôi và thím Há đến dự. Theo lời của thím Há, thím đang đòi chú Há để thím chạy lo cho chú về ở Sài Gòn, vì “Người Hoa mình đi lính đâu có thấy ai đi trận như chú.”

Nghe thím Há nói mà tôi nghĩ tới anh, phải chi tôi cũng lo được cho anh chạy về ở Sài Gòn. Anh không biết làm thợ mộc, thì anh làm lính tài xế. Ủ, mà không được đâu. Tôi nhớ lại rồi. Nhớ lại lần tôi nói chuyện với chú Há sau khi chú vừa mới ra viện, mà tôi mắc cười. Tôi có hỏi chú Há rằng chú và ông trung úy đó ai làm lớn hơn ai? Chú trợn mắt nói, ông ta là trung úy mà. Người ta gọi là sĩ quan đó. Nhưng khi nhớ lại tôi có đi lính đâu mà tôi biết, hơn nữa đây là lần đầu tiên tôi mới tìm hiểu tới lính, chú Há mới giải thích cho tôi biết sơ qua về cấp bậc.

- Gì mà nhiều quá, nhưng con chỉ thích trung úy thôi hà.
- Bộ mày thích ông hả.
- Con đâu biết?
- Ông có nói gì với mày chưa?
- Con đâu biết?
- Ủ, con đâu biết. Mà chú biết rồi. Chú biết con thích ông trung úy đó rồi. Người ta quen nhiều cô lắm đó ghen con.

Có lẽ vì nhớ anh hoài nên điểm đậu của tôi ở tuốt dưới chót cho nên khi ra trường tôi không được dạy ở Sài Gòn. Má tôi nói người ta có quen lớn còn tôi thì phải về những nơi khi ho cò gáy.

Có được mảnh bằng Sư Phạm cùng với niềm tự tin, tôi đến mấy trường học của người Hoa đề nghị họ mở vài giờ học có chương trình Việt Ngữ trong một tuần. Họ nói, phụ huynh của học sinh không ai có ý nghĩ đó. Vì chỉ giao tiếp, buôn bán cùng người Hoa với nhau thôi, nên họ đâu cần con họ học

chương trình Việt. Để làm gì? Không ai học đâu.

Nhiều khi tôi tự hỏi về gốc gác của mình, là người Hoa hay người Việt. Đối với người Hoa, tôi không hẳn là người Hoa. Với người Việt, tôi không hẳn là người Việt.

Hồi nhỏ, khi về bên ngoại, mấy đứa con nít Việt, cùng trang lứa, ngạo tôi, “Cái gì mà... xầm lai đái gốc xài phật đồng hai. Cái gì mà... ngộ ái nị, nị đừng có ái ngại. Nị ái ngại, ngộ ái đại.” Tức quá tôi không biết nói sao, chỉ biết phùng mang trợn mắt với tụi nó. Có lần tôi rượt cả đám tụi nó chạy tán loạn, chớ biết nói gì, làm gì tụi con nít Việt... kỳ cục này. Tôi về nhà khóc với má tôi.

- Má sanh con ra là xầm làm chi để tụi nó ghẹo con của má hoài. Còn ở xóm Tàu này con lại không thích làm bạn với mấy đứa Ba Tàu ở đây đâu... Nó biết con không nói tiếng Tàu, thấy con đi học trường Việt, ngay cả bà con với nhau mà tụi nó có vẻ xa lạ với con, tụi nó cứ khinh khỉnh, coi thường con. Con thích ở với xóm người Việt mình hơn. Thôi, mình dọn về ở với xóm người Việt của mình đi, má.

Rồi sau khi ba tôi mất, má tôi dọn về ở bên xóm Việt ở trong Cư Xá Lữ Gia, tụi con nít ở xóm Việt bây giờ đã thành thanh niên, thiếu nữ cả rồi. Cũng như tụi nó, tôi bây giờ là một cô gái, tụi nó không còn chọc ghẹo tôi nữa.

Má tôi nói:

- “Con là người Việt, con có nghe người ta nói rằng: khi mình sanh ra và lớn lên ở đâu, chỗ chôn nhau cắt rún của mình ở nơi nào thì đó là quê hương của mình.” Rồi má tôi lại nói, “Đàn ông Việt phần đông họ vào lính hết, sống nay chết mai, con gái của má lẳng mạn quá sẽ khổ cuộc đời.”

Tôi chỉ có hai nơi được chọn lựa sau khi ra trường, về miền Tây, về với vùng sinh lầy nước đọng, hay ra miền Trung với nắng cháy da người. Mà hai nơi được chọn đó chỉ là một tỉnh lỵ nhỏ thôi. Tôi sẽ chọn miền Trung để được ở gần với anh hơn. “Con quen với sông nước miền Tây rồi sao con không

chọn về đó”, má tôi nói như vậy.

Tôi không có đủ thời giờ để thư đi, thư lại báo cho anh biết tôi sẽ đi thăm anh. Mà nếu anh biết chắc gì anh bằng lòng cho tôi đi. Anh nói:

- “Đi đường nguy hiểm, tại nó giựt mìn xe đồ hoài, anh không an tâm. Em đừng đi, để anh xem có dịp xin phép được, sẽ về thăm em.”

Tôi cũng muốn có thím Há luôn tiện đi thăm chú, nhưng thím nói:

- “Thôi, thím không đi thăm chú nữa đâu. Cái gì mà mỗi lần đi thăm chú về là thím mang bầu. Sau mỗi lần thăm là một đứa con ra đời mà chỉ một tay thím lo nuôi con. Tiền lương của chú chỉ đủ cho chú xài, may mà gặp thím biết mua bán làm ăn chớ không thì làm sao mà nuôi nổi.”

Má tôi nghe nghe thím Há nói vậy nên hoảng hồn.

- Đó, con thấy chưa. Trai gái gần nhau làm sau tránh được chuyện đó.

- Con có gần bên anh rồi mà có chuyện đó gì đâu. Người ta đứng đắn, với lại con lớn rồi chớ bộ còn nhỏ nhít gì đâu mà không biết giữ thân.

- Hồi đó khác, lúc đó cậu ấy đang chữa trị vết thương. Còn bây giờ khác. Thôi con đừng đi ghen con. Con gái đi như vậy không nên, tiếng đồn gần xa, rồi bị chết duyên chẳng ai thèm lấy.

Nghe tôi năn nỉ xin hoài, má tôi cũng xiêu lòng, và lại có chú Há của tôi ở trên đó nên má cũng an tâm. Dù sao chú Há cũng phải để ý lo cho đứa cháu ruột của mình chớ.

Lần đầu tiên tôi đặt chân đến miền đất cao nguyên. Thành phố đầy nét lãng mạng với những rừng thông theo triền thung lũng, những con đường dốc thênh thang vắng bóng người. Nắng đầu hạ trải trên vùng cao nguyên một màu hoàng thổ. Cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, tức cảnh sinh tình tôi muốn

tìm một vắn thơ ví như mình đang đi dưới phố vàng mơ...

Ngoài cổng tiếp tân, anh lính bảo tôi vào trong phòng đợi. Rồi Sài Gòn từ năm giờ sáng, trên đường đi tôi cứ hoang mang không biết hai người này có ai ở trại. Nếu họ bận đi hành quân thì tôi sẽ trở lại thị xã tìm phòng ngủ trọ qua đêm.

Ồ, mà hồi này, tôi chỉ nói tên của chú Há là người tôi muốn gặp. Tự dưng tôi cảm thấy mắc cỡ không dám nói tên của Trung Úy. Đây là lần đầu tiên tôi đi xa nhà có một mình, mà lại đi gặp con trai nữa, lâu lâu tự cảm thấy sao mà... kỳ quá. Tìm tôi, sao tự nhiên đập nhanh, như có điều gì làm tôi hồi hộp. Chắc là lòng tôi vừa thấy vui vui, vừa lo sợ Trung Úy cười tôi. Con gái mà đi tìm con trai. Hồi trước, tôi đi thăm Trung Úy ở Quân Y Viện hoài là vì Trung Úy bị thương không có ai thăm hết. Tôi chỉ thăm có một giờ đồng hồ sau là tôi đi về nhà, chớ đâu phải như bây giờ. Lát nữa đây tôi sẽ nói với người ta rằng... "Em đi thăm chú Há chớ bộ."

- Chúc mừng Đại Úy, nghe tin Đại Úy được thăng cấp mà hôm nay mới gặp Đại Úy. Chúc mừng, chúc mừng.

- Cảm ơn anh.

Từ chỗ tôi đang ngồi trong phòng tiếp tân cách bàn làm việc nhận giấy tờ của khách ra vào trại không xa, tôi nghe tiếng người đàn ông nói đó đúng là tiếng của anh. Trung Úy, đúng là anh rồi. Tôi đứng lên. Trung Úy. Nhưng không. Tôi không gọi anh. Mà trái lại tôi sợ anh nhìn thấy tôi. Một người con gái đang đứng với anh, nàng ta đang cúi xuống ký tên nhận lại giấy tùy thân. Anh nói cười gì đó với người ta, tai tôi bị ù, không nghe được. Và rồi anh với người ta cùng sánh bước ra ngoài cổng trại. Việc trước mắt xảy ra nhanh quá. Đau lòng quá. Tôi dấu mặt vào trong. Không, tôi không khóc đâu.

- Là mới tới hả, không có thím đi cùng hả. Ủa, bộ mày khóc hả?

- Đâu có. Chú Há khỏe? Có mấy món quà của con mang lên cho chú và trung úy. Chú đưa lại dùm. Con muốn đi về

bây giờ.

- Sao, cái gì vậy. Mới lên tới, có chuyện gì vậy?

- Đâu có, tại đi đường xa nên con mệt.

- Gặp ông chưa?

- Thôi, kỳ lắm. Con đôi ý rồi. Cứ coi như là con lên đây thăm chú thôi vậy. Bây giờ có chuyến xe trở về Sài Gòn không chú.

- Chiều rồi, không có chuyến nào đâu. Để chú tìm chỗ cho con nghỉ qua đêm nay. Con muốn ở trong trại lính này hay ra ngoài xóm dân.

- Con muốn ra ngoài xóm dân ở đêm nay. Chú đừng nói cho Trung Úy biết có con lên đây nghen chú.

- Ủ! Vậy để chú đưa cháu ra ngoài nhà của hai vợ chồng người bạn thân, có đưa con gái mười một tuổi, cháu ngủ với nó. Sáng chú ra ngoài đây sớm đưa cháu ra bến xe. Thôi, bây giờ sẵn ra ngoài đó hai chú cháu mình đi ăn cơm luôn một thể. Chiều rồi, chú còn phải trở lại trại trước khi đêm xuống.

- Hồi trưa, ở ngoài chợ con thấy xe bán bánh mì thịt ngon quá. Con nhớ tới Trung Úy thích ăn bánh mì thịt nên con có mua ba ổ cho luôn cả chú cháu mình ăn. Mà trời nóng nực như vậy, để tới giờ này chắc hư hết rồi.

Chú Há đưa tôi đến nhà của bạn rồi chú quay trở về trại sau khi nói vài lời gắm với chị chủ quán.

(Còn tiếp)



ĐÀ LẠT TRƯỜNG VÕ BỊ VÀ DẤU BINH LỬA

Nguyễn Mạnh Trinh

Những năm của thập niên 70 có lẽ là những năm đẹp nhất của cuộc đời tôi, vì tuổi mới lớn, nhìn mọi sự việc đơn giản, cái lãng mạn của tuổi trẻ đã mang sự suy nghĩ đi xa hơn thực tế cuộc sống. Lúc ấy, chiến tranh bắt đầu tàn khốc. Những người bạn cùng lớp, có đứa đã mặc quần áo lính và cũng có đứa đã nằm xuống với lá cờ vàng ba sọc đỏ trên mộ và hàng chữ “Tổ Quốc Ghi ơn”.

Vào giảng đường, thi rớt một năm là vào quân trường ngay. Trong cái không khí ấy, chúng tôi đã đọc những trang bút ký chiến tranh của những người đi lính trước, để tưởng tượng ra những khổ nhọc mà sau này, khi đã bắt đầu đoạn đường chiến binh sẽ hiểu thấu. Có những bài viết, làm xúc động sâu xa. Có những câu thơ mang đến sự chia sẻ tốt cùng. Chúng tôi đọc Nguyễn Bắc Sơn. Chúng tôi đọc Phan Nhật Nam. Thấy Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi. Thấy Dấu Binh Lửa. Thấy Mùa Hè Đỏ Lửa. Thấy những người chết và những người đang lâm lũ trong khói lửa chiến tranh.

Những bài hát, có hình dáng chiến tranh, có khăn tang cô

phụ, có hình ảnh một thời núi xương sông máu, dù phản chiến hay cổ võ chiến đấu, với lời ca từ làm nhỏ nhẹ chúng tôi. Thân phận con người trong cơn bão lốc như chẳng còn chút giá trị. Viết về một thời đại ấy, là kể lại những kỳ tích mà mấy chục năm sau, lớp tuổi trẻ tiếp theo lớn lên khó tưởng tượng nổi! Dù rằng, những tác phẩm ấy chỉ nói lên một phần không toàn diện cuộc chiến. Một nửa, là dòng chữ Phan Nhật Nam, một nửa là câu văn Bảo Ninh. Bao nhiêu năm qua, thống hận đã hết nhưng đau xót vẫn còn! Những vết thương vẫn chưa lành miệng.

Nhưng, có người nói bây giờ mà đọc bút ký chiến tranh của thời xa xưa ấy thì hơi... chậm tiến. Chiến tranh đã qua lâu lắm rồi, đã hàng nửa thế kỷ, bây giờ nhắc lại có ích gì, như hành động cứ moi mãi vào vết thương tâm của cả một dân tộc.

Viết bút ký chiến tranh, là phản ánh lập trường chính trị một cách chủ quan, chỉ là một cách nhìn của một phía và chỉ soi rọi đến một nửa chân lý mà thôi. Đọc những trang sách viết về chiến tranh, chúng ta có thể rõ ràng mường tượng vị trí chính trị. Từ Phan Nhật Nam đến Bảo Ninh, từ Trần Hoài Thư đến Trần Mạnh Hảo. Dù thời khắc sáng tác có khác, dù hoàn cảnh, môi trường có khác, chiến tuyến có khác, nhưng những dòng chữ viết của họ phần nào nói lên được tâm cảm của người lính trong bão lốc chiến tranh.

Nhưng, trên phương diện văn học sử, những tác phẩm như Dấu Binh Lửa, như Nỗi Buồn Chiến Tranh... chính là những ghi chép lại của tâm tư một thời, những ngày khốc liệt nhất của lịch sử. Khác với vai trò của một văn công tuyên truyền, họ mang cái lửa của những người tuổi trẻ sống trong một thời kỳ không thể có một quyết định nào khác hơn là cầm súng. Những người không thích chém giết mà vẫn phải lao mình vào lửa đạn!

Tôi đọc Phan Nhật Nam trong tâm cảm ấy. Dấu Binh Lửa, Dọc Đường Số 1, Mùa Hè Đỏ Lửa, là những bút ký ghi lại một

thời mà chúng ta đều gắng quên mà phải nhớ! Một thời kỳ mà những suy tư đã dần vất lên những “con người” biết nghĩ đến phát triển lên được! Thực tế lịch sử đã trùng chéo lên nhau, hết mắc mứu này đến liên hệ kia. Những thế lực ngoại quốc chi phối, những tâm cảm bức bối nhược tiểu, những con đường đi ít có ánh sáng mặt trời. Tuổi trẻ bị đẩy vào mê cung và quanh quẩn lờn lộn trong những chấn song giới hạn như trong một bầy rệp.

Hình như, bút ký chiến tranh Dấu Binh Lửa đã gây nên rất nhiều phản ứng trong giới cầm bút. Nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã cho rằng đây là một kiệt tác viết về chiến tranh. Nhà báo Chu Tử cũng phát biểu như thế. Những dòng chữ, viết bằng máu và mồ hôi của một chiến trận có thực và những phần nộ có thực đã thuyết phục được người đọc. Đến nỗi, những người cầm bút phía đối nghịch bên kia như Tô Hoài và Nguyễn Tuân cũng phải nhận rằng quả thực Phan Nhật Nam đã viết tác phẩm của mình bằng máu, nhưng là một loại máu bị “nhiễm độc”. Và, khi chấm dứt chiến tranh, Phan Nhật Nam đã ném biết bao nhiêu đòn thù, với những ngày biệt giam dài đằng dặc.

Dù ở bất cứ một nhân quan chính trị nào, ở những kết luận, đều chung một nhận định, chữ viết của Dấu Binh Lửa, Mùa Hè Đỏ Lửa là những dòng chữ của văn chương mang nỗi niềm của tuổi trẻ một thời đại rất là đặc biệt Việt Nam.

Trước khi là lính, Phan Nhật Nam là một sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Đà Lạt (Khóa 18). Tôi đề ý thấy ông ít tôn sùng một thần tượng nào, nhưng khi nhắc về Trường Mẹ của mình, ông đã viết với sự tôn trọng. Hơn nữa, với cả một tâm tình đầm thắm mà ông đã có từ thuở hoa niên. Những người, mà ông gọi là thầy, là niên trưởng, hay niên đệ, trong văn chương ông, đều có nét chung mang nhân bản của những mẫu người yêu đất nước và mong muốn hòa bình dù phải bắt buộc cầm súng. Những lời ông ngỏ, như những tâm sự gửi đến, để chia sẻ:

“...Tôi ở lính tám năm, năm nay 26 đi lính năm 18. Suốt tám năm của một thời lớn lên, tôi đem tặng hết cho quân đội, không phải đến bây giờ tôi thất vọng chán nản vì công danh không toại ý, cuộc sống bị ép buộc không đúng như mơ ước nên cay cú hằn học với nhà binh. Không như vậy, tôi đi lính năm 18 tuổi vào học trường tình nguyện ra làm ông ‘quan một’ (thiếu úy). Chẳng có ai lôi kéo tôi vào trường ấy, tôi tự động hăng hái hăng diện để trở thành một Sinh Viên Sĩ Quan với ý nghĩ đã chọn đúng cho mình một hướng đi, một chỗ đứng dưới ánh mặt trời mọc.

Tôi có những rung động thật thành thực khi đi trong rừng thông, hương nhựa thông tỏa đặc cả một vùng đồi, sung sướng vì thấy đã đưa tuổi trẻ vào trong một thế giới có đủ mơ mộng và cứng rắn, một thế giới pha trộn những ước mơ lãng mạn hào hùng. Chuyển quân trong sương đêm, trong mây mù, ánh lửa mục tiêu của một đêm đông, trong hốc núi hoang vắng, thế giới mạo hiểm giang hồ của Jack London phảng phất đâu đây. Tôi say mê và thích thú với những khám phá mới mẻ đó. Năng cao nguyên trong những ngày cuối năm vàng tươi rực rỡ, đứng ở đồi nhìn xuống hồ Suối Vàng trong vắt yên lặng, người như muốn tan vỡ thành muôn ngàn mảnh nhỏ theo cơn gió bay chập chờn qua vùng đồi trùng điệp và tan đi trong nước hồ xanh ngắt...”

Không phải cảm giác và tâm tưởng ấy là của riêng tác giả Dấu Binh Lửa, mà hình như của chung những chàng lính “sữa” quân trường Võ Bị Đà Lạt. Huấn nhục không làm voi chất lãng mạn mà còn tạo thành một truyền thống để những



cực nhọc thăng hoa thành những kỷ niệm đẹp một thời.

Đà Lạt, phong cảnh hữu tình, người cũng đẹp và trời đất bốn mùa cũng có nét đẹp cách riêng. Sống ở trong môi trường ấy, óc tưởng tượng đã phát triển để thấy được cái lồng lộng vô biên của cuộc nhân sinh. Thực tế cũng có nhiều trắc trở, ngày tháng rồi sẽ kéo dài những mệt mỏi, nhưng trong rục rờ những hy vọng vẫn là những bản hoan ca của một tuổi trẻ thanh xuân. Không phải là những bài hát mị lính rẻ tiền kiểu “anh tiền tuyến, em hậu phương” mà là những tâm tư chất ngất hùng tráng của những câu thơ hào hùng thuở nào nhắc đến một thời trắng treo vó ngựa. Phan Nhật Nam viết về những ngày ở Trường Mẹ:

“... Phải nói thật những ngày ở lính đầu tiên của tôi đây trong sáng và đẹp đẽ. Trong sáng như giấc mơ của số tuổi 19, giấc mơ mù mờ có cánh chim trắng bay chậm rãi qua rừng thông. Nhưng đời sống nhà binh không hẳn là vậy, nó còn có sĩ quan cán bộ, có nghi lễ, có đủ những phiền toái hỗn độn mà đời sống dân sự không ai nghĩ ra được. Nên khung trời đây sương mù bí mật ngoài khung cửa sổ hiện ra như một thách thức đối với đời sống kìm kẹp của tôi hiện tại.

Đây cũng là một thời gian thật khủng hoảng, mỗi đêm nhìn về phía thành phố đầy ánh đèn tôi không ngủ được, tưởng như có một tiếng gọi của đời sống ở bên ngoài quân ngũ đang nhắc nhở thúc dục, một đời sống thực sự tôi không có.

Từ khung cửa sổ nhìn xuống những triền đồi im lặng chạy dài trong sương mù và đặng xa ánh đèn xanh của vườn Bích Câu ma quái diễm ảo, tôi thấy rõ trong tôi có một nỗi cô đơn khủng khiếp hiện hình sừng sững. Những lúc ấy tôi thấy được con người thực của mình, một gã trai trẻ viễn vông, thấy rõ những cười đùa ban ngày, những buổi học, bữa ăn tập thể không ảnh hưởng gì đến con người trong tôi. Không thể có được một ý niệm về chuyên môn quân sự mà bằng tất cả mọi cách nhà trường cố nhét vào trong đầu óc. Những đội hình tác

chiến, cung cách chỉ huy, chi tiết kỹ thuật về vũ khí trôi qua trí não mơ hồ như một cơn gió nhẹ.

Hai năm sống ở mái trường đó như một cơn gió phiêu du. Những giây phút thực nhất là phiên gác nửa đêm về sáng dưới ánh đèn pha của vọng gác kho đạn, tôi khám phá được một thế giới của cây cỏ đang thở, đang lớn lên, những giây phút khoảng năm giờ sáng, sau phiên gác nhìn xuống phòng sĩ quan trực, người lính kèn im lặng đưa lên môi thổi bài kèn báo thức. Và giây phút thực nhất không gì hơn suốt ngày Chủ Nhật một mình một ngựa chạy như bay vào hướng đồn Daksard. Con đường đỏ còn ướt sương đêm, trời chưa tan hẳn mù, ngựa phi như gió cuốn, ngựa đi vào trong một vùng mù đặc, rừng thông chuyển động ào ào, cả trời cao nguyên tan biến chập chờn theo vó ngựa. Kết quả sau hai năm ăn nhờ chảnh phủ tôi được biến thành ông ‘quan một’ ra trường đi binh chủng hung hãn nhất...”

Vào lửa đạn, đi qua từ những chiến trường này đến trận chiến nọ, trải qua bao nhiêu thăng trầm binh nghiệp, bao nhiêu lần thương tích, bao nhiêu lần thấy cái lý tưởng thời xưa bị vầy đập, vẫn thấy sáng ngời những ngày tháng quân trường, vẫn thấy niềm hãnh diện xuất thân từ ngôi Trường Mẹ vẫn chưa nhạt phai.

“... Tôi ra trường năm 1963, thời gian chiến tranh bắt đầu nặng và hỗn loạn không phải chỉ thuần túy ở sự kiện chiến tranh nhưng đã bắt đầu gây mầm bùng nổ ở lòng người. Lễ tất nhiên là sĩ quan nhà nghề, xuất thân từ quân trường mà quyền hành của khóa đàn anh không phải chỉ để thi hành kỷ luật nhưng là một ám ảnh khủng khiếp cho khóa dưới. Chỉ một cái quắc mắt của Nguyễn Xuân Phúc (Khóa 16) khi bước lên bục gỗ, hai trăm người của khóa tôi co rúm tê liệt như con nai chết trước nhãn quan khủng khiếp của con hổ. Một sinh viên sĩ quan Khóa 19 vì quá sợ niên trưởng nên dù trái lựu đạn đã bật kíp nhưng cũng không dám ném đi vì chưa nhận được lệnh (trong bài học ném lựu đạn tất cả các động tác đều theo lệnh)

nên hậu quả trái đạn nổ trên tay.

Tôi biến thành một người lính thực thụ, trận lớn, trận nhỏ, chiến dịch hai tháng, ba tháng, dài ngắn, từ Sài Gòn trở ra Bến Hải, tôi đi đủ. Những địa danh xa xôi bất kỳ một xó xỉnh hiểm hóc nào của miền Nam nay tôi cũng có thể biết rõ một cách tường tận. Từ những miền quá nổi tiếng như Khe Sanh, Cồn Tiên đến những làng nhỏ từ cửa Việt đi ra: Diêm Hà Trung, Diêm Hà Nam, cái làng nhỏ cuối thung lũng sông Kim Sơn, làng Hà Tây, đèo ông Hồ đổ xuống Phù Cũ ra Phù Ly, Phù Cát thẳng đến biển là núi Lồi, đầm Trà Ổ, xuống phía Nam là đầm Nước Ngọt. Lên đến Pleiku, trực thăng vận xuống phía nam biên giới Lào-Việt đầu ngọn sông Ia-Drang... Đâu đâu tôi cũng đến.

Năm thứ nhất, năm thứ hai, thứ ba tôi sống thoải mái, vì đã đi đủ, nhìn đủ. Tôi cũng chấp nhận cho sự góp mặt ở chiến cuộc. Góp mặt để chấm dứt chiến tranh. Thắng bại không kể, nhưng cốt yếu là không ở ngoài, không chạy trốn trong khi bạn bè những người cùng trang lứa đang tham dự, đang ngã chết. Dù bên này hay bên kia, chết trong thù hận...” Chỉ có người ở trong cuộc mới hiểu được nỗi nhọc nhằn của một cuộc chiến phi lý. Ngoài tiền tuyến hy sinh, trong khi hậu phương thì bị phá nát bởi những tên vô trách nhiệm không một chút ý thức nào về dân tộc và quốc gia.

Có những người trước khi vào lính là những sinh viên hay biểu tình tranh đấu nhưng khi gia nhập quân ngũ lại cảm thấy giận dữ khi máu xương và mồ hôi của mình và đồng ngũ mình bị phí phạm một cách cực kỳ vô ích. Cũng như, có những người lính, sau nhiệm vụ của mình, đã cảm bút như một cách thể để nói lên nỗi niềm tâm sự của mình.

Thú thực tôi cũng không tâm đắc mấy với những ngôn từ như nhà thơ lính, nhà văn lính. Ở một thời kỳ mà tất cả sinh lực, tất cả những tinh hoa của đất nước đều dồn hết vào quân đội thì chữ lính đi sau có phải là thừa thãi không? Nhà văn,

nhà thơ là đủ rồi, hà tất còn phải thêm chữ lính làm gì? Đâu có phải đó là dấu mộc của tấm giấy chứng nhận tại ngũ để trình cho cảnh sát đứng gác đường xét hỏi... Thời chiến tranh, mọi người phải hoàn tất nhiệm vụ của mình với đất nước, với xã hội mình đang sống.

Tôi nghĩ đến cái mộng ước của Đại tá Trần Ngọc Huyền, Chi Huy Trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt một thời. Ông muốn hình thành một lớp quý tộc mặc quân phục với tiêu chuẩn văn võ toàn tài. Từ bước đầu rèn luyện ở quân trường, không phải chỉ là những kiến thức về quân sự, về chuyên môn, mà còn cả những phương cách để học làm người nữa. Một mẫu người kiểu mẫu cho một thời đại. Bằng mọi cách, với tất cả nỗ lực ông kiến tạo một tiêu chuẩn mẫu mực mới cho phong cách và chân dung một sĩ quan hiện dịch.

Tiểu là thời gian đã không đủ để có một trải nghiệm chính xác. Nhưng, từ những người con xuất thân từ Trường Mẹ, họ đã không làm phụ lòng những mộng ước mong mỏi trên. Địa linh thì có nhân kiệt. Đinh Lâm Viên vói vọi cao nhưng không phải là chẳng thể vượt qua!

Bây giờ, đọc những trang sách, lại thấy phảng phất đâu đây mùi nhựa thông buổi sáng hay màu hoa quỳ vàng làm ngây ngất lòng người. Cái sương mù bây giờ ở xứ người có làm nhớ đến màn sương mù đặc của Phan Nhật Nam thuở trước? Ai làm người lính gác đêm, nhìn thành phố mờ tỏ ánh đèn có thấy xao xuyến nỗi nhớ mong nào đó? Kỷ niệm sẽ rất đẹp, khi lúc ta đang tuổi xuân, lòng bùng bùng men rượu của cuộc sống sắp đến.

Đà Lạt, nơi có những người lính alpha đỏ trên vai, và những cô gái nữ sinh Bùi Thị Xuân, Couvent des Oiseaux... đây e ấp. Ở đó có những mối tình đẹp nhưng cũng có những cuộc chia tay buồn bã. Hoa mimosa, hoa anh đào, hoa quỳ có một buổi nào nở rộ? Những người lính, lên đường mang giấc mộng của mình đi đến chiến trường, nơi trắng treo vó ngựa, nơi sinh tử

mặt mù.

Và với Phan Nhật Nam, trong câu chuyện kể hoài không đủ, viết ngàn chương thiếu một tờ, biết đâu, về sau, những lớp con trẻ lớn lên đã thấy được những cảnh ngộ của cha ông trong một thời lịch sử có quá nhiều phức tạp...

Ghi chú:



Nhà thơ, nhà biên khảo Nguyễn Mạnh Trinh (1949-2021), một khuôn mặt rất quen thuộc trong giới văn nghệ sĩ vùng Little Saigon, là một người rất trân trọng và quý mến nền văn học VNCH.

Ông sinh tại Hà Nội, lớn lên ở miền Nam. Năm 1969, ông tình nguyện gia nhập Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, phục vụ tại Không Đoàn 60 Bảo Trì Tiếp Liệu thuộc Sư Đoàn 6 Không Quân tại Pleiku từ khi thành lập đơn vị này vào những năm 1971 cho đến ngày tàn cuộc chiến.

Sau biến cố 1975, ông tỵ nạn tại Hoa Kỳ và bắt đầu dần thân vào những sinh hoạt văn học nghệ thuật tại tiểu bang California. Ngoài viết văn và làm thơ, ông thường viết những nhận định văn học liên quan đến tác phẩm của những tác giả nổi danh như Phan Nhật Nam, Song Vũ, Xuân Vũ, Trần Văn Minh, Dương Hùng Cường, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Sa, Vũ Hữu Định, Quang Dũng, Phạm Đình Chương, Phạm Công Thiện, Tô Thùy Yên, Kim Tuấn, Du Tử Lê...

Những bài viết của ông xuất hiện trên hầu hết các tạp chí văn học tại hải ngoại.

Thư Tết Trung Tu

Võ Ý, K17

Xuân là Hy Vọng. Hy vọng một tương lai an vui và sung túc hơn.

Tết là quay về. Quay về với làng quê với tuổi thơ, con phố Quay về với tổ tiên, quyến thuộc, cha mẹ ông bà. Với đồng đội và với vợ con ruột thịt...

Mới đó mà đã 50 năm ngày uất hận của người dân miền Nam, miền Nam yêu dấu!

Cứ mỗi độ Xuân về, nhạc Xuân vang rền, ruột kẻ ly hương càng quặn đau. Nhớ năm đầu lưu đày trên đất Bắc, cái giá buốt của núi rừng đã làm mê muội bao nhân cách. Thâm hiểm nhất vẫn là chủ trương cho tù ăn đói, góp phần bào mòn bản năng biết bao tù khổ sai...

Tết 1976 đó, tại trại giam Yên Bái, tù miền Nam vào rừng chặt nứa, gặt chuối rừng, họ cắt nguyên tàu lá về lót chỗ nằm, để che chắn gió lùa từ dưới sạp tre thổi lùa lên. Ngay giữa lán, tù đào một lỗ hình chữ nhật dài khoảng 6 tấc, rộng 3 tấc và sâu 3 tấc, rồi chất củi khô đốt lên để sưởi ấm. Các tù thay nhau gác lửa suốt đêm.

Từ trong ngọn lửa, có làn khói bay lên như nén hương và
tiếng nổ tíc tắc như tiếng pháo Xuân xưa, là dịp để tôi quay
về... Xin mời đọc Thơ Tết Trong Trại Tù

TẾT ĐẦU TIÊN TRẠI TÙ YÊN BÁI

Tuổi tây băm sáu Xuân này
Tuổi ta cộng một cho đầy tuổi tôi.
Tuổi con rồng loi thôi trắng gió
Nỗi niềm riêng biết ngỏ cùng ai?

*Rồng nằm đất giữa nhìn mây
Không lông không cánh còn bay bóng gì?
Vui Tết đến cười khi một tiếng,
Mừng Xuân sang ăn miếng Mác Lê.*

Ngủ vùi một giấc đê mê,
Bùng con mắt dậy bốn bề núi cao.
Tay mở rộng ôm vào cho chặt
Cả một trời quay quắt ngậm ngùi.

*Đốt lên ánh lửa cho vui,
Lửa cơ hồ dễ luyện trui cõi lòng.
Tiếng nứa nổ pháo hồng rộn rã
Lửa hồng reo khói tỏa hương bay.*

Tưởng chừng quanh quẩn đầu đây
Hồn cha theo gió xum vầy cùng con.
Cả một đời sắt son lận đận
Tóc điểm sương mẹ vẫn trông chờ

*Mẹ ơi con mẹ ngây thơ
Ba mươi bảy tuổi còn mơ mộng nhiều.*

*Này là vợ yêu kiều tha thiết
Thịt xương kia đã quyết cho nhau*

*Em ơi nước chảy qua cầu
Biển dâu kia có trước sau đợi chờ?
Thương xót quá con thơ của bố
Chứa vào đời đã khổ vì cha*

*Nguyện lòng con thắm như hoa
Trẻ thơ xin chớ xót xa vắn hờn
Chào anh mắt như còn lệ ngấn
Để gì không giọt vắn giọt dài*

*Ước gì một hớp rượu cay
Từ lâu quên cả lẫn quay đất trời.
Xin được khóc đã đời nghiệp báo
Khóc ngon lành điên đảo thỏa mê*

*Ngủ vùi một giấc mê mê
Trống trôn nào sợ Xuân về mặc Xuân!*

Trại Yên Bái 1976



Chiến Khu D - Mật Khu Bất Khả Xâm Phãm của Cộng Sản?

BCD LÊ ĐẮC LỰC

Nếu tính theo đường thẳng thì Chiến khu D cách Sài Gòn chỉ khoảng 60 cây số, cách xuống Biên Hòa khoảng 30 cây số. Vì thế phi trường Biên Hòa luôn là mục tiêu pháo kích của Việt cộng hằng đêm.

Hiệp Định Hòa Bình Paris ký kết đã được một năm, nhưng hai tiếng “hòa bình” trong hiệp định chỉ là cái bình phong để Việt Cộng gây... chiến tranh. Mức độ pháo kích vào phi trường Biên Hòa càng lúc càng gia tăng, khiến Bộ Tư lệnh Quân Đoàn III trở nên “nóng máy”. Không thể để bọn chúng quá lộng hành, phải đánh đấm Việt Cộng này tới tận cùng sào huyệt của chúng, phải nắm thế chủ động trên chiến trường. Nghĩa là Biệt Cách Dù phải vào Chiến khu D, “nắm đầu bọn ngoan cố”.

Áp lực của địch vào Biên Hòa, Sài Gòn là từ Chiến Khu D. Nó không nằm ở đâu xa mà ngay bên cạnh Trị An. Phía Đông của nó là Định Quán trên Quốc Lộ 20, đường đi Đà Lạt, kế là Võ Xu. Phía Nam là Quốc Lộ 1, đoạn Biên Hòa - Long Khánh. Phía Tây Bắc là Đồng Xoài, kéo dài lên tới Bình Long, Phước Long qua tới biên giới xứ Chùa Tháp, có Snoul là nơi từng diễn ra trận đánh lớn khi Quân Đội VNCH tràn qua

Miền năm 1970. Phía Tây là Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, có Quốc Lộ 22 đường đi Tây Ninh...



Căn cứ hành quân của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù đóng ở Suối Máu, sát nách phi trường Biên Hòa, đã mấy lần ném trái những trận pháo kích 122 ly xuất phát từ trong vùng chiến khu này. Đại Úy Lưu Huyền, Đại Đội Trưởng Đại Đội Thám Sát, đã vĩnh viễn già từ vũ khí vì những một trong những đợt pháo kích này. Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù đã vô cùng thương tiếc vì đã mất đi một Anh hùng diệt cộng. Nếu Biệt Kích không đi tìm diệt chúng, biết

đâu sẽ còn nhiều chiến hữu của đơn vị cũng sẽ hy sinh.

Thế là Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù không thể chần chờ.

Hai Biệt Đội 812 và 813, được chuyển vận đến Chi Khu Công Thanh, từ đó vượt qua sông Đồng Nai vào Xã Thái Hưng, Quận Tân Uyên. Đây là khu định cư của người miền Bắc di cư, là thành trì chống cộng một mất một còn với CS. Nơi này có ngọn núi Bà Cẩm, cao khoảng 200 mét, được dùng để đặt các trạm thông tin, liên lạc. Xã Thái Hưng nằm về hướng Nam của Chiến Khu D. Bọn Việt Cộng cũng thường về đây phá rối, nên Tiểu Khu Biên Hòa đã điều động một tiểu đoàn Địa Phương Quân đến giữ an ninh và phòng thủ.

Từ xuất phát này, Biệt Đội 812 và 813 đã mở các cuộc hành quân lục soát, truy lùng về hướng Bắc, dọc theo Sông Bé, phát giác các dàn phóng hỏa tiễn làm bằng cây rừng và một vài căn cứ trú phòng bỏ hoang của chúng, đồng thời tổ chức phục kích bắt sống được một số cán bộ địch quân mang về khai thác.

Cũng trong thời gian này, Bộ Chỉ Huy Hành Quân đã thả

các toán Thám Sát vào hoạt động sâu trong Chiến Khu D, ở hướng chính Bắc Thị Xã Định Quán.

Đã mấy ngày trôi qua, các Toán Thám Sát di chuyển theo lộ trình từ Bắc xuôi về Tây Nam, rồi từ Đông sang Tây. Tuy nhiên, các toán cũng chỉ phát giác được các hầm hố, địa đạo, các khu canh tác đã bị bỏ hoang. Có thể Việt Cộng đã dời quân về hướng Tây Bắc Thị Xã Phước Long, hay Đông Bắc Thị Xã Ban Mê Thuột? Thế nhưng, quả thật là bất ngờ! Vào sáng ngày thứ Tư, Chuẩn Úy Vinh, Trưởng Toán 6 Thám Sát, chuyển công điện, báo cáo về Trung Tâm Hành Quân, là Toán đã khám phá ra một kho vũ khí của Việt Cộng.

Tôi không rõ kế hoạch hành quân Toán của Chuẩn Úy Vinh như thế nào, chỉ biết đây là một trong hai Toán có nhiệm vụ nhảy vào lòng địch ngay tại Chiến Khu D. Khi Toán của Chuẩn Úy Vinh tình cờ phát giác ra kho vũ khí của địch thì trong Biệt Đội Thám Sát nổi lên một giai thoại khá kỳ thú về Chuẩn Úy Vinh, Trưởng Toán 6 Thám sát này.

Khi Toán Chuẩn Úy Vinh nhận lệnh hành quân, thâm nhập vào chiến khu D, cũng là sào huyệt “bất khả xâm phạm” của Việt của thì các toán trưởng khác đã cười:

- “Thằng này bị đi!”

Thật ra, Chuẩn Úy Vinh chẳng “quậy phá” gì đâu, cũng giống như các Toán Trưởng khác vậy thôi, khi “vô sự” thì rủ nhau ra Biên Hòa đánh bi-da, xem chiếu bóng hay nhậu nhẹt chơi. Khổ cho anh chàng Chuẩn Úy Vinh trẻ tuổi có một “em gái hậu phương” nào đó ở Hồ Nai. Hễ mỗi lần anh đứng lên từ giã thì cô nàng mè nheo, thút thít... khóc:

- “Anh đi em buồn lắm!” vân vân và vân vân....

Thế rồi, trước sau gì anh chàng Vinh cũng phải “giã từ em yêu” dù hơi trễ. Tuy không bị phạt, nhưng mỗi lần anh về trễ, không lý cấp chỉ huy không “xài xê” vài ba câu. Việc anh ta lần này có bị “đi” vì cái tội trễ phép hay không, hay chỉ là câu nói bông đùa của mọi người thì chỉ có mình anh biết.

Không như trước kia, mỗi Toán có ba người bạn đồng minh, bây giờ thì chỉ sáu người, toàn là người Việt. Toán của Chuẩn Ủy Vinh, vào xế chiều, được trực thăng thả xuống một bãi trống trong rừng núi Tà Lài, về hướng Đông của Chiến Khu D.

Ba ngày đi từ Đông sang Tây, chẳng thấy động tĩnh gì. Chiều lại, Toán leo lên một ngọn đồi, cây rừng rậm rạp, địa thế thuận lợi để đóng quân qua đêm. Sáng hôm sau, thức dậy sớm. Lợi dụng trời còn mờ hơi sương, Toán chuẩn bị ăn sáng. Lương thực Toán mang theo thường là cá, thịt hộp và gạo sấy, nem phải có chút nước sôi để đổ vào gạo sấy hay hâm nóng hộp cá, thịt. Lửa, thì xử dụng loại “xăng đặc”, một cục to bằng nửa hộp quẹt, bọc hàn kín bằng bao giấy bạc không thấm nước. Chỉ cần xé bao nylon, mở gói giấy bạc và châm lửa.

Nhưng đâu có đơn giản, dễ dàng vậy. Khi cháy, ngọn lửa xăng đặc màu xanh lè, nên địch dễ nhận biết. Do đó, phải đào một cái hố nhỏ, để cục xăng đặc vào đáy hố, đốt lửa, để lon thiếc lên. Khi lửa vừa tắt thì nước sôi, thịt cá cũng nóng. Xong, tắt cả “rác rưởi” cho xuống hố, lấp đất, phủ lá khô lên trên, tránh không cho địch phát giác.

Trước khi lên đường, để thanh toán ba cái thứ thừa thãi đang chất chứa trong người, Chuẩn

Ủy Vinh đi lần theo đỉnh đồi, chừng ba bốn thước. Đến cạnh một bụi cây hoang mọc sát một hốc đá, vừa ngồi xuống, dùng dao đào hố, thì Chuẩn Ủy Vinh bất ngờ nhìn thấy bên trái hốc đá là một cửa hang. Tò mò bước vào Chuẩn Ủy Vinh vô cùng bàng hoàng, sững sốt, miệng há hốc khi nhìn thấy bên trong chứa đầy dẫy, ngổn ngang các loại vũ khí. Vinh tức tốc quay trở lại Toán và báo cáo khẩn cấp về Trung Tâm Hành Quân. Đại Tá Phan Văn Huân Chỉ Huy Trưởng, với kinh nghiệm dày dặn, từng trải trên khắp các chiến trường trận địa, không tin chỉ có một căn hầm, mà còn nhiều căn hầm khác nữa. Đây phải là nơi chúng chôn dấu vũ vũ khí, hỏa tiễn để pháo kích phi trường Biên Hòa. Đại Tá chỉ thị Toán 6 mở rộng

vòng đai, lục soát chung quanh đỉnh đồi. Đúng như tiên đoán của Đại Tá Huân, Toán đã tìm thấy thêm một cửa hầm khác, rồi lại thêm hai ba cửa hầm khác nữa. Chuẩn Úy Vinh vừa vui mừng báo cáo về cho Trung tâm Hành Quân:

- “Cả một đồi toàn hầm vũ khí.”

Bao gạo sấy của Vinh vẫn còn nguyên trong túi quần bên hông. Anh đã quên... ăn sáng mất rồi!

Hai phi đội trực thăng HU.1B được cấp tốc tăng cường. Hai Biệt Đội 813 do Đại Úy Nguyễn Văn Hải chỉ huy và Biệt Đội 814 do tôi chỉ huy được lệnh lên đường khai thác mục tiêu.

Bãi đổ quân hai Biệt Đội 813 và 814 là một trảng trống nằm về hướng Tây, cách ngọn đồi của Chuẩn Úy Vinh khoảng chừng nửa cây số. Theo lệnh hành quân, hai Biệt Đội chia làm hai cánh cùng băng rừng tiến về hướng đồi có kho vũ khí. Biệt Đội 813 lên đến đỉnh đồi sẽ dàn quân trải rộng phòng thủ mặt Tây Nam và Tây Bắc. Biệt Đội 814, sau khi bắt tay với Toán 6 của Chuẩn Úy Vinh, sẽ bố trí ba Trung Đội giữ mặt Đông Bắc và Đông Nam, còn một Trung Đội phối hợp với Toán để kiểm định lại tất cả các hầm vũ khí.

Toàn bộ ngọn đồi là những hầm vũ khí, đạn dược. Mỗi hầm sâu cỡ 2 mét, rộng 3 hoặc 4 mét, trên phủ một lớp nylon và cây lá khá kỹ để che dấu, ngụy trang. Nếu không biết đây là nơi địch chôn dấu vũ khí và quyết tâm đi tìm, chắc cũng khó mà tìm ra các hầm này.

Trong thời gian phòng thủ, chờ đợi các phi đội trực thăng đến chuyển vận chiến lợi phẩm, khoảng quá trưa, một tiếng nổ kinh hoàng long trời lở đất vang lên, mà tôi chưa từng bao giờ nghe đến như vậy, chấn động, vang dội cả khu rừng. Đất đá, cây cối bay tung lên trời và rơi rớt lá chả khắp khu đồi. Một cánh tay và một vài mảnh thịt rớt xuống nằm ngay bên cạnh hố phòng thủ của tôi...

Với phản ứng cổ hữu của một đơn vị trưởng tác chiến, tôi truyền lệnh cho các trung đội sẵn sàng trong tư thế tác chiến,

đề phòng địch sẽ tiếp tục pháo kích và tấn công. Sau nửa giờ trôi qua, chẳng có biến cố gì tiếp diễn. Trong lòng hơi hoảng hốt đôi chút, nhưng định thần lại được ngay, tôi đi về hướng đã phát ra tiếng nổ. Một khoảnh đất rộng bằng nửa sân bóng chuyền bày ra giữa khu rừng, bên trong la liệt xen lẫn cành cây, thùng ống và những mảnh thịt tươi dính đầy đất máu. Vào lúc đó Đại Úy Hải cũng vừa tới để xem xét. Cuối cùng Đại Úy Hải và tôi cùng có chung một kết luận. Nguyên do vụ nổ là do vô ý. Một vài quân nhân trong đó có Trung Sĩ Khru Công Quý Trung Đội Phó, Hạ Sĩ I Phiêu Âm Thoại Viên, thuộc Biệt Đội 814, Thượng Sĩ Khẩn Ban 5, và hai binh sĩ thuộc Biệt Đội 813, trong niềm phấn chấn cao độ đã đến các căn hầm chụp hình lưu niệm, đã vô tình, trèo lên đứng trên các thùng chứa chất nổ, khiến chúng bị kích nhiệt gây nổ tung cả căn hầm. Tất cả đã bị thiệt mạng, xác thân bị tan tành từng mảnh, thật vô cùng thương tâm và oan uổng.

Trước sự kiện thảm khốc này, Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huân lo ngại Việt Cộng khi biết được kho vũ khí đã bị khám phá sẽ tập trung quân để tấn công các Biệt Đội. Ông đã trực tiếp bay lên vùng điều động hai Biệt Đội vừa phòng thủ, vừa chuyển gấp rút tất cả chiến lợi phẩm này ra bãi để trực thăng bốc về Căn Cứ Hành Quân. Tuy nhiên, không thể nào chuyển hết số lượng này bằng trực thăng HU-1B vì số lượng vũ khí quá nhiều. Cả một kho vũ khí bao gồm súng phòng không 12 ly 7, 37 ly, đại liên, trung liên, vô số vũ khí cá nhân B-40, B-41, AK, CKC, mìn bẫy, đạn dược, v.v... Đại Tá Phan Văn Huân phải xin Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, điều động thêm các phi đội trực thăng Shinook đến tăng cường. Mãi cho đến tối trời, số vũ khí đã tịch thu mới được chuyển hết về căn cứ hành quân Suối Máu, Biên Hòa.

Khi chiếc Shinook cuối cùng cất cánh an toàn, Đại Tá Huân ra lệnh các Biệt Đội phải cấp tốc triệt thoái về Định Quán, nằm ở hướng Đông Nam khoảng trên 10 cây số. Toàn khu đồi giờ này đã tối hẳn. Con đường rừng mịt mù âm u, ngựa bàn

tay cũng không còn thấy rõ. Bảy giờ, di chuyển giữa rừng già trong đêm tăm tối, điều tôi lo lắng nhất là sợ có anh em binh sĩ không theo kịp, sẽ đi lạc phương hướng. Kinh nghiệm đi rừng trong suốt hai năm là Toán Trưởng Thám Sát Delta, cho tôi một sáng kiến. Các cành cây khô mục rơi rụng trong rừng lâu ngày thường tỏa ra ánh sáng lân tinh vào ban đêm, đem áp dụng vào lúc này thì thật đúng là “ăn mày mà gặp chiếu manh”.



Tôi ra lệnh cho toàn binh sĩ, bốc lấy những cây mục ấy bỏ lên trên nắp ba lô của mình. Người đi sau cứ theo ánh sáng ấy của người đi trước mà nối đuôi nhau, để tránh khỏi bị lạc đường. Đây là một giải pháp quá tuyệt vời. Nhờ cách ấy, Biệt Đội di chuyển trong rừng rậm hiểm hóc, leo đồi, vượt suối suốt đêm, trong khoảng hơn ba giờ đồng. Quân số Biệt Đội vẫn đầy đủ, không một ai thất lạc cả.

Ra khỏi rừng, Biệt Đội phải lội qua một vùng đầm lầy nước lấp xấp tới bụng, lau sậy mọc chằng chịt phải vạch lối mà đi. Không xem bản đồ kịp và cũng không cần thiết, tôi đoán chừng đây là vùng thác Trị An. Tiếp tục, di chuyển, khi trời hừng sáng, Biệt Đội ra tới các khu đồi trồng chuối, đu đủ cách Quốc Lộ 20 chừng 500 mét. Đây là khu vực canh tác của đồng bào Định Quán, lẫn lộn giữa dân cư địa phương và người Bắc di cư. Tôi cho lệnh dừng quân quanh một đồi trồng chuối.

Không lâu sau đó, Biệt Đội 813 của Đại Úy Nguyễn Văn Hải cũng vừa đến và bố trí trong một ngọn đồi trông đu đủ kề cận. Cả hai Biệt Đội đều được lệnh chờ đoàn xe GMC của đơn vị đến đón trở về lại căn cứ hành quân ở Suối Máu, Biên Hòa.

Hai ba ngày sau, cũng ngay tại căn cứ hành quân Suối Máu, Biên Hòa, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh Quân Đoàn III, cùng một phái đoàn sĩ quan cao cấp của Bộ Tổng Tham Mưu đã đến chủ tọa và tham dự lễ gắn huy chương và đặc cách cấp bậc cho các sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ hữu công của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù. Trong dịp này, Đại Úy Hải và tôi cũng được tuyên dương công trạng trước Quân Đội. Đích thân Trung Tướng Tư Lệnh gắn Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu lên trên ngực áo chúng tôi. Sau đó Trung Tướng Tư Lệnh và Đại Tá Chi Huy Trưởng Phan Văn Huấn đã cắt băng khai mạc khu triển lãm, với hàng ngàn vũ khí chiến lợi phẩm đủ loại của Việt Cộng do Liên Đoàn tịch thu được, lớn nhất từ trước tới nay.

Đài Truyền Hình số 9, Đài Phát Thanh Sài Gòn, Đài Phát Thanh Quân Đội, các phóng viên báo chí của tuần, nhật báo Diều Hâu, Tiền Tuyến, Chiến Sĩ Cộng Hòa, Sóng Thần, Tia Sáng, Trắng Đen đã đến quan sát, quay phim, chụp hình, phỏng vấn Chuẩn Úy Vinh, các toán viên Toán 6 Thăm Sát, Đại Tá Phan Văn Huấn, Đại Úy Hải, và tôi.

Cuộc triển lãm chiến lợi phẩm kéo dài trong suốt một tuần lễ. Các đơn vị bạn thuộc các quân binh chủng trú đóng tại Biệt Khu Thủ Đô, tại Quân Đoàn III, Quân Khu III đều đến tham dự và bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, trước khám phá kho vũ khí của giặc Cộng có một không hai này.

Dù thế nào chăng nữa, chiến công lừng danh này của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, dù không bẻ gãy mưu đồ phá hoại của địch, thì cũng sẽ làm chậm trễ ý đồ xâm chiếm miền Nam của bọn chúng.



Vấy Tay Ngậm Ngùi

Hương Thủy

(Cho Những Mối Tình Tan Vỡ Vì Thời Cuộc Của K28 Vỡ Bị Đà Lạt.)

Nữ tiếp viên hàng không thông báo 10 phút nữa máy bay sẽ đáp xuống phi trường Phú Bài. Cô mở túi xách lấy cái gương nhỏ soi lại mặt mình. Với mái tóc nâu nhạt vừa được uốn cùng màu son Elizabeth Arden cánh sen duyên dáng, nốt mụn nhỏ sau bao đêm trần trọc đã được khéo léo phủ một lớp phấn mỏng, cô bồn chồn cho cuộc gặp gỡ sau 30 năm.

30 năm. Gặp đôi cuộc tái hội giữa Thúy Kiều và Kim Trọng. Cô cũng không nghĩ mình còn có thể gặp lại anh sau bao nhiêu biến thiên của cuộc đời. Ngày nhắc máy điện thoại, cô hững hờ cất tiếng “A lô” mà không ngờ đầu dây bên kia là anh, người đã ghi những kỷ niệm không quên trong cuộc đời cô.

Cô nhớ mình đã run rẩy khi cái giọng trầm ấm của anh cất lên. Làm sao cô quên được anh. Ngàn lần cô không thể quên.

Xóm Ba cây dừa. Không biết ai đã trồng từ lúc nào để biến nó thành một địa danh quen thuộc của thị xã. Ba cây dừa già lão, nằm nghiêng nghiêng duyên dáng mà vững chãi. Nhà cô ở đấy, căn nhà đầy hoa, nhờ thú vui cây cảnh của người cha.

Giữa đám thực dược, mỏng gà, cúc đại đoá màu sắc rực rỡ là một cây trúc bá diệp xanh ngắt vươn lên bầu trời. Thị thoảng lại có người vào xin một nắm cho bài thuốc nào đấy. Cái hồ nhỏ bên dưới đầy bèo và cá thia đỏ. Nơi đó cô đã lớn lên, đã sống những ngày thiếu nữ hồn nhiên, mơ mộng.

Cô không biết anh chú ý mình khi nào. Chỉ nhớ buổi trưa ấy, “như buổi trưa nhẹ nhẹ trong ca dao” ở thơ Huy Cận, cô vắt vẻo trên cây ôi bên bờ giếng, miệng nhai rau rầu miếng ôi xanh thì bạn cô xuất hiện. Sâm cười tủm tỉm, đặt cuốn sách trên thành bể cho cô rồi vội vã đi. Đó là tập truyện ngắn của nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn có cái tựa đề thật dễ thương “Ở Một Nơi Ai Cũng Quen Nhau”. Giữa cuốn sách là bức thư của anh.



Bao nhiêu năm đã trôi qua nhưng cô vẫn nhớ rõ những dòng chữ. Nét chữ đẹp, thanh thoát, cái đuôi sau hơi hất lên. Lá thư không có từ ngữ nào là “yêu” nhưng cô hiểu đó là một bức thư tình. Bức thư tình cô nhận được đầu tiên năm 15 tuổi.

15 tuổi. Ngực cô mới nhú như chũm cau và vẫn là mái tóc bum bê. Cô khó chịu với cái corset bà chị hai bắt mặc. Cô hồn nhiên và chăm học. Mơ ước của cô là sẽ trở thành một giáo sư như những giáo sư thần tượng của cô thời ấy. Ngày hai buổi, cô tung tăng đến trường trong chiếc áo đầm trắng. Năm cuối của bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp, cô mong thời gian trôi nhanh để cô lên lớp Đệ Tam, được đổi bảng tên từ thêu đỏ qua thêu xanh, được mặc áo dài thay áo đầm và được coi là... người lớn.

Anh học Ban B, cái ban mà cô hằng ngưỡng mộ. Dân Ban B bao giờ cũng giỏi và có một chút nghệ sĩ tài hoa. Cô chưa học Đệ Nhị Cấp nhưng cô đã có những bài viết trong các tập

san của nhà trường, và cô biết anh qua những tập san ấy.

Cô nhớ cô đã không trả lời thư anh. Cô xấu hổ và không biết viết gì. Nhưng sau đó, mỗi lần gặp nhau, má cô hồng lên. Không có những buổi hẹn hò, không có những bức thư nối tiếp nhưng cô biết mình đã thương anh...

Máy bay ngừng lại trên đường băng. Cô cất chiếc gương vào xách và theo dòng hành khách ra cửa. Cô nghe lòng rộn rã.

Anh đón cô ngay chỗ lấy hành lý. Từ xa cô đã nhận ra dù người anh có hơi đầy. Gần 30 năm rồi còn gì. Nhưng vẫn là anh với những đường nét quen thuộc. Anh ôm choàng lấy cô, hôn tro trát lên mặt lên cổ. Cô búi lấy vai anh lòng nghẹn ngào. Mùi nước hoa CK For Men tỏa ra dịu dàng từ chiếc áo Pull xám.

Anh và cô ngồi quán cà phê ven bờ sông Hương nhìn ra bến đò Thừa Phủ xưa. Mùa Xuân, Huế không mưa nhưng thời tiết se se lạnh. Cô hơi rùng mình. Anh khoác lên vai cô chiếc áo choàng mỏng. Cô như ngửi thấy mùi da thịt của anh. Cuối cùng hai người cũng đã gặp nhau.

Quán vắng khách. Phía góc bên kia cũng chỉ có một đôi nam nữ. Có lẽ họ đang yêu nhau như cô và anh của 30 năm trước. Cô gái mặc chiếc áo màu xanh, sau lưng có dòng chữ bằng tiếng Anh “Let Kiss Me!” Cô nhớ mình và anh chưa hề có với nhau một cái hôn đúng nghĩa.

Anh học giỏi, nhất là Anh Văn. Anh đã hai lần làm chemise với Cô trong kỳ thi lục cá nguyệt. Cô thương anh, thương sự cần cù của chàng trai nghèo đang cố gắng vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Khi cô chọn Ban C, chính anh là người đã hướng dẫn cô làm bài luận Anh Văn đầu tiên.

Anh đậu Tú Toàn Phần và vào học Văn Khoa. Cô cũng đậu Tú Tài Bán. Hai người như so kè nhau dù không nói. Rồi đột nhiên, anh quyết định vào trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam cùng anh trai cô. Có lẽ do hoàn cảnh khó khăn hay do lực hấp

dẫn từ bộ Jasper đẹp của những chàng sinh viên Võ Bị khi đi tuyển quân ở các trường Đại Học.

Trước khi đi, anh trao hết cho cô sách vở thời Trung Học với lời nhắn nhủ “Hãy học giùm cho anh!” Cô nhìn theo ngơ ngẩn.

Từ đây cô có hai người đề thương đề nhớ ở KBC 4027.

Qua những bức thư từ cao nguyên, anh gửi cho cô tập ảnh “tang thương” của tám tuần huấn nhục; nụ cười kiêu hãnh khi chinh phục đỉnh Lâm Viên của Đại Đội F; quang cảnh oai hùng và tráng lệ của đêm gần Alfa trên Vũ Đình Trường Lê Lợi. Cô tự hào mình là “người yêu của lính”.

Cô vào Đại Học Sư Phạm như ý nguyện của mình. Thương nhớ cũng làm cô mạnh dạn hơn. Cô viết cho anh những dòng thơ của Nguyên Sa:

“Không có anh lấy ai đưa em đi học về. Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học. Ai lau nước mắt khi em ngồi khóc. Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa...”

Cô còn gửi cho anh tấm hình cô mặc áo dài trắng, ngồi xõa tóc ở bậc thềm lăng Tự Đức. Cô đã lớn và không còn mái tóc bum bê.

Thư của anh cũng bắt đầu nói về tương lai. Cô sẽ chọn một ngôi trường Trung Học gần nơi đơn vị anh trú đóng. Anh sẽ về thăm người yêu sau những cuộc hành quân. Kết thúc của một chuyện tình là bằng một đám cưới thời chiến.

Từ lúc nào cô bỗng trở nên mê tin chiến sự. Cô theo dõi những cuộc hành quân lớn như Lam Sơn 719. Cô cảm thấy xót xa khi đọc những dòng Cáo Phó mà người hy sinh là những chàng trai Võ Bị kiêu hùng. Cô bắt chước anh gọi là trường Mẹ. Cô viết các truyện ngắn ca ngợi những mối tình tiền tuyến hậu phương. Cô như thấy mình trong đó.

* * *

Anh và cô đã đan tay nhau đi trên con đường Lê Lợi - con

đường đẹp nhất của thành phố - ước mơ 30 năm qua bây giờ mới thực hiện được. Cô thấy mình như trẻ lại dưới tán lá long não xanh và ngọn đèn vàng. Hai người ngồi hàng giờ ở công viên Tứ Tượng để ngắm cây ngô đồng cuối cùng của Huế. Họ nhìn qua Đại Học Văn Khoa đã trở thành Hotel Sofitel Morin sang trọng. Anh đưa cô đến thăm cô giáo dạy Anh Văn xưa. Anh giới thiệu cô là vợ anh. Mắt cô bừng sáng long lanh. Ôi! Đó là những lời nói dối không có tội. Cô cũng đã có buổi họp mặt với các đồng đội cũ của anh ở một tiệm ăn trong Thành Nội. Một đôi ánh mắt tò mò, nhưng lịch sự. Cả anh và cô đều không giải thích. Không cần phải giải thích. Nhưng cô đã cho một số tiền tip thật hào phóng khi người phục vụ trân trọng gọi anh và cô là “Ông bà”.

Vâng! Đáng lẽ ra anh và cô đã là “Ông Bà” mấy chục năm trước...

Cô không quên được mùa Hè năm ấy. Con đường Thái Phiên đi vào trường Mẹ vi vu tiếng thông reo. Mặt hồ Than Thở một màu xanh phẳng lặng. Hội quán Huỳnh Kim Quang với tiếng hát đón chào thân nhân, bạn bè chiều thứ Bảy. Cô ngồi đối diện anh trai và anh. Về mặt thư sinh ngày nào đã trở nên cương nghị sau gần hai năm lăn lộn thao trường. Anh đen và chững chạc hơn trong bộ quân phục vàng và Alfa đỏ. Anh đưa cô đến cửa hàng của chị Chúc, chị Mai trên đường Duy Tân, gần khu Hòa Bình - cửa hàng quen thuộc có thể ghi sổ của Sinh Viên Sĩ Quan. Anh mua tặng cô một cây bút Pilot màu tím, khắc tên anh và cô cùng KBC 4027. Cô hiệu màu tím, màu của sự thủy chung. Lúc này anh chỉ mới ăn lương trung sĩ.

Gần bảy năm yêu nhau, cô và anh cũng có những giận hờn nho nhỏ. Cô nhói lòng khi nghe có một cô gái Đà Lạt vào thăm anh chiều thứ Bảy. Anh cũng bóng gió khi cô gặp các anh hùng chiến trận để viết phóng sự chiến trường. Nhưng cả hai chưa hề nói nặng nhau một tiếng, chưa bao giờ đề cập sự chia tay.

Đêm Đà Lạt mù sương và lạnh. Không biết bằng cách nào anh đã ra được với cô lúc chín giờ tối. Anh cầm tay cô, bàn tay lạnh buốt dần ấm lại trong tay cô nóng rực. Anh kể chuyện vì lá thư của cô mà anh bị phạt Tác Chiến số 4, mang đủ bộ lệ hành quân, đặt thư cô trên đầu vừa chạy vừa la, “Người Yêu Tôi Đi Lấy Chồng Rồi”. Cô nghe kể mà ứa nước mắt. Cô nép đầu vào ngực anh. Anh đặt nhẹ môi mình trên mái tóc cô. Tiếng gió xào xạc trên rừng thông. Cô biết thế nào là hạnh phúc!

Tháng 10 năm 1974, đáng lẽ cô về Đà Lạt để dự lễ trao nhân cho anh như dự định. Nhưng cô phải đi thực tập tại trường Đồng Khánh Thành Nội. Năm Thứ Ba rồi. Đề tài là “Văn Chương Pháp Cuối XIX - Đầu XX”. Tại sao trong nhóm thực tập ba người chỉ mình cô bốc trúng bài thơ L’Adieu của Apollinaire? Bạn Tường Vy với truyện ngắn Les Étoiles dễ thương của A. Daudet; Kim Chi với Les Grands Coeurs nhân hậu của De Amicis. Còn cô là “Vĩnh Biệt” với những câu thơ sâu thẳm:

*“J’ai cueilli ce brin de bruyère.
L’automne est morte souviens-t’en.
Nous ne nous verrons plus sur terre...”*
*(“Tôi đã hái nhánh cây thạch thảo này.
Hãy nhớ rằng mùa Thu đã chết.
Chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau trên trái đất
nữa...”)*

Soeur Madeleine đã thờ dài nhìn cô “Con chọn nhầm một bài thơ quá, hay nhưng quá buồn”...

Mọi người trong gia đình cô đều thương anh. Thôi thì cô nhờ anh rề vạy. Một niên trưởng Khóa 16 trao nhân cho niên đệ Khóa 28 cũng đẹp chứ sao. Sang năm anh sẽ ra đơn vị và cô cũng sẽ tốt nghiệp. Mong ước sắp thành, “Một gian nhà nhỏ đi về có nhau.”

Vậy mà mọi chuyện như một cơn ác mộng. Cô kẹt lại ở Đà

Nặng và xa anh biển biệt. Tháng Tư đen của đất nước. Tháng Tư đen của cuộc đời cô và với nhiều người khác.



Khóa 28 trong lần hội ngộ năm 2015.

Anh kể lại Khóa 28 của anh ra trường ngày 21 tháng Tư năm 1975 tại trường Bộ Binh Long Thành chứ không phải ở Vũ Đình Trường Lê Lợi trên ngọn đồi 1515. Một lễ ra trường độc đáo nhưng buồn nhất trong lịch sử của trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Khóa mang tên vị cố Đại Tá Nguyễn Đình Bảo tử thủ căn cứ Charlie, Kontum. Các tân thiếu úy không được mặc đồ đại lễ mà trang phục nón sắt, quân phục Treillis. Thủ Khoa Hồ Thanh Sơn cũng không có cơ hội giương cung tượng trưng chí tang bồng hồ thi... Xe GMC đội sẵn trước cổng trường sẵn sàng đưa các tân sĩ quan ra trận. Không một giờ phép, không một tiền đưa, không một lời nhắn với người đã từng ước nguyện trăm năm.

Anh chọn binh chủng Biệt Động Quân. Anh được đưa về Bộ Chỉ Huy BĐQ ở trại Đào Bá Phước đường Tô Hiến Thành. Đích thân người anh Cả, Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai, Tư Lệnh binh chủng trân trọng bắt tay các tân sĩ quan. Ngày mai anh ra trình diện đơn vị mới là Liên Đoàn 24 BĐQ.

Khi nghe tin Dương Văn Minh đầu hàng, cả quan và lính

đều khóc. Anh và Trung Đội định chạy về Vùng IV theo chân Tướng Nguyễn Khoa Nam, nhưng mới ngang Long An thì nghe tin vị Tướng này đã tuẫn tiết. Một người lính đã đưa anh về quê và theo một chiếc tàu ra khơi. Cuộc đời binh nghiệp của anh vốn vẹn có chín ngày. Sau này, anh đã tìm nhiều cách để liên lạc với cô nhưng bất vô âm tín. Anh không biết rằng gia đình cô phải bán vội bán vàng cơ ngơi để đi kinh tế mới vì cái lý lịch “ngụy quyền, ngụy quân” của cha và anh cô. Ngày xưa, cô thích nghe bản nhạc “Nghìn Trùng Xa Cách” của Phạm Duy và bây giờ cô đã hiểu thế nào là xa cách nghìn trùng.

Cô cúi xuống hôn lên trán anh. Anh của em. Anh mở mắt và ôm choàng lấy cô. Có phải cô đang ở trên thiên đường...

* * *

Từ khung cửa sổ khách sạn, cô nhìn ra sông Hương. Muôn đời dòng sông vẫn lặng lẽ trôi, nhưng lòng cô thì chao nghiêng. Cô đã mơ một lần về Huế cùng anh vài ngày, trong thâm tâm như để bù đắp những mất mát của mối tình đầu, như để kéo dài chút thời gian có thể là lần cuối cùng được gần nhau.

Đêm qua, hai người đã đi lang thang trên những con đường thành phố... Huế thay đổi nhiều quá, mất dần hết những nét u mặc xưa. Ký túc xá cô ở bây giờ trở thành doanh trại quân đội của CS. Các Ma soeur dòng Saint Paul không biết đã về đâu. Cô nhớ nét mặt nghiêm trang của Soeur Chantal trong giờ nguyện ngắm, nụ cười hóm hỉnh của Soeur Madeleine khi đưa cho cô những bức thư màu xanh có hình người sinh viên sĩ quan giương cung, cái huy hiệu rồng ngậm kiếm trên góc trái của trường Võ Bị.

Anh còn muốn đưa cô về Đà Lạt. Họ sẽ đi Vallée D’amour (Thung Lũng Tình Yêu), nơi anh lần đầu cầm tay cô. Họ sẽ ngồi ở hồ Than Thở hoài niệm về một ngôi trường quân sự nổi tiếng và đẹp nhất Đông Nam Á trên ngọn đồi 151. Cô đã từ chối.

Anh đã kể cho cô nghe về người vợ có tấm lòng nhân hậu. Người vợ đồng ý chồng lấy tên người tình xưa đặt cho con gái, và khuyên anh nên về Việt Nam một lần để tìm cô và cũng để tang cho mối tình đầu.

Anh về với cô nhưng anh không còn là của cô. Rõ ràng anh và cô hôm nay không phải là anh và cô của 30 năm trước. Những gì cô áp yêu gìn giữ cũng chỉ là “cố còn lại chẳng dư âm thôi” như lời một bài hát. Cả hai người đều là nạn nhân của thời cuộc. Có biết bao nhiêu mối tình đã tan đàn xẻ nghé như anh và cô sau Tháng Tư Đen?

Căn nhà xưa không còn. Ngôi trường cũ cũng thay tên và cuộc đời anh đã sang trang. Thôi thì “*Duyên trăm năm dứt đoạn. Tình muôn thuở còn hương.*”

Cô thần thờ xếp những chiếc áo vào valise. Cô đã có những ngày đẹp nhất dù chỉ ba ngày ngắn ngủi. Ba ngày cho 30 năm chờ đợi. Thế là đủ.

* * *

Xe qua cầu Trường Tiền. Nước mắt cô trào ra nhưng lòng cô thanh thản. Cô khẽ hát:

*“Nghìn trùng xa cách, người cuối chân trời.
Đường dài hạnh phúc, cầu chúc cho người.”*



"Nghe Anh Kể Chuyện Lưu Đầy Khổ Sai"

Cao Văn Hải, Khóa 25

Này em, nép sát vào đây
Nghe anh kể chuyện lưu đầy khổ sai
Của anh, người bị tù đầy
Nhớ về nguồn cội, chân mây vỗ vàng

*Vất cơm muối
Không nuôi đủ trí khôn người tù "cải tạo"
Để trí óc mù mờ
Không nhớ lời bác dạy rằng
"Lao động vinh quang
Làm tốt, học tốt
Với sức người,
Sỏi đá cũng thành cơm."*

Em ơi,
Thiên đường lao động vinh quang
Nhặt nhòa trong nước mắt
Khi sức người mòn mỏi
Bàn tay run rẩy
Thì sỏi đá cũng trở gan
Ngai vàng của bác, chỉ có bác
Thiên đường của đảng, duy có đảng
Không cần lao động cũng vinh quang

Trên khổ nhọc gông cùm
Của mồ hôi người tù “cải tạo”
Trên đói khát nhọc nhằn
Của thiếu phụ như em tần tảo nuôi con
Trên vầng trán ngày thơ
Của trẻ thơ, không đánh vằn đúng chữ Việt Nam Vinh Quang
vì bụng đói.

Này em,
Anh lập lại những điều anh nghe thấy
Ở lớp học mỗi đêm
Sau giờ lao động
Cho em nghe
Để cùng anh thấu hiểu
Thiên đường Cộng Sản
Với rừng vàng, biển bạc, đất phì nhiêu.
“Đất nước ta Việt Nam tiên tiến
Là đỉnh cao trí tuệ loài người”
Cán bộ đảng viên uyên bác
Nơi gương Bác Hồ
Đánh vằn không ra một chữ
Trước đám đông lớp tù “cải tạo”.

Này em,
Đừng lạ lùng khi nhìn thấy
Người tù cúi mặt
Dấu nụ cười vừa đọng lại trên môi
Khi nghe cán bộ
Dõng dạc điểm danh tù buổi sáng
Um... u... u... Hồ Văn Tên
Anh nào là Hồ Văn Tên?!

Em có hay
Trong giờ chính trị
Đầu óc người tù ngủ trong cơn mộng
Tai vẫn nghe
“Đất nước ta văn minh

Vượt trên đà tiến hóa nhân loại
Qua tiến trình lịch sử
Nước Một Răng Một Rắc
Chiến đấu nổi sôi
Không sánh bằng Việt Nam ta
Bằng súng ngắn, dây thun
Hạ giặc lái máy bay
Bằng bầy ong vò vẽ
“Đánh cho Mỹ cút đánh cho “ngụy” nhào”.

Này Em,
Đừng ngẩn ngơ, đừng trở mắt tròn
Khi nhìn thấy
Người tù như anh chân vẹo chân xiêu
Quang gánh trên vai cả đá lẫn nước
Chỉ vì
Lời cán bộ đảng viên
Lao động sáng tạo theo định chế Ác Chi Me* *
Đá nổi trong thùng nước
Vai anh sẽ nhẹ gánh nhọc nhằn.

Này em,
Anh chỉ thăm thì qua hơi thở
Chỉ anh và chỉ có em nghe
Vách có tai và rừng có mạch
Ghi nhớ điều anh kể em nghe.
Bình minh rạng, em giáo viên tiên tiến
Đêm tối về, em tính chuyện vượt biên
Nơi thâm sơn, anh vượt suối dạn rừng
Hẹn cùng nhau đến thiên đường miên viễn.

**** Archimède (287–212 BC). Cán bộ VC tin rằng đá cho vào nước thì đá sẽ nhẹ hơn, nên khi gánh đá thì thêm nước vào cho người gánh nhẹ bớt! Quả là ngu xuẩn!!! Lẽ dĩ nhiên không nhẹ hơn vì người gánh phải gánh thêm nước!**

Tim Chông

Lê Thanh Tịnh, K26/1

Thế là anh đã ra đi vào một chiều mưa như trút nước. Đưa tiễn anh đi, tôi quay về trong gió mưa tạt vào mặt để tôi tha hồ khóc đừng ai hay!!! Tôi đã từng nói với anh:

- Anh là lính. Một xanh cỏ, hai đỏ ngực.

Vậy mà khi chiếc phà dời bến tôi chết lặng ngẩn ngơ cho đến khi anh quay lưng và không còn thấy nhau được nữa. Tôi quay ngay về nhà với ba đứa con đang chờ mẹ. Cháu út nóng sốt và đói meo bên cái tô không một hột cơm khiến nước mắt tôi lại trào ra vừa thương chồng, vừa thương con chan hòa nước mắt lẫn cơm. Tôi đã tự hứa là anh yên tâm ra đi vì có tôi ở nhà lo cho con. Tôi chỉ mong sao khi đi, anh sẽ giải thoát được cảnh khổ dù sau này có gặp nhau lại hay không. Tôi cũng bằng lòng vì tình yêu của ba đứa con đối với tôi như vậy là đủ. Thế mà giờ này quay về một mình tôi thấy trong lòng thật trống vắng lạ thường. Các con tôi không hề hay biết ba đi đâu vì các cháu còn quá nhỏ nên tôi chỉ nói với các cháu ba ra Long Khánh



làm rầy. Chung quanh xóm cũng không ai hay và hàng ngày đám học trò cả trăm em một mình tôi vẫn chu toàn các lớp.

Sau nhiều lần đi đi về về, ông xã tôi dỗi ý muốn đi ra Bình Long An Lộc làm rầy chứ đi vượt biên quá bấp bênh và nguy hiểm. Anh nói với tôi sẽ ra Bình Long ở chỗ dãy nhà tôn mới làm và trú ngụ ở đó chờ mua đất làm rầy. Tôi không bằng lòng và nói với anh bà con cho mượn tiền đi vượt biên chứ đâu phải đi mua rầy???

Sau khi thăm nhà vài ngày, anh vẫn quyết định quay về Bình Long.

Đến ngày tàu đã tạm đủ, họ cho tôi biết phải gọi anh về để sắp sửa cho chuyến đi vượt biên sắp đến.

Tôi để hai cháu lớn ở nhà nhờ hàng xóm coi chừng và bế cháu út ba tuổi đi ra Bình Long, một tỉnh ở miền Đông tôi chưa từng đến. Không ngại ngần, tôi vẫn đến Sài Gòn, đến bến xe miền Đông và mua vé về Bình Long. Tôi tới nơi khi trời đã về chiều. Gió càng lúc càng lạnh và trời tối dần khiến tôi không biết đêm nay ngủ ở đâu? Chợt thấy bên kia đường một khách sạn của tỉnh đèn điện sáng trưng, tôi làm liều xin cô tiếp viên cho tôi ngủ nhờ ngoài hiên một đêm. Cô lên trình bày với Bà Giám Đốc khách sạn. Sau khi xem giấy tờ nơi ở của tôi bà hỏi:

- Sao giấy tờ của cô ở Bình Trị Thiên mà sao cô vào đây?

Tôi nói với bà tôi đi tìm chồng đi làm công nhân cao su mấy tháng nay không thấy về!!!

Bà động lòng thấy mẹ con tôi áo quần tơi tả đi hai ngày đường và cháu út chỉ mặc chiếc áo liền quần hai chân trần lạnh và đói. Bà gọi cô tiếp viên bung cho hai mẹ con một đĩa cơm trắng với hai miếng thịt nướng thơm lừng và một ly trà đá thật to. Khi tôi ăn xong, bà còn cho mượn một cái giường bố để hai mẹ con được tắm rửa ngủ lại qua đêm. Sáng hôm sau bà ra đường chỉ cho tôi những chiếc xe chở công nhân đi làm và bảo:

- Cô coi có chồng cô không?

Tôi cảm ơn và từ giã bà với lòng trân trọng và biết ơn và đi ra ngã ba nơi xe đò, xe lam, xe ôm đang đậu ở đó...

Tôi gọi một anh xe ôm và nhờ anh chở tới dãy nhà tôn mới dời tới như chồng tôi đã nói. Anh ta ngần ngừ không biết hướng nào mà tôi cũng mù tịt không biết đi về đâu. Tôi nói đại:

- Anh cứ đi thẳng khi nào tới dãy nhà tôn thì dừng lại...

Vừa đi tôi vừa cầu nguyện xin Thánh GIUSE chỉ đường cho con tìm ra ông chồng không biết bây giờ ở đâu???



Gia đình đoàn tụ ngày 27 tháng Tư, 1995.

Tôi miên man nghĩ ngợi nếu tìm không ra ông xã thì tiền đâu mà về xe??? Chạy được một lát thấy có anh thanh niên vác cuốc đi làm rẫy đang đợi nhường cho xe đi qua, tôi đập đập vào vai anh xe ôm và nói:

- Anh dừng lại đây để tôi hỏi thăm.

Vừa xuống xe thì ông xã tôi ngồi dưới chân đồi đang uống cà phê với bạn và hẹn sẽ giao tiền mua rẫy ngay buổi sáng.

Thật là một cuộc trùng phùng bất ngờ không tưởng!

Ông xã nhìn thấy tôi và con thì mừng rỡ và hỏi lý do. Tôi cho biết có chuyện đi và họ yêu cầu anh về gấp cho kịp.

Sáng hôm sau tôi cùng chồng trở về và chuyển đi khởi hành như dự định.

(Có những điều chỉ có niềm tin mới chứng thực hiện tại những điều không thể ngờ. Tôi luôn tin tưởng và cảm tạ Thiên Chúa đã thương yêu điều dắt cho tôi suốt cuộc đời!!!)

Cuộc hành trình đã bắt đầu từ đây!!!

Thời gian cũng bận rộn và qua nhanh khi chồng tôi đã ra đi đến nơi bình an. Cuộc đời với nhiều niềm vui và hy vọng gần kề.

Một ngày nọ có người dụ dỗ tôi đi vượt biên vì biết chồng tôi đi rồi và qua tới Mỹ nên chắc thế nào tôi cũng kiếm đường đi.

Như thoả thuận giao, tôi cho người ta một cây vàng. Họ dẫn mẹ con tôi lên Campuchia. Từ Hồng Ngự lên Nam Vang tôi đi trên chuyến xe chở người đi buôn đoạn đường 300 cây số. Vì không phải là xe khách nên người và vật chen chúc đứng, chứ không có chỗ ngồi. Đến Nam Vang, tôi được ở lại khách sạn một đêm và sáng mai xuống thuyền đi lên Cảng Compsom. Đến nơi muốn vào bến cảng phải xuất trình giấy tờ mới được vào. Tôi biết khi mình vào đây họ biết mình đi vượt biên sẽ bắt mình nhốt tù và trả về Việt Nam. Tôi sợ lắm và tìm cách xuống một chiếc thuyền nhỏ đậu kế bên chạy bọc lên phía trên chừng một cây số và lợi bì bõm dưới các sàn nhà quay trở lại được vào trong chợ mà khỏi qua vòng kiểm soát.

Lúc đưa lên tàu này thì người dẫn đường đã trốn mất tiêu rồi và họ nói chuyến tàu này là đi Thái Lan. Nhưng họ gạt tôi vì khi vào trong chợ thì đây là đảo KOH KONG, vẫn còn nằm trong địa phận của Campuchia, không phải là đất Thái Lan như họ nói. Họ đã bỏ mẹ con tôi ở đây!!! Mẹ con tôi đi lên đi xuống vòng quanh chợ xem có ai là người Việt Nam không để hỏi tin tức nếu muốn đi Thái Lan thì đi bằng cách nào??? Đứng trên bến cảng nhìn qua bên kia là Thái Lan nhưng phải qua một chuyến tàu hụ mới đi được!!! Tôi loay quanh tìm được người Việt Nam và họ bảo thế!

Nhưng làm sao đi được qua bên ấy khi mình không có giấy

tờ và tiền bạc chỉ còn hai chỉ vàng dấu trong người. Tôi hỏi anh xe ôm chở tôi đến nhà một người Việt Nam nào đó để tôi hỏi thăm. Anh xe ôm lại chở đi ngang đồn Công An và họ bắt giữ tôi lại. Anh Công An nói tiếng Việt lơ lớ bảo rằng tôi nói dỏm vì đi vượt biên, mà nói đi tìm chồng!!!

Anh ta lục soát trong giỏ xách của tôi có chai nước biển, phòng khi không có nước mình có thể dùng thay! Anh Công An hỏi tôi:

- Chị có vàng không?

Tôi đưa anh cái khâu hai chỉ và nói tôi đi tìm chồng, nếu không gặp tôi sẽ bán cái này mua thức ăn nếu ông lấy mẹ con tôi sẽ chết đói!!! Không biết lời nói của tôi đáng tin hay không mà ông ra ngoài lấy kéo cắt làm đôi khâu vàng, đưa lại cho tôi một nửa, còn cho tôi một ít tiền Miền, rồi gọi ông xe thô ban nãy chở tôi ra chợ ăn cơm.

Lang thang ăn cơm chợ suốt cả tháng trên đảo tiền voi dần, nên tôi tìm cách trở về nhà. Ngày nào tôi cũng ở trên bến cảng nhìn người lên người xuống riết rồi cũng quen hơi hướng tìm đường về nhà.

Tàu cập bến người lên rồi người xuống. Họ hỏi tôi:

- Tu na, tu na???

Tôi đoán chắc họ hỏi tôi đi đâu???

Tôi trả lời:

- Nam Vang, Nam Vang!!!

Thế là họ cho mẹ con tôi lên chiếc thuyền buôn lớn trở về. Đến bến lại phải sang một chuyến xe nữa mới về tới Hồng Ngự. Dọc đường họ dặn các con tôi không được nói tiếng Việt Nam vì Polpot sẽ chặt đầu. Tôi trùm một chiếc khăn rằn để họ khỏi thấy nước da trắng mà biết là người Việt. Vậy mà tôi gặp Polpot thiệt! Họ chặn xe và lấy hết tiền của những người trong xe và đưa súng lên đe dọa nếu không đưa họ sẽ bắn chết!!! Cuối cùng tôi cũng qua giai đoạn gian nan này và mẹ con tôi

về đến nhà lúc bốn giờ sáng. Lúc này trên đường quê tiếng người đi lễ nói chuyện vui vẻ. Tôi tìm lại được hơi ấm của xứ đạo, của tình người đã ấp ủ Gia Đình tôi bao nhiêu năm nay!!!

Tiếng các em nhỏ học trò hôm nào gọi nhau:

- Cô Út về rồi! Út về rồi...

Rồi đám học trò lại xúm xít với tôi. Nhà tôi lại tràn đầy tiếng nói, tiếng cười ngây thơ và bận rộn làm tôi quên hẳn chuyện đi hải hùng vừa qua. Tuy nhiên, đêm đêm tôi lại buồn náo nê không ngủ suốt thời gian dài. Hàng xóm nói với tôi:

- Anh Út gặp lại chị Út chắc không nhận ra.

Tôi điều tàn và cảm thấy bất lực vì mất của. Tôi không còn hy vọng khi nào sẽ được gặp lại người chồng yêu quý của tôi. Cứ thế đêm hằng đêm nhìn các con ngủ ngon lành, tôi thức trắng đêm, trắng đêm!!!

Một đêm nọ, mẹ tôi hiện về và nói:

- Buồn gì mà buồn dữ vậy con? Trước sau gì con cũng đi được! Chuyện gì mà cũng biết hết!!!

Tôi đã được mẹ tôi an ủi vỗ về trong khi ngủ. Giấc mơ của tôi đã trở thành hiện thực sau hai tháng đã có giấy bảo lãnh của ông xã gửi về.

Niềm vui đã trở lại. Sau tám tháng, Gia Đình tôi đã sum họp tại Mỹ đúng ngày 27/4/1995.

Xin hết lòng Tạ Ôn Thiên Chúa đã gìn giữ phù hộ chúng con trong mọi hoàn cảnh và sum họp trong bình an!!!

Xin cảm ơn Bà Con! Xin cảm ơn quý Ân Nhân! Xin cảm ơn Các Bạn! Xin cảm ơn nước Mỹ!

Đã tạo cho Gia Đình chúng tôi xây dựng lại một đời sống mới tốt đẹp an lành!!!

San Diego 2/21/2025

SÀI GÒN, 50 NĂM VĨNH BIỆT

Nguyễn Đức Thu, K16

Quý Huynh Đệ và bạn hữu thân mến,

Nhân dịp 50 năm mất Sài Gòn, tôi muốn gởi lại bài viết “Tháng Tư Nhớ Sài Gòn” được posted cách đây hai năm với nhiều chi tiết hơn. Quý Huynh Đệ chưa có cơ hội đọc xin bỏ chút thời giờ để xem và để nhớ lại những ngày Sài Gòn hấp hối năm 1975.

Nhìn quanh bây giờ, chúng ta cũng còn may mắn hơn biết bao nhiêu người. Dầu ở bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta vẫn còn được sống, vẫn còn được thở không khí của sự tự do.

Câu chúc cho Đại Gia Đình Võ Bị và thân hữu nhiều hạnh phúc bên cạnh người thân.



Ngày 30 Tháng Tư và Sài Gòn chắc hẳn vẫn là nỗi buồn và nỗi nhớ không bao giờ chúng ta có thể quên. Sau đúng một nửa thế kỷ, tháng Tư lần này là lần thứ 50. Tôi ngồi đọc lại bài viết những năm vừa qua, vô cùng nhớ Sài Gòn, nên vội ghi thêm vài ký ức cho bài viết cũ. Cũng tìm thêm được vài hình ảnh xa xưa trước năm 1975 nên thân gửi đến các Huynh Đệ và thân hữu để chúng ta cùng đọc lại, để cùng nhớ Sài Gòn.

50 năm trôi qua, đôi lúc nghĩ lại chúng ta cũng không thể tưởng tượng nổi, cũng không thể hiểu nổi tại vì ai, tại vì sao Miền Nam và Sài Gòn của chúng ta lại đã phải trải qua, đã phải gánh chịu một cuộc chiến tang thương, một vỡ nát, một kế hoạch bỏ rơi của đồng minh, những cuộc rút quân thật phi lý, một cuộc lưu đầy kinh hoàng và những năm tháng tù ngục đau thương nhất của quân dân Miền Nam trong lịch sử cận đại thế giới!

Nơi đây, từ vùng bình yên khá xa phố phường đô thị, cứ khi chiều về, tôi thường lấy sông nước làm niềm vui cho qua tuổi già, cố quên chuyện thế sự thăng trầm, nhưng rồi mỗi khi tháng Tư đến thì lại nhớ Sài Gòn da diết. Sài Gòn không phải là nơi sinh trưởng, nhưng hình như tôi bị ràng buộc tự hồi nào, đã đến đó rồi đi không biết bao nhiêu lần. Đôi lúc tôi cũng đã khó chịu vì những diêm dúa, những a dua, những nong nặc khói xe và tự do quá trớn của thành phố này, nhưng chưa bao giờ tôi biết ruồng bỏ nó. Đây là thành phố của chính trị, của quyền lực, của tình yêu, của bạn bè, của chia ly, của đoàn tụ, của một số tầng lớp hầu như không thèm biết đến chiến tranh hoặc muốn sống ở đó để quên đi chiến tranh. Một thành phố được thế giới biết đến chỉ sau Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.

Người ta có thể sống thú vị ở Sài Gòn nếu là một trong hai hạng người, thật nhiều tiền hoặc thật xác xơ. Chỉ cần một ngày được sống trên đó là đủ thấy mãn nguyện, xa đi là ngẩn ngơ luyến tiếc. Chỉ cần một chút tiền nhỏ trong túi là ta có thể tà tà thả dong trên



Đài Tưởng Niệm Hưng Đạo Đại Vương trên Công Trường Mê Linh. Phía trái là Bộ Tư Lệnh Hải Quân trông ra sông Sài Gòn. Bên cạnh là Dinh số 3, Dinh Thủ Tướng, kế tiếp là 4A Bến Bạch Đằng dành cho đại diện các Quân Binh Chung thuộc Bộ Tổng Tham Mưu (cũng là nơi mà vợ chồng người viết được phép cư ngụ từ năm 1973 cho đến ngày di tản).

vùng ánh sáng lung linh, đẹp kiều sa, đẹp ma quái của trung tâm thủ đô, có thể ngồi dài dài tại Pôle Nord hoặc Brodard ngắm nhìn thiên hạ qua lại, với đầy đủ những phô diễn hoặc nghe thấy được mọi chuyện, mọi tin tức sốt dẻo khắp nơi trên thế giới.

Tôi thích lối diễn tả về Sài Gòn của Người Sài Gòn xưa “... Người ta có thể bị choáng váng với một đô thị mang dáng vẻ Tây Phương này. Sài Gòn như một người con gái kiều diễm, kiều sa, đài các. Nhưng ở một góc nào đó, Sài Gòn lại có cái ủ dột của phố đêm, lầy lội của xóm nghèo, trong nét bình dân của tiếng rao hàng và những con kinh nước đen...

‘Người Sài Gòn xưa’ còn yêu Sài Gòn rất lãng mạn như sau: “Em Sài Gòn trước 1975 vẫn như một mảnh trầm còn nguyên vẹn hương thơm, như một vết thương trên ngực chưa lành, đang đợi chờ một nụ hôn dịu dàng đặt xuống. Sài Gòn mỗi tháng, mỗi năm tuy dần dần đổi khác, nhưng Sài Gòn vẫn như một người tình đầu đời, để cho ta bất cứ ở tuổi nào, bất cứ đi về đâu, khi ngồi nhớ lại, thấy em Sài Gòn vẫn hiện ra với một đôi môi còn đỏ mọng.” Diễn tả Sài Gòn kiểu này nghe thật là nhức nhối con tim.

Trước dịp Lễ Quốc khánh 26 tháng 10 năm 1961, chúng tôi Khóa 16 và 17 Trường Võ Bị Quốc gia Việt Nam theo nhịp quân hành cũng đã mòn gót giày tập dượt và diễn hành qua những đường phố của thủ đô này. Chúng tôi được chào đón, được dân thủ đô vỗ tay nồng nhiệt, được thân ái khen tặng là những Sinh Viên Sĩ Quan trong quân phục và có những bước chân theo nhạc quân hành đẹp nhất. Tôi đã hãnh diện, đã ưỡn ngực, ngẩng đầu cao dù là ‘giữa đoàn hùng binh tôi chỉ là kẻ luôn đi hàng sau cùng’.

Nhiều lúc tôi ước mong có một ngày đó được tung tăng tự do, được chiêm ngưỡng những kỳ tích văn hóa nghệ thuật và di tích lịch sử Sài Gòn như Tòa Đô Chánh, biểu tượng của thủ đô, hay lãng mạn hơn, làm một sĩ quan Hải Quân, đứng trên đài cao chiến hạm trở về bến Bạch Đằng sau những tháng ngày hải hành sóng gió để được người yêu chào mừng “với lòng nâng anh là hoàng tử”.

Không ngờ những mong ước đó sau này đều đã thành hiện thực. Còn hơn thế nữa, tôi cũng rất vinh hạnh được đồng bào Quận Nhứt, Quận Tư, và Quận 9 Đô Thành Sài Gòn dang rộng vòng tay thân ái đón chào, đã chọn bầu tôi vào Hội Đồng Đô Thành trước ngày

Quân lực 1974, như là một bước khởi đầu của một kỳ vọng. Nhưng thật đau lòng, thời gian cho chúng tôi quá ngắn. Vào tháng Tư Đen 1975, tôi đã đành bắt lực chứng kiến Sài Gòn thân yêu của mình rã tan từng mảnh hàng ngày, hàng ngày từ ban công (balcony) của tòa nhà lịch sử này!



Tòa Đô Chánh và Hội Đồng Đô Thành trước 1975.

Ngày 30 tháng Tư năm 1975, Sài Gòn bỗng dưng bị đổi tên. Cái tên kiêu sa, cái tên Sài Gòn - Hòn Ngọc Viễn Đông đẹp như trên châu, cái tên lịch sử từng hằn trong mỗi con tim người Miền Nam đã bị Cộng Sản tìm mọi cách đưa vào quá khứ. Mỗi khi kỷ niệm trở về, mọi người lại thấy thật buồn rầu và nuối tiếc. Tôi cũng vậy, tuổi già không hện mà cứ đến và thời gian cứ vùn vụt qua nhanh không đợi chờ. Bây giờ tôi có thể làm được gì hơn là thỉnh thoảng ngồi một mình, xem lại dĩ vãng, để nhớ để thương Sài Gòn của một thời thân ái xa xưa.

Thật vậy, nào có ai ngờ, Ngày 30 Tháng Tư năm 1975, Sài Gòn bị bức tử, bị đổi tên. Hàng ngày, từ văn phòng Lầu 2 trên Tòa Đô Chánh nhìn thẳng ra trung tâm Sài Gòn, tôi bất đắc dĩ đã trở thành một nhân chứng, đã phải chứng kiến Thủ Đô thân yêu của mình không còn bình yên dù dân Sài Gòn thì vẫn cứ tỉnh bơ, hầu như phó mặc cho số phận. Ký giả Jean Larteguy thì ghi nhận rằng:

- "... người dân miền Nam rất sợ những người hòa bình Bắc Việt, sợ những 'đoàn quân nhỏ bé màu xanh' mà họ coi như thuộc về một

thể giới khác, khắc khổ, cứng rắn, cũng biết tươi cười nhưng thiên cận, một chủng tộc mới. Hơn nữa, người Miền Nam vẫn luôn luôn thích đời sống dễ dàng và không muốn bị tổng vào các tu viện để trở thành các tu sĩ và các di phước đồ.”

Jean Larteguy cũng có trái tim rất Sài Gòn, nhưng ông cũng đành phải bỏ thành phố này sáng Ngày 28 Tháng Tư khi nghe tin có những đại quân mà ông gọi là ‘đoàn quân từ hóa tinh miền Bắc’ đang bao vây Thủ Đô!

Tướng cũng nên hỏi tướng lại tại sao Miền Nam của chúng ta đã phải tan nát dễ dàng như vậy? Phải thành thật mà nói, cuộc đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963 giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm thật là một thảm họa, đã kéo theo trên 10 cuộc đảo chánh khác, đã đưa tới phân hóa trong Quân Lực VNCH. Hai năm sau, người Mỹ hình như không còn nhẫn nại để tin tưởng vào khả năng của các vị lãnh đạo Miền Nam. Tháng 8 năm 1965, khi thấy Tướng Nguyễn Cao Kỳ có khả năng Anh ngữ trôi chảy vì ông được huấn luyện ở Hoa Kỳ, lại là một phi công khá can đảm, thích phô diễn trước công chúng, nên họ đã ủng hộ ông lên nắm quyền như một Thủ Tướng (Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương) dù họ thừa biết rằng ông chẳng có kinh nghiệm gì về chính trường. Hai năm sau, lại còn ủng hộ ông làm phó cho Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu (1967-1971), dù họ cũng biết rất rõ hai vị này chẳng ưa gì nhau. Kiểu chính trị của Hoa Thịnh Đốn đối với các nước chậm phát triển là như thế, thật là đơn giản như thế!!!

Sài Gòn tự nhiên trở thành một Thủ Đô buông xuôi, các quán Bar mở đầy đường để Việt Cộng lợi dụng tha hồ xâm nhập. Rồi sau cuộc tổng tấn công đẫm máu của Bắc quân Tết Mậu Thân 1968, cũng theo ký giả Larteguy:

- “Hình ảnh Sài Gòn bắt đầu trông thật là thê lương, từng đàn trẻ em đi lang thang, từng đàn người què cụt đi hành khất không nhà cửa và phạm pháp đủ loại. Dân số Sài Gòn lên tới trên bốn triệu trong khi Thủ Đô chỉ được dự trù để chứa chừng một triệu người. Sài Gòn đã qua một thời kỳ say sưa khi người Mỹ ồ ạt đổ bộ 543,000 quân, chưa kể số quân nhân Hải Quân của Đệ Thất Hạm Đội, những nhân viên dân sự, những người dân sự mặc đồng phục, tất cả lên tới 600,000 người. Những người lính Mỹ đầu tiên đã được chào đón vòng hoa trên bãi biển. Bây giờ, không còn chuyện ấy nữa.”

Rồi khi Nixon lên ngôi năm 1969, những trò chơi áp lực, đi đêm với Trung cộng của Nixon-Kissinger đã khiến cho các cấp chỉ huy quân lực VNCH càng ngày càng mất niềm tin vào Mỹ và cấp lãnh đạo. Tháng 2 Năm 1971, thủy triều bắt đầu xuống. Chỉ còn 335,000 quân nhân Mỹ. Đến tháng 5 thì chỉ còn 284,000 người. Quốc Hội Mỹ tìm cách bỏ rơi Miền Nam Việt Nam.



Dương vận hạm HQ-504 (Hạm trưởng là HQ Trung Tá Nguyễn Như Phú K16) đã hải vận trên 7,000 quân dân trong số 20,000 người thoát khỏi Đà Nẵng và Huế đầu tháng Tư, đến Cam Ranh & Vũng Tàu.

Thay vì cùng hợp nhau cứu nước, thì các nhà lãnh đạo và một số các chính trị gia Miền Nam lại càng thêm phân hóa. Từ đó Kissinger không thấy những con bài đảo chánh, thay quyền đổi ngôi này còn một chút giá trị nào nữa tại Việt Nam so với vấn bài mới tại Trung Cộng. Miền Nam bắt đầu bằng một sự chấm dứt rỉ máu vì bị cắt đứt viện trợ và quân dụng.

Trở lại một tháng trước đó, tại Hội Đồng Đô thành Sài Gòn, với tư cách cách Chủ Tịch Liên Ủy Ban Ngân Sách và Quân Vụ, tôi rất ưu tư về tương lai của Thủ Đô sau những cuộc triệt thoái đẫm máu kinh hoàng từ Tây nguyên và từ vùng hỏa tuyến. Hàng vạn quân dân đã chết, hàng trăm ngàn quân dân tìm đủ mọi cách để trốn thoát trên Tỉnh Lộ 7 và Miền Trung đang dưới tay tử thần. Một số may mắn thoát được, một số được các chiến hạm Hải Quân VNCH cứu thoát, cập bến Vũng Tàu đầu tháng Tư và hầu hết mong muốn được

tái định cư ở Thủ Đức. Chúng tôi đã chuẩn bị đón tiếp họ nhưng thật đau lòng khi cảm thấy Thủ Đức cũng sẽ phải đối diện với những ngày tang thương có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Đài BBC Luân Đôn, ngày tối 29 Tháng 3 Năm 1975 đã loan báo Đà Nẵng thất thủ với hàng ngàn quân??? bị bắt làm tù binh. Dù tin đúng hay sai cũng đủ tạo nên những đợt sóng thần cuộn cuộn tràn đến. Mọi người tìm cách tháo chạy.

Khoảng 10 giờ sáng Ngày 29, Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn I và Đại Tá Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó TQLC không còn một lựa chọn nào khác hơn là cùng quân sĩ khoác áo phao bơi ra chiến hạm HQ 401 đậu ngoài khơi. Nhiều người đã bị chết chìm!

Tại Sài Gòn, Chủ Nhật 30 Tháng Ba, một phát ngôn viên của Chính Phủ cho biết là ngày hôm nay, các liên lạc vô tuyến giữa Sài Gòn và Đà Nẵng đã bị gián đoạn. Đây là dấu hiệu cho thấy Đà Nẵng đã thất thủ (Malcolm Brown, The NewYork Times, March 30.1975).

Ký giả Brown cho biết thêm:

- ‘Một nguồn tin đáng tin cậy ở cấp cao hơn cho biết vẫn còn có liên lạc vô tuyến giữa trung ương và những quan sát viên VN từ một chiến hạm ngoài khơi Đà Nẵng; tuy nhiên đây rõ rệt là Chính Phủ Sài Gòn đã mất Đà Nẵng’.

Sau khi Đà Nẵng thất thủ, bi kịch của hàng triệu người miền Nam Việt Nam thật sự bắt đầu.

Đầu tuần Tháng Tư 75, cựu dân biểu Đệ Nhất Cộng Hòa Trần Công Quốc đến thăm tôi tại Tòa Đô Chánh. Tôi thật ngạc nhiên vì đã rất lâu kể từ khi cùng theo học tại trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang, ông ra trường rồi đi biệt cho đến khi ông đắc cử dân biểu Quốc Hội, chúng tôi vẫn không có cơ hội gặp lại. Sau vài phút tay bắt mặt mừng, ông cho tôi biết tình trạng sống còn của Sài Gòn có thể đếm từng ngày, quân cộng sản đã về tràn đầy xung quanh Bình Dương và Xuân Lộc, khuyên tôi hãy rất cẩn thận. Sau bữa cơm trưa vội vã, ông lại biến mất cho đến một ngày... tôi nghe tin ông và các con đã bị chết chìm trên biển, thật là thương tâm!

Ngày 9/4/1975, tại mặt trận cuối cùng Xuân Lộc, mức độ tấn

công của quân Bắc quân đã thực sự trở nên ác liệt, trước khi Sài Gòn thất thủ đúng ba tuần lễ. Để uy hiếp và trấn áp tinh thần của Sư Đoàn 18 Bộ Binh VNCH, quân Bắc Việt đã dùng loại pháo 130 ly liên tục pháo kích vào những cứ điểm đóng quân của sư đoàn này và hầu hết những địa điểm trong ngoài thành phố Xuân Lộc.

Sau khi chịu đựng những đợt pháo kích liên tục của Bắc quân, lực lượng phòng thủ Sư Đoàn 18 VNCH do Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo làm tư lệnh với tương quan lực lượng kém hẳn địch thủ là **một đối ba**, bắt đầu tổ chức những đợt phản công đánh trả lại một cách hữu hiệu. Thật đáng kinh ngạc, những chiến sĩ Sư Đoàn 18 đây lui không biết bao nhiêu đợt tấn công xâm nhập vào Xuân Lộc của địch do Tướng CS Hoàng Cầm và Hoàng Thế Thiện chỉ huy.

Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo sau đó được thăng cấp thiếu tướng tại mặt trận.

Tại Thành Phố Sài Gòn, không khí náo nức và nhộn nhịp trong nỗi hân hoan chào mừng chiến thắng Xuân Lộc, một chiến thắng không ngờ. Với thắng lợi này, đa số dân chúng thủ đô đều nghĩ rằng quân Bắc Việt sẽ mỗi mết và cần một thời gian khá dài để dưỡng sức, nhất là nếu có Tướng Lê Minh Đảo thì Sài Gòn sẽ bình yên. Cho đến nay 13/4/1975 thì sinh hoạt tại Xuân Lộc đã tương đối trở lại bình thường với đường phố tấp nập xe cộ, người qua lại đông đúc. Cảnh mua bán rộn rịp, tung bừng hẳn lên. Nhưng hầu như người ta không hề biết rằng cách đó mấy chục cây số, quân Bắc Việt vẫn đóng chốt và chuẩn bị cho những cuộc tấn công kinh hoàng khác chỉ trong vài ngày sau đó.

Thật vậy, sau cuộc tái tấn công của Bắc quân lần này, và sau những ngày cầm cự đẫm máu, da thịt và sức lực con người hầu như không chịu đựng nổi trước chiến thuật biển người và các trận mưa pháo biển lửa, áp đảo bởi các sư đoàn địch đến tăng cường, Sư Đoàn 18 VNCH đành phải triệt thoái khỏi thành phố Xuân Lộc vào ngày 20/4/1975 để cố rút về bảo vệ Thủ Đô. Nhưng tất cả đều quá muộn, Sài Gòn đang đi vào những ngày cuối!

Sáng sớm ngày 20 tháng tư 1975, Chuẩn Tướng Đô Trưởng Đỗ Kiến Nhiễm bàn giao chức Đô Trưởng cho Đại Tá Quách Huỳnh Hà tại phòng khánh tiết Tòa Đô chánh.

Cùng một lúc, Đại sứ Pháp Mérillon đến Dinh Độc Lập gặp

Tổng Thống Thiệu. Đại sứ Mérillon nói rằng:

- “Thưa Tổng Thống, tôi đến gặp Ngài tại vì tình hình đã trở nên vô cùng nghiêm trọng. Không còn vấn đề quân sự nữa.”

Tổng Thống Thiệu không trả lời và Đại sứ Mérillon nói tiếp:

- “Tôi thấy chỉ còn là vấn đề chính trị. Cần phải để cho một tiến trình dân chủ được khai triển.”

Tổng Thống Thiệu ngồi im lặng trong khi Đại sứ Mérillon tiếp tục trình bày gần như là độc thoại. Đại Sứ Mérillon nói rằng chính phủ chỉ còn nắm giữ được vài thành phố lớn nhưng ba phần tư lãnh thổ đã bị mất vào tay Cộng sản.

Vào hồi 10 giờ sáng, đến lượt Đại Sứ Hoa Kỳ Graham Martin vào gặp Tổng Thống Thiệu và cuộc gặp kéo dài trên một tiếng đồng hồ.

Đại sứ Martin trình bày với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu về nhận định của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đối với tình hình quân sự hiện tại. Trong cuốn *Decent Interval*, Frank Snepp viết rằng ông đã được Polga, Giám Đốc CIA tại Sài Gòn ra chỉ thị phải “soạn thảo bản nhận định càng đen tối càng tốt chừng đó. Đại Sứ Martin sẽ dùng bản nhận định này để thuyết phục ông Thiệu rằng đã đến lúc ông ta phải ra đi.”

Đại sứ Martin nói thẳng rằng đây là một việc mà chỉ có một mình Tổng Thống Thiệu mới có quyền quyết định, tuy nhiên ông Đại Sứ cũng cho Tổng Thống Thiệu biết là đa số người Việt Nam đều quy trách ông Thiệu là người phải chịu trách nhiệm trước thảm bại quân sự trong hơn một tháng qua. Đa số người Việt Nam không tin rằng ông Thiệu còn có đủ khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng này và họ tin tưởng rằng nếu ông Thiệu ra đi thì việc thương thuyết với phe Cộng sản sẽ dễ dàng hơn.

Tại Dinh Độc lập, Ngày 21 Tháng Tư, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, và trao quyền lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương.

Tổng Thống Thiệu nói với cụ Trần Văn Hương và Đại Tướng Trần Thiện Khiêm rằng ông muốn bảo tồn tính hợp pháp của chế độ VNCH, do đó ông yêu cầu Phó Tổng Thống Trần Văn Hương nhận lãnh chức vụ Tổng Thống VNCH để cứu vãn tình thế. Ông Thiệu

kết luận rằng:

“Tôi sẵn sàng nhận lãnh sự phán xét và buộc tội của đồng bào nhưng sự sống còn của cả một dân tộc không có thể mang ra mặc cả như con cá ở ngoài chợ. Tôi từ chức nhưng tôi không đào ngũ!”

Theo đài VOA “... Trong khi lễ bàn giao đang diễn ra tại Dinh Độc Lập, các đơn vị cuối cùng còn lại của Sư Đoàn 18 bắt đầu di tản ra khỏi thị trấn Xuân Lộc sau khi đã chiến đấu vô cùng anh dũng chống lại một lực lượng chính quy Bắc Việt đông gấp năm lần trong hơn hai tuần lễ. Khi cụ Trần Văn Hương nhậm chức tổng thống thì quân Cộng Sản đã tiến về tới Biên Hòa và bộ máy của cơ quan tình báo Mỹ CIA cùng tình báo của Pháp cũng như Đại Sứ là ông Jean-Marie Mérillon đã bắt đầu hoạt động ráo riết để đưa cựu Đại Tướng Dương Văn Minh lên thay thế Ông Trần Văn Hương nhằm thương thuyết với Cộng Sản...”

Ngày 22 Tháng 4, sau khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, CS Bắc Việt không hề có ý định thương thuyết với bất cứ người nào, bất cứ phe phái nào tại Miền Nam vì mục tiêu tối hậu của Bắc Việt là tấn công chiếm Sài Gòn và cưỡng chiếm toàn bộ Miền Nam bằng vũ lực mà thôi. Trong khi đó thì tân Tổng Thống Trần Văn Hương lại phải đương đầu với những áp lực chính trị và ngoại giao nhằm thúc đẩy ông trao quyền lại cho Dương Văn Minh vì họ nghĩ rằng ông ta có đủ điều kiện để thương thuyết với CS Bắc Việt.

Còn ông cựu Tướng Trần Văn Đôn thì Ngày 22 Tháng 4 lại đi vận động với các chính trị gia là:

- “Ông Minh cho biết Hà Nội chờ ông Minh nắm chính quyền rồi sẽ thương thuyết!”

Lại ông ‘big’ Minh một lần nữa!

Ngày 23/4, Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn đệ đơn từ chức. Tổng Thống Trần Văn Hương đã yêu cầu nội các Nguyễn Bá Cẩn xử lý thường vụ cho đến khi có chính phủ mới. Vào lúc này, dư luận ở Sài Gòn ai cũng biết rằng các thế lực ngoại quốc muốn ông Dương Văn Minh lên làm tổng thống hay thủ tướng toàn quyền.

Ngày 24 Tháng Tư, tôi thấy Sài Gòn vẫn sinh hoạt như bình thường, cũng vẫn có những làn sóng xe gắn máy chạy ngang dọc không màng đèn xanh đèn đỏ, những chiếc xe Peugeot cũ hôi xăng

bấm còi inh ỏi chen lẫn với những xe jeep bóng loáng và xe quân vận chở những thùng vật liệu chẳng có gì liên quan đến chiến tranh. Những cảnh sát thì tinh bơ để mặc cho xe cộ, khách bộ hành mạnh ai nấy đi. Các nhà hàng và quán rượu trên đường Tự Do vẫn mở cửa. Đó là hình ảnh rất ‘hòa bình’ của Thủ Đô đúng một tuần trước ngày mất nước.

Trong lúc đó, tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, ông Đại Sứ Graham Martin vẫn tin tưởng rằng cho dù Bắc Việt với thế lực đại quân số có tấn công trực tiếp vào Sài Gòn đi nữa thì miền Nam cũng chưa đến nỗi mất hết hy vọng. Ông vẫn vận động những cuộc thương thuyết để giải quyết vấn đề, và cho đến phút cuối, vẫn chống lại những mệnh lệnh triệt thoái toàn diện từ Hoa Thịnh Đốn, dù ông thừa biết rằng tại cơ quan DAO Tân Sơn Nhất, những chiếc xe bus đã chạy lui tới liên tục, nhất là ban đêm để di tản hàng ngàn nhân viên và gia đình có liên quan đến người Mỹ lên những vận tải cơ không lộ bay thoát ra khỏi Sài Gòn mà không cần bất cứ thủ tục khai báo nào với quan thuế hoặc cảnh sát!

Ngày 25 Tháng Tư, Tổng Thống Thiệu rời bỏ Sài Gòn. Để cho việc ra đi của ông Thiệu được hợp pháp, Tổng Thống Trần Văn Hương đã ký một sắc lệnh cử cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu làm đại diện đặc biệt cho VNCH đến Đài Loan để phân ưu về việc Tổng Thống Tưởng Giới Thạch từ trần ngày 5 tháng 4 năm 1975. Chuyện thật buồn cười vì 20 ngày trước đó, Phó Tổng thống Hương đã đại diện Nước VNCH đến tham dự tang lễ này. Dầu sao thì Tổng Thống Hương cũng có thiện chí và tạo nên một lý do để giữ thanh danh cho cựu Tổng Thống Thiệu.

Sáng Ngày 26 Tháng Tư, tôi ngồi uống cà phê tại một ‘bàn vỉa hè’ của khách sạn Continental Palace để cố tìm gặp một số ký giả quen, trong đó có vài ký giả ngoại quốc. Những ký giả Mỹ quen thuộc thì không thấy, duy chỉ có những ông người Pháp, một số biết nói tiếng ‘Âng-Lê’ thì ngồi đầy kín. Họ cho biết rằng Tổng Thống Pháp Giscard D’Estaing đã thảo luận với Đại Sứ Pháp và Ngoại Trưởng Jean Souvagnargues là một giải pháp chính trị vẫn còn là hy vọng có thể. Ngay trưa hôm đó đề nghị ngưng bắn của Tổng Thống Trần Văn Hương được cái gọi là ‘Mặt trận GP miền Nam’ xác nhận với điều kiện, đại khái là- Sài Gòn lập một chính phủ mới không có ‘tay chân’ của Thiệu.

- Chính phủ mới phải chủ trương một chính phủ hòa hợp quốc gia.

- Tất cả quân nhân và dân sự Mỹ phải ra khỏi VN ngay lập tức.

- Phải trả hết tất cả tù nhân chính trị.

Trong chiều hôm đó, ông Kỳ lại nhảy ngay vào cuộc, tuyên bố hoàn toàn ủng hộ cựu Tướng Minh làm thủ tướng để lập chính phủ mới. Đề Nhất Phó Thủ Tướng là Tướng Trần Văn Đôn kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng cương quyết thi hành luật pháp tối đa cho những kẻ nào dám bỏ nước ra đi?!

Sáng Ngày 27, Việt Cộng pháo kích 5 quả hỏa tiễn vào Thủ Đô làm cho 6 người chết và 22 bị thương. Nhiều phe nhóm chính trị thời cơ lại nhao nhao chống lại việc Tổng Thống Trần Văn Hương không chịu giao quyền cho Dương Văn Minh. Người đầu tiên là ông Trần Quốc Bửu, Chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam. Cũng trong ngày này, cựu Phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ đã đến tham dự một cuộc biểu tình tại giáo xứ Tân Sa Châu với gần mười ngàn người tham dự. Trong cuộc mít-tinh này, Ông Kỳ lên án những kẻ hèn nhát đã bỏ nước đi tản theo người Mỹ và hô hào đồng bào ở lại đề từ thủ bảo vệ Sài Gòn. Ông Kỳ còn nói với những người biểu tình rằng:

- “Cái gọi là chiến thắng của Cộng sản chẳng qua chỉ là hậu quả của việc những tướng lĩnh và sĩ quan của quân đội chúng ta đã chọn sự bỏ chạy ngay cả trước khi họ được yêu cầu.”

Báo chí Việt ngữ trong nước đã tung lên trang đầu rằng cựu Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ đã kêu gọi mọi người ở lại chiến đấu, chống lại Cộng Sản Bắc Việt. Ông nói rằng ông “cũng sẽ ở lại để chiến đấu chứ không đi đâu cả, không đi tản ra ngoại quốc vì ở bên đó làm gì có rau muống, mắm tôm mà ăn...” Nhưng rồi ông cũng bỏ Nước, dùng trực thăng bay ra Hạm Đội 7 Ngày 29 Tháng Tư cùng với một số tướng tá!

Trong lúc đó, cựu Tướng Minh hứa sẽ thương lượng, kể cả với quân Bắc Việt đang bao quanh Sài Gòn. Nhưng không lẽ ông không hiểu rằng chúng sẽ chẳng được lợi gì khi phải thương lượng với ông và liệu chúng sẽ tin vào sự bảo đảm của chính phủ Pháp chăng, những người mà chúng đã từng không đội trời chung, đã từng tôn

bao xương máu vì mối thù mà chúng gọi là ‘một trăm năm đô hộ giặc Tây’. Thật sự là chúng đang chuẩn bị một cuộc đại xung phong lần chót.



Nhân viên Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ rời khỏi Việt Nam vào ngày 29 và 30 Tháng 4, 1975 (từ Tòa Đại Sứ).

Nhưng tại sao Tổng Thống Trần Văn Hương lại không nghĩ đến Tướng Lê Minh Đảo mà là phải ông Tướng Minh chỉ biết ngồi chờ thời? Không phải Tướng Đảo đang liều chết để thực sự vệ Thủ Đô Sài Gòn đó sao? Một vị Tướng mà chỉ trong mặt trận mở đầu tại Xuân Lộc, đã hiên ngang đứng trên đầu gió chỉ huy Sư Đoàn 18. Ông đã làm cho ba sư đoàn quân thù khiếp sợ, đã làm cho tướng Bắc Quân Hoàng Cầm bị thay thế vì thua trận và tên tuổi của ông chỉ trong một sớm một chiều đã vang danh khắp nơi đến mãi tận Hoa Thịnh Đốn. Ít nhất là ông Tướng này cũng sẵn sàng đối diện với quân thù cho đến giờ phút chót, còn hơn là nhiều tướng lãnh khác đang chuẩn bị ra đi.

Từ trước 1975 và ngay cả sau này tại Việt Nam, cũng đã có những dư luận:

- “Tại sao Tổng Thống Trần Văn Hương trong tình thế tuyệt vọng này, thay vì chuẩn bị bàn giao chức Tổng Thống cho Dương Văn Minh mà ông biết là bất hợp hiến và ông cũng chả mấy thích ông cựu tướng bất tài này, đã không cho Tướng Lê Minh Đảo lên chức vụ như Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô để lấy lại tinh thần quân dân Sài Gòn trong khi nhiều tướng lãnh cao cấp hơn đã không còn khả năng chiến đấu hoặc chuẩn bị ra ngoại quốc. Hay tại sao ông không

cho ông Tướng này làm Tư Lệnh Quân Đoàn 3, thống lãnh ba quân mà trong đó Hạm Đội Hải Quân VNCH hầu như còn nguyên vẹn, các sư đoàn Không Quân vẫn còn những phần lực cơ hùng hậu với các phi công đầy kinh nghiệm xông pha chiến trận. Nếu giữ Sài Gòn không được, ta dùng hạm đội, hải vận đại quân còn lại ra Phú quốc. Có Hải Quân và Không Quân yểm trợ, chúng ta sẽ tuyên bố hải đảo rộng lớn này là một Quốc Gia VNCH mới như thời quân dân Đài Loan lập quốc. Với vị trí thuận lợi bao quanh bởi đại dương xa đất liền, rất khó cho quân địch tấn công và khi quân dân còn lại cùng một lòng bảo vệ thì chắc chắn chúng ta sẽ tạo nên được tiếng vang trên thế giới. Biết đâu rồi có một ngày chúng ta sẽ còn cơ hội lấy lại Miền Nam yêu dấu của chúng ta.”

Nhưng thật tiếc thay Cụ Hương có thể đã quá già, hoặc là đã quá trẻ để làm một ‘chuyện đánh cược’ như vậy. Hay nếu có thì có lẽ ông cũng không muốn quyết định khi vẫn còn ông Minh và tướng Đôn đang được Đại Sứ Pháp tại Sài Gòn chống lưng. Lại Minh và Đôn, hai ông Tướng đã một thời được ông Đại Sứ kênh kiệu Henry Cabot Lodge mua chuộc trong âm mưu giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm năm 1963, đã tạo nên biết bao thảm kịch cho đến ngày nay!

Mãi đến lúc này, tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, ông Graham Martin, một vị đại sứ có nhiều tình cảm với Miền Nam Việt Nam, vẫn tin tưởng ngồi chờ đợi kết quả của những cuộc thương thuyết. Nhưng ông có ngờ đâu, tình thế đã quá muộn màng vì quân Bắc Việt sau khi gỡ được nút chặn Xuân Lộc, các mũi dùi Nam tiến của Bắc quân đang tiến quân ào ạt về Sài Gòn.

Đã có rất nhiều lần Sài Gòn được cứu nguy bằng những phép lạ nhưng có lẽ lần này, người ta không còn nhìn thấy cách nào để có phép lạ nữa vì bốn sư đoàn VNCH, các lữ đoàn Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, 81 Biệt Cách Dù... đang cố gắng bảo vệ Thủ Đô cũng đang từ từ rã từng mảnh, từng mảnh vì thiếu đạn dược và quân vận.

Cùng ngày, Tổng Thống Trần Văn Hương sau khi nắm chức Tổng Thống chỉ trong bảy ngày đã trao quyền lãnh đạo cho cựu Tướng Dương Văn Minh để tìm cách điều đình với lực lượng ‘Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam’ đang trên đường đến Sài Gòn. Tổng Thống Trần Văn Hương mới được xem là vị Tổng Thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa. Tiếc thay, ngày tàn

của Thủ đô Sài Gòn đang đến.

Trưa Ngày 29/4/1975, người ta có thể nhìn thấy từ xa những cảnh di tản hỗn loạn, ồn ào trên các đường phố Sài Gòn. Trên bầu trời vang dội những âm thanh rộn ràng của các loại trực thăng AH-1G Cobra bay hấp nơi trong thành phố. Người ta có thể trông thấy quang cảnh chính diện trên sân thượng của Trung Tâm Văn Hóa Pháp có nhiều người VN cả nam lẫn nữ đang đứng xếp hàng nối đuôi nhau như một đàn kiến và từng người một leo lên chiếc thang của những chiếc trực thăng Hoa Kỳ bay đến rồi đáp xuống tại đây.



Bến Tàu Sài Gòn Ngày 30 Tháng Tư, 1975.

Hàng trăm ngàn người đổ xô xuống Bến Bạch Đằng như nước lũ, như sóng triều, tìm đường di tản. Nhưng không phải mọi người đều được may mắn, chỉ là một số, một số rất ít, rất ít đã thoát ra được một nhà tù khổng lồ đang từ từ sụp xuống. Và Sài Gòn sắp đổi tên!

Tại Bến Bạch Đằng, Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang, Tư Lệnh Hải Quân VNCH quyết định Hạm Đội Hải Quân sẽ chính thức ra đi vào lúc 6 giờ chiều Ngày 29 Tháng 4 và cuộc di tản dự trù sẽ hoàn tất vào lúc 22 giờ đêm. Điểm hẹn là đảo Côn Sơn.”

Vào lúc 10 giờ 24 sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, Dương Văn Minh đã đọc nhật lệnh trên Đài Phát Thanh Sài Gòn ra lệnh cho tất cả mọi Quân Nhân thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa phải buông súng đầu hàng. Các sư đoàn đang cố gắng bảo vệ vòng đai Thủ Đô cũng đành phải giã từ vũ khí. Tư Lệnh Sư Đoàn 5 là Tướng Lê Nguyên Vỹ đã tự kết liễu vận mạng bằng cái chết thật hiên ngang.

Tại Củ Chi cách Sài Gòn khoảng 30km về hướng Tây Bắc, Sư Đoàn 25 của VNCH cũng phải buông súng. Tư Lệnh Sư Đoàn là Tướng Lý Tòng Bá bị bắt làm tù binh.

Tại căn cứ Tân An Đồng bằng sông Cửu Long, nằm ở hướng Tây Nam Sài Gòn do Sư Đoàn 22 VNCH trấn thủ cũng không còn sự lựa chọn nào khác.

Trong lúc đó, sau cuộc tấn công lần thứ hai của trên ba quân đoàn Bắc quân do Đại Tướng Bắc Việt Trần Văn Trà chỉ huy, (thay thế Tướng Hoàng Cầm bị thất bại trong đợt tấn công lần thứ nhất tại Xuân Lộc), lực lượng còn lại của Sư Đoàn 18 phải rút lui về để bảo vệ Thủ Đô. Thiếu Tướng Lê Minh Đảo tiếp tục chỉ huy Sư Đoàn 18 (-) tại phía Đông Sài Gòn, cố cầm cự cho đến giờ phút chót nhưng một lần nữa đã bị toàn bộ Quân Đoàn 2 Bắc Việt tấn công. Tướng Lê Minh Đảo dù ‘chí tuy còn mong tiến bước, nhưng sức không kham nổi đoạn trường’, đành buông tay. Thế là xong, Sài Gòn yêu dấu của quân dân Miền Nam thất thủ Ngày 30 Tháng Tư!

Nguyên do thật sự từ đâu, do ai, bởi ai, hầu như chúng ta đều quá biết. Không phải chỉ là 50 năm buồn hận, nhưng thật tiếc thay, nói như ký giả chiến trường kỳ cựu Phạm Huân:

- “Nếu Hiệp Định Paris 27/1/1973 được ký kết trễ hơn khoảng hai năm nữa, miền Nam không bao giờ mất vào tay cộng sản. Bởi vì, đất nước và quân đội sẽ được lãnh đạo và chỉ huy bởi những người thực sự yêu nước và bởi những tướng tá trẻ, anh hùng, can đảm có khả năng cả về quân sự lẫn văn hóa, với đầy đủ Trí, Đức, Dũng...”

***Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam
(Quân Chung Hải Quân VNCH)***

ĐƯỜNG THI

Xương

ĐI THĂM NUÔI

KIỀU MỘNG HẢ

Sáng sớm đồ ngang đậu dọc sông
Cô ơi! Có phải thăm nuôi chồng?
Thân gầy vai nhỏ co ro lạnh
Áo mỏng quần thô chống chọi Đông
Giỏ đệm đồ khô, đường, bột xây
Lon gô, thịt ruốc, mắm nằm cong
Đau lòng đất nước vào tay Cộng
Thống Nhất, chồng tù có khổ không?



Họa

THĂM CHỒNG

VI VÂN, Khóa 20/1

Chàng tù, cách trở mấy dòng sông.
Góp nhặt quà mang đến gặp chồng.
Nắng cháy ngại gì trời tháng Hạ.
Mưa dầm đâu quản buổi vào Đông!
Trà thô, thuốc lá, vài keo mắm.

Thịt cá, khô, đường, một gánh cong.
Nước mắt rơi trên từng giỏ đẽm.
Hòa Bình, mai mĩa quá hay không?

Họa

THÂN CÒ LẶN LỘI

TƯỜNG THÚY, Khóa 20/1

Thân cò lặn lội ở bờ sông
Bao tháng, bao năm vắng bóng chồng
Núi thăm không màng mưa tháng Hạ
Rừng sâu chẳng quản gió mùa Đông
Thăm nuôi nhật nhật, gom quà cáp
Tiếp tế dân dã gánh nặng cong
Gặp mặt nhìn nhau vài chục phút
Mặn môi nước mắt thấu trời không?

Liên Đoàn 5 BĐQ

Hoàng Sa Nguyễn Văn Nam, K20

(Hôm nay là ngày Đại Lễ Các Thánh Nam Nữ, tôi xin dâng lên vong linh các vị đã Vị Quốc Vong Thân lời nguyện cầu sớm được yên nghỉ nơi cõi Vĩnh Hằng.)

(Tiếp theo)

Trên đường đi lấy tiếp tế chúng tôi phát giác VC đang đóng chốt tại yên ngựa nhỏ giữa hai tiểu đoàn, tôi liền cho trung đội thám báo lập tức dẹp ngay. Sau đó tôi cho đặt một trung đội thuộc Đại Đội 1 canh giữ yên ngựa này. Tôi cũng báo ngay cho Thiếu Tá Thúy cẩn thận rất có thể VC sẽ tấn công Tiểu Đoàn 30 để chia cắt chúng tôi và giải vây cho bọn chúng ở căn cứ Mỹ. Quả nhiên, đêm đó VC từ phía Bắc tràn xuống tấn công dữ dội vào Tiểu Đoàn 30. Tôi cho Tiểu Đoàn 38 báo động toàn diện và sẵn sàng tiếp ứng cho Tiểu Đoàn 30.

Tôi đã bàn thảo ngay với Thiếu Tá Thúy, trong trường hợp khẩn cấp Tiểu Đoàn 38 sẽ tăng cường cho 30 lần lượt một, rồi hai đại đội. Nếu còn thấy nguy hiểm thì toàn bộ 38 sẽ rút về cùng 30 chiến đấu. Sau ba ngày kịch chiến Tiểu Đoàn 30 đã hoàn toàn đẩy lui VC; nhưng Tr.U Trần Hữu Phương, Khóa 1 CTCT, đại đội trưởng ưu tú của Tiểu Đoàn 30 đã hy sinh.

Ngày hôm sau Liên Đoàn 5 được lệnh bàn giao các vị trí lại cho Sư Đoàn 18 và sẽ được trực thăng vận về Bình Dương giải tỏa Bến Cát, Phú Hoà Đông. Một tháng sau chúng tôi trở lại An Lộc bàn giao với Sư Đoàn 18. Đại Tá Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn, cho biết các vị trí phi trường Quản Lợi, nhà thương đã mất vào tay VC, vì Sư Đoàn 18 không đủ lực lượng để trấn giữ (nhưng chưa báo cáo lên Quân Đoàn):

- Nhờ các ‘toi’ lấy lại dùm ‘moi’.

Tiểu Đoàn 38 lãnh trách nhiệm trấn giữ Đồi Gió.

Mười 15 phút trước khi hiệp định Paris có hiệu lực VC đã tấn công mạnh mẽ để chiếm đất, nhưng Liên Đoàn 5 đã giữ vững các vị trí do Sư Đoàn 18 bàn giao lại không mất một tấc, cho đến ngày được lệnh rút bỏ An Lộc.

Sau trận đánh tại Quản Lợi, tôi đã bổ nhiệm Thiếu Úy Vũ Cao Hiến K24 làm Quyền Đại Đội Trưởng Đại Đội 1. Cho đến cuối năm 1973, tôi lần lượt bổ nhiệm các trung úy Khóa 24: Trương Hoàng Linh Đại Đội Trưởng Đại Đội 4, Nguyễn Nhật Tân Đại Đội Trưởng Đại Đội 2, Trương Văn Minh Đại Đội Trưởng Đại Đội 3.

Một thời gian sau khi Hiệp Định Paris có hiệu lực, các anh em bị VC bắt làm tù binh tại Quảng Trị được trao trả. Phần đông anh em xin giải ngũ, số còn lại trở lại tiểu đoàn tiếp tục phục vụ. Thiếu Tá Khang được điều động về Liên Đoàn 4. Tôi khuyên Đại Úy Trần Đình Tự nên ở lại tiểu đoàn, tôi sẽ thu xếp cho anh. Đầu năm 1974, cả hai anh Nguyễn Hồng Quang Tiểu Đoàn Phó và Trần Đình Tự đều được thăng cấp thiếu tá. Tôi đề cử anh Quang thụ huấn khóa Bộ Binh Cao Cấp và anh Tự làm Tiểu Đoàn Phó, thay thế anh Quang.

Tháng 8/1974, Tiểu Đoàn 38 đã vững vàng với dàn cán bộ: Thiếu Tá Trần Đình Tự Tiểu Đoàn Phó, Đại Úy Đoàn Văn Xường K22 Ban 3, Đại Úy Nguyễn Văn Hoàng K15 Đại Đội Trưởng Chỉ Huy, và bốn anh Khóa 24 chỉ huy bốn đại đội tác chiến. Tôi xin đi thụ huấn khóa 2/74 Bộ Binh Cao Cấp và đề

nghi Thiếu Tá Tự lên thay thế, Đại Úy Xường Tiểu Đoàn Phó, Trung Úy Tân Ban 3 và Trung Úy Nguyễn Văn Hùng K25 Đại Đội Trưởng 2.

Tháng 3/1975 Liên Đoàn nhận lệnh rút bỏ An Lộc tăng phái cho Sư Đoàn 25 hoạt động vùng Trảng Bàng. Trưa ngày 30/4/75, Dương Văn Minh ra lệnh cho QLVNCH đầu hàng giặc cộng. Trung Tá Lê Bảo Toàn gọi ba tiểu đoàn trưởng lên máy thông báo lệnh đầu hàng. Ông tuyên bố chấm dứt nhiệm vụ chỉ huy. Ba tiểu đoàn trưởng tùy nghi thi hành và chúc anh em mọi điều may mắn.

Thiếu Tá Trần Đình Tự họp Ban Chỉ Huy và cho biết anh không đầu hàng VC và tùy mọi người tự quyết định. Đa số nhất quyết không bỏ đơn vị. Thiếu Tá Trần Đình Tự chia làm hai cánh tiếp tục tiến về Củ Chi. Anh chỉ huy hai đại đội, Tiểu Đoàn Phó Xường hai đại đội. Trưa ngày 30/4/75 cánh quân của Thiếu Tá Tự chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và bị bắt làm tù binh. Bọn VC nằm vùng đã xử bắn anh em tại chỗ một cách man rợ. Chúng cho đào hố sẵn và trói ké anh em, xong bắn từ người một, từ chân lên đầu một cách dã man. Người bị bắn đầu tiên là Thiếu Tá Tự. Đến người thứ 13 thì bọn chính quy thấy có thể ảnh hưởng tới sự tuyên truyền láo khoét của chúng nên ngăn không cho đám nằm vùng tiếp tục nữa. Một anh binh sĩ thoát chết chạy về báo cho gia đình anh Tự biết tin và gia đình anh đã tìm xác anh đem về an táng. Mấy mươi năm sau anh em tiểu đoàn đã tổ chức tìm về nơi cũ gặp được một người, trước là du kích địa phương, nhờ hướng dẫn tìm ra ngôi mộ tập thể của 12 anh em còn lại, và an táng chu toàn.

Sau khi chấm dứt khóa học, tôi được bổ nhiệm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 84 Liên Đoàn 8 BĐQ. Liên Đoàn chịu trách nhiệm phòng thủ vòng đai Sài Gòn từ Quốc Lộ 1 đến Quốc Lộ 4. Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn và Tiểu Đoàn 86 BĐQ (Thiếu Tá Trần Tiến San K19 Tiểu Đoàn Trưởng) cùng Đại Đội Trinh Sát và Pháo Đội (-) 105 ly cơ hữu đóng căn cứ tại Bà Hom; Tiểu Đoàn 84 (Thiếu Tá Nguyễn Văn Nam K20 Tiểu

Đoàn Trưởng) tại Vĩnh Lộc; Tiểu Đoàn 87 (Thiếu Tá Nguyễn Hữu Mạnh K20 Tiểu Đoàn Trưởng) tại Cầu Xáng. Đến ngày 27/4/75, VC bắt đầu tấn công hai Tiểu Đoàn 84 và 87. Ban ngày chúng tôi còn bao bọc lẫn nhau, đêm đến thì hồn ai nấy giữ. Hai tiểu đoàn co cụm dần.



Niên Trưởng Nguyễn Văn Nam K20 Tiểu Đoàn Phó 30 (đứng đầu bên trái).

Đêm 29/4, chúng tôi xin lệnh thi hành kế hoạch Bravo (rút về giáo xứ Tân Phú), nhưng không được chấp thuận. Khoảng 10 giờ sáng (có lẽ VC chuẩn bị “điều binh” ở Sài Gòn), chúng tập trung chiến xa T54 tấn công Tiểu Đoàn 84, tôi quyết định rút bỏ vị trí tiến ra xa lộ Đại Hàn. Trung Úy Quan Ban 3 tử thương, Trung Úy Tâm Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 bị thương nơi cánh tay. Tuy nhiên, phía bên kia xa lộ VC dày đặc. Tôi ráng xoay sở và rút quân về Liên Đoàn. Từ đây, Liên Đoàn 8 chia làm hai cánh, Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn cùng Tiểu Đoàn 86 rút một hướng, Bộ Chỉ Huy nhẹ và Tiểu Đoàn 87 đi một cánh do Trung Tá Trịnh Thanh Xuân, Liên Đoàn Phó, chỉ huy cũng đang bị kẹt trên xa lộ Đại Hàn. Chúng tôi quyết định cặp theo xa lộ Đại Hàn cùng tiến lên để bắt tay nhau rồi tính tiếp. Nửa giờ sau chúng tôi gặp nhau, mở một lối để tiến về Tân Phú.

Dân chúng, đơn vị bạn và binh sĩ chúng tôi cố vượt thoát

vòng vây địch. Nhiều lần chúng tôi định cùng tiến quân nhưng VC lại khít chặt vòng vây buộc chúng tôi phải nằm lại chiến đấu. Cuối cùng chỉ còn lại hơn 30 anh em. Hết đạn chúng tôi đành thúc thủ. Chúng tước vũ khí và đưa chúng tôi về đơn vị chúng đóng quân trong xóm Bình Trị Đông. Một tên giới thiệu là chính trị viên trung đoàn mở radio cho chúng tôi nghe Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, sau đó lấy khẩu cung và lý lịch chúng tôi. Xong chúng tuyên bố theo đúng chính sách “thả tất cả trở về sum họp với gia đình”, chỉ tạm giữ lại các sĩ quan cấp tá.

Bọn du kích địa phương kéo tới đòi giao chúng tôi cho bọn chúng đem xử bắn, nhưng bọn chính quy khéo léo từ chối và đuổi chúng đi. Đến chập tối bọn chính quy đưa ba anh em chúng tôi, gồm Trung Tá Xuân, Thiếu Tá Mạnh, và tôi về BCH trung đoàn của chúng tại trường học Bà Hom. Hôm sau, chúng giải chúng tôi về quận Bình Chánh giao cho chính quyền địa phương tạm giữ. Chúng tôi chính thức trở thành tù binh trong giờ thứ 25, và nhận lãnh đòn thù giặc cộng trong 13 năm. Năm 1998 ba anh em chúng tôi gặp nhau tại thủ đô người Việt ty nạn công sản như một giấc mơ, một phép nhiệm màu mà Thượng Đế đã ban cho chúng tôi.

Năm 2007, Tổng Hội BDQ mở Đại Hội kỷ niệm ngày thành lập binh chủng với bàn thờ 13 anh hùng Vị Quốc Vong Thân của Tiểu Đoàn 38 BDQ cùng đi ảnh Thiếu Tá Trần Đình Tự, vị tiểu đoàn trưởng cuối cùng của Tiểu Đoàn tại San Jose. Anh Nguyễn Đức Tân, nguyên Ban Quân Số Hành Quân Tiểu Đoàn, đã tổ chức cuộc họp mặt anh em Tiểu Đòn 38. Chúng tôi đã cùng nhau nghiêm chỉnh thấp hương trước bàn thờ và cầu nguyện vong linh anh em sớm được yên nghỉ nơi cõi Vĩnh Hằng. Sau đó, anh Tân và anh Minh K24, nguyên Đại Đội Trưởng Đại Đội 3, tổ chức bữa cơm thân mật tại nhà anh Minh, có Niên Trưởng Vũ Đình Khang K19 tham dự. Tôi và gần 30 anh em khác cùng nhau hàn huyên tâm sự.

Sau khi chia tay, anh Hoá Huỳnh đã mở một “room Tiểu

Đoàn 38 BĐQ” trên Messenger, thường trực có Tr.U Hùng K25 - Nguyên Đại Đội Trưởng Đại Đội 2, Đại Úy Tân K24, ở Việt Nam có HSI Minh Đăng đại diện và nhiều anh em khác. Tôi cũng là một thành viên. Chúng tôi vẫn thường xuyên lên máy tâm sự, theo dõi sức khỏe của nhau. Vừa qua nhân dịp lễ các thánh 1/11/2024 có dịp gặp gỡ, chúng tôi rất xúc động khi nghe tin bệnh tình anh Minh Đăng đến thời kỳ nguy kịch, đang nằm trên giường lắng nghe anh em hỏi thăm nhưng không trả lời được. Chúng tôi đã làm hết sức mình để giúp anh trong thời gian qua, nguyện cầu anh được an lành trong thời gian tới.

Chúng tôi xin cầu chúc mọi người và gia quyến luôn an vui, nhiều Hồng Ân trong dịp lễ Giáng Sinh, sức khỏe dồi dào, hạnh phúc và thật nhiều may mắn trong Năm Mới 2025.

Tiểu Sử Tác Giả:

- Tốt nghiệp Khóa 20 vào cuối năm 1965. Chọn binh chủng BĐQ và chuyển chuyên về Tiểu Đoàn 30 BĐQ.

- Từ cuối 1965 - cuối 1966: Đại Đội Phó kiêm Trung Đội Trưởng Đại Đội 2/30 - Đại Đội Trưởng Đại Đội 2/30 BĐQ.

- Cuối 1966 - tháng 8/1968: Đại Đội Trưởng Đại Đội 4/30 BĐQ.

- Từ 8/1968-8/1971: Đại Đội Trưởng Đại Đội Trinh Sát Liên Đoàn 5 BĐQ.

- Từ 8/1971 - 4/1972: Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 30 BĐQ.

- Từ 4/1972 - 8/1974: Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 38 BĐQ.

- Từ 8/1974-12/1974: Thụ huấn khóa 2/74 Bộ Binh Cao Cấp.

-Từ 12/1974-30.4.75: Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 84 Liên Đoàn 8 BĐQ.

- Bị bắt làm tù binh trưa ngày 30.4.1975, đi tù đến năm 1988.

Điểm đặc biệt và niềm tự hào:

* Chiếm đầu liên tục từ ngày ra trường đến trưa ngày 30/4/1975, không gián đoạn, không bị thương ngày nào, không giữ chức vụ tham mưu.

** Trên 20 huy chương anh dũng bội tinh đủ hạng của QLVNCH, hai huy chương Hoa Kỳ (Recomandation Medail with V - Galantry Cross Bronze Star with V).

*** Chiến Sĩ Xuất Sắc Binh Chung BĐQ. Năm 1971, được choàng vòng hoa chiến thắng, dự khán cuộc diễn binh trên khán đài danh dự, được Tổng Thống VNCH tiếp kiến, khoản đãi, tặng quà tại dinh Độc Lập, Quốc Hội lưỡng viện tiếp kiến và khoản đãi tại hội trường Diên Hồng.

**** Đoàn tụ với gia đình theo diện ODP tại Đức Quốc đầu năm 1990.

Tản Mạn Nửa Thế Kỷ Tha Hương

Không Tân Theo Năm Tháng

Thu Nga, K18/1

30 tháng 4, 2025 đánh dấu nửa thế kỷ, kể từ khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản phương Bắc, với sự trợ giúp của Nga, Tàu đã xâm phạm Hiệp Định Genève, cưỡng chiếm miền Nam. Ngày 30 tháng 4, 1975 là ngày mà hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, hàng vạn người bỏ mình trong chốn rừng sâu, hay trong lòng đại dương mênh mông; ngày mà thành phần con yêu đất nước bị đầy đọa, bị trả thù trong các lao tù Cộng Sản; ngày mà các thương bệnh binh Việt Nam Cộng Hòa bị xua đuổi ra khỏi các quân y viện Cộng Hòa, trong khi những vết thương trên thân thể vẫn còn lở loét. Thế nhưng Cộng Sản lại rêu rao rằng đó là ngày “giải phóng” miền Nam và rằng đó là ngày thống nhất đất nước!

Danh từ “giải phóng” hay động từ “giải phóng” đều là một sự khô hời hợt mĩa mai cùng cực, vì sau khi chiếm đất, giành dân, họ bán đất và đầy đọa người dân như đầy đọa kẻ thù. Chính Đỗ Mười đã tuyên bố:

- “Giải phóng miền Nam, chúng ta có quyền tịch thu tài sản, trưng dụng nhà cửa, hăng xưởng, ruộng đất chúng nó. Xe chúng nó ta đi, vợ chúng nó ta lấy, con chúng nó ta bắt làm nô

lệ. Còn chúng nó thì ta đẩy đi lao động khổ sai vùng kinh tế mới vào nơi rừng sâu nước độc. Chúng nó sẽ chết lần mòn...”

Còn trên lăng của Lê Duẩn thì ghi khắc câu “Ta đánh Mỹ là đánh cả cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc, cho các nước xã hội chủ nghĩa và cho cả nhân loại, đánh cho cả bọn xét lại đang đâm vào lưng ta.”. Trong lúc “say men chiến thắng”, Lê Duẩn còn tuyên bố:



Cờ vàng tung bay khắp thế giới

- “Bây giờ thì không ai thắng nổi chúng ta. Thành ra trong 10 năm nữa, kinh tế chúng ta sẽ vượt Nhật, 15 năm nữa sẽ vượt Mỹ!”

Vượt qua Mỹ đâu không biết, chỉ thấy cho tới 50 năm sau, người dân Việt vẫn tiếp tục tìm vượt khỏi “Thiên Đường Cộng Sản” bằng nhiều cách khác nhau - thà chết trong thùng đông lạnh, một cách thương tâm trên con đường tìm tự do - 39 người Việt chết trong container ở Essex, nước Anh Quốc. Vụ tai nạn liên quan đến việc buôn lậu người và vận chuyển người trái phép qua biên giới. Theo kết quả điều tra, quá trình vận chuyển người trên xe tải đã gây ra sự ngạt khí và làm nhiệt độ tăng cao trong không gian kín, là nguyên nhân trực tiếp khiến số người trên xe tử vong.

Đầu tháng 3, 2025, tin tức từ các hãng thông tấn cho hay hàng trăm người Việt trong nhóm nạn nhân được giải cứu khỏi ổ lừa đảo ở Miến Điện, trong số đó có cả trăm người Việt Nam. Phát ngôn Bộ Ngoại Giao Phạm Thu Hằng phát biểu rằng, “Bộ Ngoại Giao đang phối hợp cùng Bộ Công an về vụ việc này”. Bà ta còn khẳng định “những hành vi vi phạm luật phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.” Chả hiểu bà này nói hành vi phạm pháp của nạn nhân, hay ổ buôn người lừa đảo do nhà cầm quyền bao che sẽ bị pháp luật xử trị?

Theo hãng thông tấn Reuter, Bộ Ngoại Giao Mỹ đã nâng thứ hạng của Việt Nam trong một báo cáo về nạn buôn người, ngay cả khi bộ này viện dẫn những lo ngại rằng Hà Nội đã không điều tra các viên chức chính phủ đồng lõa với tội phạm buôn người. Ông Ben Swanton, đồng giám đốc Dự Án 88 - một tổ chức vận động nhân quyền cho Việt Nam - cho hay:

- “Dự án 88 đã đưa ra bằng chứng thuyết phục cho Bộ Ngoại Giao Mỹ thấy Hà Nội đã nghĩ ra kế hoạch nói dối Washington về những gì họ đang làm để giải quyết nạn buôn người ở Việt Nam. Bằng chứng cũng cho thấy chính phủ Việt Nam ở cấp cao đã có hành vi che đậy quá trình tố tụng hình sự nhằm xử trị các quan chức có liên quan đến một đường dây buôn người.”

Ngoài nạn buôn người lao động, nhà cầm quyền Cộng Sản còn thêm tội bao che cho buôn bán lao động tình dục nữa. Những cô dâu Việt Nam bị ngược đãi, nhiều cô phải bỏ thầy nơi xứ lạ quê người. Nhiều thiếu nữ bị rơi vào cạm bẫy, như là cách bán thân, đổi chác, vì cuộc sống khó khăn. Nhiều cô gái miền Tây xinh đẹp đã nghe lời dụ dỗ của cò mồi lấy chồng Đài Loan, Đại Hàn, Tàu, qua những đường giây buôn bán mại dâm, buôn bán lao động, dưới sự bao che của những cán bộ đảng viên đảng Cộng Sản.

Theo báo cáo của Bộ Ngoại Giao Mỹ, các nạn nhân của nạn buôn người ở Việt Nam bao gồm những người bị cưỡng bức lao động gồm cả người lớn và trẻ em, phụ nữ và đàn ông;

những phụ nữ và trẻ em bị cưỡng bức bán dâm. Các nạn nhân của cưỡng bức lao động thường được tuyển vào làm trong ngành xây cất, đánh cá, nông nghiệp, hầm mỏ, khai thác gỗ, tại các nước như Đài Loan, Malaysia, Nam Hàn, Lào, Nhật Bản. Một số người sang Châu Âu và Anh để làm móng tay hoặc trồng cần sa.

Một điều khôi hài hơn cả, là trong khi dân than đói khổ không biết làm nghề gì để kiếm sống thì cảnh sống xa hoa của bọn Cộng Sản thống trị đã bị tiết lộ ra ngoài khá nhiều. Điển hình là một bức ảnh chụp trong phòng khách của ông Nông Đức Mạnh, nguyên tổng bí thư của Đảng CS, cho thấy phòng khách của ông được sơn son, thếp vàng và đặc biệt là chiếc ghế chạm trổ đầu rồng màu vàng, như một ngai vàng của vua chúa. Bức ảnh đã tạo xầm xì bàn tán của người dân là ông này làm gì ngoài chức tổng bí thư mà lại giàu thế?!

Khi nhắc đến Nông Đức Mạnh, người dân nhớ ngay đến câu nói dạy dân của ông:

- “Chúng ta phải biết nuôi con gì, trồng cây gì để đời sống người nông dân giàu lên...!”

Cho tới khi cảnh sống xa hoa của ông tabị tiết lộ thì người dân thắc mắc không hiểu ông Nông Đức Mạnh đã trồng thứ cây gì và nuôi con gì mà lại được giàu sang phú quý như thế?! Người dân lung chóng trời, mặt chạm đất nuôi từ vịt, gà đến heo, bò, cá suốt cả đời mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Trồng từ cây lúa, vòng khoai cho tới những cây lớn hơn như cây xoài, bưởi mà suốt cả đời mà vẫn đói khổ?! Thế này thì ông Nông Đức Mạnh dẫu nghề như dẫu bí mật quốc gia, không thể tiết lộ cho người dân cả nước biết phải nuôi con gì trồng cây gì để đượ giàu như ông!

Thế nhưng người ta lại cũng thắc mắc, mấy ông tổng bí thư đảng Cộng Sản đáng lẽ phải sống cuộc đời giản dị, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, và phải thẳng tay đánh cường hào ác bá, địa chủ, phú nông như “lãnh tụ” của họ, nhưng sao

mấy tên lãnh đạo này chỉ áp dụng mấy chiêu bài này để cai trị dân mà thôi?! Các ông được vỗ béo phê phồn, tự cho mình là vua cả nước mà chẳng thấy ai đánh tư sản mại bản mấy ông cả?!

Điều sau cùng cho thấy tệ nạn hối lộ càng ngày càng nhiều và nguyên nhân cũng vì những người được Cộng Sản gọi là Việt Kiều tiếp tay. Danh từ “Việt Kiều” đã được Cộng Sản gọi chung những người đã bỏ nước ra đi tìm tự do sau khi miền Nam bị thất thủ. Lúc đầu họ gọi thành phần này là “phản quốc, trộm cắp, đĩ điểm”. Thế nhưng sau thấy người nước ngoài đổ tiền về Việt Nam, và cũng nhờ thế nhờ thế, họ đã củng cố được quyền lực, mở rộng kinh doanh nên họ đổi tên thành phần thù địch này thành ra Việt Kiều, là “Khúc Ruột Ngàn Dặm không thể tách rời”. Họ còn cho ra Nghị Quyết 36 để ru ngủ Việt Kiều đừng chống Cộng nữa. Chủ tịch Cộng Sản Trương Tấn Sang còn trơ trẽn lên tiếng cảm ơn nước Mỹ đã cứu mang và giúp đỡ người tị nạn và nay trở thành công dân Hoa Kỳ!

Tuy nhiên, cũng chỉ vì người Việt Quốc Gia có truyền thống văn hóa yêu thương gia đình, nên khi thấy bà con đói khổ không thể nào làm ngơ. Việc giúp đỡ đã trở thành quá trớn nên Cộng Sản lợi dụng để đánh bóng chế độ với công việc gọi là “thiện nguyện” như việc xây nhiều viện mồ côi, trường học để gọi giúp dân nghèo. Xây thật nhiều chùa, nhà thờ để được xem như tự do tôn giáo. Lại có những kẻ tham lợi làm ăn buôn bán, qua lại với Việt Nam nên “Việt Kiều, hay Khúc Ruột Ngàn Dặm” đã trở thành những con bò sữa, những con gà đẻ trứng vàng, mà Cộng Sản không phải tốn một xu để nuôi những con bò sữa hay những con gà quý giá này. Họ chỉ ung dung ngồi đếm tiền. Hàng năm số tiền người Việt tị nạn ở ngoại quốc gửi về Việt Nam hơn 10 tỉ dollars. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam là một trong 10 nước nhận kiều hối nhiều nhất thế giới. Trong khi đó, trước năm 1975 Mỹ viện trợ chỉ có 3 tỉ, rồi cắt xuống 700 Triệu và cuối cùng trước khi miền Nam mất, chỉ còn có 300 triệu!

Trong khi đảng Cộng Sản ác với dân, thì chúng lại hèn với giặc, nịnh bợ Trung Cộng trắng trợn bằng cách là cho đài truyền hình tuyên truyền văn hóa của nước Tàu một cách công khai. Đài VTV đã phát chương trình “tư tưởng triết học” của Mao Trạch Đông, trong chương trình “những tấm gương bình dị mà cao quý”, tại đại hí viện Hà Nội, dưới sự chứng kiến của Trưởng Ban Tuyên Giáo Trung Ương Võ Văn Thưởng và Bộ Trưởng Thông Tin Trương Minh Tuấn.

Mao Trạch Đông là kẻ diệt chủng nổi tiếng trên thế giới. Y ta đã từng tuyên bố “cách mạng xuất phát từ thùng thuốc súng”, hay “Súng đẻ ra chính quyền”. ”Chủ nghĩa Mác-Lê” đã được Mao Trạch Đông khai thác một cách sắt máu hơn và tàn bạo hơn. Với kỷ lục giết hơn 60 triệu người, Mao Trạch Đông qua mặt Stalin và Hitler. Mao còn ghê gớm hơn cả hai tên tàn ác khét tiếng là hắn còn muốn kiểm soát cả tư tưởng người ta.

Tên đàn em của Tàu Cộng là Việt Cộng, mọi chuyện nhất nhất đều bắt chước chính sách diệt chủng của đàn anh Mao bằng cách giết người ghê gớm, và tìm đủ mọi cách chứng tỏ lòng trung thành “đời đời nhớ ơn Trung Quốc”.

Không ai quên trước đây không lâu, CSVN đã cho các em thiếu nhi đón tiếp ông Tập Cận Bình với những lá cờ có đến 6 ngôi sao. Trong khi quốc kỳ chính thức của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chỉ có 5 ngôi sao. Lá cờ với 6 ngôi sao cũng đã từng xuất hiện trong một chương trình thời sự của đài truyền hình Cộng Sản Việt Nam vào tháng trước đó-khi tường thuật chuyến viếng thăm Trung Cộng của Nguyễn Phú Trọng. Sau đó, Tập Cận Bình và Việt Nam đã hứa sẽ “cùng cố và phát triển hơn nữa quan hệ giữa hai quốc gia và hai dân tộc dựa trên căn bản độc đảng, kiểm soát quốc hội và xây dựng Chủ nghĩa Xã hội từ tư tưởng của Mao Trạch Đông”.

Vào giữa năm 2015, một chương trình truyền hình ở Việt Nam đã bị tạm ngưng phát sóng ngay sau số ra mắt vì minh họa thủ đô của Việt Nam nằm trên lãnh thổ của Tàu. Cũng

năm ngoái, trong chương trình “Khát Vọng Đoàn Tụ” cũng do đài truyền hình VTV và Bộ Quốc Phòng CSVN phối hợp tổ chức, một bài hát được xem là “quốc ca thứ hai” của Trung Cộng đã được mở trước và sau khi chủ tịch Cộng Sản Trương Tấn Sang phát biểu, trước sự chứng kiến của nhiều ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và khoảng 500 đại biểu thuộc giới lãnh đạo Đảng. Những người chịu trách nhiệm còn nói một cách vô trách nhiệm rằng “Vào những thập niên anh em Xã hội Chủ Nghĩa” thì việc hát những bài ca ngợi tổ quốc với nhạc Trung Quốc hay Liên Xô là chuyện mà họ gọi là “bình thường”. Nếu không cho là “bình thường” thì đổ lỗi cho nhầm lẫn! Nhưng làm sao nhầm lẫn được khi Hồ Chí Minh thừa kế tư tưởng của Mao Trạch Đông?!

Ngày 30 tháng 4 năm nay, đánh dấu Quốc Hận lần thứ 50! Tình hình một nửa thế kỷ trước: “Cái cột đèn mà biết đi, nó cũng ra đi”. Tuy nhiên có những người đã không ra đi, chọn chết theo thành, không để lọt vào tay Cộng Sản, điển hình là Năm Ngũ Hồ Tướng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa: Tướng Lê Văn Hưng, Tướng Phạm Văn Phú, Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tướng Lê Nguyên Vỹ, Tướng Trần Văn Hai và rất nhiều vị cấp tá, cấp úy đã tự sát sau ngày 30 tháng 4.

Cũng không phải những người còn sống bị đàn áp mà những người chết, Cộng Sản cũng trả thù. Khi vừa chiếm xong miền Nam, là chúng vội vàng kéo sập bức tượng “Tiết Thương” trước nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa, và âm mưu san bằng khu nghĩa trang đã chôn cất 16,000 tử sĩ của Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh giữ vững miền Nam

Từ đó tới nay đã 50 năm, Cộng Sản vẫn tiếp tục chính sách trả thù những thành phần quân nhân đã vì hoàn cảnh không thoát kịp khỏi Việt Nam, đó các thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Cộng Sản quyết truy cùng diệt tận họ, điển hình là vụ tàn phá Vườn Ra Lộc Hưng là một tang chứng không thể chối cãi. Nơi đây, ngoài phần đông những người đã di cư vào Nam, theo vị linh mục chủ chăn, họ đều chống Cộng. Và từ

sau năm 75, con số người về đây tăng lên, họ là những cái gai nhọn, dưới mắt Cộng Sản, cần phải nhổ. Đó là những thương phế binh VNCH, tàn tật và nghèo nàn, phần đông là bán vé số để kiếm sống qua ngày.

Võ Văn Kiệt, thủ tướng Việt Cộng thì tuyên bố 30-4 có triệu người vui, có triệu người buồn, vui là những tên lãnh đạo không tim óc, chúng vui nên năm nào cũng ăn mừng và gọi là “Giải Phóng Miền Nam”, trên máu, nước mắt của dân tộc Việt Nam, ngoài ra ai cũng đau buồn, vì sự thật là những gì Linh mục Đặng Hữu Nam đã lên tiếng tố cáo ngay trước mặt chúng:

- “...Ngày 30/4 là ngày mà dân tộc Việt Nam mất đi tự do; ngày mà người dân Việt Nam không có quyền làm người; ngày đã làm cho đất nước tang thương; ngày đã đưa đất nước trở thành lạc hậu, nghèo đói; ... ngày mà đánh dấu dân tộc Việt Nam chuẩn bị bước vào vòng nô lệ cho ngoại bang; 30/4 là ngày đen tối nhất của dân tộc Việt Nam...”

Cả dân tộc Việt đều buồn! Đau buồn nhất là sau 30-4-75, Việt Cộng đã đổi tên thành phố Sài Gòn thân yêu thành tên cái xác nằm ở Ba Đình, và tượng Hồ già được dựng lên khắp nước.

Sự thật thì dân chúng đã chán ngán nhìn thấy hình tượng của họ Hồ lấm rồi, họ quảng được là họ không ngần ngại, như cách đây vài năm, một bức tượng bán thân của y khá lớn, bị đem bỏ vào thùng rác và câu hát kiêu về không biết ai sáng tác, khá can đảm này:

- “Bác Hồ” ai liệng xuống đường, tượng to tiêu chuẩn, cấp phường trở lên. Rác một bên, “Bác” một bên, con đường thành phố mang tên “Bác Hồ”.

Lúc ấy nhiều người rất vui vì tưởng tượng việc giật sập hay quảng bỏ các bức tượng của họ Hồ đang được lan truyền tại Việt Nam như việc đập bỏ, giật sập tượng Lenin, Stalin, Kark Max tại các nước ở Đông Âu.

Không những chỉ giết sập tượng, nhiều nước Đông Âu và vùng Baltic còn cắm treo các biểu tượng Cộng Sản như búa liềm, ngôi sao năm cạnh- vì người dân ở các nước này không muốn thấy quá khứ Cộng Sản.

Tại Việt Nam, tên Stalin cũng được tôn vinh như “Cha Già Dân Tộc” , mà văn nô Tố Hữu ca tụng “thế giới có Stalin, Việt Nam có bác Hồ. Còn có Chế Lan Viên thì rằng” Đồng chí Stalin đã mất! Thế giới không cha nặng tiếng thờ dài”.

Thành phố mang tên xác chết, là học theo người Nga - Nga đã đổi tên thành phố lớn thứ nhì tại Liên Bang Xô Viết từ St. Petersburg bên bờ biển Baltic trở thành Leningrad. Đến năm 1991, cùng với việc cáo chung chế độ Cộng sản của Liên Bang Xô Viết, thì thành phố này được trả lại tên nguyên thủy của nó. Cộng sản Nga cũng đã đem tên của lãnh tụ khát máu Stalin đặt tên cho một thành phố lớn trên bờ sông Volga là Volgograd biến thành tên Stalingrad đến năm 196, sau cái chết của Stalin mới trở lại tên cũ là Volgograd

Nửa thế kỷ đã trôi qua, nhưng niềm mơ ước không bao giờ tàn theo năm tháng, nước Việt Nam sẽ có một ngày thành phố mang tên xác người sẽ được đổi lại tên thành phố Sài Gòn thân yêu, và là Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ sẽ được tung bay khắp ba miền đất nước!



Xin Ngồi Xuống Đây

Khuyển Danh

Ngồi Xuống Đây.
Hãy Ngồi Xuống Đây.
Xin Ngồi Xuống Đây.

*Ngồi xuống đây tao đứt mày lần cuối
Để mai này biết có gặp nữa hay không
Nợ trần gian nợ cơm áo chất chồng
Tao buong chải đời long đong vô định*

Ngồi xuống đây giữa tâm tình người lính
Đừng nghĩ gì những toan tính thế gian
Tao với mày từng vượt những gian nan
Đã sống chết, làm than, và tử nhục

*Ngồi xuống đây tao đứt mày chút cháo
Cũng như mày ngày xưa đứt cơm tao
Giữa Cổ Thành tiếng quân dậy lao xao
Tao gục xuống và mày lao ra cứu*

Tao biết lắm mày sống đời mãnh thú
Con hùm thiêng trong giây phút sa cơ
Thân phé nhân đành trôi nổi mịt mờ,

Muốn sống lại thuở viễn mơ rừng núi
Thôi mày ạ! Đời chúng mình gió bụi
Chết ngang tàng trong ngày tháng Tư đen
Tao với mày chinh chiến đã thành quen
Thì tử nhục cũng để rèn nhân cách
Vậy hãy sống ngẩng cao đầu trong sạch
Biết tử sinh thì nhận lấy cho hùng
Tao với mày có dòng máu chảy chung
Thà đổ xuống không bao giờ khuất phục



Cuộc chiến đã chấm dứt 50 năm, những người thương binh còn phải trải qua hoàn cảnh bất hạnh này còn lâu hơn thế nữa. Niềm tin để họ còn tồn tại đến hôm nay là niềm tự hào về những hành động quả cảm ngày hôm xưa và niềm tin vào đồng đội của họ không bao giờ quên họ.

Hãy nhớ đến họ và luôn nghĩ cách giúp đỡ họ, những chiến hữu của chúng ta!



KHÔNG BUÔNG SÚNG!

Võ Nhân K20.

Trước các buổi lễ mẫn khóa của TVBQGVN, trong không khí trang nghiêm, huyền bí của lễ truy điệu, trước hồn thiêng sông núi và các đấng tiên liệt, các SVSQ tốt nghiệp đã long trọng khấn nguyện sẵn sàng chấp nhận mọi gian nguy cho tự do, hạnh phúc của đồng bào cùng sự sinh tồn của dân tộc trước họa xâm lăng của cộng sản.

Dù phải trải qua một thời gian chiến đấu đầy gian khổ, chiến thắng đã vượt khỏi tầm tay của họ. Cuối cùng họ đã sa cơ thất thế. khi Ngày 30/4/1975 đã đến. Được lệnh buông súng đầu hàng, họ đành chấp nhận làm kẻ thua cuộc, không còn cơ hội kháng cự. Dù vậy, một số vẫn tâm nguyện hiến thân với trách nhiệm của Người Trai Thời Chiến Trước Họa Xâm Lăng của cộng sản. Trải qua nhiều gian khổ và bất trắc cho tương lai, họ vẫn kiên cường đối diện với cộng quân tiếp tục chiến đấu chống kẻ thù của dân tộc. Một số thì chết chứ không chịu buông súng!

1. Trung Tá Võ Văn Đường Khóa 11 là Trưởng Ty Cảnh Sát, Tỉnh Chương Thiện. Theo kế hoạch, khi Sài Gòn thất thủ, chính phủ sẽ di tản về Quân Đoàn IV/ Quân Khu 4 để tiếp tục

chiến đấu. Kế hoạch bất thành, Ông cùng Đại Tá Hồ Ngọc Cần, Tỉnh Trưởng, chỉ huy các đơn vị thuộc quyền tiếp tục chiến đấu. Khi hết đạn dược, Ông bị cộng quân bắt cùng 280 binh sĩ... Ngày 14 tháng 8 năm 1975, chúng đã giết Ông tại



**Thiếu Tá Huỳnh Tuyền Viên,
Khó 20**

sân vận động Cần Thơ. Không sòn lòng, ông nói:

- Tôi chiến đấu để bảo vệ đất nước, bảo vệ tự do của nhân dân Việt Nam.

2. Thiếu Tá Phan Ngọc Lương Khó 17 là vị Tiểu Đoàn Trưởng xuất sắc của Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 3 thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh ở vùng hỏa tuyến. Năm 1968, Ông là một trong ba quân nhân VNCH được Tổng Thống

Richard Nixon tưởng thưởng, gấn huy chương US Army's Distinguished Service Cross của Hoa Kỳ tại Honolulu, khi đơn vị của Ông được tặng phái tham dự hành quân tại Quảng Nam. Ông đã bị trọng thương, để lại một chân trên chiến trường và được chuyển ra Hạm Đội 7 điều trị. Ông đã phải giải ngũ.

Sau Biến Cố 30/4/1975, giữ một lòng sắt son với các đơn vị của mình, Ông không chịu di tản, mà lại bí mật tổ chức lực lượng chính trị để chống lại bạo quyền cộng sản. Công việc bại lộ, Ông và các người cộng sự của Ông bị cộng sản bắt....

Ngày 9 tháng 9 năm 1979, cộng sản đã bắn giết Ông tại Chín Hầm, Huế.

3. Thiếu Tá Cao Ngọc Vân Khó 19: Ông là Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng Hà Tiên. Khi có lệnh buông súng, Ông đã dẫn binh sĩ thuộc quyền vào rừng để tiếp tục chiến đấu. Nhờ được dân chúng đã tiếp tế lương thực nên Ông đã chiến đấu đến Tháng 5 năm 1976. Cuối cùng, Ông bị mất tích trong

lúc giao chiến với cộng quân.

4. Đại Úy Hoàng Trọng Khuê Khóa 21: Ông gia nhập lực lượng Phục Quốc, hoạt động tại Quảng Nam – Đà Nẵng, sau ngày 30/4/1975. Năm 1978, Ông bị cộng sản bắt. Ngày 14/6/1980, kẻ thù đã giết Ông tại Gò Cà, Quảng Nam.

5. Thiếu Úy Y Krum Nie' Khóa 29 mãn khóa ngày 21 tháng 4 năm 1975 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì có lệnh buông súng! Ra Trường sớm vì nhu cầu chiến trường! Tuy nhiên, những Thiếu Úy 9 Ngày này có những nét đặc biệt mà không khóa nào có! Lễ mãn khóa không có các lễ nghi truyền thống, không có quan khách. Các Tân Thiếu Úy tự gắn cấp bậc cho mình, không có một giờ phép để từ giã người yêu mà phải vội vàng lên xe của đơn vị ra thẳng chiến trường. Phóng viên phản chiến người Pháp là Jean Larte'guy đã viết:

- Tôi quay trở lại khách sạn Continental, Coutard đã cho tôi biết là đã quay được đoạn phim các Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị Đà Lạt đang tiến ra tuyến đầu như là đơn vị trừ bị sau cùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Coutard đã phỏng vấn họ với giọng thật phũ phàng và tàn nhẫn đầy quý mến:

- Các anh đang đi tìm cái chết?

- Đúng vậy! Một thiếu úy bình tĩnh đáp.

- Tại sao? Các anh mất hết rồi!

- Tôi biết nhưng chúng tôi không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản!

Thế là những chàng trai trẻ, dũng cảm của Quân Trường Võ Bị Đà Lạt, trong bộ quân phục tươm tất, thẳng nếp, giầy trận đánh xi bóng loáng, hiên ngang tiến lên tuyến đầu...” (Trích).

Những Thiếu Úy 9 Ngày đầy tự hào, không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản, hiên ngang xông pha vào lửa đạn ngăn chặn quân thù. Sau ngày 30/4/1975, trong lao tù, bầu nhiệt huyết vẫn sôi sục, Thiếu Úy Y Krum Nie' trở lại buông lẳng với sắc

tộc của mình, tuyển mộ, tổ chức lực lượng võ trang để đứng lên chống cộng sản.

Năm 1978, cộng quân đã tấn công vị trí đóng quân của Ông tại rừng Dlie Ya, cao nguyên Trung Phần. Ông đã bị mất tích, vừa được 26 tuổi.

6. Thiếu Tá Huỳnh Túy Viên K20 được bổ nhiệm làm Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng Đầm Dơi, năm 1973. Khi có lệnh buông súng, Ông đã tập hợp hết quân nhân thuộc quyền, mở đường máu rời chi khu, rút quân về hướng Hòa Thành... Đơn vị của Ông đã chạm súng nhiều lần. Trong làm chạm súng cuối cùng, khi hết đạn, Thiếu Tá Viên đã bị bắt. Cộng quân đã đánh đập, hành hạ Ông thật dã man

Cuối tháng 5/1975, cộng sản mới giết Ông.

7. Thiếu Tá Nguyễn Văn Viên Khóa 6, tình nguyện phục vụ trong binh chủng Nhảy Dù, đã nhảy xuống chiến trường Điện Biên Phủ. Lần thứ hai, Ông bị trọng thương, phải di tản khỏi chiến trường.

Tháng 3 năm 1955, Ông Xử Lý Thường Vụ Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù về Sài Gòn dẹp loạn Bình Xuyên. Sau cuộc hành quân, Ông được vinh thăng đại úy.

Năm 1957, binh sĩ của đơn vị vi phạm kỷ luật, Ông nhận lãnh trách nhiệm của cấp chỉ huy. Bị giải ngũ, Ông đi dạy học để sinh sống.

Năm 1972, do nhu cầu sĩ quan cho chiến trường, Ông được gọi trở lại quân đội với cấp thiếu tá, giữ chức Đại Đội Trưởng Đại Đội Tổng Hành Dinh, Sư Đoàn 9 Bộ Binh – Quân Đoàn IV, dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tướng Ngô Quang Trưởng.

Ngay sau ngày 30/4/1975, trở về Sài Gòn, Ông đã thu lượm vũ khí, đạn dược, hợp tác với Linh Mục Nguyễn Văn Vàng bí mật tổ chức lực lượng võ trang ở vùng Sài Gòn – Gia Định, đứng lên chống cộng sản... Lực lượng đấu tranh đã tạo được tiếng vang ra đến hải ngoại.

Cuối năm 1976, Thiếu Tá Viên đã bị cộng sản bắt.

Nhằm khủng bố người dân, cộng sản đã cho dân chúng tham dự cuộc bắn giết Thiếu Tá Nguyễn Văn Viên ở Vườn Điều, Thủ Đức. Trước khi bị bắn, Thiếu Tá Viên bình tĩnh, đồng dặc nói:

- Không cần bịt mắt! Tôi sẵn sàng rồi! Bắn tôi đi!

Tiếng súng chát chúa nổ vang! Thân thể Thiếu Tá Nguyễn Văn Viên từ từ gục xuống!

Trong phong ba bão táp, vẫn còn rất nhiều chiến sĩ vô danh khác đã hy sinh thân xác của mình cho lý tưởng tự do, cho chính nghĩa quốc gia dân tộc. Hôm nay sau 50 năm, một lần nữa chúng ta lại nghiêng mình tưởng nhớ đến những gương anh hùng cao của các chiến sĩ vị quốc vong thân.

Muôn Đời Ghi Ơn!

Cuối Đường Hồi Tưởng

Song Vũ, Khóa 17

*Cuộc thành bại hầu căn mái tóc
Lớp cùng thông như đúc buồng gan*

Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều

Một

Tôi bị cúm từ chiều 30 Tết, dù những dấu hiệu mệt mỏi, sổ mũi, nhức đầu đã có từ trước, nhưng chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe. Đêm giao thừa tôi chìm trong cơn sốt ngây ngất, lúc tỉnh lúc mê. Khu phố chỗ tôi ở cũng ít người Việt thành ra hình như trong đêm tôi có nghe lác đác vài tiếng pháo nổ, nhưng rất xa. Nàng Xuân đến với tôi lặng lẽ quá. Tôi thảm nhủ, thêm một tuổi đời, chân trong chân ngoài, bước qua cái tuổi “Thất thập nhi tông tâm sở dục” (70 tuổi đạt đến tình trạng hoàn hảo về cách xử thế ở đời). Cái tuổi đã có kinh nghiệm để hiểu phần nào cái lý của sự thành công, hay thất bại của chính mình trong dĩ vãng. Cái tuổi để có thể làm theo những điều mình suy nghĩ là đúng là phù hợp với căn cơ, duyên nợ của mình và bỏ ngoài tai những điều tiếng đổ ky, tùm mủn của đời thường.

Tôi nhớ hình như có đọc đâu đó, một lời khuyên của học

giả Lâm Ngữ Đường thì phải. Ông khuyên rằng, trong đời sống, lâu lâu cũng nên bệnh đi ít bữa. Tại vì chỉ có ở thời gian đó, ta mới có đủ rảnh rỗi để ôn lại những điều ta đã làm, hoặc kiểm điểm lại những gì người khác làm cho ta. Mà trong những phút giây chen đua tồn sinh, ta thực sự đã không chú tâm tới chúng một cách đúng mức.

Trong cơn sốt nhẹ trong đêm, cùng cái mệt mỏi của tứ chi, và không gian im vắng của, đầu óc tôi trôi thả bồng bềnh trên nỗi buồn không cội nguồn.

Tôi phiêu lãng vào những cơn mộng huyền hoặc kỳ ảo. Hồi ức bắt đầu lôi tôi về một trận đánh vào năm 65 tại Kinh Một Thước thuộc Quận Cai Lậy. Trận đánh khốc liệt ngay từ lúc đơn vị của tôi vừa nhảy ra khỏi trục thẳng. Từ một bờ ruộng trồng so dừa cách bìa làng gần 300 thước, địch quân nguy trang đào hầm hố dọc theo bờ đất này. Cũng may là chúng tôi đổ quân ở phía trước bờ mấu, chứ nếu đổ vào khoảng giữa bờ mấu và bìa làng thì chắc chẳng còn ai sống sót được, vì nằm giữa hai mặt lưới hỏa lực của địch phủ trùm lên đầu. Tiếng súng nổ giòn giã, tiếng hét la xung phong, tiếng chửi thề, tiếng lựu đạn nổ, tiếng thét đau đớn vì trúng đạn... Tất cả quện vào nhau thành một thứ âm thanh đặc biệt của chiến trường.

Phải mất gần 20 phút chém giết bằng đủ mọi kiểu cách, phương tiện, chúng tôi mới làm chủ được bờ mấu dài gần 100m này. Những tràng đại liên và súng cối từ trong bìa làng bắn ra hỗ trợ cho toán quân vòng đai của địch tháo chạy không mang lại kết quả nào hết vì không thể tháo chạy. Chọn lựa giữa cái chết (và còn có cơ bị bắt sống) so với cái chết chắc chắn khi phải băng qua một khoảng ruộng lầy gần 300 m để chạy được vào bìa làng trước gần 100 hòng súng của chúng tôi thì việc địch chọn nằm ở lại tuyến phòng thủ có lẽ là khôn ngoan hơn.

Máu loang trên đồng xâm xấp nước. Tất cả người chết và bị thương của bạn và địch nằm thành từng đụn nhỏ trên đồng

giống như những mô đất. Máu của người chết và bị thương lúc đầu loang từng đốm, sau chan hòa vào nhau làm nguyên một vùng ruộng lớn có màu phù sa. Tôi bị một viên đạn xuyên qua đùi. Vết thương mở hơi lớn ở hướng vào vì quá gần tầm đạn và thoát ra bằng một lỗ nhỏ hơn. Máu chảy ướt xuống đầu gối và chân. Chú em y tá dùng kéo cắt băng ống quần trần để tiện băng bó. Thực ra lúc đó tôi hoàn toàn chẳng có tí cảm giác đau đớn nào. Trận đánh mới chỉ là bắt đầu, còn có biết bao nhiêu việc phải lo. Chung quanh tôi cũng thế, còn nhiều anh em chết hoặc bị thương nặng hơn đang chờ chăm sóc. Mục tiêu trong làng chưa chiếm được, hỏa lực phòng không của địch còn khá hùng hậu từ trong bìa làng bắn thẳng ra phía chúng tôi. Lệnh từ Bộ Chỉ Huy Hành Quân ra lệnh cho chúng tôi củng cố lực lượng, chờ hỏa lực phi pháo san bằng mục tiêu, rồi một đơn vị bạn sẽ được trực thăng vận tới tăng cường rồi xung phong tiến chiếm.

Những đợt pháo binh từ nhiều hướng tập trung dội xuống dọc theo bờ tuyến phòng thủ của địch. Những lùm bụi cuốn tung theo tiếng nổ. Những cột khói, khói đất được đào xới, hất tung lên khoảng không bằng đạn của Pháo Binh và sau đó bằng bom đạn của Không Quân. Chiến trường mịt mờ khói súng và bụi tro.

Từ phía sau thêm một tiểu đoàn bạn được đổ xuống để hỗ trợ cuộc xung phong để dứt điểm mục tiêu. Mọi sự chuẩn bị hoàn tất vào lúc hai giờ chiều. Hai tiểu đoàn chúng tôi dàn hàng ngang, lao vào bìa làng giữa tiếng hò reo xung phong thét la của đủ mọi kiểu giọng. Lại thêm một cuộc luân vũ mới của Thần Chết khởi động cho cuộc chơi chém giết này. Tiếng súng của đủ mọi kiểu loại lại nổ vang. Tiếng rít của đạn khi bay ngang qua đầu, tiếng hét thất thanh của một người vừa bị trúng thương, tiếng chửi thề giận dữ của lòng thù hận và cả trăm thứ âm thanh khác lạ quyện vào nhau tạo ra sự phấn khích kì quái. Nỗi sợ hãi tiêu vong, ranh giới giữa cái sống và cái chết bị xóa nhòa. Con

người thể hiện đầy đủ bản năng động vật của mình. Máu phun lên theo những nét dao đâm, tung tóe khắp nơi. Tiếng chân chạy, tiếng van xin tha chết của vài người dân bị mắc kẹt trong vòng giao tranh... Tôi chạy lết theo trung đội một của Chuẩn Ủy Thiết, vừa băng qua được bờ ruộng để bám lên được nền đất của ngôi nhà ven kinh thì một loạt đạn từ phía sát bờ kinh bay xẹt ngang tai. Tôi và chú em mang máy truyền tin nhào vào một đồng rom khô kế cận ẩn núp.

Cuộc chiến giằng co qua lại kéo tới gần nửa đêm mới phân thắng bại rõ rệt. Nhưng dù sao chúng tôi cũng đã bám vào đến bìa làng và chọc thủng được một phần lớn tuyến phòng thủ của địch. Duy có việc truy quét và thu dọn mục tiêu là chưa thi hành được vì còn gặp các cụm kháng cự rải rác khác.

Sáu giờ sáng hôm sau, khi mặt trời chưa lên khỏi đường chân trời, Đại Đội tôi được lệnh tổ chức lục soát mục tiêu và thu dọn chiến trường. Vết thương ở đùi của tôi cứ tưởng là nhẹ không ngờ vì ngâm trong bùn sinh của mương rạch, nước phèn quá lâu làm xưng nhức không đi nổi. Tôi vịn vai một y tá của đại đội khập khiễng di chuyển về bãi tập trung thương binh nằm cách đó gần trăm mét để chờ tản thương.

Tôi nằm trong phòng hồi sinh của bệnh viện dã chiến gần một tuần lễ sau cuộc giải phẫu. Hình như tôi đã ngủ rất lâu, hay nằm bất tỉnh rất lâu cũng thế. Khi mở mắt, vật tôi nhìn thấy đầu tiên là chai nước biển treo lưng lửng phía bên phải đầu giường. Tôi có cảm giác ngạc nhiên, mơ hồ về nơi chốn tôi đang nằm. Có tiếng nói ai đó, một giọng con gái:

- “Trung Ủy tỉnh rồi!”

Tôi lại thiếp đi, mê mết. Tôi thấy mình bồng bênh trôi trên một con kinh dài trong Đồng Tháp chằng chịt đan nhau giữa kinh và mương. Hai bên kinh là những rặng dừa nghiêng chụm đầu vào nhau như thì thầm trong gió những lời ai oán. Dưới lòng kinh, nước phèn trong xanh có thể nhìn thấy những con cá cơm, cá linh bơi lượn lờ trên những đám rong rêu chìm lơ

lững trong nước. Dọc theo bờ kinh thừa thớt những nóc nhà xiêu vẹo. Không khí sao mà êm ả quá. Chẳng một bóng người, ngay cả bóng con chó, con gà cũng không.

Bầu trời trên cao màu rất xanh. Văng vẳng từ xa, hình như có tiếng kinh cầu hay một giọng hát ru buồn mà tôi không phân biệt được. Từ trong hồi ức tôi tự nhủ chắc là tiếng cầu kinh từ trong chùa Phật Đá. Như vậy con kinh tôi đang trôi theo đây phải là con kinh Bà Bèo, Long Định rồi. Con kinh sáng được đào thông ra tới sông Mỹ Tho từ lâu lắm, chạy xuyên qua Quốc Lộ 4 lên hướng Bắc hơn 10 cây số rồi phân thành hai một nhánh chảy về Phú Mỹ, một nhánh qua hướng Tây về Cai lậy. Con kinh có với tôi biết bao kỷ niệm của các trận đánh...

Tôi cứ trôi đi như thế mãi, êm ả, thanh bình. Đôi mắt tôi bỗng nặng trĩu. Lần hồi tỉnh thứ hai. Lần này không biết cách lần thứ nhất bao lâu. Cô y tá trực ngồi ở chiếc bàn cuối phòng đi lại phía giường tôi, cất tiếng hỏi:

- “Trung úy, có cần gì không?”

Tôi cố gắng muốn nói một điều gì đó, mà không diễn tả nổi, nhưng cô y tá lại nhận ra, có lẽ vì thói quen nghề nghiệp hơn là từ thánh giác của cô. Cô vắt cho tôi ít giọt cam tươi lên môi:

- “Trung Úy, chịu khó kiên nhẫn uống nước ít bữa. Khi vết thương khá hơn tôi sẽ cho trung úy uống nhiều.”

Vị chua ngọt của nước cam làm dịu đi một phần cơn khát, nhưng cái đau thì lại lan tỏa ra từ đùi xuống chân. Cơn sốt vẫn âm ỉ kéo dài.

Có một điều rất lạ, càng hành quân nhiều, đi qua nhiều xóm làng, đồng ruộng, thị trấn, thị xã, tôi ngày càng cảm thấy yêu quê hương đất nước mình nhiều hơn. Quê hương tôi nghèo xác xơ vì chiến tranh tàn phá. Dân tộc tôi cần cù, thông minh mà sao cứ phải chịu biết bao đắng cay, tai họa? Gần nửa thế kỷ chém giết liên tục, những thế lực ngoại bang dưới nhiều chiêu bài khác nhau, mang đủ mọi loại vũ khí, học thuyết vào

đây để thí nghiệm. Những người Cộng Sản Việt Nam tin vào một thứ lý thuyết quái thai xa lạ và bất nhân. Có khi nào nghĩ tới những gì họ đang làm là đúng hay sai?

Họ tin vào điều thật ngớ ngẩn rằng con người phải giết nhau mà sống mà quên đi một ý đơn giản con người đâu chỉ thuần là con vật. Cạnh tranh sinh tồn theo bản năng của động vật thời hoang dã đã dừng lại ở loài vật, con người đã vượt lên để đứng trên đôi chân thẳng làm người. Đất nước tôi tan hoang vì bom đạn và hận thù. Đất đai ngày chai cằn khô nẻ vì thuốc súng và máu xương, lòng người trở nên cứng đờ với mọi nỗi khổ đau của tha nhân. Anh em nhìn nhau qua ánh mắt hận thù, đố kỵ, hồ nghi. Tiếng nói không còn được hiểu chung một nghĩa như thầy cô đã giảng dạy trong trường, mà hiểu theo ý muốn của các lãnh tụ chính trị áp đặt.

Hai

Tôi nhớ lại những ngày bảo vệ chiếc sáng mức đất khơi Kinh Đồng Tiến khoảng Tháng 8 1963 tại Hồng Ngự. Lúc chúng tôi có mặt tại kinh, chiếc sáng mức xúc bùn thối lên hai bên bờ kinh nằm cách Ngã Năm Tràm Chim hai cây số. Ngã Năm sở dĩ có tên như vậy vì là nơi giao nhau của hai con kinh Đồng Tiến và Rạch Đường Gao và một nhánh bắt từ ngã tư giao lộ này một kinh đào khác chạy ngược lên hướng Tây Bắc đi về hướng Tân phú, Tràm Dơi. Ở đây muỗi đòn sóc nhiều vô kể số. Mỗi buổi chiều về, khi mặt trời vừa khuất bóng, từng đàn muỗi bay từ những đồng cỏ chung quanh tới như những đám sương mù.

Mọi sinh hoạt như tạm ngưng lại vì mọi người phải chui vào trong mùng tránh muỗi. Trâu bò cũng phải ngủ trong mùng. Buổi sáng, buổi trưa, lính tráng quan quyền đi lang thang trên những cánh đồng cỏ năn cỏ lác, từ Kinh Hương Quản Tân, lúc tới Giồng Các, Đồng Cộ... thẳng cánh cò bay để tìm vũng tát cá. Cá cũng nhiều vô kể. Cá rô, cá lóc tát vũng đem về phơi

khô, đầy cả xuống. Có cái thú nào bằng nằm giữa cánh đồng bao la gió thổi, mà suy ngẫm chuyện đời. Nhiều khi hứng chí, tôi lợi bộ về Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn đóng cách đó non 3 cây số. Nơi đây có một ít hàng quán của gia đình công nhân viên trên tàu vét kinh tổ chức buôn bán các vật dụng vật vãnh, chủ yếu là rượu nếp cùng ít khô để nhậu. Cặp nách lít để được nấu từ Kiến Phong mang vào, mua thêm vài ba bao thuốc Ruby trở lại cùng đám đệ tử đang chờ sẵn tại xuống chén chú chén anh. Quan với lính như thể anh em trong một gia đình quê nghèo. Bước xuống khỏi xuống là cả một cánh đồng cỏ năn, cỏ lác rống mát đường chân trời lúc nào cũng xâm xấp nước.

Hơn một tháng đi theo con kinh đào làm làn da khô đen vì đất bùn và phèn, cả quan lẫn lính đều đen nhẻm. Thời gian quanh đây êm đềm dễ chịu giữa trời mây đồng cỏ và những người dân quê mộc mạc bình dị tôi thường gặp lúc lang thang trên đồng. Cuộc chiến hình như ở nơi nào xa lắm, mơ hồ, bỏ lại nơi đây trong bình yên lặng lẽ. Những thành phố ồn ào náo nhiệt thoáng qua trong trí nhớ rồi mờ dần trong khung cảnh bao la mây nước trời xanh. Hơn hai tháng theo con sáng đào kinh, tiểu đoàn giao lại công việc an ninh cho các đơn vị Địa Phương Quân rồi kéo ra lại Kiến Phong, chuẩn bị trở lại Định Tường. Tháng 11 cả trung đoàn di chuyển về Sài Gòn tham gia đảo chánh. Nền Đệ Nhất Cộng Hòa tiêu vong.

Những trận đánh ngày càng khốc liệt hơn về quy mô. Những đơn vị chính quy cộng sản xâm nhập từ Miền Bắc vào thay thế cho các đơn vị chủ lực địa phương Miền Nam ngày càng đông. Quân đội đồng minh cùng tham gia chiến đấu, hy vọng về một chiến thắng chung cuộc lại lóe sáng. Rồi bỗng dưng sự tráo trở gian manh của cộng sản đã biến đổi từ một thất bại thảm hại sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân 1968 trở thành một bất an chán chường cho chính giới Hoa Kỳ. Phong trào phản chiến rộ lên khắp nơi trên thế giới. Các cuộc biểu tình xuống đường trong nội địa cũng được cộng sản xúi giục tổ chức rầm rộ liên tục ngay tại Sài Gòn. Hy vọng về một chiến thắng sau

cùng tắt lịm dần. Hiệp định đình chiến Paris là chiếc đinh cuối cùng đóng xuống nắp quan tài cuộc chiến.

Ba

Năm 1972 cuối Tháng Tư, tôi dẫn Chiến Đoàn A/ 44 đi An Khê. Ngày 12 tháng 5, Trung Đoàn 44 tham gia trận đánh bảo vệ thành phố Kontum trước các mũi tấn công của Mặt Trận B3 Cộng Sản Bắc Việt xâm nhập. Những trận đánh đẫm máu đã chặn đứng âm mưu chiếm cứ tỉnh Kontum mà MTGPMN toan tính làm một thứ ‘Thủ đô’ cho Mặt trận GPMN lúc họ đang thương thuyết ở Paris và sau cuộc tấn công tiến chiếm Bình Long thất bại. Những ngày đạn pháo địch và hỏa tiễn của địch bắn không ngưng nghỉ suốt ngày đêm, biến thành phố nhỏ hẹp này thành một chảo lửa. Những đợt tấn công bằng xe tăng thiết giáp phối hợp cùng bộ binh của địch đã bị chặn đứng. Các đơn vị địch bị đánh tan tác. Thành phố bình yên.

*Đạn bom hoa pháo đầy trời
Tiên thân thánh phật ma người gặp nhau
Mong gì đâu ước gì đâu
Mịt mờ khói súng chung nhau nỗi buồn.*

Những câu thơ viết từ rất lâu trong những ngày cuối Tháng Năm 1972 trên chiến trường Kontum lại hiện về trong trí nhớ. Suốt mấy ngày nay tôi thấy mình bản thân trong cùng một tâm trạng giống như những ngày trên cao nguyên năm ấy. Mới đó mà cũng đã hơn 50 năm qua rồi. Thời gian trôi đi vù vù như gió thổi mây bay. Hơn nửa cuộc đời đã bước qua bao vòng tử sinh khổ nạn. Những năm tháng lặn lội trên chiến trường giữa những lần đạn mìn bom tứ hướng. Chạm mặt cùng nỗi chết từng phút từng giây. Rồi hòa bình chợt đến, đã tưởng dân tộc tôi có cơ hồi sinh và bản thân thanh thản sống chuỗi ngày còn lại cuối đời trong an bình. Những ngày tháng sống trong bất trắc rình mò thường trực sẽ chấm dứt. Những tưởng sẽ có một cơ hội để cởi bỏ bộ đồ trận xuống, bình tâm suy nghĩ về một thời trai trẻ có biết bao sôi nổi nhiệt huyết của mình trong suốt

cuộc trường chinh ấy. Những tường sẽ có dịp đi thăm lại chiến trường xưa, tìm lại những hình ảnh thân thuộc của đồng đội, những người đã cùng mình trải qua những đòn đau nhân thế, giờ đây đang yên nghỉ đâu đó trên chiến trường hay một nơi nào đó xa lạ giữa rừng già Trường sơn hoặc mênh mông sông nước Hậu Giang.

Nào ngờ, cuộc chiến chỉ tạm ngưng để kẻ thù lấy lại sức lực, tập trung vào một màn chém giết mới còn tàn tệ hơn cả trước lúc họ đặt bút ký kết hòa bình. Chữ nghĩa là phương tiện để quảng bá cho những thủ đoạn âm mưu thâm độc nằm ở phía sau nó. Chữ tách khỏi nghĩa và con người tiếp tục nhán chìm nhau trong máu đỏ thù hận. *Giờ đây ngồi nghĩ lại tôi tự hỏi không biết các chính trị gia một thời đấu đá tranh giành đã giúp cho kẻ thù chiến thắng có bao giờ họ hối tiếc về những việc họ đã từng làm?*

Những người cộng sản suy nghĩ đơn giản hơn chúng ta nhiều. Họ tin vào chủ thuyết cộng sản họ được nhồi nhét vô điều kiện, họ không bao giờ bận tâm suy nghĩ lẽ đúng sai của chủ thuyết. Họ thần thánh hóa các lãnh tụ nên họ an tâm làm theo mọi chỉ thị của cấp trên mà không đắn đo phải trái. Họ bị u mê trong nhận thức do vậy họ tạo nên sức mạnh của sự gắn kết đồng nhất. Họ mất cá tính nên bị trộn lẫn trong bầy đàn.

Chúng ta thì hoàn toàn ngược lại. Chúng ta đã thua vì chúng ta là con người theo ý nghĩa cao cả nhất của từ ngữ.

Bốn

Năm tháng tù đầy trong các trại giam từ Nam ra Bắc, rồi lại trở về Nam cho tôi hiểu thêm những đau thương tận cùng của dân tộc mình. Miền Bắc cuối Thập Niên 70 thực sự vẫn còn đang sống cuộc sống thời trung cổ. Nhìn con trâu còm cõi kéo cày trên những mảnh ruộng nhỏ trên vùng trung du, hoặc thậm chí nhìn đồng bào dân tộc gầy gò còng lưng kéo bừa trên những mảnh ruộng nước thay trâu mà lòng ngổn ngang chua xót.

Những trại tù do công an quản lý với mọi kiểu tội phạm mà đa phần là lớp thanh thiếu niên từ những tên lưu manh côn đồ ăn cắp vặt của các hợp tác xã cho tới những thanh niên cần quấy, thích hát nhạc vàng, thích mặc quần ống túm, thích để mái tóc bông thành phố bị ‘tập trung cải tạo’ chẳng biết đến bao giờ mới được tha. Tôi đã nhìn thấy từ mớ hỗn độn tộn cùng xã hội ấy biết bao nhiêu điều nghịch lý.

Có nước nào trên thế giới mà tù nhân vào trong tù lại muốn gây thêm án để có được một bản án cụ thể án định thời gian thọ phạt thay vì cứ tập trung cải tạo theo lệnh ba năm một lệnh cho đến thiên thu? Có nước nào người tù tự đi nương rẫy trồng khoai sắn để mỗi bữa ăn cũng chỉ lãnh khẩu phần thực phẩm chết đói từ thành quả của chính mình? Cày cấy trồng lúa, chăm sóc gia súc gia cầm để bồi bổ nuôi sống đám cán bộ trại giam đang hành hạ cai quản mình? Có nước nào cai tù ngu độn và ngây ngô với mớ kiến thức được nhồi nhét từ cấp trên luôn tìm mọi cách rao giảng sự ngu muội khi có dịp trước một cử tọa có kiến thức đáng bậc thầy mình?

Tôi nhớ tới những ngô nghê của chính các cán bộ được cho là cao cấp từ trên cục gởi về, từ viên trưởng trại đứng đọc trong giấy tờ đã được soạn trước, viết sẵn những kiến thức cơ bản họ thiếu tới mức thảm hại. Nào là phi cơ tắt máy nằm phục kích trong mây chờ máy bay B52 của Mỹ tới nhào ra bắn rớt. Nào là dầu khí của ta tốt nhất thế giới, chỉ cần cắm ống hút xuống, rút lên là chạy được máy tàu máy xe. Nào là trong trận đánh biên giới Tháng Hai năm 79, quân Trung Quốc dùng phi cơ khu trục rải lính nhảy dù dọc theo biên giới bị ta bắn hạ chết đầy trời...

Những năm tháng buồn tủi ấy cứ đeo đẳng mãi không rũ bỏ xuống được không phải vì cái tâm vốn rất hẹp của con người mà có lẽ vì ở nơi một nguyên do nào khác hơn. Gần 50 năm bước ra khỏi cái địa ngục trần gian ấy, cho tới giờ phút này, những ám ảnh đọa đầy vẫn còn lưu giữ mãi trong lòng. Nghĩ về tương lai của dân tộc và những thế hệ tiếp nối tôi lại thấy

buồn hơn.

Gần tháng nay, những tin tức liên tiếp từ quê nhà đọc được trên internet khiến cho lòng nặng trĩu ưu tư. Thái độ hung hãn của Trung Cộng càng gia tăng, khiếp nhược và sự lệ thuộc của nhà cầm quyền Hà Nội càng lộ rõ. Những tiếng nói của những người thực tâm yêu nước cứ lịm tắt dần. Nhà tù mở rộng cửa để bắt nhốt những người yêu nước hầu như ngày càng mạnh tay hơn trước sự hờ hững của các lời can thiệp quốc tế hầu như chẳng bao giờ được nhà cầm quyền lắng nghe. Từ cuộc đảo chính cung đình do Tô Lâm phát động triệt hạ phe Nguyễn Phú Trọng cũ, đám tướng tá công an dần dần giành lại mọi vị trí trọng yếu trong chính quyền, một chế độ công an trị đã hình thành. Suy cho cùng giữa đảng trị trước đó và công an trị hiện nay cũng là một thứ; có khác chăng là sự trắng trợn tàn bạo hiện nay ở mức độ cao hơn thôi.

Cùng lúc Hoa Kỳ cũng bước vào một kỷ nguyên mới với đường lối bảo thủ co cụm. Cầu kết giữa chính khách và các nhà tỷ phú tạo nên sự thay đổi lý tưởng gìn giữ tự do hòa bình cho thế giới trước đây được thay thế bằng những phép tính lợi nhuận kiểu con buôn. Châu Âu ngơ ngàng, Tổng Thống Ukraine không được mời tham dự trong cuộc họp thượng đỉnh Trump - Putin để quyết định số phận của đất nước mình. Lại thêm một VNCH sắp ra đời. Chính sách kinh tế bất ổn, các đồng minh kề cận Canada, Mexico xiềng lỏng chống đỡ. Cả thế giới pháp phòng lo toan không biết ngày mai Hoa Kỳ sẽ chơi chiêu gì. Hoa Kỳ đang sử dụng chính sách tương tự Trung Hoa đỏ, viễn giao cận công, nhưng có khác một chút, cận cũng công mà viễn cũng công luôn.

Đất nước tôi đang trôi dạt vào nanh vuốt của bọn bành trướng phương Bắc ngày càng sâu. Nhiều lúc tôi tự hỏi lòng liệu có còn chút hy vọng nào không cho dân tộc tôi? Câu trả lời vẫn không tìm thấy. Nỗi thất vọng tràn đầy tâm tư khiến cho cuộc sống càng chán ngán hơn trong lúc tuổi tác đã về chiều. Có những người bạn khi nghe lời tâm sự, bỗng buông

tiếng cười mỉa:

- “Ông ơi! Sao ông rồi hơi, gái góa lo chuyện triều đình! Thế hệ chúng ta đã lui vào sân khấu lịch sử. Tấn tuồng đời một thời đã diễn xong. Hãy biết lui gót, nhường lại ánh đèn cho những diễn viên khác tiếp nối vở kịch đời.”

Ngồi nghe bạn nói tôi thấy phần nào bạn tôi có lý, mà sau đó nghĩ lại vẫn cứ thấy hình như mình còn chút mắc mứu nào đó không có hình ảnh rõ rệt. Nhưng chắc chắn là có.

Lịch sử có phải là một diễn tiến có tính chu kỳ không? Tôi thật sự không biết. Duy có một điều chiêm nghiệm được từ bản thân, cuộc đời mỗi con người là có. Thăng trầm, lên xuống nối tiếp nhau làm nên vận mệnh một con người. Chẳng ai cứ thẳng một đường lên mãi hoặc xuống đến tận cùng rồi xuống mãi. Nếu lấy đời sống trong một số năm trung bình 70 tuổi thọ, mọi người sẽ tìm ra được những chu kỳ thăng giáng của mình theo thời gian. Suy rộng ra hơn một chút, trong lịch sử dân tộc, tôi cũng tìm thấy những chu kỳ thăng giáng đó.

Năm nay vừa tròn 50 năm kể từ tháng Tư đen tối năm ấy, đất nước tôi hình như đang đi vào giai đoạn cuối của sự tồn vong. Chỉ có một điều khác, trước đó là sự biến mất của một nửa đất nước cho một nửa còn lại. Lần này thì cả đất nước liệu có cơ hội hồi sinh thay đổi không?

Tôi thực sự không biết.

Năm

Năm 1973 Tháng 6, Sư Đoàn trở về lại Ban Mê Thuột rồi sau đó di chuyển đi Quảng Đức tham gia các trận đánh giữa ranh giới của Quân Đoàn II và III. Hiệp định Paris được ký kết ngày 27 tháng Giêng 1973 sau hơn bốn năm thương thảo đã ra đời một quái thai dị dạng. Chiến chẳng ra chiến hòa không ra hòa. Những người lính VN bị trói chặt hai tay cho kẻ thù ra đòn. Những ngày bay C & C trên mặt trận Kiến Đức Bù Binh để hỗ trợ cho Trung Đoàn 53, tôi đã nhìn thấy những cụm khói

trắng của loại hỏa tiễn AT3 cộng sản mới được Liên Xô trang bị lần đầu có mặt trên chiến trường Quân Khu 2 nhắm bắn vào các phi cơ của ta yểm trợ chiến trường. Hữu hiệu của loại hỏa tiễn tầm nhiệt này hơn hẳn các loại súng phòng không địch thường dùng trước đây đã khiến cho việc yểm trợ của Không Quân gặp vô vàn nguy hiểm. Cả bầu trời trong khu vực hành quân không lúc nào ngớt khói vì hỏa lực của địch. Về phía ta, do những hạn chế về tiếp liệu, đạn dược, mọi yểm trợ hỏa lực cho các đơn vị Bộ Binh hầu như chẳng còn chút hữu hiệu nào. Pháo Binh bắn cầm chừng vì thiếu đạn, không yểm đang đánh vật với hỏa tiễn tầm nhiệt của địch để sinh tồn. Địch hoàn toàn làm chủ chiến trường. Chúng tôi đã chiến đấu trong tuyệt vọng.

Mặt trận Quảng Đức vừa tạm lắng xuống Sư Đoàn được lệnh trở về lại Ban Mê Thuột sau khi để lại Trung Đoàn 53 ở Quận Đức Lập. Từ giã Trưởng Phòng Hành Quân Sư đoàn tôi được chỉ định ra chỉ huy trở lại Trung Đoàn 44 vào Tháng Sáu 1974. Ngày trở lại Trung Đoàn tôi chỉ còn gặp lại một số ít đồng đội cũ đã cùng tôi chiến đấu trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Các trận đánh ác liệt trước đó đã cướp đi biết bao chiến hữu tinh hoa một thời sát cánh bên nhau.

Tháng 8, giã từ Kontum, Trung Đoàn kéo về tuyển phòng thủ tuyến Tây Nam Pleiku, Căn Cứ 801. Tết Ất Mão 1975, Tổng thống Thiệu ra ăn Tết với Trung Đoàn tại căn cứ này. Cuộc đời binh nghiệp của tôi có hai lần được gặp hai vị tổng thống. Lần đầu tiên vào tháng 3/ 1963 khi ngồi nghe Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói về tình hình đất nước. Lần thứ 2 ngồi nghe Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu nói về những khó khăn mọi bề trước những xáo trộn chính trị ở Thủ Đô Sài Gòn và bản hiệp ước đầy bất công mà ông phải chấp nhận. Tám tháng sau cuộc gặp thứ nhất, Tổng thống Diệm bị sát hại, nền Đệ Nhất Cộng Hòa tiêu vong. Lần thứ hai nhanh hơn. Ba tháng sau cuộc gặp, Nền Đệ Nhị Cộng Hòa không còn. Nước mất nhà tan.

Tháng 4 năm 1992, cả gia đình tôi tới qua Hoa Kỳ. Một cuộc đổi đời thực sự bắt đầu. Cuộc sống mới đã cho gia đình tôi những cơ hội được sống như những con người thực thụ mà trước đó chế độ cộng sản trong nước đã tước đoạt mất. Hoa Kỳ là quê hương thứ hai của gia đình tôi. Nhìn đàn con cháu trưởng thành khôn lớn trong xã hội mới để rồi suy nghiệm lại chính bản thân mình tôi càng thấy thương quê hương đất nước mình hơn.

Sáu

Rời Sài Gòn sáng ngày 16 tháng 4 1992, gia đình tôi đặt chân đến Hoa Kỳ vào cuối Tháng Tư năm ấy, sau một hành trình dài. Gia đình tôi gồm bảy người: Hai vợ chồng bốn đứa con, cùng cô con dâu cả. Sau khi rời Việt Nam, chúng tôi tạm dừng ở Thái Lan, trú ngụ tại trại trung chuyển Si Kew trong một tuần để hoàn tất thủ tục giấy tờ nhập cư. Ngày ra đi mang theo biết bao nỗi niềm, nhưng an ủi nhất vẫn là niềm tin về một tương lai tốt đẹp hơn cho gia đình trên miền đất hứa.

Khi đến Hoa Kỳ, gia đình tôi được hội bảo trợ Từ Nhân Chính Trị Orange County đón tiếp, lo chỗ ở tạm thời trong tuần đầu tiên để có thời gian hoàn tất các giấy tờ cần thiết. Cảm giác ngỡ ngàng và lo lắng đan xen khi lần đầu đặt chân đến một đất nước xa lạ, nơi mà mọi thứ đều mới mẻ, từ ngôn ngữ, văn hóa đến cách sinh hoạt hằng ngày.

Bữa cơm đầu tiên trên đất Mỹ, một buổi chiều bình yên tưởng như không có gì đặc biệt, nhưng lại trở thành kỷ niệm không thể nào quên. Khi cả nhà đang quây quần bên bàn ăn, bất chợt mặt đất rung chuyển, chén bát trên bàn va vào nhau kêu lách cách. Những bức tường rung lên, đèn treo lay động, tim tôi chợt thất lại. Tôi chợt biết thế nào là động đất - một hiện tượng mà trước đây chỉ nghe qua sách báo. Đó là trận động đất Joshua Tree ngày 23 tháng 4 năm 1992, một cơn địa chấn mạnh mẽ và cũng là lời chào đón không mấy nhẹ nhàng của California dành cho chúng tôi.

Chưa hết bàng hoàng sau trận động đất, hình ảnh trên màn hình TV càng khiến lòng tôi chùng xuống. Thành phố Los Angeles đang chìm trong hỗn loạn với cảnh cướp phá, bạo loạn. Những khu phố chìm trong lửa, cửa hàng bị đập phá, người ta hoảng hốt chạy trốn. Đó là cuộc bạo loạn kinh hoàng bùng phát sau vụ án Rodney King, khiến tôi không khỏi lo lắng. Lần đầu tiên trên đất Mỹ, tôi tự hỏi:

- “Liệu mình có đưa gia đình đến đúng nơi không? Tương lai rồi sẽ ra sao?”

Nhưng nước Mỹ là thế - đầy thử thách nhưng cũng tràn ngập cơ hội. Mọi chuyện dần dần ổn định, cuộc sống từng bước được xây dựng lại từ con số không. Những khó khăn ban đầu rồi cũng qua đi, và sự cần cù đã mang lại quả ngọt. Các con tôi chăm chỉ học hành, rồi lần lượt vào đại học, tốt nghiệp, có công ăn việc làm. Đến năm 2000, gia đình tôi đã thực sự có thể có cuộc sống tạm ổn định trên quê hương mới. Tôi cũng tìm được công việc làm trong hãng Cisco sau tám năm lông bông làm đủ nghề có tới ba lần thất nghiệp, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong hành trình hòa nhập.

Nhìn lại, tôi hiểu rằng nước Mỹ không phải là thiên đường sẵn có, mà là một miền đất hứa dành cho những ai biết nỗ lực. Động đất có thể làm rung chuyển mặt đất, nhưng không thể lay động ý chí của con người. Cuộc bạo loạn có thể khiến tôi hoài nghi, nhưng không thể dập tắt hy vọng vào tương lai. Nước Mỹ đã mở cửa đón nhận chúng tôi, và nhờ vậy, gia đình tôi có được ngày hôm nay. Một hành trình không dễ dàng, nhưng luôn luôn bắt gặp những điều kỳ thú trên đường.

Tháng 12 năm 2022 nhà tôi mất. Sự thiếu vắng người bạn đời đã cùng chung sống chia ngọt sẻ bùi với mình gần 60 năm có lúc đã làm cho tôi muốn gục ngã. Tuy rằng cả hai chúng tôi đều đã từng tâm sự về một ngày nào đó trong tương lai sẽ phải chia tay nhau. Cô đơn trống vắng trong tuổi già bóng xế nặng nề u buồn. Khi một phần thân phận mình mất đi, mình sẽ phải

sống khoảng thời gian còn lại trong lạc lõng bơ vơ huyệt hăng.

Năm nay tôi bước vào lứa tuổi U90. Trải qua bao thử thách hiểm nguy của cuộc đời lính chiến, rồi tù đầy cộng sản còn sống sót tới giờ phút này cũng nhờ ơn phước tổ tiên mà có được. Ngồi nghĩ lại những từng trải từ lúc ra trường cho tới khi mất nước mới thấy lẽ vô thường của cuộc đời như thế nào. Cổ nhân khuyên rằng lúc cuối đời nên dọn mình cho thanh thản, “Bất vụ nhân bất oán thiên.” Không oán trời không trách người sẽ giúp sự ra đi trong thanh thản nhẹ nhàng hơn. Cuộc đời mỗi con người từ khi được cha mẹ sinh ra cho tới phút lâm chung hãy coi đó như một chuyến rong chơi kỳ thú đến rồi đi. Những ràng buộc níu kéo nợ nần do chính con người tự tạo ra cho mình để rồi ngụp lặn trong khổ đau tranh giành hận thù. Con người luôn luôn bất lực trước những tham cầu muốn đạt và khả năng có thể đạt được mong cầu ấy là điều hiển nhiên, thế thì tại sao mình cứ phải tự dẫn dắt mình mãi?

Tết Nguyên Tiêu báo hiệu năm Mới thực sự khởi đầu. Sáng nay thức dậy tôi thấy trong lòng thư thái an lạc. Con cảm cúm trước Tết đã không còn cách nay vài ngày. Cảm ơn Trời Phật lại cho con sống thêm một ngày với lòng thanh thản hoan hỉ sống.

(Tết Nguyên Tiêu 2025)

Mùa Giáng Sinh Buồn Mùa Đông Lạc Lỡng Cô Đơn

Kim Cao, Khóa 25/1



Người ơi.... Nếu Có Thể
Cho tôi vẫn thương người nhưng đừng xót
Cho tôi vẫn nhớ mãi nhưng đừng đau
Vì nỗi xót đau quật thân tôi ngã gục
Và nhớ thương thành lòng quận tim se.
Nước mắt rơi và thân thể rã rời
Và tôi sợ những tháng ngày còn lại

*Nếu có thể
Xin giúp tôi quên dần kỷ niệm
Quên vòng tay, quên tiếng nói môi cười
Quên xót đau, nhưng thương nhớ vẫn đầy
Để cho tôi tìm nụ cười đã mất
Trông còn đây dấu răng người đã khuất
Đốt u sầu thành tro rải biển sâu*

Nếu có thể
Hãy cho tôi quên nhắc chuyện bên nhau
Vì kỷ niệm chỉ còn là buồn tủi
Vì thương yêu là vô vọng kiếm tìm
Là vết thương lở loét mủ vô hình
Là tiềm thức rầy run đầy sợ hãi
Hình ảnh thân quen chỉ còn lại bơ vơ.

Nếu có thể
Xin cho tôi có một lần tìm lại
Câu hát lời thơ tôi cố chôn vùi
Chốn đông người tôi sợ lạc mất tôi
Nhưng lần tránh không hết đau cạn xót
Tôi nhỏ lệ van xin người đã khuất
Cho tôi can đảm chấp nhận người đã xa tôi

Nếu có thể
Chúa Hải Đồng mang cho tôi nồng ấm
Cho tôi đuổi được rét giá tâm hồn
Cho tôi gom hết nỗi đau niềm xót
Dâng về ngài để tìm lại bình an
Tôi xin Chúa Giáng Thế,
Tôi xin người đã khuất
Thương tôi, xin thương tôi xóa được niềm đau

Giáng Sinh, 12/ 2024



HỒI KÝ CỦA “TỪ CÁI TẠO”

Võ Văn Đức, F22



Sau khi ông Dương Văn Minh kêu gọi quân lực VNCH buông súng đầu hàng vào ngày 30/4/1975. Một tháng sau, nhà cầm quyền cộng sản kêu gọi quân cán chính VNCH ra trình diện “học tập” một tháng và nhớ mang theo thực phẩm. Tôi đã đến trình diện tại trường Đại Học Phú Thọ vào buổi chiều, đến đêm được chuyển đến đại điểm của Liên Đoàn 5 Công Binh cũ tại Hóc Môn. Tại đây anh em được chia ra thành tổ, đội để được nhồi nhét 10 bài về “tội ác của Mỹ Ngụy”.

Đã có một sự kiện khá đặc biệt xảy ra. Một cán bộ VC gốc miền Nam lên lớp giảng bài và chỉ vào chúng tôi nói rằng các anh là những người hữu dụng sau này. Khi nói, anh ta đồng thời chỉ vào đám cán bộ VC dự thính và nói rằng họ là bọn bất mã ôn vô dụng!? Có lẽ anh ta bị thanh trừng do câu nói đó vì anh ta biến mất và chúng tôi không còn gặp anh ta nữa. Phải chăng tranh chấp giữa CS Bắc Việt và “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam” của chúng đang có những tranh chấp gay go?

Một tháng trôi qua thay vì trở về nhà, chúng tôi bị chuyển ra trại Suối Máu (Biên Hòa), nơi giam giữ tù binh CS trước

đây. Anh em thất vọng, buồn nhớ gia đình và sáng tác bài hát, “anh ở đây bạn bè anh cũng ở đây, áo rách xác xơ thân gầy, chiều chiều đứng nhìn đàn én tung bay.”

Một hành động dã man của các cai tù CS đã làm anh em bàng hoàng lo sợ. Một anh trốn trại về Sài Gòn nhưng đến Hồ Nai bị bắt lại và nhốt chung “cô nêc” với anh Thịnh cũng trốn trại từ Hóc Môn. Đó là Niên Trưởng Bé Khóa 19. Chúng tổ chức một phiên toà xét xử với bản án đã quyết định trước. Hôm ấy toàn trại được nghe buổi xét xử qua loa phóng thanh hướng vào trại giam. VC kết tội anh Thịnh và anh Bé là thành phần ngoan cố chống phá “cách mạng” và tuyên bố ”Tử Hình“. Sau đó, chúng tôi đồng thời nghe hai loạt AK nổ vang rền. Đa số anh em trong trại nghĩ rằng VC chỉ hù dọa mà thôi. Sự thật không phải như vậy, vì đội tôi có hai người chứng kiến buổi xử án đó. Vừa tuyên bố tử hình thì chúng liền bịt mắt hai anh và nhét vào miệng mỗi người một quả chanh, dẫn ra trói vào cột móc tử hình và tiễn đưa hai anh bằng hai loạt đạn AK. Sau đó, chúng ra lệnh hai người tham dự bỏ xác hai anh vào hai chiếc hòm đã chuẩn bị sẵn và chôn ngoài nghĩa địa gần đó. Hai người tham dự trở về trại, khi máu vẫn còn trên quần áo.

Đầu năm 1976 chúng tôi được chuyển trại ra miền Bắc bằng tàu Sông Hương. Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, tàu cập bến Vinh, Thanh Hoá. Chúng chuyển chúng tôi sang xe lửa. Đây là giai đoạn đau khổ, cười ra nước mắt. Một toa tàu chở súc vật được nhét vào 60 tù nhân và được thở qua bốn lỗ thông hơi nhỏ bé! Trời nóng thiếu không khí nên mọi người mệt mỏi. Chúng tôi yêu cầu VC mở rộng cửa nhưng bị từ chối. Tuy nhiên, khi tàu vào thành phố VC cho mở rộng cửa và tàu chạy chậm để dân chúng chỉ chỗ vui cười. Một trò lừa đảo mỉa mai! Chúng tôi biết VC muốn cho dân chúng miền Bắc xem “chiến lợi phẩm” từ miền Nam mà chúng tịch thu được!

Trong toa xe mỗi người chỉ còn mặc chiếc quần lót chen chúc nhìn ra quang cảnh bên ngoài. Qua một thành phố có vẻ lớn hơn các thành phố khác., tôi hỏi và được vài anh em trả lời

đó là Thủ Đô Hà Nội và ga Hàng Cỏ. Thành phố hoang tàn, xơ xác, vàng vọt như không còn sức sống. Đây là Hà Nội 36 phố phường thanh lịch như văn thơ ca ngợi?! Tàu qua khỏi Hà Nội đến cầu sắt Long Biên, VC đóng kín cửa trở lại và tiến về Yên Bái. Bỗng nhiên tàu ngừng lại giữa đường cho tù thở tự do, vì có hai tù nhân bị chết ngộp và một số ngất xỉu! Nửa giờ sau tàu đến Yên Bái và chúng tôi được chuyển sang xe “mô lô tô va” tiến về hướng Sơn La, Lao Cai.

Qua khỏi phà Yên Bái, một số tù chuyển vào trại giam mới, sau này được biết là trại giam tù binh Mỹ trong chiến tranh trước 1975. Tại trại này có bốn tù nhân trốn trại nhưng bị bắt lại. Sau đó, VC cho du kích địa phương đánh đập dã man thay cho tội chết! Trong số này có Niên Trưởng Trần Đăng Khôi K16. Sau đó chúng tôi được chuyển lên biên giới Việt Trung trong dãy núi Hoàng Liên Sơn. Thay vì di chuyển bằng xe, VC bắt chúng tôi đi bộ qua Thị Xã Yên Bái để cho dân chúng hận thù quân đội Miền Nam, ném đá hoặc chửi bới. My mắn chuyện này không xảy ra! Cuối cùng đoàn tù khổ sai cũng đến Hồ Thác Bà và di chuyển bằng thuyền đến Trại 8 thuộc Liên Trại 4 Hoàng Liên Sơn.

Chúng tôi có khoảng 300 người gồm nhiều quân binh chủng Hải Lục Không Quân, từ cấp thiếu tá đến trung tá. Sau này được biết có một số anh em Võ Bị như các Niên Trưởng Khuê K12, Lê K14, Quyền K16, Xuân Voi K17, Ý K17, Trang K18, Khoa K19, Cấp K19; và các bạn Thiệp, Khoan, Niệm cùng Khóa 22 và tôi. Chúng tôi được chia ra làm bốn đội bắt đầu xây dựng nhà trại bằng tre nứa để ở và sau đó lên núi “*chém tre đẵn gỗ trên ngàn, hữu thân hữu khó phần nản cùng ai.*” Nhìn về tương lai cảm thấy ngày về là vô định! Rừng núi hoang vu không có dấu vết sự sống. Không nghe tiếng chim hót, chỉ còn lại im lặng của núi rừng với tù nhân. Trời về chiều sương mù phủ kín, cách nhau 10 mét không nhìn thấy nhau, tù kêu gọi nhau vang vọng cả núi rừng!!!

Chúng tôi phá rừng trồng bắp lúa khoai mì và trồng rau cải

bằng “phân Bắc” thay cho phân hoá học. Ăn uống rất kham khổ, một chén bo bo hoặc một miếng bánh mì với nước muối và uống nhiều nước để sống còn. Được mùa VC cũng không cho tù được ăn no. Do đó tù phải “cải thiện” bằng tài sản của mình làm ra. Tù nào xui xẻo bị bắt thì cho chân vào cùm!

Thời gian chậm chạp trôi qua, năm 1979 chúng tôi được chuyển về miền Trung Du Bắc Việt vì cuộc chiến tranh giữa Trung Cộng và Việt Cộng. Dưới sự quản lý của công an rất khắt khe, chúng bắt làm việc nhiều, ăn uống quá thiếu thốn khiến sức khỏe anh em yếu dần vì thiếu dinh dưỡng. May mắn thay, năm 1980 VC cho gửi quà và thăm viếng. Nhờ thể sức khỏe tù phục hồi và dân chúng trong vùng cũng có được những viên thuốc ngoại của tù thay cho thuốc xuyên tâm liên trị bá bệnh và trẻ em cũng có những viên kẹo ngoại vui vẻ. Dân chúng quanh trại đã thay đổi thái độ hận thù trước đây.

Năm 1982 chúng tôi được chuyển về miền Nam. Thật trái ngược, dân chúng thuộc vùng Vĩnh Quang, Vĩnh Phú tiễn đưa chúng tôi với nhiều thiện cảm. Có lẽ họ đã hiểu chúng tôi không phải là những người “ăn gan uống máu” như VC tuyên truyền. Chuyến tàu về miền Nam lần này khiến chúng tôi cảm thấy như được trở về với gia đình và cảm thấy rất hạnh phúc sau bao năm xa cách. Tại các trại Xuân Lộc Long Khánh, Hàm Tân mỗi ngày có người thân đến thăm nuôi và từng đợt tù được trả tự do. Tôi được trở về nhà vào tháng 7 năm 1987 sau 12 năm 3 tháng bị lưu đày biệt xứ trong khổ nhục. Nhìn lại Sài Gòn thân yêu ngày nào, tôi chỉ thấy những hình ảnh đẹp để chỉ còn lưu lại trong ký ức! Từ đó, anh em tù vất vả kiếm sống cho ngày đoàn tụ theo diện HO, hoặc tìm cách vượt biên. Nhìn lại mình, tôi cảm thấy, “Nợ nước chưa xong đầu đã bạc”.

Giờ đây, dù thời gian đã qua rất lâu, chúng ta hy vọng vào thể hệ thứ hai, thứ ba tuổi trẻ VN trong và ngoài nước sẽ tiếp nối lý tưởng phục vụ Quốc Gia Dân Tộc. Tuổi trẻ Việt Nam luôn là tương lai của Dân Tộc Việt Nam. Theo lịch sử các nước thế giới, chúng ta đã chứng kiến nhiều đổi thay theo thời

gian. Không có một chế độ toàn trị nào tồn tại mãi mãi. Đó là qui luật VÔ THƯỜNG (luôn luôn thay đổi) của trời đất.

Trải qua bao thăng trầm trong cuộc sống của kiếp con người, nhất là cuộc đời của những người “tù cải tạo” không có bản án, nhất là dưới chế độ Cộng Sản VN phi nhân, sự sống sót trở về là nhờ ý chí mãnh liệt muốn sinh tồn với niềm tin chế độ Cộng Sản VN sẽ bị sụp đổ.

Định cư ở nước ngoài là muốn thoát khỏi chế độ hận thù, kỳ thị phân biệt, thiếu tình đồng bào và cũng là cơ hội làm lại cuộc đời, nhưng chúng ta không bao giờ phản bội lại quê hương.

Hoa Kỳ, 2025

Phát Hành Đa Hiệu 130

Như thường lệ cứ bốn tháng một lần, vào ngày 15 tháng 12 năm 2024, trong tinh thần thân ái, Hội Võ Bị Nam California đã hoàn tất việc “gói báo” Đa Hiệu 130, sẵn sàng phân phối đến tay độc giả vào hôm sau.

Xin cảm ơn các niên trưởng, các phu nhân, anh chị đã cùng nhau hoàn tất công việc quan trọng này để báo đến gia đình Võ Bị và các thân hữu trên toàn thế giới đúng hạn kỳ. *(Số người tham dự việc phát hành thường từ 40 đến 50 người.)*

Nhân đây, Hội Võ Bị Nam California cũng như Ban Biên Tập Tập San cảm ơn chi Quách Thương, Khóa 20/1, đã có nhã ý cho mượn tư gia để thực hiện việc phát hành Đa Hiệu 130. Nhiệt tâm của chị dành cho đại gia đình Võ Bị luôn khiến chúng tôi cảm kích và biết ơn.

Hội Trưởng Võ Bị Nam California,
Trần Văn Giỏi

Cuộc Gặp Gỡ Bất Ngờ Với NT Nguyễn Văn Dục Khóa 17 Tại Trại Tù "Cải Tạo" Bù Lôi

Trần Hữu Hạnh, K25

Ngày 17 tháng 5, 1975, sau ngày miền Nam lọt vào tay giặc và sau khi trình diện Ban Quân Quản Cộng Sản, tôi đi theo mẹ tôi đi làm rẫy tại La Ngà (cây số 102). Hai hôm sau (19/5/1975) tôi bị du kích VC bắt giải đi đến một bộ chỉ huy của quân CS Bắc Việt tại một ngôi chùa bên cạnh hòn đá lớn tại Định Quán (cây số 113) để điều tra. Buổi chiều tối hôm đó, khi tay tôi vẫn đang bị cột, du kích VC dẫn tôi đi giữa chợ Định Quán đến Trường Tiểu Học Định Quán và xiềng chân tôi tại đây với tội danh là một sĩ quan “ngụy”. Chân phải tôi mang một sợi dây “lòi tói” với một đầu xích được khóa vào chân bằng một ổ khóa. Đầu kia xích vào chân bàn học bằng một ổ khóa khác. Mỗi buổi sáng khi đi vệ sinh, đầu lòi tói kia được mở ra, nhưng sợi dây lòi tói được quán vào chân phải tôi với hai ổ khóa. Ngày 22 tháng 7, 1975, tôi được chuyển đến trại tập trung Lê Lợi, Long Khánh nguyên là Kho Quân Cự của Sư Đoàn 18 Bộ Binh.

Năm 1977, tôi được chuyển lên Đoàn 500 Phước Long Sông Bé. Đoàn 500 nằm giữa núi rừng hoang vu nằm về phía Bắc cầu sông Bé và nằm trọn trong mạn phải (hữu ngạn) thượng nguồn sông Bé, mà cây rừng chủ yếu là tre nứa mọc dọc theo

hai bên bờ sông. Từ Đoàn 500 ra đi phải qua cầu sông Bé, ngày đó gọi là cầu 10T (10 tấn,) nơi mà vào những buổi trưa sau khi đi cắt tranh, hay đốn tre, hay nhổ khoai mì tôi thường xuống chân cầu xi măng ngồi nghỉ mệt hay ăn trưa với những củ khoai mì luộc hay nướng.

Thời gian này là lúc gian khổ nhất. Có nhiều khi tôi không tin sẽ có một ngày về. Nhưng tôi tin vào thuyết định mệnh và sự sinh tồn. Vì thế mặc dù đói rét và bệnh tật tôi luôn luôn lạc quan, học hỏi và rèn luyện sức khỏe. Sông Bé, nơi thượng nguồn của nó bề ngang sông khoảng 25m là một thử thách lớn nhất của tôi, vì vào mùa mưa nước từ nguồn xuống chảy trút cuộn cuộn dâng cao như thác đổ. Tôi vẫn không cảm thấy sợ hãi vì tôi đã luyện tập bơi lội sang bên kia sông mỗi khi đi tắm. Vì vậy trong một lần cháy rừng, tôi đã bơi dọc theo sông về trại, vì chiếc bè đi tản đã quá đầy không còn chỗ cho tôi.

Tôi còn nhớ những tảng đá hai bên bờ sông Bé đã gây cho tôi nỗi khiếp sợ, vì nhìn như những con quái thú. Những ngày ít mưa là những ngày đi rừng chặt tre, nứa. Nghe tiếng khỉ hú và bị trêu chọc, nhiều khi một thân một mình giữa rừng hoang vắng tôi đã nén tất cả đau đớn trong lòng. Tôi chỉ biết rằng phải có một ngày về và cần phải sống để tôi có thể làm một điều gì có ích cho những người thân, với chút lý tưởng còn sót lại. Dấu vết của chiếc cầu 10T mà chúng tôi gọi là cầu 10 tấn bắc ngang thượng nguồn Sông Bé. Nơi đây vào mỗi buổi trưa, tôi dùng chân giở lon guigoz ăn những lát khoai mì khô hay chút cơm dưới chân cầu bằng xi măng và ngấm dòng sông nước chảy chậm chậm. Thời gian này gian khổ nhất. Vì bị đói, cực nhọc, bị muỗi mòng, vắt đĩa hút máu, người tôi chỉ như bộ xương biết đi.

Cuối năm 1978, có cuộc chuyển trại từ “cải tạo” từ Đoàn 500 Phước Long đến trại tù Bù Lôi, Phước Long. Chặng đường dài khoảng 80km, Các tù nhân gồm các sĩ quan QLVNCH phải gồng gánh mang theo tất cả vật dụng cá nhân gồm lương khô được thăm nuôi, quần áo, nồi niêu, lon guigoz, dao rựa,

nước uống ước lượng 15kgs cho một người. Khởi hành từ sáng sớm từ địa điểm của Đoàn 500 đi trên con đường đất đỏ lên dốc xuống dốc đến khoảng 6 giờ tối thì đến lán trại Bù Lôi. Nơi đây là một khu vực nhỏ gồm những lán trại cho các tù nhân “cải tạo” gần với Sóc Bom Bo và nằm giữa Sóc này với chợ Minh Hưng.



*Sơ đồ trại Tù Bù Lôi.**

Gồng gánh các vật dụng trên vai, tôi mặc chiếc áo vải kaki lính đầy ắp mảnh vá bằng vải bao cát, trên đầu quần cái khăn nhỏ, chân mang đôi dép nhựa mà có lúc phải cởi bỏ ra vì mồ hôi làm ẩm đôi chân không bám vào dép được, khi bước đi trên mặt đường đầy bụi đất đỏ cao nguyên.

Lộ trình di chuyển không được cho biết, nhưng chúng tôi phải dậy sớm ăn uống no mang theo nước uống rồi phải rời trại Đoàn 500 vừa khi có lệnh báo.

Lộ trình di chuyển dài khoảng 80km mới đến Bù Lôi, rồi rẽ phải. Chúng tôi men theo con đường mòn nhỏ trong rừng dần chúng tôi đến một con suối nhỏ, qua một túp lều là lò rèn thì tới khu lán trại với khoảng hai hay ba gian mái tranh, vách ngăn bằng phen nửa thật hiu quạnh và xơ xác. Tới nơi thì trời đã chập choạng tối.

Bước vào trong chúng tôi nhìn thấy những chiếc chõng phen tre đan kết bằng thân cây nứa. Chúng tôi bỏ xuống hành trang và chuẩn bị lon guigoz luộc những củ khoai mì mang theo để ăn. Tôi vẫn còn nhớ, phía sau lán trại còn những cây ốt hiểm mà tôi nghĩ là của những người Thượng đã trồng trước đây. Còn có những chiếc chõng tre trong khu lán trại chứng tỏ đã từng có người tù “cải tạo” ở. Họ đã ra đi và bỏ trống lại nơi này Trước khi chúng tôi đến.

Sau này tôi mới nghe từ những người cũ còn ở lại cho biết có một toán tù vừa rời bỏ nơi đây đi đâu tôi không biết, trong đó có anh Phạm Minh Tâm K25, người từng cùng tôi dự tranh đi học Trường Võ Bị West Point năm 1970. Một người tù cải tạo nữa là Niên Trưởng Nguyễn Trọng Tường K24 cũng đã rời trại này trước khi tôi đến. Nhưng đặc biệt nhất, Niên Trưởng Nguyễn Văn Dục K17 vẫn còn ở lại trại Bù Lồi này, nhưng không cùng lán trại với tôi.

Đêm trôi qua tại trại tù “cải tạo” Bù Lồi thật bình dị cùng với những chập chờn mệt mỏi, đói, và nhớ về quê nhà khôn xiết. Cái chõng tre đôi cho hai người nằm ngủ kêu cọt kẹt mỗi khi trở mình. Phía trên đầu giường là dây bợ bằng nứa chứa những “hành lý” rách rưới mà tôi mang theo trên đường từ Đoàn 500 Sông Bé đến đây. Dưới đất, tôi chỉ có đôi “đép râu” còn đầy bụi đỏ mà ai đó đã cho tôi trước khi lên đường từ Đoàn 500.

Sáng hôm sau, chúng tôi được chia ra nhiều “tổ” để đi “lao động.” Một tổ đi cắt tranh để lợp thêm cho nóc lán, một tổ đi chặt nứa để làm phen, một tổ bắt đầu đi thu hoạch củ khoai mì. Về phía Tây của trại tù “cải tạo” Bù Lồi là những đồi thấp ngút ngàn lúa xanh, xa hơn nữa là những “rừng” cây khoai mì bát ngát, xa hơn nữa là rừng hoang với cỏ tranh vàng xanh lẫn lộn. Tôi thuộc tổ đi thu hoạch củ khoai mì và phải đạt “chỉ tiêu” là 50 kgs mỗi người tù. Những bao khoai mì phải được vác về trại nộp cho “cán bộ VC”. Một “trại viên cải tạo” được phân công xem xét và cân đo, và ghi tên người tù nào làm xong chỉ

tiêu lao động. Những trại viên “cải tạo” có thể đi vòng trong rừng giáp ranh với đường lộ chính (nay 2023 là Đường Tỉnh Lộ 760 (ĐT760)) hay có thể lấy đường chính là ĐT760 vác bao củ mì về trại.



Những ngày xưa thân ái. Các Niên Trưởng Nguyễn Quang Trung & Nguyễn Văn Dục K17, Vĩnh Quốc 16, Nguyễn Đình Hạnh & Hoàng Gia Hiếu K19 trong lễ chào cờ sáng Thứ Bảy của Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXII, 2022.

Thời gian này tôi đã tình cờ gặp NT Trần Minh Chánh K24 đang đi trên đường đất đỏ cùng với một người phụ nữ trẻ cùng một người nữa như là người em đi thăm ông. Tôi chỉ hỏi thăm ông rồi thôi. Nhiều năm sau tại Mỹ, khi viếng Lễ Tang Phu Nhân Cố Đề Đốc Trần Văn Chơn tại San Jose, Califonrina, tôi có gặp lại NT Trần Minh Chánh K24 và được biết người phụ nữ ấy là bà xã của ông. Tôi cũng có chào hỏi phu nhân của NT Chánh ngày hôm ấy.

Thời gian này tôi rất chú ý tìm kiếm NT Nguyễn Văn Dục K17, nhưng không sao tìm gặp được và nếu có hỏi thì chẳng biết ai để hỏi và chẳng biết ai biết vì tôi không biết trại Bù Lôi này lớn và đông trại viên ra sao; hơn nữa, trại viên chỉ biết đi lao động rồi xong trở về lán trại mình, việc tiếp xúc nhau coi như nghiêm cấm ngoại trừ trong cùng “tổ.”

Bù Loi được chia thành hai khu lán trại. Khi đi vào từ đường lộ đất đỏ nay là ĐT760, sẽ qua một giồng suối cạn chảy qua những viên đá nhỏ, và rồi đến một ngã ba. Tại đây nếu rẽ trái sẽ gặp một túp lều làm lò rèn rồi đi xa nữa sẽ gặp một lán trại, chạy song song với một con suối trước đây khi vào trại. Giờ đây con suối sâu hơn với cây cối mọc um tùm. Người ta có thể nghe tiếng chim quốc kêu vào chiều chiều.

“Chiều chiều chim vịt kêu chiều, buâng khuâng nhớ bạn chín chiều ruột đau.”

Lò rèn này, có trước khi tôi đến, xem có vẻ hoạt động từ lâu để làm liềm, búa, dao, rựa,... Như thế trại Bù Loi đã có từ lâu, có thể cùng thời gian khi tôi đến Đoàn 500. Nếu từ ngã ba này đi thẳng vào trong thì sẽ gặp lán trại của tôi bên trái con đường mòn. Nếu đi sâu hơn khoảng 100m thì sẽ gặp một con suối sâu đến gần 2m. Tại đây chúng tôi thay phiên nhau xuống mức nước gánh về lán trại, chia nhau nấu nướng hay tắm rửa. Chúng tôi có thể tắm giặt phía hạ lưu của suối, nhường thượng nguồn cho nước ăn uống. Ngày nay chúng ta biết rằng con suối này chảy đổ vào Sông Daklap, mà con sông này chia cắt Bù Loi với Chợ Minh Hưng Bù Đăng.

Vào một ngày tại đây, tôi đã gặp một người trại viên tù “cải tạo” đáng trung niên mà tôi ngỡ ngợ là NT Nguyễn Văn Dục K17. Tôi đã hỏi:

- “Thưa ông, trước đây ông có bao giờ ở Đà Lạt?”

- “Có.” Ông trả lời.

Tôi hỏi:

- “Có phải ông tên Dục không ạ?”

- “Phải, tôi là Dục. Có phải em học ở Trường Võ Bị không?” Ông nói.

Tôi nói:

- “Dạ phải, em tìm kiếm và muốn gặp anh. Hôm nay thật là may mắn em gặp lại anh.”

Tôi thật sự không dám gọi ông là Niên Trưởng vì sợ “ăng ten” nghe thấy. Ông cho tôi biết ông ở lán trại gần với đường lộ và tôi hẹn sẽ sang thăm ông.

Tương cũng nên biết, chiến tranh giữa VC với Campuchia đã và đang diễn ra khốc liệt vào năm 1977, 1978. Cuối năm 1978 đã diễn ra những căng thẳng ở vùng biên giới Bắc Việt với Trung Cộng. Cho đến đầu năm 1979 thì chiến sự giữa VC và TC bùng nổ dọc theo nơi đây.

Thấm thoát, vài tháng trôi qua, trời se sắt lạnh. Vào những ngày cuối năm Âm Lịch, lòng tôi thấy nao nao thương nhớ về quê nhà. Đêm 30 Tết, trong lán trại, vài anh em quây quần bên nhau kể chuyện chút cho vui. Nhân dịp này, một người, mang theo cuốn Kim Vân Kiều, nói chúng tôi có muốn xem thử thời vận bằng cách bói thơ, vì nghe như ta nói là “linh” lắm. Tôi đồng ý và nôn nóng “xem quẻ bói linh” trước. Bên ngọn đèn mờ tỏ, tôi nhắm mắt thỉnh lặng tập trung rồi lần theo cuốn truyện thơ mà gỡ vào trang tôi muốn chọn. Khi mở ra, mọi người cùng xem đọc với tôi những giòng thơ sau, đã làm lòng tôi tê tái. Đó là những câu thơ mà ông Nguyễn Du viết về lần chia ly giữa Thúy Kiều và Thúc Sinh.

*Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong Thu đã nhuộm màu quan san.
Dậm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.*

*Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa khơi.
Vàng trăng ai xé làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa khơi dặm sầu....*

Than ôi, thế là cuộc chia ly vẫn còn, và quê nhà vẫn còn xa ngoài tầm với!

Đêm 30 Giao Thừa trôi qua, lòng tôi buồn hơn khi nào hết, nghĩ đến nhà, đến thân phận nô lệ, nghĩ đến nước non. Ngày Mồng Một Tết các trại viên được nghỉ lao động và cũng dễ

chịu vì bớt bị nghe ngóng theo dõi, và có thể đi lại tự do. Vì thế, tôi quyết định đi thăm NT Nguyễn Văn Dục. Ngược ra phía đường lộ, rẽ phải về lò rèn rồi đi thêm chừng 100m nữa thì đến lán trại của ông. Tôi hỏi những người gần gũi để tìm ông thì gặp ông. Bên hiên ngoài, ông mời tôi chén nước. Hai anh em chúng tôi kể sơ qua chuyện đi tù, thăm hỏi sức khỏe và những gì nữa mà nay tôi không còn nhớ. Tuy nhiên, ông vẫn luôn lạc quan, tự tin, vui và vẫn dấp dấp gầy gầy, vẫn với bộ râu, khuôn mặt xương. Tôi không nhớ ông có bệnh hoạn gì không, nhưng không có vẻ gì đau yếu. Rất mừng cho ông. Từ ngày tôi ra Trường cuối năm 1972, đến khi ấy đầu năm 1979. Thời gian cách biệt chỉ có hơn sáu năm vì vậy những tình cảm huynh đệ vẫn còn như xưa không thay đổi.

Tôi gặp lại NT Nguyễn Văn Dục K17 tại trại tù Bù Lôi trong hoàn cảnh khắc nghiệt của vận mệnh đất nước tưởng như trong giấc mơ. Người ta có thể gặp nhau trong men say, rượu ngọt và tiếng nhạc quay cuồng, nhưng những giọt đắng luôn còn tồn tại với cuộc đời như những vết hằn không phai cùng năm tháng.

Sunnyvale, CA 10/06/2023

***Sơ đồ vị trí Trại Tù Cải Tạo Bù Lôi nơi VC giam giữ các Sĩ Quan Quân Lực VNCH 1978-1979**

Vị trí trại tù cải tạo Bù Lôi nằm bên trái Tỉnh Lộ 760, giữa Sóc Bom Bo và Ngã Ba Minh Hưng. Cầu Dak Lấp ở giữa trại tù cải tạo Bù Lôi và Minh Hưng.

A: Láng trại của tôi. Vách cỏ tranh, mái phen nứa, giường tre nứa.

B: Láng trại NT Nguyễn Văn Dục vách cỏ tranh, mái phen nứa, giường tre nứa nằm dọc theo bờ suối cận phía trước là

con suối cạn nay sâu hơn.

C: Nhà thăm nuôi, cách lảng trại B con suối và bên trái con đường mòn dẫn vào trại.

D: Lò rèn làm dao, rựa, cuốc,...

E: Đường ra rừng trồng lúa vào cây khoai mì

F: Nơi gánh nước, tắm giặt suối sâu

G: Suối sâu chảy ra sông Dak-Lấp

H: Con suối cạn

Ước lượng khoảng 500 đến 1.000 tù cải tạo sĩ quan QLVNCH ở trại này.



Trung Tá Cảnh Sát Quốc Gia Nguyễn Văn Long đã tự sát trước Quốc Hội VNCH (dưới chân Tượng Đài Thủy Quân Lục Chiến) lúc 4:30 chiều ngày 30 tháng Tư, 1975 để bảo toàn khí tiết.

Khi ông mất, ông còn mặc quân phục màu xanh của Cảnh Sát, cấp bậc trung tá trên cổ và nắp túi trên ngực in chữ Long.

NHÃN VÕ BỊ TRUYỀN THỐNG

Minh-Nguyệt K17/1
(Nam Sinh Tín)

Sáng hôm nay tôi đang ngồi thưởng thức nhạc thính phòng thì nghe có tiếng bấm chuông. Tôi đi ra mở cửa. Người đứng trước mắt tôi là Thu, cô hàng xóm ở nhà bên cạnh. Thu nhỏ hơn tôi ba tuổi, một người rất cởi mở, vui vẻ, và thích hoạt động. Chúng tôi quen nhau từ hồi Thu dọn đến khu vực này, nơi một giầy nhà nằm ở trên đồi, từ cửa sổ trong nhà



nhìn xuống, có thể thấy cảnh hồ và chung quanh có đồi núi cỏ cây xanh biếc như ở thành phố Đà Lạt. Cô có thú trồng cây và chăm sóc vườn hoa. Phía sau nhà của Thu có một cây nhãn rất cao và năm nay rất sai trái, nhìn mấy chùm nhãn trên cây thấy mê luôn. Cô sang nhà tôi để biếu một túi nhãn vừa mới hái.

Hôm nay là cuối tuần có thời giờ rảnh rỗi, tôi mời Thu vào nhà và chúng tôi ngồi tại phòng ăn để trò chuyện. Lúc cô trao túi nhãn cho tôi, tôi để ý thấy hai bàn tay của Thu, ngón tay nào cũng đeo nhẫn. Tôi ngạc nhiên vì từ trước đến giờ, tôi chỉ thấy Thu đeo găng tay làm vườn, nên tôi vội hỏi sao cô đeo nhiều nhẫn đẹp thế. Thu cười và cho tôi biết đó là sở thích

suu tầm nhẫn của mình. Thu muốn hàng ngày chiêm ngưỡng những chiếc nhẫn đã mua làm kỷ niệm từ những chuyến đi du lịch. Thu còn chia sẻ với tôi sự hiểu biết về nhẫn, và ý nghĩa của từng ngón tay đeo nhẫn như sau:

Tương truyền rằng chiếc nhẫn đầu tiên được xuất hiện tại nền văn minh Ai Cập cổ đại, cách đây khoảng 4800 năm trước Công Nguyên. Thời bấy giờ người dân sống dọc bờ sông Nin đã kết những sợi cỏ, gai dầu hoặc lau sậy xoắn vào nhau tạo thành những chiếc nhẫn nhỏ hoặc những vòng tay lớn để đeo và làm đẹp cho mình. Thời gian trôi từ thế kỷ này đến thế kỷ sau, và qua nhiều thời đại, nhẫn được làm bằng các kim loại như chì, bạc, đồng, vàng, có mẫu mực, và thường được gắn thêm ngọc (ruby), hạt trai, hay kim cương.

Sở thích mỗi người đeo nhẫn vào ngón tay nào là do quyết định của từng cá nhân. Đã có nhiều bài viết giải thích tương tự về ý nghĩa riêng của mỗi ngón tay đeo nhẫn.

- Trong tình yêu hay hôn nhân, nhẫn được đeo trên ngón áp út, thể hiện một tình yêu vĩnh cửu, cũng như thể hiện thái độ nghiêm chỉnh trong việc xây dựng mối quan hệ cùng lời hứa đi cùng nhau lâu dài.

- Ngón giữa nằm ở vị trí trung tâm trên bàn tay, đại diện cho cân bằng và ổn định trong mọi khía cạnh của cuộc sống. Đeo nhẫn trên ngón này tượng trưng cho niềm tin và hy vọng trong một cuộc sống an lành và hạnh phúc. Nó thể hiện mong muốn về sự ổn định trong mối quan hệ và thành công trong công việc.

- Đeo nhẫn trên ngón trỏ được nhìn nhận là thái độ tự tin, không khoan nhượng, có nhiệt huyết và khả năng lãnh đạo, mạnh mẽ tự quyết định, duy trì sự tự do và không bị ràng buộc bởi bất kỳ quy tắc nào.

- Đeo nhẫn trên ngón cái tượng trưng cho sự giàu có, quyết đoán, vì thế nhiều đàn ông rất thích đeo nhẫn ở ngón tay này. Nhiều người muốn đeo nhiều nhẫn trên một bàn tay cũng

thường lựa chọn ngón cái vì ngón tay tách biệt so với các ngón còn lại, không gây vướng víu, vướng mắt.

- Đeo nhẫn ngón út có ý nghĩa sâu sắc và đa dạng, phản ánh tính cách về tình bạn. Người đeo nhẫn thường được xem là người dí dỏm, hài hước, thẳng thắn và đầy tự tin, khéo léo và linh hoạt trong giao tiếp, với khả năng trò chuyện và tỉ mỉ trong công việc.

* * *

Nghe Thu giải thích về nhẫn và ý nghĩa của ngón tay đeo nhẫn, tôi thấy thú vị và chăm chú nghe vì tôi chưa bao giờ để ý đến. Hàng ngày, tôi chỉ thay đổi đeo một hai cái nhẫn thôi. Tôi luôn đeo nhẫn cưới ở ngón áp út. Tôi cũng đã diễn tả suy nghĩ của tôi về những chiếc nhẫn rằng:

Mỗi cá nhân có những chiếc nhẫn với những kỷ niệm đặc biệt khó quên. Mỗi chiếc nhẫn mang tình tiết khác nhau với tình cảm gắn bó và những kỷ niệm sâu sắc, để rồi những chiếc nhẫn đó nối tiếp nhau tồn tại trong đời người, mà đời người ví như một sợi dây chuyền đang đeo những chiếc nhẫn chan chứa tình yêu thương vĩnh cửu.

Thấy Thu có sở thích sưu tầm nhẫn, tôi đi đến gần kéo bàn trang điểm, lấy ra một chiếc nhẫn lớn nhất trong hộp, và hỏi cô xem có chiếc nhẫn như thế này không. Tôi khoe với Thu chiếc nhẫn này là Nhẫn Võ Bị Truyền Thống, rất quý đối với tôi vì là quà tặng của một Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Anh đã kể là do gia đình của anh đã tặng cho anh trong ngày Lễ Trao Nhẫn cho các SVSQ/ TVBQGVN



**Tác giả đứng bên trái trong
đêm Dạ Tiệc Đại Hội Võ Bị
XXIII, năm 2024.**

trong dịp mãn khóa. Thu ngắm nghía chiếc Nhẫn Võ Bị, và tấm tắc khen ngợi họa tiết sắc nét từng vảy rồng, kiếm, Huy Hiệu Trường Mẹ và số Năm ra trường được khắc rất tinh xảo. Lúc đó, tôi chợt nhớ ra mấy câu thơ và đọc lên cho cô nghe:

*Gió lay cành lá đong đưa
Kỷ niệm còn đó người xưa đâu rồi
Tháng năm vẫn cứ êm trôi
Chiếc nhẫn Võ Bị một thời còn đây
Vòng nhẫn bắt tận là giây
Tình yêu vĩnh cửu không lay chuyển lòng
Chiều về gió thổi bên song
Nhớ chàng Võ Bị nhớ Đông hẹn hò*

Nghe thơ xong, Thu dí dỏm hỏi tôi:

- Tên là Đông... hay mùa Đông... hả chị?

Tôi mỉm cười không trả lời. Thấy Thu vẫn cầm chiếc Nhẫn Võ Bị trên tay, tôi nói:

Chiếc nhẫn này nhỏ để đeo tay thôi. Chị sẽ cho em xem mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống.

Tôi mở điện thoại và khoe những hình ảnh đã chụp tại buổi Dạ Tiệc Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXIII được tổ chức vào ngày 16 tháng 6 năm 2024. Thu đã được xem hình ảnh của gia đình các Cựu Sinh Viên Sĩ Quan, các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, và các thân hữu, đứng trong lòng mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống. Thu tỏ lòng khâm phục người thiết kế mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống này.

Tôi đã kể cho Thu nghe người thiết kế là CSVSQ Trần Sinh Duyên K30 đã bỏ công sức thực hiện trong bốn, năm tháng, với mục đích trưng bày trong Đại Hội. Anh đã chở chiếc nhẫn này từ nhà tại Las Vegas, Nevada đến Đại Hội tại Quận Cam, Nam California. Vì không ước tính được sức gió mạnh thổi khi lái xe, anh đã phải nhiều lần dừng xe để buộc giây chặt lại. Để lắp ráp, anh đã tốn khoảng năm tiếng tại nhà hàng. Mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống đã được trưng bày ngay trong

nhà hàng, trông vĩ đại, rất đẹp, công phu, và khéo tay.

Chúng tôi đang vui vẻ vừa ăn nhâm vừa xem hình ảnh thì điện thoại của Thu reo, ông xã của cô gọi về để dự định lái xe đi thăm các bạn khác và biểu nhâm cho họ. Sau khi tiễn Thu ra cửa, tôi trở vào nhà, đem cất Nhẫn Võ Bị vào hộp, và tiếp tục xem những hình ảnh chụp hôm tham dự Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXIII, Đêm Truy Diệu, Lễ Chào Cờ, và Dạ Tiệc, trong ba ngày 14, 15 & 16 Tháng 6 năm 2024.

Cám ơn anh chị Trần Sinh Duyên K30 đã cho mọi người có dịp chụp ảnh cùng mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống. Vòng tròn của mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống đã thực sự gói trọn cả tâm tình Võ Bị, sự yêu thương lẫn niềm vui, tình gia đình, tình đồng môn, cũng như tình thân hữu trong buổi Dạ Tiệc Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXIII. Chỉ còn hơn một năm nữa Đại Hội Toàn Cầu Kỳ Thứ XXIV sẽ được tổ chức, và tôi rất mong đợi sẽ lại có dịp chụp ảnh với mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống vĩ đại mà anh chị Trần Sinh Duyên K30 sẽ đích thân mang đến.

Nhân dịp Xuân Ất Tỵ 2025, kính chúc Đại Gia Đình Võ Bị, và quý Độc Giả được an khang, hạnh phúc, tài lộc, và thành công trên mọi lãnh vực.



*Anh chị Trần Sinh Duyên,
Khóa 30, người thiết kế mô
hình chiếc nhẫn Võ Bị.*

Giã Biệt Quê Nhà Thiếu Mẹ Đưa

Bích Lan, Khóa 19/1

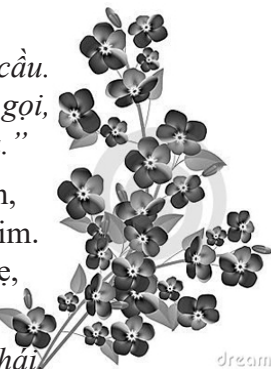
Mẹ ơi con đã về đây,
Ngõ xưa Mẹ đợi, giờ này Mẹ đâu?
Thì thảo, gió động vườn sau,
Tưởng như tiếng Mẹ: "Con mau Mẹ nhờ."

Xa cách nghìn trùng mới tới quê,
Con nghe sao khó bước chân về.
Chỉ xin bên Mẹ một lần nữa,
Mẹ ở đâu rồi Mẹ có nghe.

Mẹ ở đâu rồi Mẹ ở đâu,
Đêm đêm sao vắng tiếng kinh cầu.
Sáng không nghe được lời Mẹ gọi,
"Con hả con à, con dậy mau."

Dẫu biết dòng đời có tử sinh,
Sao con vẫn thấy nhói trong tim.
Nhìn lên ảnh Mẹ con gọi Mẹ,
Mẹ ở nơi nao con mãi tìm.

Guốc mộc Mẹ mang kia bên chái,
Sau Hè, đây vết đỏ bã trầu.
Áo bông mặc ấm, tìm hơi Mẹ,
Bóng Mẹ, khăn nhung Út trùm đầu.



dreamst

Xa tổ, đàn con về vắng Mẹ,
Nhớ quê, bầy cháu nhắc chuyện Bà.
Mẹ ơi chốn cũ không còn Mẹ,
Mẹ ở đâu rồi, đây dấu xưa.

*Giã biệt quê nhà thiếu Mẹ đưa,
Lối xưa có Mẹ tiến trong mưa.
Còn đâu hơi ấm vòng tay Mẹ,
Gió lạnh đường dài thiếu Mẹ đưa.*



Biệt Đội 817

Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù.

Trương Thành Minh, K28

Vâng! Chúng tôi thuộc Biệt Đội 817 của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, một biệt đội tân lập để nhằm đáp ứng nhu cầu chiến trường thật sôi động vào những ngày cuối tháng Tư đen.

NHẬN ĐƠN VỊ.

Sau lễ ra trường vội vã tại căn cứ Long Thành, tôi và một số anh em Khoá 28 và 29 Trường Võ Bị, những người trai trẻ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm, đã chọn bộ đồ dù với chiếc nón xanh ngạo nghễ làm chiến y. Nếu ai hỏi tôi rằng cái gì để tôi chọn binh chủng oai hùng đó, tôi sẽ trả lời bằng hai câu thơ cảm khái của một nữ sinh ở chiến trường đầm máu An Lộc:

*An Lộc địa, sử lưu chiến tích,
Biệt Cách Dù, vị quốc vong thân.*

Tuổi trẻ là vậy đó. Thêm khát được xông pha vào lửa đạn chiến trường, sau gần bốn năm trui rèn gian khổ mong được thử lửa, thêm với bầu máu nóng của tuổi trẻ muốn bảo quốc an dân, chúng tôi đã xông pha vào trận chiến với hành trang thật đầy đủ từ tinh thần, thể lực lẫn trí tuệ của một sĩ quan Đa Hiệu.

Ngoài ra, trên vai chúng tôi còn cả một truyền thống oai hùng của các bậc đàn anh. Ôi! Kể sao cho hết lòng tự tin, hăng say, náo nức của ngày đầu tiên tôi được khoác lên mình bộ quân phục mà tôi hằng ao ước

Sau khi cùng anh em trình diện Trung Tá Thông ở Bộ Tư Lệnh Tiền Phương 2 Suối Máu; tôi và Xuân, có dáng người cao, đen, đẹp trai của Khóa 29, được phân phối ngay về Biệt Động 817 do Đại Úy Lực chỉ huy, mà không một ngày giờ phép.

Tôi cũng xin tóm gọn qua về cách phối trí đơn vị và danh xưng trong liên đoàn, do hiểu biết hạn hẹp và cũng để bảo mật cho đơn vị đặc biệt này. Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn là Đại Tá Huân. Hậu cứ của Liên Đoàn đóng ở An Sương, Hóc Môn, cùng hai Bộ Tư Lệnh Tiền Phương đặc nhiệm cho từng vùng hoạt động. Dưới quyền của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương là những Biệt Động. Biệt Động có quân số cấp đại đội, lúc nào cũng được bổ sung thật đầy đủ, và được chia ra làm ba trung đội Xung Kích, một trung đội Thám Kịch và một trung đội Súng Nặng. Sau đó, các trung đội được chia thành Toán và Tổ. Khi hành quân, các trung đội Xung Kích thường đánh trực diện và trung đội Thám Kịch được phân phối thành sáu toán để nhảy thăm dò, đột kích, tìm diệt, thu thập tin tức, hay hoa nỏ trong lòng địch. Biệt Động được yểm trợ đặc biệt như một tiểu đoàn khi hành quân.

Đại Úy Lực là một người chỉ huy dày dạn và bình tĩnh. Sau khi chúng tôi chào trình diện, ông chỉ nói vồn vện “Chào hai anh”, rồi lặng yên nhìn hai đứa tôi như dò xét khả năng. Tuy nhiên, chúng tôi như một cặp gà nòi ế độ, đứng lặng yên chờ nhận nhiệm vụ, không chút bồn chồn, dù trong lòng có chút bồn khoăn.

Sau khi yên lặng soi vảy và xem giò cẳng, Đại Úy Lực từ từ nói:

- “Biệt Động cần một Trung Đội Trưởng Súng Nặng và một Trưởng Toán Thám Kịch, hai anh chọn cái nào.”

Xuân, Khóa 29 e dè nhìn qua tôi. Bắt gặp cái nhìn của Xuân, tôi hiểu rằng, “Em muốn nhường anh”. Tôi không ngần ngại, bước lên một bước, đưa tay lên chào và đồng dặc nói:

- “Tôi nhận Trưởng Toán Thám Kịch.”

Quả thật cái gì đã in sâu trong tôi. Đó là Truyền Thống và Tinh Anh Em. Em nhường Anh và Anh gánh vác hiểm nguy cho Em... Cùng lúc đó trong đầu tôi thoáng qua hình ảnh người tôi yêu với đôi mắt sâu thẳm đang chờ.

Sau thủ tục giấy tờ và giới thiệu sơ qua về đơn vị do một sĩ quan khác đảm nhiệm, hai đứa tôi được đi ăn bữa tối đầu tiên của đời lính thật sự trong căn lều lớn có những lớp bao cát dày che chở chung quanh.

Trên đường đi, Xuân lo ngại hỏi tôi:

- “Làm sao đây Niên Trưởng? Tôi quên hết rồi, Niên Trưởng chỉ tôi với.”

Tôi trấn an Xuân:

- “Ông đừng lo, chỉ cần ông định điểm đứng và chấm tọa độ cho chính xác là đủ. Tụi nó sẽ làm hết cho ông.”

Xuân vẫn còn lo ngại nói tiếp:

- “Tối nay tôi qua hỏi thêm Niên Trưởng vài chuyện.”

Tôi gật đầu không nói thêm, khi có vài người lính đi lại gần.

Giờ đây, trong đầu tôi là một nỗi ưu tư luôn ám ảnh là làm sao để được những người lính gan lì đã từng vào sinh ra tử này cảm phục về bản lĩnh và kiên thức của tôi đã sẵn sàng để chỉ huy họ?

Buổi tối hẹn với Xuân không bao giờ đến, vì sau bữa cơm chiều, chúng tôi đã nhận được lệnh hành quân cấp tốc vào sáng sớm ngày hôm sau.

VÀO VÙNG TRÁCH NHIỆM.

Biệt Đội chúng tôi được chuyển vận về sân vận động quận Nhất ở bên hông bộ Tổng Tham Mưu đúng vào ngày 23 tháng Tư của năm định mệnh 1975.

Trên đường về Sài Gòn, ngang qua đại lộ Phan Thanh Giản, chúng tôi đã nhìn thấy những căn cứ phòng thủ được vội vàng thiết lập dọc hai bên đường, nhưng thủ đô vẫn còn ngơ ngác, chưa sẵn sàng cho một cuộc phòng thủ qui mô rộng lớn trong chiến tranh. Dân chúng hết hoảng, sợ VC, theo về phía quân đội Quốc Gia, nhưng họ vẫn giữ thái độ thụ động, xem cuộc chiến chống lại VC là công việc của Quân Đội VNCH. Người dân chỉ đóng vai trò như một cổ động viên trong một trận tranh tài thể thao không hơn không kém. Những căn cứ phòng thủ được thiết lập lẻ loi trơ trọi, không kết hợp được với địa hình bao quát chung quanh, chưa tạo được liên kết chặt chẽ cần thiết giữa dân và quân, cũng như giữa những đơn vị chính qui và địa phương cho một phòng tuyến liên hợp cần thiết khi chiến tranh đã đi vào thành phố...

Nhìn những lô cốt bằng bao cát cô đơn hai bên xa lộ và quan sát những tòa nhà cao ốc chung quanh không được phòng thủ thích nghi, tôi lo ngại cho an toàn bền vững của những chốt canh gác này. Chúng sẽ là miếng mồi béo bở của một trái B40 hay cối 61 của một toán đặc công vô danh nào đó len lỏi vào các tòa cao ốc, trước khi xe tăng hay lực lượng chính qui CSBV tiến chiếm trận địa.

Tôi suy nghĩ băng quơ được một lúc thì đoàn xe đã đến ngã tư Công Lý và quẹo phải để chạy về hướng Bộ Tổng Tham Mưu. Đến đây, chúng tôi phải chạy chậm lại vì dân hai bên đường di chuyển hỗn loạn khác thường. Một số đã nhận ra chúng tôi và bắt đầu hô lên “Biệt Cách Dù về! Biệt Cách Dù Về!” Làn sóng âm thanh ấy từ từ rộ lên, nhịp nhàng lẫn át cả mọi tiếng động ồn ào trong thành phố và rồi toả rộng ngân vang. Tiến nói ”Biệt Cách Dù về! Biệt Cách Dù về! Biệt Cách Dù về!” hoà với tiếng vỗ tay cách nhịp của các em thiếu niên. Trên khuôn mặt hết hoảng của những người dân đã dấy lên

ánh mắt loé sáng của niềm tin. Vâng! Chúng tôi, những người lính của chiến trường đầm máu, đã về thành phố. Bất giác, tay tôi nắm chặt lại, nhìn gương mặt của những người lính vốn đã gan lì nay lại rạng ngời lên ánh mắt cương quyết. Trong lòng chúng tôi như cùng thâm nguyện lời hứa Kinh Kha.

Đơn vị đồ quân xuống sân vận động Quận Nhất. Sau khi bố trí canh gác phòng thủ, các sĩ quan trong Biệt Đội được lệnh họp để nghe thuyết trình. Sau khi mô tả sơ lược ngắn gọn về tình hình và nhiệm vụ, một Trung Tá từ Bộ Tổng Tham Mưu phái đến đồng dục nói:

- “Các anh là đơn vị cuối cùng được cấp trên tin tưởng đưa về đây phòng thủ Bộ Tổng Tham Mưu. Chúng tôi tin rằng đơn vị các anh không phụ lòng tin đó.”

Sau lời phát biểu ngắn gọn hàm chứa ý nghĩa ủy thác, ông ta vội lên xe jeep ra đi. Về đơn vị mình, tôi bắt đầu làm quen với những người lính chai lỳ có gương mặt lạnh lùng u uất, chỉ có trên mặt những người đã từng về từ cõi chết. Quả thật họ là những người đáng gờm, những người lính lạnh lùng ít nói này sẽ găm lên như hồ dữ khi chạm trán địch quân.

Chiều hôm đó, chúng tôi được cấp phát mỗi người một bộ quân phục của cán binh VC và được huấn luyện sơ qua về các hoạt động trà trộn trong lòng địch cùng cách xung hô địch quân thường gọi nhau trong đơn vị. Mãi sau này, tôi mới biết cấp trên đã dự trù một kế hoạch rút vào rừng và tiếp tục chiến đấu nếu Sài Gòn thất thủ. Sau đó, sĩ quan và các trưởng toán được phát một bản đồ Quân Sự của Sài Gòn.

Đơn vị đóng quân hai ngày đêm trong sân vận động để dưỡng quân, huấn luyện, và cũng để các binh lính và sĩ quan làm quen với đơn vị mới. Sáng ngày 26/04/75, theo từng vùng trách nhiệm đã phân định sẵn, chúng tôi âm thầm rải quân trấn ngự các địa điểm trọng yếu. Toán Thám Kịch do tôi chỉ huy trấn đóng nhà thương Cơ Đốc lúc bấy giờ còn đang xây cất dở dang và một dãy cao ốc đối diện.

Đã được chỉ thị từ trước, tôi cho anh Trung Sĩ Toán Phó chọn hai người lính có kinh nghiệm xử dụng M72, thiết lập hai tổ chống xe tăng di động trải dài dọc theo bờ rào bằng gạch táp lô (concrete block) nằm cạnh lề đường. Một tổ khác nằm trên cao ốc đối diện. Tôi theo tổ thứ tư đóng ở nhà thương Cơ Đốc.



Xe tăng T54 bị bắn cháy tại Ngã Tư Bảy Hiền, Sài Gòn ngày 30 Tháng Tư, 1975.

Phối trí đơn vị xong thì trời cũng đã đứng bóng. Trong lòng tôi đầy ắp những lo âu và căng thẳng tột cùng. Giấc vào Đô Thành dân chúng sẽ ra sao. Đánh giặc trong thành phố thật là điều mới mẻ trong kiến thức quân sự nhỏ bé của mình. Từ cao ốc nhìn xuống những dãy phố chung quanh, tôi tưởng như những dãy đồi trùng điệp với những địa đạo bí hiểm bên trong. Trong đầu tôi loé lên kế hoạch xử dụng những toán trẻ đưa tin như Huân Tước Baden Powell (ông tổ của Phong trào Hướng đạo) để chống lại xâm nhập bằng đặc công của địch. Tôi lịm người thiếp đi trên vai người hạ sĩ mang máy PRC25, với giấc mơ tuổi thơ của những trò chơi lớn. Những đêm mất ngủ lo âu đã kéo đôi mi tôi sụp xuống.

TÌNH QUÂN DÂN:

Tôi giật mình tỉnh giấc vì những tiếng rè rè của PRC 25 từ

Tổ 1 gọi lại:

- K A, đây Hắc Báo! Nghe rõ trả lời?

- 5/5. Tôi đáp.

- “Có hai con tôm đang bò lại. Nghe rõ trả lời?”

Tôi hoang mang với danh từ mới mẻ này. Cua là tăng của địch, én hay chuồn chuồn là các loại phi cơ, còn tôm... Tôi đảo mắt nhìn xuống mặt đường. Hai chiếc xích lô đang đậu lại, trên mỗi xe là một giỏ cần xé đầy được bao phủ bằng đệm, không biết cái gì bên trong. Tôi giật mình thét lên, “coi chừng!” rồi nhảy từ lầu một xuống một đụn cát bên dưới. Người hạ sĩ mang máy cũng nhảy theo. Toán Phó H. đã nhanh chóng dẫn tổ ba người của anh tràn lên mặt đường, phối hợp với tổ trực đang gác trên đường để cô lập khu vực, một mặt canh gác những chiếc xích lô, một mặt chặn đứng giao thông. Tôi đích thân gọi các toán trưởng khác cùng lên máy. Một người đàn bà ăn mặc bình dân từ sau giỏ cần xé của chiếc xích lô bước xuống với vẻ ngạc nhiên lẫn hốt hoảng:

- ”Tôi đem đồ ăn tối cho lính mình mà.”

Trung Sĩ Nhất H. quay nhìn tôi chờ lệnh.

Thấy hơi quê với đàn em, tôi làm như tay sành điệu, đưa bàn tay phải ra, chụm năm đầu ngón tay lại rồi dùng ngón chỉ của tay kia chạm vào chụm tay nọ rồi bung năm đầu ngón tay ra (*hiệu lệnh lục soát tôi mới học lóm được*). H. hiểu ý, bảo một lính dưới quyền trải tấm poncho mỏng bên lề đường (*đời lính ăn ngủ và hy sinh gói trọn trong tấm poncho*).

Người đàn bà cùng hai người đạp xích lô lần lượt chất thịt chả và bánh mì xuống poncho rồi tất tả cùng đạp đi như sợ người khác nhận diện, mà không kịp nhận một lời cảm ơn. Tôi giao cho H. giải quyết mọi việc, không quên nhắc anh ta chia đều cho các toán khác và “cúng đường” Ban Chỉ Huy Biệt đội.

Bữa cơm trưa thật ngon miệng, những lát thịt chả thơm ngon lạ lùng sau một tuần lễ gạo sây, cá hộp làm ấm cả lòng

người (*Ration C chỉ còn là huyền thoại*). Nhìn khuôn mặt những người lính tươi lên, có lẽ họ cũng thấy ấm lòng như tôi và tay súng của họ sẽ ghì chặt thêm trong trận chiến.

Trời dần về chiều. Những tin tức bất lợi dồn dập đưa tới, tiếng nổ xa gần của đại pháo không làm tôi quan tâm đến nữa. Những chiếc xe buýt chật cứng người được Mỹ cho đặc ân di tản đang chạy về hướng Tân Sơn Nhất, báo trước quyết định chạy làng của cái gọi là “Đồng Minh”. Chúng tôi chỉ chặn xe lại xem xét giấy tờ và tịch thu tất cả vũ khí trên xe, phòng ngừa rối loạn có thể xảy ra.

Họ ra đi cho bản thân riêng, chúng tôi ở lại vì nhiệm vụ chung của người lính cho đến giờ phút cuối, không mảy may than phiền thất mắc.

Tôi đến trong căng thẳng. Sau bữa cơm chiều, tôi ra lệnh cho các tổ giữ vững cách phối trí nhưng thay đổi vị trí để ngừa đặc công. Tổ chỉ huy của tôi di chuyển qua bên kia đường đóng trên một cao ốc. Khuya hôm đó, H. Toán Phó chuyển tay đến tôi một chai Johny Walker với hàng chữ thật dễ thương ghi bên ngoài:

- “Tặng các anh.”

Chúng tôi chuyển tay nhau hết chai, đổ mắt lên chờ sáng.

NGAO DU SÀI GÒN.

Hôm nay đã là Ngày 29, tám ngày mang chiếc lon Thiếu Úy mới toanh trên cổ áo với những nhiệm vụ thật mới lạ và bất ngờ không có trong binh thư. Tôi cũng đã quen dần với đời sống lính rừng trong thành phố. Suốt gần bốn năm quân trường, có bao giờ tôi nghĩ đến tình cảnh ngộ nghĩnh như thế này. Đường đường một đơn vị lính trận mà phải chia nhau đứng gác đường như những anh chàng Cảnh Sát bạn dân không bằng. Thật rõ chán, lòng tôi lại nóng như lửa đốt vì những tin tức bất lợi dồn dập đưa đến không ngừng qua các đài phát thanh. Đất nước tan hoang, gia đình di tản không nơi

ăn chốn ở.

Người yêu duy nhất của tôi lúc bấy giờ đã một lần đến thăm tôi, nắm tay để nói lời từ biệt. Nàng muốn ra đi với một ông lớn nào đó trong Bộ Dân Vận Chiêu hồi, nơi nàng đang làm việc. Lòng tôi thật rối như tơ vò nhưng ngoài mặt vẫn lạnh như băng.

Tội nghiệp những người lính đang trông chờ tất cả vào tôi, họ nhìn thẳng vào mắt tôi mỗi khi có biến động dầu chỉ là tiếng nổ của đạn pháo xa xa.

Quả thật phòng thủ không phải là sở trường của một đơn vị đầy tính chất linh hoạt như thế này. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy mình như những con vật nửa người, nửa ngợm. Bộ đồ dù này chỉ đẹp trong những buổi sớm chiều trong rừng già trùng điệp, hay trên bãi chiến trường khét mùi thuốc súng.

Ngày 29 trôi qua thật nhàm chán, thỉnh thoảng chỉ nghe vài tràng liên thanh nhỏ, không khí ngột ngạt, một không khí yên lặng ngấm ngấm ghê rợn. Lệnh từ thủ vẫn được nhấn mạnh từ Bộ Tư lệnh Tiền Phương. Trong ánh mắt những người lính gan lì đã thoáng lên nỗi chán nản. Tôi chợt nghĩ ra một cách để giải khuây, “Hai tiếng đồng hồ phép cho tất cả mọi người”. Một quyết định thật táo bạo trong tình cảnh lúc bấy giờ, nhưng không biết tại sao tôi lại tin tưởng hoàn toàn ở những người lính chịu chơi này.

Tôi im lặng phối trí lại các tổ tam đầu chế, mỗi tổ có một người biết đường đi nước bước ở Sài Gòn. Đúng tám giờ tối, tôi cho tổ đầu tiên âm thầm lên trình diện.

Tôi ra lệnh ngắn gọn:

- “Tao cho tụi bay đi chơi, đúng hai tiếng. Mỗi đứa chỉ được mang theo một trái mini, súng đạn để hết lại đây, thằng tổ trưởng giữ cây P38 này của tao nghe. Đi về cho đúng giờ để thằng khác còn đi. Nhớ cẩn thận.”

Đầu tiên là ngạc nhiên và sau đó là những nụ cười sáng rỡ,

hồn lính thật ngây thơ. Một tiếng dạ ngắn rồi ba chàng Ngự Lâm biến mất trong màn đêm. Tôi bắt đầu lo âu chờ đợi... Họ đã trở về đầy đủ, đúng giờ với những nụ cười hồn nhiên pha một chút bẽn lèn khi nghe tôi hỏi:

- “Dzui không tụi bay?”

Khi các tổ đã về đầy đủ, tôi cũng tự cho phép tôi mượn chiếc Honda, chạy vội về thăm gia đình đang tạm trú ở nhà người quen gần đó sau khi di tản từ Qui Nhơn. Tôi chỉ kịp ôm hôn Mẹ tôi, trấn an Bà vài câu rồi vội vã ra đi, mang theo ánh mắt luyến lưu chịu đựng của một bà Mẹ Việt Nam tiễn con đi trong những giờ phút cuối.

ĐÔI CO TRÊN LỬA ĐÓT.

Khoảng năm giờ rạng sáng ngày 30 Tháng Tư, toán thám kích chúng tôi như một chú sư tử ngái ngủ trong cũi sắt giữa một thành phố bỏ hoang. Bỗng nhiên tiếng gầm của đại pháo và súng chống xe tăng vang lên dữ dội từ hướng Lăng Cha Cả, cùng lúc tiếng rè rè của máy PRC25 vang lên. Tôi vươn mình chụp vội cần liên hợp, không kịp chờ anh hạ sĩ mang máy, lệnh chuẩn bị hành quân từ Đại Ủy Biệt Đội Trưởng.

Qua đối thoại ngắn ngủi, tôi biết rằng Biệt Đội đang chặn đứng một đoàn xe tăng của CSBV, không rõ bao nhiêu chiếc và đã nung được bốn con. Chúng tôi được lệnh chuẩn bị thật nhẹ để nhảy chân chim (*một lối nhảy trải mỏng từng tổ một và thay đổi vị trí liên tục để gây hoang mang trên đường tiến của địch quân*). Khu vực và phương tiện sẽ được chỉ định sau.

Tôi ra lệnh cho thuộc cấp chỉ mang theo những trang bị nhẹ nhàng nhất và chuẩn bị tinh thần cho những trận cận chiến và chống tăng. Vài người lính rút chiếc dao găm ra ngắm, liếc nhẹ vào nòng súng vài cái, đút lại vào bao rồi vỗ mạnh. Tôi biết họ đã sẵn sàng và thật điệu nghệ. Có người còn nhỏ một bãi nước bọt vào nòng súng, có lẽ vì một thói quen cố hữu.

Chúng tôi nóng lòng đợi chờ lệnh hành quân như những con ngựa chiến bị ghìm cương, mắt trợn trừng lông lộn. Bọn

bè cùng đơn vị chúng tôi đang sống chết với giặc ngoài kia, sao chúng tôi đành ôm vó đợi chờ vô tích sự. Tôi như một chàng trai tân đang chờ đợi cuộc hẹn đầu đời với con gái của Ma Vương.

Cái đợi chờ làm tôi bồn chồn nóng nảy lẫn lo âu như một chú cá đang bị nướng sống trên lò lửa nóng. Mắt tôi đỏ gù, hơi thở dồn dập, mặt tê dại đi không còn cảm giác. Tôi cắn chặt hàm răng, cố thở thật sâu để nén đi cảm xúc của mình rồi lờ mắt nhìn thẳng vào mặt của từng người lính. Bất giác, tôi chửi thề lớn tiếng:

- “ĐM. tao như đứng trên lửa...”

Cứ thế, thời gian trôi qua như thử thách sự dẻo dai của những dây thần kinh đang căng thẳng đến cùng cực. Để đốt thời gian, trấn an tinh thần lính, tôi trải rộng tấm bản đồ, định hướng chính xác, rồi gọi các tổ trưởng đến phân tách và giải thích từng cứ điểm quan trọng trong vùng.

Tuy sẵn sàng nhưng chúng tôi vẫn duy trì nhiệm vụ của mình trong vùng trách nhiệm, các tổ vẫn thay phiên nhau cho người đứng gác đường, chúng tỏ sự có mặt của mình để duy trì trật tự. Đang trong tình thế căng thẳng đó, một sự kiện buồn cười nhưng cảm động xảy đến làm tôi nhớ mãi.

Người đứng gác đường lúc bấy giờ là một anh trung sĩ tổ trưởng với bộ quân phục đẹp nhất mà anh có được trong túi quân trang. Bỗng nhiên, có chiếc cyclo đậu xích lại sát bên anh, mọi người đều giật mình chưa kịp phản ứng thì một cô gái trẻ ăn mặc diêm dúa nhảy ra. Cô ta cười toe toét, ăn nói líu lo rồi rút ra một xấp tiền dúi vào tay anh chàng trung sĩ trẻ. Anh ta đẩy tay cô này ra, nhìn về hướng tôi có vẻ lo lắng vì tôi rất nghiêm ngặt trong nhiệm vụ đứng gác này. Sau một hồi đôi co, cô gái tìm cách dúi đại tiền vào túi quần trận của anh trung sĩ rồi leo lên cyclo chạy đi mất.

Tôi ra lệnh cho người khác lên thay gác, kêu anh chàng này đến chần chỉnh để làm gương. Anh trung sĩ này chỉ biết gãi

đầu bút tai rồi phân trần với giọng đặc sệt miền Nam:

- “Hồi hôm, Trung Ủy cho tụi em đi chơi (lại lên lon), em quầm con nhỏ này, tiền bạc đang hoang. Sáng nay ngang qua đây, nhận ra mặt em đứng gác, nó tội nghiệp, nặng nề đòi trả tiền lại cho được.”

Tôi mỉm cười trong bụng, ra lệnh anh ta quay lưng lại, đá nhẹ một cái vào đít cảm thông. Anh ta xoay người chào tôi với nụ cười trên khoé mắt rồi vội vàng chạy đi thi hành tiếp nhiệm vụ canh gác đang được tạm thời thay thế.

NGƯỜI LÍNH MANG MÁY.

Lúc bấy giờ đã hơn 10 giờ 30 phút trưa Ngày 30, lệnh tử thủ vẫn được duy trì, lệnh hành quân tôi vẫn đang chờ đợi mặc dù trên đài phát thanh, dù Tướng Minh đã tuyên bố và kêu gọi đầu hàng. Chúng tôi, những người lính, chỉ biết tuân lệnh cấp chỉ huy trực tiếp của mình. Tôi thấy được trong ánh mắt lính nổi hoang mang, trong lòng tôi cũng tự đặt câu hỏi không biết phải làm gì.

Tuy tôi đã quá mệt mỏi vì đợi chờ trong lo âu kéo dài, nhưng tinh thần trách nhiệm trong tôi vẫn còn tỉnh thức. Mạng sống của thuộc cấp và an toàn ổn định của người dân trong khu vực trách nhiệm lúc bấy giờ là mối quan tâm chính yếu của tôi.

Trên vai trái hai khẩu M72, trong túi áo bốn trái mini, vai phải là cây M16 với cấp số đạn đầy đủ trong túi quần, giắt khẩu P38 ngắn nòng vào dây nịt dưới chiếc áo bốn túi, tôi cố gắng tạo cho mình một dáng đi chừng chạc bình tĩnh dẫn anh hạ sĩ mang máy đi một vòng thăm hỏi nói chuyện với từng người lính. Tinh thần họ hơi xao động vì không biết việc gì sẽ xảy ra, nhưng những người lính gan lì này vẫn quyết tâm sát cánh bên tôi cho đến giờ phút cuối. Thật không hổ danh là những con cọp biết nhảy dù. Không biết tôi trấn an họ, hay chính họ đã làm lòng tôi ấm lại và vững vàng hơn.

Tôi biết rằng một sơ xảy của tôi trong lúc này có thể đưa đến cái chết thật oan uổng cho những người lính quả cảm trung thành ấy. Chúng tôi như keo sơn sống chết có nhau, quan cũng như lính, hiểm nguy được chia xẻ thật công bằng trong những đơn vị nhảy toán này. Đây đã là giờ thứ 25, tất cả đều im lặng vô tuyến. Tôi rút một hơi thuốc lá cuối cùng, rồi dùng ngón tay bóp nát đóm thuốc lúc nào không biết. Mãi lo nghĩ đến an nguy của thuộc cấp, tôi quên hẳn đi thân phận của chính mình.

Đang suy nghĩ vẩn vơ, bỗng nhiên, tôi thấy một chiếc Pò Giô 404 màu trắng bóng loáng trắng rít cạnh lề đường, gần chỗ tôi đang đứng. Một người đàn bà đứng tuổi, ăn mặc sang trọng xuống xe, chạy vội lại ôm chầm lấy người hạ sĩ mang máy, bù lu bù loa:

- Con ơi con! Sao giờ này con còn ở đây con? Về với má đi con.

Trong tình cảnh này, tôi không biết phải làm gì, có nên giữ anh ta ở lại đơn vị trong giờ phút thứ 25 này không? Suy nghĩ thoáng nhanh trong đầu, tôi vội bước lui vài bước, quay đi hướng khác, để tùy anh ta định đoạt. Qua ánh nắng đỏ nghiêng, tôi thấy bóng anh ta quay lại phía tôi im lặng hồi lâu, rồi với giọng trầm buồn nhưng quả quyết:

- Má về đi, con ở lại với Thiếu Úy à.

Tôi bất giác quay lại nhìn anh, nén vội dòng lệ đang trào dâng lên mắt. Tinh đồng đội, tinh thần trách nhiệm hay khí phách của một người trai đã giữ anh ở lại với chúng tôi trong những giờ phút cuối cùng tuyệt vọng đó. Đơn giản quá một câu trả lời ngắn ngủi, nhưng nó hàm chứa tâm tình của một hào kiệt, và tâm tình đó không thiếu trong đơn vị dù mũ xanh này.

Người Mẹ không biết làm gì, quay lại phía tôi với ánh mắt nhìn cầu cứu. Một lần nữa tôi lại phải ngoảnh mặt để tránh đi một hoàn cảnh ngỡ ngàng khó xử. Trong đầu tôi thoáng hiện

lên hình ảnh luyện lưu chịu đựng của Mẹ tôi đêm hôm trước.

- Thôi, Mẹ về. Con nhớ lời Mẹ dặn.

Bà chỉ nói được bao nhiêu, rồi ôm chầm lấy con thổn thức. Người lính mang máy giờ đây đứng thẳng người, hai tay trong túi quần trận, đầu ngẩng cao, răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra. Trông anh vững vàng như một cây cổ thụ đang cố đè nén những cơn bão táp phong ba dữ dội trong lòng.

Người Mẹ sau đó lau vội nước mắt, đi chậm chậm về hướng chiếc xe. Tôi đưa mắt ra hiệu cho anh Trung Sĩ Toán Phó đang ở gần đó đến mở cửa đứng chờ. Bà lẳng lặng bước lên xe nổ máy, ngòai nhìn con một lúc rồi từ từ lái xe đi sau khi quay lại đón nhận cái gập mình cúi đầu chào tôn kính của tôi.

Quả cảm thay người lính, bao la thay lòng hy sinh của người Mẹ trong chiến tranh! Lòng tôi chạnh lại dưới ánh nắng đã dọi của Sài Gòn trong ngày tàn cuộc.

ĐM. NÓ, ĐẦU HÀNG RỒI!

Lòng bàng hoàng xúc động về lòng trung thành của anh hạ sĩ mang máy đối với đơn vị, tôi ngẩn ngơ đứng lặng người, nhìn băng quơ lên bầu trời ám khói hanh vàng. Lúc bấy giờ đã gần 11 giờ, dân chúng di chuyển tấp nập, thỉnh thoảng họ lên đưa ánh mắt ái ngại nhìn về phía chúng tôi. Họ đang nghĩ gì về chúng tôi? Những nhân chứng của chiến tranh, hình ảnh hào hùng đã trôi vào quá khứ, hay những hình nộm được trưng bày không đúng thời, hợp lúc. Mặc cho những suy nghĩ thị phi, chúng tôi vẫn chu toàn nhiệm vụ của mình trong vùng trách nhiệm: Bảo vệ mạng sống của binh sĩ dưới quyền và an toàn ổn định của người dân cho đến khi có lệnh mới. Một tràng M16 nổ dồn tan kéo tôi ra khỏi những suy nghĩ vẩn vơ, tiếp theo là tiếng thét thất thanh phần vọt:

- "ĐM. nó, đầu hàng rồi! ĐM. nó, đầu hàng rồi!

Một toán lính Dù gồm một người có vẻ là cấp chỉ huy và ba người lính xuất hiện ở ngã ba cuối phố. Họ di chuyển về phía

chúng tôi không được bình tĩnh. Tỉnh thoảng, người chỉ huy bắn một tràng M16 rồi lại thét lên:

- “ĐM. nó! Đầu hàng rồi.”

Trên vai anh, một dòng máu chảy dài xuống cánh tay còn nhỏ giọt. Ba người lính với khuôn mặt đanh lại lạnh lùng im lặng đi theo bảo vệ.

Tôi ra dấu cho thuộc cấp giữ ổn định tại vị trí của mình. Chúng tôi đã dùng áp lực tước vũ khí nhiều toán quân lẻ tẻ không tổ chức khi họ qua phòng tuyến của chúng tôi để vào Sài Gòn nhằm tránh những hỗn loạn đáng tiếc trong thành phố. Nhưng đây là một trường hợp thật nguy hiểm và khó khăn.

Chúng tôi tôn trọng những người anh em lính Dù mũ đỏ này với những chiến công lừng lẫy. Nhìn tình đồng đội của họ trong hoàn cảnh tuyệt vọng hiện nay cũng đủ thấy tinh thần và hiệu quả chiến đấu của họ như thế nào khi lâm chiến. Làm sao đây để chặn đứng những hành động nguy hiểm chết người có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong cơn cuồng nộ phần uất ấy. Một suy nghĩ táo bạo thoáng qua trong đầu, tôi lột chiếc nón sắt đưa cho một thuộc cấp, gác hai khẩu M72 bên vệ đường, rút trong túi áo ra chiếc nón xanh của binh chủng đội lên đầu, mang cây M16 trên vai, khoát tay ra dấu cho thuộc cấp cùng đứng lên, rồi với thái độ bình tĩnh ung dung, tôi dẫn anh Hạ Sĩ mang máy chậm bước đến vị trí người lính đang đứng gác giữa đường. Một tràng M16 nữa lại nổ vang, toán lính Dù này chỉ còn cách chúng tôi khoảng 30 thước, và vẫn chưa nhận thấy sự hiện diện của chúng tôi. Họ tiến gần chúng tôi khoảng 20 thước nữa, một tràng đạn chỉ thiên lại nổ dòn trên không. Tôi hít một hơi thở sâu, dùng hết sức thét lên ”N-G-H-I-Ê-M“.

Đúng là Lính. Họ giật mình dừng lại nhìn quanh. Thấy chúng tôi với quân trang và vũ khí đầy đủ, có lẽ cảm thấy ấm lòng trong vùng kiểm soát của một đơn vị bạn, họ dừng chân và hơi bình tĩnh trở lại. Chúng tôi nhìn nhau, chung bộ đồ

Dù, một là chiếc nón đỏ với những trận chiến vang danh, một là chiếc nón xanh với những hoạt động biệt cách đờm lược. Tôi tiến đến bắt tay anh, người chỉ huy toán lính Dù quả cảm. Chúng tôi im lặng nhìn nhau, anh vẫn còn thì thào:

- “ĐM. nó!.....”

Tôi đích thân đưa anh vào một căn bô trống trong tòa cao ốc, kêu Toán Phó băng bó vết thương ở vai và lưng cho anh rồi vội vã bỏ ra ngoài sau khi đưa cho anh chiếc áo dù còn mới toanh của tôi để thay chiếc áo đã bết máu khô. Ba người lính Dù vẫn lặng lẽ bám theo anh không rời một bước. Tôi không nhớ anh mang cấp bậc nào, nhưng chỉ biết toán lính Dù này rút về đây khi trại Hoàng Hoa Thám đã hoàn toàn thất thủ. Sau khi chuyện trò thuyết phục, họ đã đồng ý ở lại với chúng tôi và trở thành một tổ mới trong toán. Về sau toán lính Dù này đã theo chúng tôi cho đến tọa độ cuối cùng.

TỌA ĐỘ CUỐI CÙNG.

Thời gian như dừng lại, cái nặng âm đạm của Sài Gòn như chuyên chở tâm tư tôi trở về với những thực tại phũ phàng. Sụp đổ rồi ư những hoài bão ước mơ vã trời ngang dọc? Có làm được gì không trong cơn tuyệt vọng cùng đường này? Đầu óc tôi trống không mù mẫm. Cỗ họng tôi khô quánh lại. Những người lính của tôi dễ thương và tội nghiệp quá, làm sao để bảo vệ mạng sống của họ trong hiện tại và dẫn dắt họ trong đời sống vô định của một tương lai đen tối. Vì trách nhiệm, tôi bám chặt họ để làm lẽ sống. Vì quả cảm trung thành, họ quyết theo tôi cho đến bước đường cùng. Tôi đứng như trời trồng, nhìn xuống chân thấy bóng mình dần thu ngắn lại. Tiếng rè rè của PRC25 làm tôi giật mình. Đích thân Đại Úy Biệt Động Trưởng ra lệnh hành quân. Các sĩ quan trong ban chỉ huy Biệt Động đã đồng ý một kế hoạch rút quân về tòa nhà Quốc Hội, giá súng tại đây, tuyệt đối không buông súng trong vùng trách nhiệm. Trung đội Thám Kích mở đường và tập hậu, chiếm các cao ốc làm điểm tựa cho cuộc rút quân.

Tôi tê dại đánh rơi cần liên hợp xuống mặt đường. Vậy là hết! Sống người trong phút chốc, tôi buông thõng:

- Đi.

- Đi đâu thiếu úy. Người toán phó nôn nóng hỏi.

Tôi nhìn anh ta với đôi mắt ngầu lên uất hờn tủi nhục rít qua kẽ răng đang nghiến chặt:

- Lệnh hành quân về Quốc Hội.

Tôi đáp gọn rồi kịp quay đi dấu đôi dòng lệ trào tuôn không cảm được.

Biệt Đội đã bắt đầu di chuyển, ba toán nhảy theo chân sáo mà điểm đầu là các tòa cao ốc để bảo vệ các trung đội xung kích di chuyển trên mặt đường. Toán chúng tôi tuy vẫn giữ nguyên tắc tổ tam đầu nhưng tự lại cho ám cúng hơn. Bỗng nhiên, tiếng máy của T54 đồng loạt gầm lên trên khắp ngã đường. Những khối sắt đen đồng loạt bò ra dừng lại án ngữ những điểm chính yếu rồi đứng lại đe dọa. Có tiếng click nhẹ của những khẩu M72 dương nòng. Tôi chưa kịp phản ứng gì thì nhìn quanh, những người lính thiện nghệ của tôi đã vào vị trí sẵn sàng chiến đấu. Tôi vụng về dương nòng cây M72 rồi ẩn mình sau một gốc cây lớn vệ đường quan sát.

Im lặng căng thẳng cùng cực. T54 gục nòng trong tư thế trực xạ, M72 đã sẵn sàng với biểu xích đã bật lên, súng ghim súng, mắt long lên theo từng động tĩnh của đối phương, chỉ cần một tiếng súng nổ là khai hỏa một trận chiến không ai lường được hậu quả. Lúc bấy giờ khả năng tham chiến của Biệt Đội 817 chúng tôi vẫn đầy đủ.

Chiến công cuối cùng của Biệt Đội 817 Liên Đoàn 81 BCD ngay giữa Thủ đô Sài Gòn sáng ngày 30-04-1975.

Đang trong phút im lặng tử thần đó, một sĩ quan, nếu tôi nhớ không lầm là một toán trưởng kỳ cựu trong Trung Đội Thám Kịch, một cánh tay phải của Biệt Đội Trưởng, đứng thẳng người, mạnh dạn bước ra, nhìn về hướng Biệt Đội

Trường như chờ sự chấp thuận. Nhận được thủ lệnh, anh từ tốn cời bỏ vũ khí để xuống mặt đường, rồi đồng đặc bước ra đứng giữa đường lớn tiếng:

- Chúng tôi, Biệt Đội 817 Biệt Cách Dù. Chúng tôi không buông súng trong vùng trách nhiệm. Chúng tôi đang hành quân về Quốc Hội để trả vũ khí lại cho dân.



Trận đánh cuối cùng tại Cầu Tân Cảng.

Giọng anh sang sảng bằng tiếng Bắc 54.

Phía đối phương không động tĩnh một hồi lâu, có lẽ họ đang liên lạc để chờ lệnh trên hay để đánh giá lực lượng chúng tôi trước khi quyết định việc gì. Sau đó, từ chiếc T54 phía sau, một người bên đối phương bước xuống nói chuyện với anh sĩ quan toán trưởng này. Hai bên tranh luận dằng co, lúc nhẹ nhàng, khi lớn tiếng. Cuối cùng, anh toán trưởng quay trở lại, khuôn mặt đỏ ngầu. Vì an nguy của đồng đội, anh đã cố nén đi sự phẫn nộ. Có lẽ anh đã quen nói chuyện với địch quân bằng một phương pháp cứng rắn hơn. Sau khi về lại vị trí, anh toán trưởng này đã gọi mọi người cùng lên máy và chúng tôi nói chuyện bằng bạch văn. Tôi được biết đối phương đã đồng ý để chúng tôi tiếp tục hành

quân về toà nhà Quốc Hội, nhưng hai bên cùng thỏa thuận rằng trên lộ trình hành quân, nếu gặp nơi đối phương đang trú quân, chúng tôi phải vác súng lên vai và ngược lại. Khi chúng tôi nghỉ chân thì bất cứ đơn vị nào của đối phương di chuyển qua cũng phải vác súng lên vai không được ở tư thế tác chiến.

Đại Úy Biệt Động Trưởng ra lệnh tiếp tục hành quân. Chúng tôi cảm lạnh di chuyển, trong lòng thấm dần niềm đau nỗi nhục, nhìn quang cảnh phố phường lẫn lộn **đỏ xanh của màu cờ gạt lừa dối trá**.

Dân chúng hai bên đường nhìn chúng tôi như những bóng ma đang di chuyển trong một nghĩa địa hoang tàn của Sài Gòn sau cơn binh lửa.

Đến ngã tư Trương minh Giảng - Công Lý, một lần nữa tiếng gầm rú của T54 lại vang lên như đang cố gắng nghiền nát tinh thần chúng tôi. Đối phương đã huy động một lực lượng chiến xa lẫn chủ lực đáng kể nhằm khống chế chúng tôi tại chỗ. Toán nhảy tiền phương đã bị chặn đứng không thi hành được nhiệm vụ vì đối đầu với những khẩu 3.5 đang theo dõi bước chân của từng người lính thám kích. Nhìn chung quanh, đại pháo của chiến xa trên các ngã đường đang gục nòng sẵn sàng khai hoả. Toán nhảy tập hậu đã gọi về báo một tình trạng tương tự ở sau lưng, trên các cao ốc đối phương đã hoàn toàn trấn giữ.

Chúng tôi nhìn nhau không biết phải làm gì, Biệt Động Trưởng lắc đầu chậm chạp, từng khuôn mặt lặng câm không cảm xúc. Một cảm giác tê dại chạy khắp người tôi từ bàn chân lên đến đỉnh đầu. Tâm trí hoàn toàn trống không, tôi đứng như trời trồng uất nghẹn, mắt trợn trừng nhìn vào cõi hư vô, tai ù lên chỉ còn nghe tiếng mạch máu nhảy lên trong lồng ngực. Tôi nói như trong mơ:

- Các anh về với gia đình đi.

.....

Từng người lính rời xa, trái tim tôi quặn thắt.

.....

Tôi không nhớ việc gì đã xảy ra sau đó. Tôi nhìn chung quanh trông vắng lạnh lùng, nòng đại pháo trên các chiến xa T54 vẫn còn nhìn tôi với con mắt chột đen ngòm lạnh lẽo. Tôi lặng lẽ trút bỏ quân trang và vũ khí trên người, giắt khẩu P38 ngấn nòng vào thắt lưng, đặt chiếc nón sắt nhẹ nhàng xuống một gốc cây gần đó, rút chiếc nón xanh của binh chủng đội lên đầu, vuốt sơ lại bộ quân phục đã nhàu nát và bước đi giữa những vết tích tàn lụn ngổn ngang của binh sĩ, như kẻ mộng du, nhắm về hướng Suối Máu, như loài cá vô tri tìm về nơi chốn đã khởi đầu cho một cuộc hành trình dĩ vãng.

Tôi bước đi như vào chốn không tên, tắt cả giác quan đều ngưng hoạt động, mắt nhìn đăm đăm tro đại, tai ù lên những tiếng vo ve nhức nhối, miệng lưỡi đắng khô và chân tôi đều bước nhịp quân hành... Lúc bấy giờ trời đã nghiêng bóng, có lẽ đã hơn hai giờ chiều.

- Niên trưởng! Niên trưởng! Trời ơi, giờ này mà Niên trưởng còn mặc đồ này đi. Coi chừng tụi nó bắn chết.

Một khoá đàn em hay một người lính nào đó nắm tay tôi, vừa la thất thanh vừa kéo tôi vào một hẻm nhỏ bên kia cầu xa lộ. Anh ta dâng lấy nón, cởi phăng áo tôi ra, rút khẩu P38 gói vào trong áo chung với chiếc nón xanh dấu vào một góc nhà, rồi khoác vào tôi một chiếc áo sơ mi cũ nhàu nát loang đốm vết dầu. Sau đó quăng cho tôi một chiếc quần cũng nhàu nát không kém và một đôi dép Nhật. Tôi lặng lẽ theo lời anh thay đôi giày và chiếc quần trần ra như một kẻ không hồn.

- “Niên trưởng về nhà đi.” Anh dẫn tôi ra lại xa lộ, nắm tay khế bảo.

Tôi lại lững thững bước đi, như một xác âm binh lạc lối.

Bước chân tôi dừng lại trước căn nhà trọ của gia đình đã di tản từ Qui Nhơn hơn tháng qua. Nhìn qua khe cửa hé mở, tôi thấy Mẹ tôi ngồi im lặng một góc theo lối Kiết già. Bà đang niệm Phật để nguyện cầu cho Quốc thái Dân an, hay cho hai

đưa con trai đang còn mải mê ở chiến trường đâu đó. Tôi khẽ lách cửa bước vào, hai người chị gái tôi ngồi bệt dưới đất trong tư thế đợi chờ ngột ngạt không biết chuyện gì sẽ xảy đến.

- Mẹ! tôi khẽ kêu lên.

Cả nhà nhìn lên tôi, ngạc nhiên, sững sờ, bề dẫu của cuộc đời đã thể hiện cả lên hình hài tôi qua bộ đồ dân sự nhàu nát.

Mẹ tôi nhìn tôi từ trên xuống dưới, cái nhìn đau đớn đến vô hồn của một bà Mẹ đi nhận xác con. Vâng! con của Mẹ đã chết trong ngậm ngùi, mang theo những hoài bão ước mơ và trời lấp biển, và nó đang về đây với cái xác không hồn từ cõi âm ti...

Tôi viết lên những dòng chữ này để nhớ đến những người lính quả cảm trung thành cùng binh chủng. Đây là dấu tích sau cùng của riêng tôi trong đoạn đường binh nghiệp ngắn ngủi.

Trong những ngày cuối tháng Tư Đen, hãy chia xẻ niềm đau với biết bao nhiêu người trai trẻ đã bị sống trong cảnh bức tử oan nghiệt. Thượng cấp, vì quá lệ thuộc vào ngoại bang, đã tước bỏ đi của chúng tôi cái quyền căn bản của các cấp sĩ quan trẻ đầy lý tưởng và nhiệt huyết:

**QUYỀN ĐƯỢC CHIẾN ĐẤU ĐỂ ĐI ĐẾN CHIẾN
THẮNG, HOẶC HY SINH BÊN CẠNH NHỮNG
NGƯỜI LÍNH THÂN YẾU.**

NGƯỜI SINH VIÊN SĨ QUAN CÁN BỘ TÂN KHÓA SINH

Đào Quý Hùng, K26

Đọc Đa Hiệu số 130, qua bài viết “Cho Một Người Nằm Xuống”, tác giả là chị Lê Thị Bạch Thủy, có nhắc đến một người tên Lâm Hùng Phong. Ký ức của tôi, với cái trí nhớ của tuổi già nửa còn nửa mất, bỗng hiện về những hình ảnh, kỷ niệm của một quãng thời gian trong đời, tưởng vậy mà khó quên. Nhìn hình ông chụp chung với bà Dì Út, (chị Thủy, tác giả của câu chuyện), tôi nhận ra ngay, người đàn anh Khóa 23, Sinh Viên Sĩ Quan Cán Bộ Trung Đội Trưởng Tân Khóa Sinh Khóa 26, Đợt 2, thuộc Đại Đội F, một trong 8 đại đội của Tiểu Đoàn Tân Khóa Sinh.

Mùa Hè năm 1969, sau khi có kết quả kỳ thi Tú Tài Phần 2, Trường Võ Bị đã tổ chức một kỳ thi tuyển khóa sinh cho năm thứ nhất. Tháng 11 thì công bố danh sách khóa sinh trúng tuyển. Đến đầu tháng 12, những thí sinh đã trúng tuyển và chấp thuận gia nhập trường Võ Bị, nhận được thông báo đi trình diện, tập trung tại các địa điểm ấn định để được di chuyển lên trường tại Đà Lạt.

Cầm thư thông báo, tôi và một người bạn cùng lớp thời trung học ở Trường Chu Văn An, Chợ Lớn, từ giả gia đình đến Quân Vụ Thị Trấn trên đường Tô Hiến Thành, Sài Gòn, sau đó được chở về Trung Tâm 3 Tuyển Mộ và Nhập Ngũ tại Trung

Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Lần đầu tiên được ăn cơm nhà bàn với cá mỗi chiều, canh râu tôm, đầu cá, trong khoảng hơn một tuần, trước khi lên máy bay đến tạm trú tại Trường Chi Huy Tham Mưu tại Đà Lạt.



Khóa 26 lần đầu tiên trình diện Sinh Viên Sĩ Quan Cán Bộ Tiểu Đoàn Trường Tân Khóa Sinh, 1969.

Khác với cái nóng tại Sài Gòn, không khí Đà Lạt vào tháng 12 se se lạnh. May mà mẹ tôi có nhét vào túi xách một cái áo len, nên cũng đủ ấm phần nào. Chúng tôi tạm trú trong những tòa nhà xây từ thời Pháp thuộc. Từng dãy ghé bố kê san sát nhau. Lần đầu được gặp gỡ những người cùng trang lứa đến từ khắp mọi nơi, tôi thấy vui có dịp làm quen, trò chuyện, khá thú vị. Dần dần bớt e dè, lo lắng. Hỏi ra thì ai cũng ôm ấp những hoài bão riêng tư của tuổi thanh trẻ mới lớn, trong thời kỳ đất nước chiến tranh.

Ở tạm trú được khoảng hai tuần lễ, vừa để hoàn thành thủ tục, cũng vừa để chờ đợi các thí sinh khác từ mọi nơi đến tụ họp, đầy đủ. Trong thời gian này có phái đoàn an ninh đến phỏng vấn, thu thập lý lịch, mà mỗi ứng viên phải hội đủ những điều kiện trường đã ấn định.

Sau đó, một phái đoàn giám định y khoa, đến khám và thử

nghiệm về sức khỏe, thể chất, đặt chỉ tiêu tối thiểu để ứng viên có khả năng theo đuổi chương trình huấn luyện khá gay go tại trường.

Một số người không hội đủ điều kiện được trả về nguyên quán, lúc chia tay cũng rất buồn ngủi, cảm động. Anh bạn nắm giường kẻ bên tôi, bị từ chối vì cánh tay có tật do lúc còn bé, treo cây hái dừa bị té. Anh một mực khẳng định là tay mình vẫn mạnh mẽ bình thường, nhưng Hội Đồng Y Khoa không đồng ý, nói là khó khăn cho anh lúc cầm súng, nhìn kỹ nếu thấy cánh tay anh hơi bị cong. Anh hối tiếc, rầm rức khóc suốt đêm trước ngày chia tay. Anh nói anh ấp ủ hoài bão là người hùng Mũ Đỏ từ bé qua hình ảnh người anh của mình, tốt nghiệp Khóa 21 Võ Bị, người đã anh dũng hy sinh trong một trận chiến khốc liệt. Lại một anh nữa cũng chung phòng tạm trú, anh người to con tốt tướng, nhìn bề ngoài thật vạm vỡ, nhưng anh bị phê là mắt quáng gà, cận thị nặng ban đêm nhìn rất khó khăn.

Tuy thời gian tạm trú chung với nhau ngắn ngủi, nhưng cũng đủ để chúng tôi có những liên hệ mật thiết, quyến luyến. Trước ngày chia tay, chúng tôi quyết định chung góp mua bánh, nước, tụ họp hàn huyên thân mật, người chúc tụng, người an ủi vỗ về, thật bịn rịn quyến luyến.

Ngày 23 tháng 12, các anh sinh viên sĩ quan Khóa 23 đến tập họp chúng tôi lại, đọc tên và phân chia chúng tôi ra thành tám nhóm, gọi là đại đội từ A tới H, danh từ chuyên môn đầu tiên tôi biết. Các anh cũng không quên dặn dò sắp xếp đồ đạc sẵn có vào vali hoặc túi xách gọn gàng, quần áo chỉnh tề cho ngày đầu đời lính.

Vì số khóa sinh của Khóa 26 không nhiều, dưới 200 người nên khi chia ra mỗi đại đội chỉ được khoảng 23 tới 25 người. Lý do, thời gian trường tuyển dụng, sau kỳ thi Tú Tài 2, cũng là lúc các quân chủng Không Quân, Hải Quân mở khóa tuyển ứng viên. Riêng Trường Võ Bị, nếu trúng tuyển kỳ thi viết,

còn phải đợi đến Tháng 12 mới chính thức trình diện khám sức khỏe, cho nên một số đã bị gọi động viên và một số không dám chờ lâu nên đành đi trình diện các quân trường khác. Nhưng cũng có các thí sinh dù đang thụ huấn tại các quân trường bạn, Bộ Tổng Tham Mưu cũng cho phép được về trường Võ Bị tham dự ứng tuyển nếu muốn.

Mỗi người được phát cho một miếng bảng tên để đeo vào người và vào túi đựng quần áo. Phòng tạm trú của chúng tôi vì có những bạn đã được huấn luyện qua khóa huấn nhục tại trường Bộ Binh Thủ Đức, lấy kinh nghiệm dặn dò anh em chuẩn bị tâm tư cho ngày nhập trường. Biết vậy nhưng tôi cho là chắc chẳng đến nỗi nào, vì nhìn qua phong thái của mấy anh sinh viên sĩ quan Khóa 23, rất là lịch thiệp, hòa nhã, nghĩ vậy mà thấy an tâm. Tôi viết vội lá thư về cho cha mẹ, gia đình tôi hay, tôi được tuyển chọn và sẽ nhập khóa vào ngày mai. Thư được các anh gửi đi dùm. Đêm hôm đó, trần trọc không ngủ được với niềm vui sướng vì ước mộng của mình sắp thành hiện thực.

Sáng 24 tháng 12, sau khi ăn sáng xong, có thông báo cho chúng tôi tập hợp chuẩn bị nhập trường. Chúng tôi được xếp lên những chiếc xe GMC, xe vận tải lớn của quân đội. Đoàn xe đi một vòng qua thành phố Đà Lạt, qua Hồ Than Thở nơi có một tấm bảng rất lớn, với dòng chữ:

“TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM NƠI QUY TỤ NHỮNG CHÀNG TRAI VIỆT CÓ LÝ TƯỚNG QUỐC GIA”

Mọi người trên xe nhốn nháo chỉ chỗ cho nhau, riêng tôi chột nghe như lòng mình xốn xang, cảm giác lâng lâng khó tả. Thôi, thế là cuộc đời tôi đang đi vào ngã rẽ, một quyết định mà tôi đã nghĩ qua bao nhiêu đêm từ khi đậu mảnh bằng Tú Tài 2.....

Đoàn xe đã qua khỏi cổng gác Thái Phiên và theo con đường dọc vòng quanh triền đồi (sau này tôi biết, đường này

được gọi là Đường Vòng Lâm Viên) đến cổng Nam Quan thì ngừng lại. Chiếc cổng đồ sộ có huy hiệu trường Võ Bị và hàng chữ gắn trên những viên gạch màu đỏ:

“TỰ THẮNG ĐỂ CHỈ HUY”

Chúng tôi được lệnh xuống xe mang theo hành trang. Cá nhân tôi chỉ có một túi xách với ba bộ quần áo, những bạn đến từ những quân trường khác như Bộ Binh Thủ Đức, Hải Quân Nha Trang... vác nguyên một sac marin lính khá nặng nề.



Các Tân Khóa Sinh Khóa 26 đang bị “hành xác”.

Chúng tôi thấy những anh sinh viên sĩ quan mặc quân phục kaki vàng, mang lon gí có mấy vạch trên cầu vai màu đỏ. và đặc biệt chiếc mũ bằng nhựa bóng loáng, đội sụp xuống che cả mắt trông khó nhận diện. Anh nào cũng mang găng tay và cầm một chiếc gậy nhỏ màu trắng. Chúng tôi được hướng dẫn đứng theo toán như lời dặn dò đêm hôm trước, tôi thuộc toán gọi là Đại Đội F. Mỗi toán có 3 anh sinh viên sĩ quan. Sau một hồi sắp xếp hàng ngũ, một anh sinh viên sĩ quan bê vế đứng lên bục gỗ cao đặt trước cổng, hô đồng dục rất lớn, lời chào mừng khóa 26 chúng tôi. đặt danh xưng cho chúng tôi là ‘Tân Khóa Sinh’ Khóa 26 rồi chúc chúng tôi gặt hái thành công,

sau đó anh ra lệnh cho từng nhóm di chuyển qua cổng Nam Quan vào trường.

Chúng tôi bắt đầu nghe thấy những tiếng la hét bên tai mình, những lời thúc dục chạy cho nhanh, những câu than phiền như, chúng tôi yếu đuối, lè phè của một thanh niên dân chính. Tôi vì tự ái cố chạy nhanh theo tiếng thúc dục, nhưng chỉ được một đoạn thì đuối sức, như muốn tắt thở. Tôi đành dừng lại, định nghỉ ngơi, thì từ đâu mấy anh nón nhựa chạy đến hét la, ra lệnh cho tôi phải hít đất, sau đó lại ngồi thấp người xuống đi theo dáng con vịt, lại có người được dẫn xuống những dãy giao thông hào, người ướt sũng sinh lầy trông thật thiếu nhã. Từ cổng Nam Quan vào đến sân cỏ doanh trại những hình phạt cứ tiếp diễn. Chúng tôi không biết những hình phạt và tiếng la hét đã xảy ra trong bao lâu, nhưng tất cả chúng tôi đã không còn sức nữa trong cái hình hài tả tơi. Rồi mọi người lại được tập hợp trở lại. Lần này chúng tôi không còn thấy mấy anh sinh viên sĩ quan Khóa 23 là những người nho nhã lịch thiệp nữa, mà tất cả đã hiện hình thành những hung thần dữ tợn.

Chúng tôi được dạy cách xưng hô, từ tên của mình cho đến cách gọi sinh viên cán bộ. Tôi bị kéo ra phạt một trăm cái hít đất vì dám gọi “cán bộ” bằng anh, theo thói quen từ bên trại tạm trú. Bài học nhớ đời,

- “Sinh Viên Sĩ Quan Cán Bộ và tôi, chứ không anh em bà con gì cả, nhớ chưa?

- “Dạ.”

- “Quân đội không có dạ. Anh, 100 cái nhảy xôm.”

Cứ như thế, hình phạt này nối tiếp hình phạt khác vì những lỗi không cần biết có có hay không, hoặc đúng hay sai. Khi bọn chúng tôi không còn sức để thở nữa, thì hình phạt tạm ngưng, và cũng đến giờ chúng tôi được đi ăn trưa.

Bước vào phạm xá, nhất nhất mọi cử chỉ và hành động đều bị sinh viên cán bộ huấn luyện chấn chỉnh, từ cách đi đứng, bẻ góc, cách ngồi vào ghế, lưng thẳng 90 độ, cách để tay, cách

gắp thức ăn, cầm đũa v...v... Rất nhiều những điều mới lạ mà chúng tôi chưa từng được biết ngoài đời dân chính. Sau bữa cơm quân trường đầu tiên, chúng tôi lần lượt được hướng dẫn lãnh quân trang và đi hớt tóc. Mấy ông thợ được lệnh hớt kiểu gì mà trọc không ra trọc, cua không ra cua, từ nay không còn những mái đầu sinh viên học sinh chải tẻm, chau chuốt như tài tử nữa. Không biết bây giờ mấy cô bạn gái trông thấy thì ăn nói làm sao???

Sau bữa ăn tối, chúng tôi được về doanh trại để nhận phòng của mình. Tất cả Tân Khóa Sinh đều ở trên Lầu 3 của dãy batiment. Mỗi phòng hai người, có giường, bàn, và tủ riêng. Quần áo, giày dép và tất cả đồ đạc được sắp đặt vào vị trí đã được ấn định chung, chứ không tự đặt theo ý mình, nếu đặt sai chỗ sẽ chịu hình phạt. Đêm hôm nay chúng tôi mới biết SVSQ Cán Bộ Đại Đội Trưởng Đại Đội F là Đào Mạnh Thường K23, hai SVSQ Cán Bộ Trung Đội Trưởng là Nguyễn Ngọc Tiên và Trần Đình Tùng. Cũng lần đầu chúng tôi được dạy cách xưng hô với đàn anh là “Niên Trưởng”, và gọi khóa đàn em là “Anh”. NT Thường và NT Tiên là người Bắc, còn NT Tùng người miền Nam. Nhìn ba SVSQ Cán Bộ, chúng tôi tuy lòng sợ sệt nhưng phải thầm khen vì phong cách chững chạc, khỏe mạnh, ngẫm lại mình thấy yếu đuối quá. Cán bộ chỉ dạy cách xếp drap, chăn mền trước khi cho lệnh lên giường ngủ và không quên nhắc chúng tôi đêm nay là Đêm Giáng Sinh 24 tháng 12. Không có thì giờ để nhớ gì thêm, vừa được lệnh cho lên giường, tôi chìm đắm vào giấc ngủ say sưa ngay vì mới phải trải qua một ngày kinh hoàng nhất trong đời: Ngày hành xác nhập trường Võ Bị.

Sáng hôm sau, giật bản mình thức dậy vì tiếng kèn và tiếng la hét của sinh viên cán bộ. Năm giờ sáng trời Đà Lạt vào mùa Đông khá lạnh mà người chúng tôi nóng ran vì cảm giác hãi hùng qua tiếng hô đánh thép của ba vị cán bộ đại đội. Luật di chuyển của Tân Khóa Sinh là luôn luôn chạy chứ không được đi bộ ngoại trừ trong các bữa ăn tại phạn xá, cho nên chưa kịp

xuống lầu chạy sáng thì đã bị than phiền là tà tà quá chậm chạp, hoặc ồn ào như đi chợ. Đó là cái có thể bị phạt của buổi sáng sớm.



Giây phút nghỉ ngơi ngắn ngủi giữa giờ học Quân Sự.

Bắt đầu cho ngày thứ hai của mùa Tân Khóa Sinh, lại thêm một ngày dài lê thê, thêm những thử thách mới và học hỏi thêm những điều mới của một chương trình tôi luyện thép, tự nhủ lòng mình phải cố gắng khắc phục, không thể giống như những lời sinh viên sĩ quan cán bộ hét bên tai, “yếu đuối như vậy sao anh?” hay “Anh này cố tình tiểu xảo, tránh né!” Không, mình không thể yếu đuối như vậy, cũng chẳng tiểu xảo làm gì, cho dù đôi giày bột đờ sô có chật và có làm cho chân mình sưng máu, mình phải cố gắng chạy, chạy theo đám bạn bè. Họ làm được thì mình cũng phải được, cố lên, cố lên!!!.

Rồi ngày thứ ba, thứ tư, và... một tuần, hai tuần trôi qua... hình phạt mỗi ngày mỗi tang... Hôm nay chạy 10 vòng, một vài người lết đệt bỏ cuộc phía sau, vài ngày sau chạy 20, 30 vòng không còn thấy ai bỏ cuộc nữa. Tập hợp nhanh nhẹn chứ không chậm chạp lác đác như lá mùa Thu của mấy ngày đầu mới nhập trường.....

Cứ như thế hơn bốn tuần trôi qua thì có sự thay đổi, Tiểu

Đoàn Tân Khóa Sinh Đợt I được thay thế bởi Các Sinh Viên Sĩ Quan Cán Bộ Đợt II. Đại Đội Trưởng Đại Đội F mới là SVSQ Mai Văn Hiếu và hai Trung Đội Trưởng là Lâm Hùng Phong, Nguyễn Viết Nam Long. Ba vị đều là người miền Nam, dáng người cao lớn, trắng trẻo, đẹp trai. Riêng NT Lâm Hùng Phong thì có cặp mắt bồ câu như cô gái, giọng nói có cổ ý sửa cách mấy cũng không che được bản chất hiền hòa, chất phát. Tuy ba niên trưởng cán bộ này phải làm nhiệm vụ chỉ huy huấn luyện, phải chấn chỉnh la hét, nhưng nhận xét chung ba Niên trưởng này rất hiền, phạt đàn em một cách vừa phải, trong tinh thần rèn luyện thể chất, chứ không bao giờ quá mạnh tay.



***SVSQ Lâm Hùng Phong,
Trung Đội Trưởng Tân
Khóa Sinh Đại Đội F
Khóa 26***

Chuyện xảy ra với cá nhân tôi, một hôm đi học chiến thuật ở bãi xa, Hai Đại Đội E và F học chung, hôm đó cán bộ Đại Đội E dẫn chúng tôi đi học. Ban đêm trong lúc toán quân trên đường về, bạn tôi có lên tiếng hỏi tôi là chân còn đau không, tôi lên trả lời bạn thì bị cán bộ Đại Đội E ngay lập tức cho toán dừng lại. Trời rất tối, ông la lớn,

- “*Anh nào trong hàng chữi cán bộ, tự giác bước ra ngoài.*”

Không đợi ai trả lời, ông chỉ thẳng vào hai đứa tôi. Liên sau đó, tụi tôi bị phạt riêng tụi tôi bởi trên suốt đường về doanh trại. Ông còn mách với Niên Trưởng Lâm Hùng Phong và gửi gắm phạt dã chiến tụi tôi. Sau khi đại đội tan hàng về phòng, NT Phong kêu hai đứa trình diện mang ba lô với đầy đủ đồ tác chiến, lều, xẻng, bi đông v.v... Niên Trưởng Phong dẫn chúng tôi ra Vũ Đình Trường Lê Lợi, hai đứa chuẩn bị tâm tư, cảm chắc là sẽ lãnh một đêm dã chiến kinh hoàng. Nhưng nào

ngờ, ông cho chúng tôi đứng nghỉ, rồi dùng lời khuyên rất cảm động tôi còn nhớ mãi:

- “Các anh phải tự hào mình là một người sinh viên sĩ quan Võ Bị, nghĩa là không có gì là không thể làm được. Can đảm và hiên ngang để mà sống. Phải tự thắng mình để sau này trở thành một cấp chỉ huy xứng đáng. Không được yếu đuối, tiểu xảo, nghe rõ chưa?”

Ông nói xong, tôi có cảm nghĩ như ông cũng nói cho chính ông nghe, giọng nói ông run lên đầy xúc động và vì dưới bóng tối, chiếc nón nhựa đội sụp qua đôi mắt nên tôi không thể thấy ánh mắt bồ câu như con gái, lúc đó ra sao... Sau đó ông cho chúng tôi về doanh trại. Tôi đem lòng mến phục ông từ đó. Tiếc là, sau mùa Tân Khố Sinh, ông ở Tiểu Đoàn I còn chúng tôi ở Tiểu Đoàn II nên không có dịp gặp gỡ sinh hoạt chung.

Khi Khố 23 ra trường, được tin ông về binh chủng Thiết Giáp. Nhưng cũng từ đây, tôi không còn nghe tin gì nữa. Riêng cán bộ Trung Đội Trưởng Nguyễn Việt Nam Long, ra trường về Nhảy Dù và tử trận tại Quảng Trị 1972.

Qua bài viết của chị Lê Thị Bạch Thủy, mới hay Niên Trưởng Lâm Hùng Phong, Khố 23 cũng là thứ nam của Niên Trưởng Lâm Tiết Lễ, Khố 10, đồng thời biết được hoàn cảnh đau buồn của Niên Trưởng Lâm Hùng Phong bị thương tàn phế, và đã mất năm 1976 tại Mỹ Tho. Tôi không biết làm gì hơn là góp một lời cầu thành khẩn để Niên Trưởng được an nghỉ nơi cõi vĩnh hằng.

Trở lại câu chuyện về Tân Khố Sinh. Nhiệm vụ của người cán bộ là chăm sóc huấn luyện các Tân Khố Sinh đàn em. Thay vì tuyển mộ các huấn luyện viên chuyên môn đảm trách công việc này, trường Võ Bị đã dùng chính các Sinh Viên Sĩ Quan khóa đàn anh, thường là sinh viên sĩ quan năm cuối, là năm thứ tư nếu trường có bốn khóa, để nhận lãnh công việc này. Vì đã từng là Tân Khố Sinh nên hơn ai hết, các sinh viên cán bộ hiểu rõ hơn mục đích và nhu cầu của chương trình

huấn luyện. Người cán bộ ngoài việc huấn luyện, còn chăm sóc lo cho đàn em còn hơn lo cho mình, hiểu rõ hơn về khả năng thể chất cũng như những khủng hoảng tâm lý, tinh thần có thể xảy ra.



Mẹ lên thăm con vào ngày con được gắn Alpha.

Đây quả thực là một phương thức thực tập nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy cần thiết cho sinh viên sĩ quan cán bộ cũng như cho khóa sinh được huấn luyện. Khóa sinh có thể là một thư sinh, dân chính, thể xác yếu đuối, cần được rèn luyện để trở nên một thân thể khỏe mạnh cường tráng, với một tinh thần dũng cảm của một sĩ quan sau này sẽ lãnh nhiệm vụ chỉ huy một đơn vị. Do đó chương trình và mục đích huấn luyện rất là quan trọng, thiết yếu.

Khắc phục được giai đoạn thử thách của mùa Tân Khóa Sinh, được gắn lon hình Alpha trên cầu vai áo, người sinh viên sĩ quan chính thức hội nhập vào đời sống của Trung Đoàn Sinh Viên Sĩ Quan, gồm có bốn khóa, từ năm thứ nhất cho đến năm thứ tư. Trung Đoàn SVSQ điều hành sinh hoạt theo mô thức “Tự Chỉ Huy”. SVSQ năm thứ tư đảm trách các chức vụ cán bộ, tham mưu từ Trung Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, Đại

Đội Trưởng, Trung Đội Trưởng và Tiểu Đội Trưởng. Trung đoàn SVSQ có 2 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 8 đại đội và mỗi đại đội có 3 trung đội, trung đội lại có 3 tiểu đội. Từ năm 1971, có thêm hai đại đội I và K, cho các SVSQ được chọn sẽ phục vụ trong quân chủng Hải Quân và Không Quân sau khi mãn khóa. Tại mỗi cấp lại có một sĩ quan cán bộ; trên hết là Sĩ Quan Quân Sự Vụ Trưởng, rồi đến Sĩ Quan Tiểu Đoàn Trưởng và Sĩ Quan Đại Đội Trưởng.

Nhờ vào Hệ Thống Tự Chỉ Huy, SVSQ có dịp thực tập nghệ thuật lãnh đạo, trau dồi kinh nghiệm hữu dụng khi ra đơn vị. Cũng nảy sinh ra tình huynh đệ gắn bó trong tập thể sinh viên sĩ quan, mà sau này ngoài đơn vị và nơi chiến trường đã chứng minh cho thấy sự chia xẻ, nâng đỡ nhau, ngay cả việc hy sinh mạng sống để bảo vệ che chở nhau.

Ngày 28 tháng 2 năm 1970, mùa Tân Khóa Sinh của Khóa 26 chấm dứt sau tám tuần huấn luyện lột xác về tinh thần lẫn thể chất, cũng như được huấn luyện những bài học căn bản đầu tiên của đời binh nghiệp. Vì lý do an ninh của thị xã Đà Lạt, chúng tôi không có cuộc chinh phục đỉnh núi Lâm Viên theo truyền thống như các khóa đàn anh. Thay vào đó, chúng tôi có một ngày leo núi Lapbe Nord (1732m) và Lapbe Sud (1702m) trước khi chính thức được gán Alpha trong buổi lễ trang trọng cũng vào đêm cùng ngày tại Vũ Đình Trường Lê Lợi để trở thành sinh viên sĩ quan năm thứ nhất, dưới sự chủ tọa của Trung Tướng Chỉ Huy Trường Lâm Quang Thi.

*Kỷ niệm Ngày Lễ Gắn Alpha 28/2/1970,
Tháng 2, năm 2025,*

Chú Thích: Người viết mạn phép viết hoa các danh từ có tính cách đặc thù để giới thiệu tỏ tường thêm, các sinh hoạt của Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN.



*Hộ Tống Hạm Nhật Tảo HQ10**

Biến cố Hoàng Sa xảy ra cách nay đã tròn 40 năm (1974-2014). Trong biến cố này, người viết đã bị sa cơ vào tay Trung Cộng và bị giữ tại Trại Thu Dung Tù Binh Huyện Huyện Hóa, Tỉnh Quảng Đông, Thành Phố Quảng Châu đứng bốn tuần lễ (bị bắt ngày thứ Bảy và trả về cũng ngày thứ Bảy bốn tuần sau) sau khi lệnh đênh trên biển trong vùng lãnh hải Hoàng sa chỉ có bốn ngày.

Tuy đã 40 năm nhưng mọi sự kiện vẫn như in, tưởng như đang diễn tiến từng giây từng phút, mặc dầu vài chi tiết nhỏ nhặt về thời gian có thể không chính xác, vì tuổi tác gặm nhấm trí nhớ khiến đôi lúc cũng hay lang thang đầu đó.

Viết lại biến cố Hoàng Sa với tiêu đề HOÀNG SA NỔI SÓNG là vì sau trận hải chiến, khi trở về, người viết có ghi lại từng chi tiết trận đánh trong một cuốn hồi ký hơn 300 trang đặt tựa đề là HOÀNG SA NỔI SÓNG, nhưng tiếc thay tập hồi

ký đã bị hãm hiu nằm trong xó tủ vì Bộ Thông Tin Dân Vận Chiêu Hồi vào lúc đó không chấp nhận cho xuất bản với văn thư trả lời là:

- *“Hồi ký HOÀNG SA NỔI SÓNG của Thiếu Tá Phạm Văn Hồng chưa thích hợp trong giai đoạn này!”*

Hôm nay, tóm lược lại sự kiện, người viết không muốn tường thuật lại trận đánh, bởi việc này, theo thiên ý, đó là nhiệm vụ của bên Hải Quân, và thực sự họ cũng đã làm. Những con số tổn thất đôi bên phải dựa vào nhật ký hành quân thì may ra mới có những con số tạm chấp nhận được. Người viết chỉ xin được tự trả lời cho câu hỏi của chính mình là tại sao lại xảy ra trận hải chiến Hoàng Sa dù rằng câu trả lời có thể là chủ quan và sự hiểu biết hạn hẹp.

Trận hải chiến Hoàng Sa không phải là một trận tao ngộ chiến, không phải tình cờ, mà trái lại, tất cả đều được sắp xếp kỹ lưỡng từ trước mà phía Việt Nam Cộng Hoà chúng ta không lường được.

Thiếu Tá Phạm Văn Hồng có nhiệm vụ chờ phái đoàn chúng tôi có sáu người gồm tôi là trưởng đoàn, ông Gerald Kosh, nhân viên toà lãnh sự Hoa Kỳ tại Đà Nẵng, Trung Úy Công Binh Vũ Hà thuộc Liên Đoàn 8 Công Binh Kiến Tạo, Trung Úy Lê Văn Đá thuộc Liên Đoàn 10 Công Binh Chiến Đấu và hai hạ sĩ quan Công Binh đi theo hai trung úy kể trên, gặp phải lực lượng Trung Cộng rồi dẫn đến trận chiến.

Theo lệnh được thượng cấp trao phó thì tôi - Phạm Văn Hồng có nhiệm vụ hướng dẫn phái đoàn ra Hoàng Sa để thám sát và thiết lập một phi trường cho phi cơ cỡ C123, C119 hoặc DC3, DC4 đáp được. Đảo Hoàng Sa là một đảo nằm trong quần đảo Hoàng Sa gồm 10 đảo, chia làm hai nhóm: Nhóm Tuyên Đức phía Bắc gồm 5 đảo, nhóm Nguyệt Thiềm phía Nam gồm 5 đảo là Quang Hòa, Duy Mộng, Kim Ngân, Cam Tuyên và Hoàng Sa. Bốn đảo trên không có người ở, duy chỉ có Hoàng Sa là có nhóm khí tượng thường là bốn người để

ngày ngày ghi những yếu tố thời tiết gởi về Nha Khí Tượng, và một trung đội Địa Phương Quân ở chung với nhóm khí tượng để bảo vệ đảo.

Liên lạc giữa đảo và đất liền rất nhiều khô, cứ ba tháng mới có một lần thay quân và toán khí tượng cũng theo lịch trình này mà thay đổi nhân sự. Chính vì vậy mà thiết lập một phi trường trên đảo Hoàng Sa là cần thiết và hữu lý, nhất là nếu củng cố lực lượng đủ mạnh để kiểm soát được toàn vùng lãnh hải Hoàng Sa là một ưu điểm chiến lược, chúng ta có thể kiểm soát được toàn bộ hải trình quốc tế trong vùng lãnh hải Đông Nam Á. Phái đoàn chúng tôi có nhiệm vụ nghiên cứu để thiết lập phi trường là thế. Nhân vật G. Kosh - người Mỹ đi theo tôi là điều rất đáng chú ý.

Nếu ở trong nội địa, một phi trường cỡ nhỏ sử dụng cho C123 trở xuống thì Công Binh của VNCH họ thực hiện dễ dàng như lấy kẹo trong túi. Nhưng thực hiện ở giữa hải đảo cách đất liền (Đà Nẵng) 230 hải lý là việc không đơn giản.

Cứ theo nguyên tắc mà nói, thì hai sĩ quan Công Binh sẽ lo về đất đai địa thế và đo đạc kích thước để thực hiện. Yếu tố thời tiết thì đã có nhóm khí tượng cung cấp cho đủ chu kỳ một năm. Còn G. Kosh thì sẽ nghiên cứu, giám định để mở hầu bao. Phần tôi, vì là Sĩ Quan Lãnh Thỏ Quân Đoàn nên tôi có nhiệm vụ đúc kết tất cả phúc trình của mỗi thành phần để trình thượng cấp xét duyệt và thực hiện.

Không nói thì ai cũng hiểu là yếu tố hầu bao là yếu tố quyết định, vì thực hiện một phi trường ngoài hải đảo xa xôi thì chi phí không phải là ít. Từ một giọt nước cho đến một hạt cát cũng phải chở từ đất liền ra, rồi cơ giới của Công Binh chuyển vận ra, rồi lại còn phải thiết lập đầu cầu cho cơ giới Công Binh có thể từ tàu vận chuyển lên đảo. Tàu thủy không thể cập vào sát bờ vì vướng san hô, còn cầu tàu để tàu thủy có thể cập bến xưa kia vận chuyển phân chim nay đã hư hỏng hoàn toàn.

Cả ngàn lễ một dữ kiện ấy đủ chứng tỏ rằng sự quyết định

mở hầu bao của phía Mỹ là quan trọng, nhất là vào lúc đó, ngân sách Quốc Gia VNCH đang ở trong tình trạng cạn kiệt (300 triệu đô la cũng không xong). Tất cả dữ kiện hữu lý ấy chỉ là bề ngoài. Sự thực phi trường Hoàng Sa chỉ là phi trường AO, nghĩa là không có thực, mà đây chỉ là một dàn cảnh tuyệt vời của người bạn “đồng minh” của chúng ta! Họ đã phối hợp với kẻ xâm lăng bành trướng từ lâu rồi.

Tôi xin được tường trình cùng quý độc giả những dữ kiện mà tôi biết được sau khi biến cố đã xảy ra và mọi bí ẩn sau 40 năm ngày nay đã được bạch hóa.

Trước hết, năm 1974 là thích hợp nhất cho bọn cướp nước, vì những toan tính rút lui, nhường miền Nam lại cho Cộng Sản Bắc Việt đã gần kề (1975). Nếu để cho miền Bắc xâm chiếm toàn miền Nam rồi, bọn Trung Cộng mới chiếm đánh thì anh em “môi hở răng lạnh” của bọn chúng sẽ trở thành “há miệng mắc quai”.

Ngoài ra, theo lời Trung Úy Phạm Hy là trung đội trưởng Địa Phương Quân có nhiệm vụ giữ đảo đã kể lại với tôi thì khoảng hồi tháng 10 vừa qua là tháng thường có mưa bão ở miền Trung, có một thương thuyền không rõ của nước nào đã tấp vào đảo và xin tránh bão. (Đơn vị ĐPQ này có gởi công điện về Tiểu Khu Quảng Nam và tôi với trách nhiệm Sĩ Quan Lãnh Thở Quân Đoàn I tôi cũng nhận được thông báo này của Tiểu Khu Quảng Nam.)

Khi lên đảo, những thương nhân này đã tỏ ra rất thân thiện. Họ đem lên đảo tặng các chiến sĩ canh phòng những bộ bài cào “36 kiểu” để làm quà. Rồi họ lại giả đồ chơi những trò chơi trốn tìm, cút bắt. Thì ra đó là tàu do thám của tụi Trung Cộng giả làm thương lái để lên thám sát đảo. Từ căn cứ phòng ngự cho đến vũ khí, quân số trên đảo chúng nắm rõ từng chi tiết, nhất là vũ khí thì tất cả đều được khóa cẩn thận trên giá súng, bởi lẽ, theo Trung Úy Phạm Hy, nếu giao súng cho binh sĩ giữ, có thể họ sẽ bắn nhau mỗi khi có sự xích mích vì lính

ở đây tất cả đều là những quân nhân bị kỷ luật. Đơn vị nào của Tiểu Khu Quảng Nam có quân nhân bị kỷ luật sẽ gom lại thành một trung đội để gửi ra Hoàng Sa. Chính Trung Ủy Phạm Hy cũng là một sĩ quan bị 15 ngày trọng cấm!



Tác giả (bên trái) đang tường trình về trận đánh với Phó Đề Đốc Lâm Nguyên Tánh, Tư Lệnh Phó Hải Quân (ngồi giữa) tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân, Tháng 2 Năm 1974.

Phải thành thực mà nhìn nhận, quan niệm gửi quân ra Hoàng Sa giữ đảo xem ra rất nhẹ vì nào có bao giờ phải chiến đấu để bảo vệ đảo đâu. Binh sĩ ra đảo chỉ là để cho có mặt. Công sự phòng thủ nào có ai dòm ngó tới bao giờ. Nói một cách trung thực là chẳng có phòng thủ gì hết. Binh sĩ ở đây hằng ngày giết thời gian bằng cách đi câu cá, bắt hải sâm hoặc mò ốc tiên (một loài ốc có hoa văn rất đẹp) cho hết nhiệm kỳ ba tháng là trở về đất liền vì có toán khác ra thay thế!

Xem thế thì đủ biết địch biết rất rõ ta còn ta thì không biết gì về địch cả.

Trở lại với phái đoàn chúng tôi, chúng tôi rời quân cảng Tiên Sa - Đà Nẵng khoảng năm sáu giờ chiều ngày 15-1-1974. Sau một cơn vật vã ối mưa mặt xanh mặt vàng, sáng hôm sau tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao, tôi cố gượng dậy ra boong tàu ngắm trời ngắm biển thì ra tôi đã ở Hoàng Sa lúc nào tôi

không hay biết. Toán chúng tôi được Hải Quân Trung Tá Lê Văn Thự, Hạm Trưởng, cho lệnh hạ hai xuồng cao su đưa sáu người chúng tôi vào đảo. Tôi bị một cơn say đất còn tàn bạo hơn cơn say sóng. Ông trưởng đài khí tượng có nhã ý nhường chiếc ghế bô của ông cho tôi nằm nghỉ, nhưng sao chiếc ghế bô cứ chồm lên nhảy xuống chứ không chịu nằm yên. Tôi đang bị say đất là thế.

Đến chiều hôm đó, anh em đã tạm phục hồi sức khỏe, hai sĩ quan Công Binh lo đo đạc và thu thập các yếu tố về địa chất. Thời tiết thì khỏi lo. Còn anh chàng G. Kosh thì không động tĩnh gì cả. Đi theo tôi là chỉ để cho có mặt. Trong lúc trò chuyện với nhau, tôi được biết anh này vốn là trung uý thuộc lực lượng mũ xanh, nay sang làm tại tòa Lãnh Sự. Về phong tục tập quán của người Việt Nam thì anh rất quen thuộc với nước mắm, mắm tôm và cả... thịt chó. Nói thế là quý độc giả sẽ biết ngay anh là thành phần nào rồi. Vì đi cạnh tôi nên anh ta cũng ăn cơm gạo sáy và thịt hộp với tôi.

Bất giác trong một lúc anh ta mở túi xách của anh ra, tình cờ tôi thấy anh mang tới hai cây thuốc lá (20 gói) rồi một túi nhỏ đựng rất nhiều đồ mưu sinh thoát hiểm như lưới, bẫy sập, lưỡi câu v.v.. Tôi lại tự hỏi, đi công tác vài ngày mà làm chi phải mang tới vài chục gói thuốc? Dù có hết thuốc thì trên chiến hạm thiếu gì, mua bao nhiêu mà chẳng có. Mãi sau này tôi mới vỡ lẽ.

Nhiệm vụ đã xong, chúng tôi được anh em Địa Phương Quân tặng cho một ít vỏ ốc tiên cũng như hải sâm khô mang về làm quà. Tôi nói anh hiệu trưởng viên của Công Binh gọi C25 liên lạc với chiến hạm đón chúng tôi về, nhưng sao ở thêm một ngày nữa mà không thấy tàu cho xuồng cao su vào đón. Mãi đến ngày 17-1 chúng tôi mới lên lại HQ16, nhưng mặt biển lúc này đã nóng bỏng một cách khác thường, bây giờ trên biển có thêm HQ5 cũng là một Tuần Dương Hạm giống hệt như HQ16 và một khu trục hạm HQ4, chiếc này nhỏ hơn HQ5 và HQ16 nhưng hỏa lực thì mạnh hơn nhiều, xa xa lại

còn một chiếc nữa mà sau này tôi mới được biết đó là HQ10 vì tầm nhìn quá xa.

Trước mũi tàu chúng tôi là tàu đánh cá Trung Cộng đậu chặn ngang trước mũi tàu, rõ ràng là có ý định khiêu khích. Trung Tá Hạm Trưởng chỉ thị cho chiến sĩ người Việt gốc Hoa lấy máy phóng thanh gọi loa yêu cầu họ đi nơi khác vì đây là hải phận của Việt Nam.

Họ cũng dùng máy gọi lại y như vậy mà nói rằng yêu cầu các anh đi nơi khác vì đây là hải phận của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc! Mà tàu đánh cá lại sơn màu ô-liu, trang bị thượng liên, không có lưới mà chỉ có cần câu. Các ngư phủ chỉ dùng cần câu để câu cá, đi đánh cá xa bờ mà lại dùng cần câu để câu từng con cá sao? Biển rộng mênh mông thiếu gì chỗ câu sao tàu cá Trung Cộng lại đậu trước một chiến hạm VNCH khoảng cách chỉ vài chục mét? Rõ ràng là để chọc giận chúng ta.

Đến chiều ngày 18-1, khoảng bốn năm giờ, tôi đang nằm nghỉ trong phòng thì nghe tiếng loa gọi:

- “Mời Thiếu Tá Hồng lên gặp Hạm Trưởng.”

Tôi lên phòng chỉ huy thì thấy không khí vô cùng ngột ngạt. Các sĩ quan người nào cũng mang vẻ mặt hết sức căng thẳng.

Trung Tá Hạm Trưởng cho tôi biết là Hải Đội Trưởng (sau này tôi mới biết là Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc) bên HQ5 yêu cầu phái đoàn chúng tôi chuyển qua bên đó cho an toàn. Thế là chúng tôi xuống xuồng cao su để chuyển sang HQ5, nơi có HQ Đại Tá Ngạc đặt bộ chỉ huy ở bên đó.

Mới lên được có mấy tiếng đồng hồ thì khoảng 10 giờ đêm lại nghe tiếng loa phóng thanh:

- Mời Thiếu Tá Hồng lên đài chỉ huy gặp Hải Đội Trưởng.

Đây là giây phút đầu tiên tôi gặp trực tiếp Hải Đội Trưởng HQ Đại Tá Hà Văn Ngạc, ông đã ôn tồn vỗ vai tôi và nói:

- “Toa à”, anh Kosh này là bạn của moa. Anh ta muốn

xuống lại đảo vì anh sợ ở trên này không được an toàn, thôi toa cùng anh em cảm phiền vui lòng xuống đảo”.

Chúng tôi xuống đảo đã nửa đêm 18-1 anh em Địa Phương Quân và toán khí tượng tất cả đều ngon giấc. Chúng tôi vào tận chỗ ngủ của anh em mà không ai hay biết gì hết thì đủ biết rằng việc phòng thủ gác sách như thế nào rồi!

Tôi choàng tỉnh dậy vì tiếng heo kêu quá lớn... Thì ra anh em Địa Phương Quân họ mổ heo (đem theo từ khi họ thay phiên ra giữ đảo) cúng ông Táo. Lúc này khoảng 10 giờ sáng. Đang đánh răng thì Trung Úy Hy chạy đến tôi và nói:

- Không xong rồi Thiếu Tá ơi. Tàu chiến đôi bên gồm nhau dày đặc trên biển.

Tôi vội vàng leo lên sân thượng để quan sát. Quả thật đôi bên đang ở thế càn rỡ lẫn lộn. Và rồi súng nổ.

Tôi vào phòng truyền tin của đài khí tượng, anh hiệu trưởng viên của Công Binh cũng theo tôi vào đây. Chỉ ít phút sau thì HQ16 liên lạc được với chúng tôi và trên máy HQ16 đã nhờ chúng tôi liên lạc với Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải báo là HQ16 đã bị hư mất thần, tàu nghiêng 30 độ, hệ thống viễn liên đã bất khiển dụng!

Trời đất! Tôi gọi từ Hoàng Sa về Đà Nẵng bằng... C25 sao được! Tôi chỉ còn trông cậy vào máy Motorola của khí tượng, nhưng khôn nổi, khí tượng họ chỉ liên lạc với nhau vào mỗi đầu giờ, mà bây giờ đã khoảng 10 giờ 20 rồi. nhưng may sao họ mò mẫm lại bắt được liên lạc với Phú Quốc còn trên máy.

Không nói chuyện trực tiếp được với khí tượng Đà Nẵng, tôi bắt buộc phải đi đường vòng. Tôi nhờ khí tượng Phú Quốc gọi khí tượng Sài Gòn. Nhờ khí tượng Sài Gòn điện thoại ra khí tượng Đà Nẵng. Quả nhiên may sao ít phút sau thì khí tượng Đà Nẵng lên máy với chúng tôi. Tôi lại nhờ khí tượng Đà Nẵng gọi điện thoại cho phi trường Đà Nẵng. Phi trường Đà Nẵng liên lạc bằng điện thoại với tổng đài Uy Dũng của Quân Đoàn I và tôi nhắn tin là Trung Tâm Hành Quân Quân

Đoàn I cử người sang đài khí tượng Đà Nẵng tọa lạc trong phi trường Đà Nẵng để liên lạc trực tiếp với tôi!

Đọc đoạn này không thôi, chắc quý vị độc giả cũng thấy vã mồ hôi vì trong lúc dầu sôi lửa bỏng thế này mà tôi phải vòng vo tam quốc nhiều khê vạn dặm đến thế

Lúc này thì mặt trận trên biển đã im bất chỉ sau chừng mười mười lăm phút súng nổ. Máy chiến hạm của ta đã quay lưng lại với phía đảo Hoàng Sa của chúng tôi và hình bóng của họ mỗi lúc một nhỏ dần cho đến khi mất hút.

Ngược lại thì hàng chục con tàu của Trung Cộng lại đang vây kín chúng tôi, tất cả đều hướng mũi vào đảo và súng bắt đầu nổ. Trung Úy Phạm Hy điều động hơn hai chục chiến sĩ dưới tay như thế nào tôi cũng không biết. Rồi phòng truyền tin của khí tượng cũng không còn một bóng người, ngoại trừ tôi và anh hiệu thính viên Công Binh. Trong máy nghe tiếng súng nổ nên khí tượng Đà Nẵng đã hỏi tôi là trên đảo đang có tiếng súng sao? Họ nói với tôi là bên Hải Quân Vùng I Duyên Hải nhấn với Thiếu Tá Hồng là hãy bình tĩnh sẽ có Không Quân ra yểm trợ cho Thiếu Tá.

Trong lúc này thì tiếng súng lớn nhỏ đang chát chúa xung quanh chúng tôi, một vài mảnh tường của tòa nhà khí tượng đã bị phá từng mảng lớn. Tôi đành chào vĩnh biệt khí tượng!

Tôi và anh hiệu thính viên lao ra những lùm cây để ẩn thân. Tôi quyết định trốn kỹ im lìm trong lùm cây để chờ chuyện trông mái một phen chứ nhất định không ra đầu hàng. Xung quanh tôi những âm thanh của tiếng Tàu đang như cái chợ. Chúng đã tràn ngập trên đảo. Tôi chờ mong phi cơ chiến đấu của không lực VNCH ra thả bom tại đảo cho dù chúng tôi có chết, thì bọn tàu phù cũng chết banh xác pháo...

Nhưng rồi sự im lặng vẫn mãi mãi im lặng. Phi cơ đâu chẳng thấy. Tôi nằm im trong bụi rậm suốt ba tiếng đồng hồ, chẳng được nghe tiếng gầm thét của các chiến đấu cơ. Trong khi đó tiếng Tàu mỗi lúc một ồn ào hơn gần sát chỗ tôi núp.

Cuối cùng chúng vạch từng gốc cây và phát hiện ra tôi, chúng chĩa súng vào tôi và hô lên: “Thiếu Tá”.

Thì ra suốt hai ba giờ đồng hồ qua chúng đã tràn ngập trên đảo và sau khi khai thác tù binh chúng đã điểm danh đầy đủ và biết chắc rằng còn một thiếu tá và một anh Công Binh mang máy truyền tin thôi.

Tôi trở lại tòa nhà của khí tượng và anh em Địa Phương Quân thì tất cả đã bị bắt giữ. Anh Kosh thì bọn Trung Cộng đang nói chuyện với anh ta bằng Anh Ngữ.

Rõ ràng đây là điểm mấu chốt. Họ đã biết rõ trên đảo có một người Mỹ, họ đã cử thông dịch viên ra làm việc. Nếu bình thường, một trận chiến tình cờ trên biển thì đào đâu ra người Tàu biết nói tiếng Anh? Nhất là vào lúc đó bên kia bức màn sắt và thế giới tự do hoàn toàn cách biệt

Lại nữa, khi tấn công lên đảo, tất cả họ đã tác xạ không có tính cách sát thương. Đại bác bắn vào những bức tường toàn bắn trên tầm cao.

Càng rõ hơn nữa là cuối ngày 19-1-74 thì kết quả trận đánh đã quá rõ ràng. Bốn năm giờ sáng 20-1 chúng tôi được đưa lên tàu chở về đảo Hải Nam. Đêm 20-1 tôi trưởng đoàn, cùng hai trung úy Công Binh, Trung Úy Địa Phương Quân Phạm Hy giữ đảo, một trung úy Hải Quân bị bắt trên đảo Cam Tuyền (chỉ mới thả xuống đảo vài ngày để giữ đảo) và anh Kosh được chở bằng máy bay từ Hải Nam về Quảng Châu rồi tiếp tục chở bằng xe hơi về trại Thu Dung tù binh Huyện Huyền Hóa, tỉnh Quảng Đông thành phố Quảng Châu. Số hạ sĩ quan, Binh sĩ và bốn người khí tượng còn lại thì mãi hai ngày sau họ mới nhập về trại với chúng tôi vì họ được chở về bằng tàu thủy.

Sáng sớm ngày 21-1 những cán bộ của trại bắt đầu làm việc với chúng tôi.

Chúng tôi được sắp xếp cho ở một dãy nhà có năm phòng. Tôi ở một phòng, bốn trung úy kia thì hai người một phòng. Một phòng ăn và một phòng dành cho việc tọa đàm. Người bị

phỏng vấn nhiều nhất là Trung Úy HQ Lê Văn Dũng để họ lấy ngay những yếu tố kỹ thuật của Hải Quân hầu họ ứng phó kịp thời nếu cuộc chiến sẽ tái diễn. Còn tôi, khai thác sơ khởi trên đảo họ đã biết quá rõ phái đoàn đặc biệt của tôi nên họ không cần khai thác thêm gì nhiều.

Anh Kosh thì được lưu giữ ở đâu chúng tôi không biết. Anh được đi xe riêng, khi xuống phi trường Quảng Châu là anh đã được tách rời chúng tôi rồi.

Ngồi trong phòng tọa đàm, họ nói chuyện dưới hình thức thân mật. Họ cho chúng tôi biết là:

- Hiện nay tiền sĩ Kissinger đang ngồi ở Bắc Kinh. Tôi nay chúng tôi sẽ mở đài Bắc Kinh cho các anh nghe.

Quả vậy, đúng giờ chương trình tiếng Việt của đài Bắc Kinh, họ đã đến và mở cho chúng tôi nghe bản tin đúng như lời họ nói. Lâu la mọi chuyện họ mở luôn cả các đài VOA. BBC. Úc Đại Lợi cho chúng tôi theo dõi. Tất cả đều loan tin giống nhau. Dĩ nhiên là các đài đều lấy tin của các hãng thông tấn nên loan tin phải giống nhau rồi.

Trở lại về anh Kosh, khi xuống đảo lần thứ nhất, anh còn ăn chung với tôi, nhưng lần thứ hai thì không. Anh nói là anh bị bệnh. Bệnh đây cũng là bệnh được sắp đặt trước. Quả vậy, chỉ một tuần sau khi bị bắt, anh ta là người đầu tiên được thả với lý do bị bệnh mãn tính kinh niên, cần được thả sớm để kịp về điều trị! Ấy thế mà một tháng sau, sau khi tôi trở về Quân Đoàn, anh ta có về Mỹ điều trị đâu vẫn làm việc như thường lệ!

Buổi trưa hôm 19-1 sau khi tàn cuộc chiến trên đảo, chỉ một mình anh Kosh là được giữ những trang bị cá nhân sau khi bị bắt, còn chúng tôi thì không. Đến xế trưa, đã quá đói vì từ sáng đến giờ chúng tôi có được ăn uống gì đâu Kosh bèn lấy trong túi xách ra hộp cá, nhỏ hơn bao thuốc lá, anh chia cho tôi một lát mỏng cỡ như thanh kẹo cao su chúng ta thường mua khi đi xem chiếu bóng ở Sài Gòn. Tôi nghĩ bụng, một lát cá như

thể này thì thấm béo gì. Như hiểu được ý tôi, anh ta nói ngay:

- Thiếu Tá cứ ăn đi sẽ đỡ đói đấy. Mà đỡ đói thật. Thì ra họ đã tiên liệu rồi. Họ trang bị rất kỹ lưỡng từ răng cho đến chân. Còn chúng ta, chúng ta có biết gì đâu!

Hai chục gói thuốc lá, những dụng cụ thoát hiểm mưu sinh, những hộp đồ ăn đặc biệt, những con bệnh bất thường là những yếu tố làm tôi suy nghĩ tới những sự kiện... bất thường!



*Thiếu Tá Phạm Văn Hồng, người tù binh trong ngày trở về,
Tháng 2, 1974.*

Chưa hết, sau này khi được trả về, qua tìm hiểu, phối kiểm cũng như nghe những chuyện được kể lại, tôi mới được biết, khi trận hải chiến xảy ra, chiến hạm Mỹ cũng ở sát nách với chúng ta mà nào họ có cứu vớt những bè thoát hiểm của anh em Hải Quân đâu! Cụ thể nhất là có một bè trôi dạt về tận Qui Nhơn mới được chiếc thương thuyền Kopionella của Hòa Lan cứu thoát. Không cần nói đến tính liên hệ đồng minh, chỉ cần nói đến lòng nhân đạo thôi, họ đã cất giấu tình người đi đâu mất rồi?

Thêm một chi tiết sau này khi được Trung Tướng Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn I chỉ thị tôi ra Huế thực hiện hai cuộc

thuyết trình tại hội trường Phú Văn Lâu, một vào buổi sáng cho các cơ quan hành chính Thừa Thiên Huế và một vào buổi chiều cho các đơn vị quân đội đồn trú quanh thị xã Huế. Mỗi buổi có đến hơn một ngàn người, đứng chật cả hội trường, tràn ra cả phía tiền đường để nghe qua loa phóng thanh.

Khi về Bộ Tư Lệnh Tiền Phương, tôi được gặp Đại Tá Tham Mưu Trưởng Tiền Phương Quân Đoàn I. Ông đã nói với tôi:

- Moa có nói chuyện về biến cố Hoàng Sa với tên cố vấn Quân Đoàn. Ông ta đã thản nhiên hỏi moa rằng, “Anh ngạc nhiên về chuyện này sao?” Moa biết là bị hố nên moa đã chữa ngay rằng tôi không ngạc nhiên nhưng tôi chỉ thắc mắc là tại sao bọn Trung Cộng lại chọn đánh chiếm Hoàng Sa vào lúc này? Rõ ràng đây là một màn kịch đã được sắp xếp từ trước.

Trở lại chuyện tôi nhận được tin sẽ có phi cơ ra oanh tạc Hoàng Sa sao không thấy thực hiện, tôi đã hỏi Trung Tá Lê Lâm, Phó Trưởng Phòng 3 Quân Đoàn I. Ông đã giải thích với tôi rằng tất cả đã chuẩn bị sẵn sàng, một phi đội phản lực từ Biên Hòa đã ra phi trường Đà Nẵng sẵn sàng tham chiến, Quân Đoàn dự trù kế hoạch cho chiến hạm ra giữa đường tiếp đón phi công nhảy dù nếu phi cơ không đủ nhiên liệu trở về. Tuy nhiên kế hoạch phải hủy bỏ vì phía Mỹ họ lý luận rằng nếu thực hiện, đối phương có thể trả đũa từ nơi xuất phát, như vậy sẽ rất nguy hiểm cho cư dân thành phố Đà Nẵng.

Trong khi đó, tôi được bên Không Quân cho biết là phi công Việt Nam đã sẵn sàng thi hành những phi vụ vô cùng ngoạn mục và can trường chẳng khác nào phi công Nhật khi xưa, nhưng tiếc thay người Mỹ họ chơi trò... (Trò gì mà mấy sĩ quan Không Quân nói với tôi nhưng nay tôi đã quên mất vì đây là từ ngữ kỹ thuật chuyên môn đại khái được hiểu là máy bay có gắn bom thì những quả bom này chỉ là những khối sắt vô tri không thể nào kích hỏa được.) Tóm lại là đối sách nào cũng bị kỳ đà cản mũi.

Nếu để tất cả những dữ kiện rời rạc nêu trên đứng riêng lẻ

một mình thì hẳn quý độc giả sẽ cảm thấy chúng không nói lên được điều gì trong trận hải chiến Hoàng Sa. Nhưng nếu ghép chúng lại thành toàn cảnh của một bức tranh thì ngược lại, chúng ta sẽ thấy một thảm kịch đã được người bạn đồng minh dân cảnh rất tỉ mỉ từng chi tiết:

- Vào lúc đó, Tổng Thống Hoa Kỳ bắt đầu kết thân với Trung Cộng. Dĩ nhiên quyền lợi của Hoa Kỳ và tham vọng của Tàu Cộng vẫn là tối thượng.

- Tàu cộng đã nghiên cứu kỹ lưỡng việc bố phòng của chúng ta. Lực lượng tham chiến của họ đã chuẩn bị sẵn sàng. Vấn đề chỉ là làm sao họ đánh chiếm chúng ta cho hữu lý và có kết quả. Không thể nào tự nhiên họ đem quân ra đánh chiếm một đơn vị giữ đảo mà trên đó chỉ là một đài khí tượng đã hiện diện một cách hợp pháp và chính đáng từ bao lâu nay rồi và lại chưa hề bao giờ có sự hiềm khích với họ. Vậy thì người Mỹ sẽ tạo cho họ một cái cớ.

Mấu chốt của vấn đề nằm ở chỗ này:

Hoa Kỳ đã gợi ý giúp chúng ta xây cất một phi trường chiến lược để kiểm soát được toàn bộ hải trình quốc tế trong vùng Đông Nam Á. Bù tai quá hữu lý quá. Anh Kosh đi theo để giám định chi tiền lại càng chứng tỏ người Mỹ muốn giúp thực sự. Chúng ta đã lọt bẫy diệu hồ ly sơn. Chiến hạm của chúng ta chở phái đoàn ra thám sát để thực hiện kế hoạch, những con mồi nhử đã chờ sẵn. Họ khiêu khích chúng ta đến độ cơn giận của chúng ta không kìm hãm nổi. Là một đơn vị quân đội, chúng ta chỉ có một biện pháp duy nhất để phản ứng: NỔ SÚNG!!!

Họ chỉ chờ có thế.

Vài con tàu nhỏ (sau này tôi mới được biết đó là Kronstadt) làm vật tế thần có thắm béo gì so với một nước có tới bảy tám trăm triệu dân. Chiến thuật biển người là ngón sở trường của bọn bành trướng. Lực lượng trên đảo chỉ có hơn hai chục tay súng (mà chúng đã biết rất chính xác) trong khi chúng tràn lên

đảo đến một tiểu đoàn thì cục diện sẽ thế nào ai cũng có thể khẳng định được.

Nhân đây, tôi cũng xin kể hầu quý độc giả thêm vài sự kiện đau lòng trong thời gian bị lưu giữ trong trại thu dung tù binh:

- Ngày ngày, năm sĩ quan chúng tôi gồm tôi và bốn trung úy (một Hải Quân, hai Công Binh và một Địa Phương Quân) phải ngồi đồng (tọa đàm) suốt tám tiếng đồng hồ để gọi là học tập chính trị và giải thích về chủ quyền quần đảo Hoàng Sa thực sự thuộc về ai. Tất cả những cán bộ Trung Cộng tiếp xúc với chúng tôi toàn nói bằng tiếng Việt giọng Bắc rất chính xác. Chính xác đến độ mà Trung Úy Công Binh Vũ Hà người Huế nói chữ SỬA Honda họ đã sửa lưng rằng không có SỬA Honda mà chỉ có SỬA Ông Thọ! Phải nói là SỬA Honda mới đúng!

Có một lần, vì cao hứng bắt tử, có một tên cán bộ đã nói với Trung Úy Địa Phương Quân Phạm Hy là đi từ Huyện Đại Lộc đến Hội An nên đi lối tắt nào gần nhất. Trung Úy Hy thổ lộ với tôi rằng tuy là người địa phương, từng lội bộ nát nước ở quê hương xứ Quảng của mình nhưng cũng chưa bao giờ biết đi tắt từ Đại Lộc đến Hội An bằng đường nào. Thôi rồi! Người anh em môi hờ răng lạnh, núi liền núi, sông liền sông đã cống rắn về cắn gà nhà hay đúng hơn là dẫn voi về dày mả tổ.

Rồi đến ngày chúng tôi được trả về, khi ăn bữa cơm trưa cuối cùng tại tô giới Thẩm Khuyển - Hồng Kông, tiền tôi ra lần ranh để bước sang phía tự do, một sĩ quan cao cấp thuộc Lộ Quân Bộ Đội tỉnh Quảng Đông đã siết chặt tay tôi nói với tôi một câu chắc nịch rằng:

- “Hẹn gặp các anh trong một ngày rất gần đây TRÊN ĐƯỜNG NGOẠI GIAO.”

Thành thật mà nói, khi thoát nghe câu nói vừa kể, phản xạ tự nhiên của tôi là tên này quá hảo huyền, giữa thế giới tự do của chúng tôi và bên kia bức màn sắt của các anh làm quái gì có bang giao mà gặp nhau trên đường ngoại giao. Nhưng đau

lòng thay, chỉ một năm sau Miền Nam Việt Nam bị tràn ngập làn sóng đỏ. Tôi mới bừng tỉnh rằng ở nước ngoài thân phận miền Nam đã được an bài, mà chỉ cần những cán bộ cấp trung của họ cũng đã biết rồi.



Nói về nỗi lòng của tôi khi Hoàng Sa bị thất thủ mà tôi hiện diện trong đó, xin được thú nhận rằng, từ tám bé cho đến khi trưởng thành, bây giờ mới là lúc tôi hiểu thế nào là tình yêu quê hương, thế nào là lòng ái quốc.

Quả vậy, từ thuở còn tung tăng chân sáo, ngày ngày cắp sách đến trường, những bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư và Tâm Hồn Cao Thượng, tôi đã được thầy cô giảng dạy rất kỹ về lòng ái quốc, nhưng thực lòng những chữ lòng ái quốc và tình yêu quê hương là những từ ngữ vô cùng trừu tượng. Tôi chẳng hề có một chút xúc cảm nào. Ấy thế mà khi một mảnh đất thật xa xôi mù mịt của quê hương tôi bị bọn xâm lăng chiếm đoạt, tất cả năm anh em chúng tôi khi thổ lộ tâm tình với nhau, ai cũng vô cùng đau xót.

Suốt bốn tuần lễ nằm trong lãnh thổ giặc thù, chúng tôi thương nhớ quê hương da diết. Ngày được trả về, khi vừa bước qua vệt sơn ngăn cách giữa Hồng Kông và Thâm Khuyển, Ông Tổng Lãnh Sự Việt Nam Cộng Hòa muốn chòm tới. Bị người cảnh sát Anh chặn lại, ông bèn cất tiếng hỏi:

- Có anh Hồng ở đây không? Có Thiếu Tá Hồng đó không?

Ông không nhận dạng được tôi vì tôi chưa có quân phục mà tất cả 43 người vừa trở về đều mặc bộ quần áo màu xanh đậm giống nhau do bọn Trung Cộng phân phát. Chỉ mới nghe một giọng nói Việt Nam đầu tiên, tiếng của quê hương tôi, tôi đã muốn oà khóc. Tôi đã nghẹn họng, cố gắng lắm tôi mới thốt lên được hai tiếng “tôi đây”, rồi tôi cứ ứ lên cổ không nói thêm được một tiếng nào nữa.

Đến khi ngồi trên phi cơ từ Hồng Kông trở về Sài Gòn, từ trên cao tôi nhìn xuống mặt biển, mỗi khi gặp một hòn đảo nào nhô lên mặt nước dù đó không phải là Hoàng Sa, lòng tôi vẫn thấy đau xót xốn xang.

Trong đời quân ngũ, đã hơn một lần tham dự hành quân, không phải là chúng tôi trăm trận trăm thắng, trái lại, lác đác cũng có đôi lần bị đối phương chiếm mất mục tiêu, nhưng lòng tôi vẫn an nhiên tự tại bởi vì chắc chắn chúng tôi sẽ có những cuộc hành quân tái chiếm và nắm chắc thế nào chúng tôi cũng sẽ lấy lại được phần đất đã mất. Hoàng Sa thì không, 43 con người trở về từ đất địch, cả 43 tấm lòng đều cùng có một tâm trạng như nhau là đau lòng đến tột độ!

Phi cơ chạm đất, nhìn vào khu nhà ga hàng không, cờ xí rợp trời, người người như thác lũ. Cánh cửa phi cơ mở ra, tôi là người đầu tiên bước xuống cầu thang, biển người trước mặt quá to lớn đối với đôi tay nhỏ bé của tôi, song tôi vẫn muốn dang ra cho thật rộng để ôm hết làn sóng người vào lòng tôi. Tất cả là của riêng tôi. Đây là đồng bào của tôi. Đây là quê hương của tôi. Đây là ngôn ngữ mẹ đẻ của tôi. Và đây mới đích thực là lúc tình yêu quê hương. LÒNG ÁI QUỐC của tôi đang trỗi dậy.

Tôi tiến bước vào khu phòng khách danh dự, rất nhiều phóng viên báo chí vây kín quanh tôi. Đa phần họ hỏi tôi về bên kia bức màn sắt, nhưng bất ngờ cũng có một phóng viên hỏi tôi một câu không biết có phải là anh ta có dụng ý muốn

nấn gân, thử phổi tôi không:

- Thừa Thiếu Tá, nếu bây giờ Thiếu Tá được lệnh phải tái chiếm Hoàng Sa, Thiếu Tá có sẵn sàng trở lại Hoàng Sa hay không?

Không cần đắn đo suy nghĩ, tôi lập tức trả lời:

- Tôi là một sĩ quan hiện dịch, xuất thân trường Võ Bị Quốc Gia. Đối với tôi LỆNH LÀ THI HÀNH.

Trả lời câu này, tôi thầm nghĩ, tôi đã khóa họng anh ta, không để anh ta đánh giá tôi là hèn yếu, nhưng cũng không thể phê phán tôi là ngạo mạn kiêu căng. Tôi chỉ có một ước muốn khiêm nhường là làm sao nói lên được lòng yêu nước và cố giữ đúng phong thái của một sĩ quan Quân Lực VNCH./.

** Hộ Tống Hạm Nhật Tảo là một trong bốn chiến hạm (HQ4, HQ5, HQ10, HQ16) đã tham dự Trận Hải Chiến Hoàng Sa bảo vệ chủ quyền của VNCH năm 1974.*





THÁNG TƯ BUỒN

Vĩ Vân, Khóa 20/1

Tháng Tư gợi nhớ niềm đau
Tóc xanh giờ đã nhuộm màu thời gian

Ngày anh xếp giáp, tan hàng
Thế là khởi điểm một trang bi tình

*Tháng Tư không thấy bình minh
Ra đi một chuyến, hành trình xót xa
Vì đâu đổ nát sơn hà?*

Để ai lưu lạc bốn ba xứ người

Chợt buồn thương tuổi đôi mươi
Đầm đìa mắt lệ nhớ người viễn phương
Hóa công gây nổi đoạn trường
Tháng năm đang dang dở vương mối sầu

*Người xưa giờ đã về đâu?
Tìm nhau mòn mỏi bể dâu chẳng sòn
Tháng Tư gió nổi từng cơn
Trông về đất mẹ ngậm hờn đắng cay*

Nhớ thương oằn nặng đêm ngày
Mang thân lũ thú miệt mài trời xa
Tâm tư hoài niệm quê nhà
Trùng dương cách trở tình ta vẫn nồng

*Một thời rực rỡ non sông
Bao năm phiêu bạt lòng không nhạt mờ
Chốn xưa kỷ niệm nên thơ
Tháng Tư tàn phá bây giờ còn đâu!*

Món Nợ Không Vay

Cổ Bi, Cựu Tù Chính Trị Z30D

(Trích đăng)

Phần 1: Tháng Tư con nắng đỏ

Kể từ sau 30/4/1975 nói đúng ra là ngày 15/6/1975 hạn chót cho sĩ quan cấp tá mang 13,100 đồng VNCH vào các trung tâm tiếp nhận học tập cải tạo để trả tiền ăn trong một tháng. Tôi là một trong những người chót trình diện ở trường trung học Taberd (vì chỉ còn 15 phút nữa là trường đóng cửa).

.....

Đang sửa soạn chỗ ngủ thì được lệnh thu xếp hành trang xuống sân trường, buông nào ra buông đó. Cứ 40 người một khối. Lúc này đã một giờ sáng, molotova vào sân từng đoàn. Mỗi khối lên một xe chật như nêm, mỗi xe có hai tên bộ đội ngồi cuối xe canh gác. Trời tối thui, lại thêm bít bùng, chúng tôi không thể đoán đoàn xe đi hướng nào. Phố phường im phăng phắc, chỉ nghe tiếng máy chạy. Xe bon bon, êm êm, chúng tôi đoán xe chạy trên quốc lộ, không biết miền Đông, hay miền Tây? Năm giờ sáng xe ngừng, các quan bấy giờ mới nghe mình ê ẩm. Ra khỏi xe, tên bộ đội bắt chúng tôi xếp hàng điểm danh rồi yêu cầu chúng tôi vào căn nhà lợp tôn để ổn định chỗ ở. Tạm thời mỗi người được vừa đủ chỗ cho một chiếc chiếu.

Đây là căn cứ Black Horse của Sư Đoàn 1 Không Kỵ Hoa kỳ (1^a cav). Sau hiệp định đình chiến 27/1/73, Trung Đoàn 48 Sư Đoàn 18 tiếp thu dùng làm hậu cứ. Căn cứ này rộng mênh mông, nhà cửa khang trang, khu gia binh được xây bằng gạch, lợp ngói. Một ngôi chùa Phật, một nhà thờ Công giáo uy nghi nay bỏ hoang. Chả Phật và Chúa bị Cộng sản cho tập trung vào một nơi nào đó rồi.

Khoảng ít ngày sau, sĩ quan cấp úy ào ào tuôn vào căn cứ. Sinh hoạt lúc này nhộn nhịp hẳn lên. Bạn bè tìm hỏi nhau, gặp nhau mừng tủi, cứ như xa nhau từ mấy kiếp nay gặp lại. Bạn tôi, V. cho biết chúng tôi đi chừng 10 hôm thì thông cáo chính thức yêu cầu sĩ quan cấp úy, hạ sỹ quan từ trung sỹ trở lên thuộc các ngành nghề đặc biệt như an ninh, tình báo, cảnh sát đặc biệt cũng phải trình diện đóng tiền học 10 ngày như nhau. Ừ thôi các bạn cấp úy đàn em đi học 10 ngày là đúng, tội tớ dân hoa lá cành (mũ của cấp tá có viền hai nhánh hoa lá trên vành) đi một tháng là đúng rồi.

Thời gian này chúng tôi bắt đầu nghe những tin tức về các vị tướng anh hùng của chúng tôi. Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam Tư Lệnh Quân Đoàn IV, Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng Tư Lệnh Phó của Tướng Nam, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II, Chuẩn Tướng Trần Văn Hai Tư Lệnh Sư Đoàn 7, Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ Tư lệnh Sư Đoàn 5 tự sát hầu như cùng ngày.

30/4/1975. Còn nhiều nữa, những anh hùng vô danh đủ các cấp đã tuấn tiết ngay sau lệnh đầu hàng của Tổng Thống một ngày rưỡi Dương Văn Minh. Thằng Tư, cơn nắng đỏ đang đốt cháy Xuân quê hương.

Oi cuộc đời tù đầy bắt đầu từ nay! những lời đồn đại nào là Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Ngô Quang Trưởng... từ Mỹ đã trở về thành lập chiến khu. Những mật khu của VC cũ thì nay là của kháng chiến quân VNCH. Dân chúng, sau vài tháng ném mùi CS, đã bắt đầu tiên đoán vận rủi sắp ập xuống đầu đây.

Những tin vui kháng chiến, sắp có giải pháp cho cải tạo viên dần dần lạt phai, cạn dần theo sức khỏe. CSVN có đầy kinh nghiệm “tập trung cải tạo” nên họ làm cho cuộc sống của chúng tôi trong trại lúc nào cũng bận bịu. Hết học tập bài bản này sang bài bản khác, nào là nội qui trại, mười bài về dân chủ... Cứ sau một bài giảng họ ra vài câu hỏi. Họ cho hai ngày suy nghĩ, đào sâu, họp tổ, đội dưới sự hướng dẫn của quản giáo. Từ anh giảng viên chính trị, tới anh quản giáo, binh nhì bộ đội nói và phát biểu giống nhau như đúc. Một câu hỏi bình thường sau năm phút suy nghĩ chúng tôi có thể trả lời ngay. Vậy mà họ để chúng tôi tới một ngày suy tư, nghiên cứu. VC làm gì cũng có chủ đích, họ sợ chúng tôi nhân cơ hội bất tiện, đi lại linh tinh, họ khó kiểm soát.

Thời gian đầu, chúng tôi chỉ đi sưu tầm tin tức bên ngoài. Tình hình quân ta tới đâu rồi? Chiến khu, căn cứ địa liệu có đủ sức chống trả những đợt tấn công vũ bão của VC không? Nếu quả thật có Tướng Kỳ, Tướng Trường, Tướng Lân về chiến khu thì thật nức lòng “tù hàng binh” bất đắc dĩ này! Cứ mang các câu chuyện này cho xong 10 bài “học dân chủ” chán như cơm nếp nát.

Cuối tháng 11/75 lại di chuyển nữa một đoàn molotova đang túc trực bên ngoài. Bọn bộ đội tủa vào nhà, ai cũng ra cái vẻ quan trọng, mặt mũi chăm vằm, quát tháo inh ỏi:

- Yêu cầu các anh có tên thu xếp đồ đạc, sửa soạn biên chế, các anh có 15 phút sửa soạn.

Toàn là cấp tá! Chắc lại thanh lọc. Có thể đưa tới khu rừng nào đó thanh toán không chừng, hoặc chuyển tới một trại nào đó kiên cố hơn? Lại 40 người một xe. Độ nửa đêm xe vào khu nhà tôn, trong khi xe chúng tôi đậu trước cổng Khu C. Trước kia, đây là trại giam tù phiến cộng, trại này nằm xéo và cách Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, gần 1 km đường đi Hồ Nai. Thế là xong đợt học tập 10 bài học về dân chủ kiểu XHCN. Có lẽ đảng CSVN tạo điều kiện cho chúng tôi thực tập thế nào là

dân chủ tập trung? Thực tập kiểu này coi bộ không tiện. Nhốt tù thì nói thẳng là nhốt cho rồi, bày đặt chơi chữ! “Thời gian học tập lâu hay chóng tùy thuộc các anh.” Bất cứ buổi lên lớp chính trị nào, anh giảng viên cũng kết luận bài học của anh ta bằng những câu như vậy. Nghe riết đâm thuộc lòng. Không bình tĩnh suy nghĩ dễ bị nhồi sọ lắm.

Lúc đầu thì chế độ, nếu lập đi lập lại nhiều lần thì nó vận vào người lúc nào không chừng. Chính vì vận vào óc nên có một số rất ít anh em ta yếu bóng vía tưởng thật bèn bán linh hồn cho quỷ lúc nào không hay. Số anh này làm việc rất miễn cưỡng, chuyên nghe ngóng truyện rí tai “hot news” dâng lên cán bộ. Thỉnh thoảng họ còn tiếp tay với bộ đội tung tin thất thiệt nào là quân ta phá kho đạn thành Tuy Hạ rồi (Tết Bính Thìn), công giáo lập căn cứ ngay trong nhà thờ Vĩnh Sơn, Phục Quốc Quân được thành lập tới cấp sư đoàn rồi... Hot news tới tấp, toàn tin vui, nức lòng chiến sĩ quá! Cuộc sống tù tội thế này cũng được an ủi phần nào.

Thế xác từ từ hao gầy vì thiếu chất bổ dự trữ. Tin sốt dẻo cạn dần, “good news” chỉ còn “bad news”. Khu C chúng tôi nhốt gần 2000 thiếu tá êm ả trôi qua tới tháng 4/1976 thì xảy ra một biến cố bị thảm. Thế này, nhà 16 có hai anh Bé, anh Tư (Trần văn Bé Trưởng Phòng 2 Tiểu Khu Định Tường, Phạm Văn Tư Trưởng Phòng 2 Tiểu Khu Quảng Đức). Hai anh cũng Khóa 19 TVBQGVN được biệt phái làm mộc ngoài cơ quan. Tôi là đàn anh nhưng cũng là bạn thân với Bé. Lệ thường trước khi ra ngoài làm mộc, Bé thường hỏi tôi có cần mua đồ ăn, thuốc hút, lóng này các quan hết tiền nên chuyển sang thuốc lào cho phê.

Hôm đó Bé và Tư đi ngang nhà tôi, tôi nói đùa:

- Các cậu đi đâu mặc đồ đẹp vậy.

Bé chỉ cười, không hỏi tôi xem có cần mua gì, có lẽ thấy tôi ngồi xoa với mấy anh trong hội mật chực. Bé không tiện ghé, vì nếu nhiều người gửi mua hàng thì không có sức mang.

Tôi chỉ nói với một câu:

- Hôm nay các cậu diện keng nhì?

Buổi trưa không một chút gió, Biên Hoà lại đang trong giao mùa mưa và khô, nên không khí ngột ngạt khó thở. Trại giam không có một bóng cây, chúng tôi ở trần suốt. Đang thiêm thiếp thì nghe vài tràng súng nổ. Chắc mấy tên bộ đội rừng mớ bắn chim chứ gì? Không khí hầm hập nặng nề trôi...

Khoảng hai giờ chiều tức là sau khi nghe mấy tiếng súng độ nửa tiếng thì hai tên bộ đội vào ngay lảng tôi gọi anh B trưởng nói gì đó. Anh Quế (B trưởng) đọc tên bốn anh trong lán ra cơ quan làm việc. Một tiếng sau bốn anh bạn cùng lán về cho biết:

- Tụi nó bắn chết anh Tư ngay trên hàng rào kẽm gai cạnh đường cái.

Còn Bé? Nghe nói tụi nó đang bủa người đi tìm. Xác anh Tư mang vào bệnh xá. Thôi ít ra phe mình cũng thoát được Bé. Chúng tôi thăm cầu cho Bé thoát khỏi mọi tai ương. Hơn một ngàn người chỉ nói chuyện về người hùng Nguyễn Văn Bé. Bé không ngu gì đón xe về Sài Gòn ngay, mà sẽ đón xe lên Hồ Nai, trú ở nhà dân tối thiểu vài ngày. (Dân Hồ Nai toàn Công giáo, nên Bé có thể yên tâm chờ tình hình). Bốn hôm sau, cả khối C nghe tin xét đánh. Anh Bé bị bắt lại.

Chúng nhốt anh trong conex đặt ngay cổng ra vào của khối. Mỗi ngày chỉ có một người trong toán nhà bếp tiếp tế cơm cho anh. Cùng thời gian này, hai anh Quang (Biệt Động Quân) và anh Thịnh cũng bị trùng hợp như Bé và Tư. Trong một vụ trốn trại, anh Quang bị bắn chết trên hàng rào ở Hóc Môn (thành Ông Năm), anh Thịnh bị bắt, hiện đang bị nhốt ở đây (Suối Máu).

Rồi một buổi chiều tháng Tư 1976, anh B (trùng tên với Bé) trong lán tôi được lệnh mang đồ nghề hớt tóc ra conex hớt tóc cho Bé. B vào lán báo lại anh em là anh Bé nom yếu, nhưng tinh thần còn sáng suốt. Tin nhà bếp cho biết chiều nay

anh bếp sửa soạn một bữa cơm ngon lành cho anh Bé. Quái lạ, hai sự kiện bất thường cùng xảy ra trong một buổi chiều. Đường như sẽ có chuyện không hay chụp lên anh Bé? Sáng hôm sau, anh Quế, B trưởng của lán chúng tôi, là một trong những người được đề cử ra cơ quan dự phiên tòa nhân dân xử án anh Bé.

Toàn trại tù không thể quên được thời tiết hôm xử án anh Bé. Trời đang nắng tóa lửa bỗng một cơn gió cuộn ào ào, chúng tôi phải vội lấy áo ấm mặc thêm chống lạnh. Đó là lúc ngoài phòng xử, tên chánh án kết tội anh Bé tử hình. Anh Bé bị nhét khăn vào miệng, dẫn ra pháp trường. Chúng tôi hành án ngay bằng những khẩu AK47. (Anh Quế cho biết sau khi tên chánh án đọc bản án tử hình, anh Bé hô ngay: “VIỆT NAM CÔNG HÒA MUÔN NĂM”. Chính vì thế chúng mới vội nhét khăn vào miệng anh ngay kéo sợ anh hô thêm vài tràng đả đảo nữa thì cả lũ sẽ bể mặt.)

Ngày hôm sau, các B trưởng cũng lại có mặt tại phòng xử hôm qua. Anh Thịnh- (Sỹ Quan An Ninh trong Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên, trong Phi Trường Tân Sơn Nhất) đã bị nhét sẵn giẻ ở miệng, chúng rút kinh nghiệm sợ anh hoan hô Việt Nam Cộng Hòa, đã đảo Cộng Sản thì mệt chúng lắm! Sau hơn hai tiếng luận tội, tên chánh án cũng tuyên án tử hình. Bản án được thi hành ngay. Hai anh hùng QLVNCH, hai ngọn hải đăng soi đường cho những đoàn tàu sau này sẽ vượt biển ra khơi, chỉ một mục đích chọn tự do, thoát ách cộng sản. *

Những bức thư của thân nhân tới tập gửi vào cho chúng tôi, hay ngược lại đều viết theo chính sách nghĩa là các anh ở trong trại yên tâm “cải tạo”. Người nhạc sĩ mù chơi đàn cổ nổi danh trong các đoàn hát cải lương trước 1975 là anh Văn Vĩ, được nhắc đến nhiều nhất thời gian này. Nào anh Văn Vĩ của chúng mình nhờ đảng và nhà nước chiếu cố đưa vô bệnh viện giải phẫu, nên mắt anh đã... sáng rồi. Một số tin tức liên quan đến tù chúng tôi được anh em truyền khẩu. Nào tướng Nguyễn Khoa Nam chưa chết. Ông đã cải trang, hiện hoạt động trong

một chiến khu bí mật ở miền Tây. Tin tức sốt dẻo, chúng tôi thường dùng chữ “hot news” cho hấp dẫn, đã là những liều thuốc bổ vô giá, là chỗ dựa tạm thời cho những mảnh đời vô vọng đang tìm phao cứu cấp trong những lán tôn hầm hập vùng suối máu.

Cũng qua những mật ngữ của gia đình, anh em tù biết xã hội bên ngoài, toàn dân miền Nam đang đắm chìm trong con nằng đỏ của cộng sản. Sau vài đợt đổi tiền, cải tạo công thương nghiệp, đánh tư sản, đuổi gia đình có máu mặt đi vùng kinh tế mới, mục đích chiếm đoạt nhà cửa khang trang bằng những sắc lệnh của nhà nước cho có vẻ hợp pháp. Truyện buồn, vui trong tù vùng suối máu lặng lẽ trôi, bấy tù chúng tôi như những đàn cá mắc cạn trong rạch nước khô cằn- không đoán được con đường trước mặt sẽ đưa mình đi về đâu.

(còn tiếp)

Phần 2: tìm đường...

* Niên Trưởng Hoàng Đình Ngoạn Khóa 17 giới thiệu.



"My South Vietnam – Miền Nam của Tôi" và Tác Phẩm "Mảnh Da Vàng"

Cao Xuân Thanh Ngọc, K14/2

Sáng ngày 1 tháng 9 - 2024, Nam California với cái nóng bức của mùa Hè cũng không ngăn được đồng hương đến tham dự buổi ra mắt bộ phim tài liệu "My South Vietnam". Bên cạnh cuốn phim tổng hợp tài liệu này, tác phẩm "Mảnh Da Vàng" của tác giả Chu Lynch cũng được ra mắt khán giả tại Hội Trường Lavender nằm trên Đại Lộ Beach thuộc thành phố Westminster.

Vì số người ghi danh tham dự quá đông trước ngày ra mắt phim, Ban Tổ Chức đã ra thông báo tạm ngưng ghi danh để bảo đảm không vượt quá số người cho phép của Hội Trường.

Hội Trường đầy chỗ, với 455 chỗ ngồi bao gồm các giới chức Quốc Hội, cơ quan chính quyền, các cơ quan truyền thông báo chí, các đoàn thể, các cá nhân, các nhiếp ảnh gia, quay phim và những em nhỏ sinh trưởng tại Mỹ.

Một chi tiết hiếm có, là đại diện Vietnam Film Club, ông Chu Lynch và anh Trương Thanh Liêm đã được các vị có thẩm quyền của tiểu bang và thành phố trao nhiều bằng tưởng lục

cho những việc làm bảo tồn văn hóa Việt Nam của Vietnam Film Club trong suốt 15 năm qua. Thật ý nghĩa khi nghe cô Frances Thế Thủy từ Học Kkhu Westminster cho biết là các em học sinh được học môn tiếng Việt mỗi ngày trong tuần và tiếng Việt là một môn học chính thức cho các em chọn lựa! Đây quả thực là cách bảo tồn văn hóa hữu hiệu “Tiếng Việt còn, dân tộc Việt còn!”

Ông Chu Lynch
(bên trái), **Cô**
Thanh Ngọc (bên
phải).



Sau đó, ông Chu Lynch, một trong hai vị đồng sáng lập Vietnam Film Club từ năm 2010 đã nói qua hành trình thực hiện bộ phim “My South Vietnam” gồm 12 tập bằng song ngữ Anh Việt, bao gồm nhiều lãnh vực như quốc gia, văn hóa giáo dục, y tế, phụ nữ, thể thao, kinh tế, âm nhạc, tôn giáo, quân sự, di sản, và tuổi trẻ hải ngoại.

Cuốn phim trình chiếu trong vòng 67 phút đã vẽ lại bức tranh xã hội Miền Nam trong suốt 20 năm xây dựng, chiến đấu bảo vệ tự do.

Ông Chu Lynch cũng giới thiệu về đứa con ty nạn của ông có tên là “Mảnh Da Vàng” mà ông đã cưu mang trong suốt 47 năm, thay vì 9 tháng 10 ngày. Công phu của tác giả là tác phẩm được viết trong các trại tập trung, viết bằng mật mã, viết lén lút, viết sau khi ra tù, viết tại hải ngoại, và viết trên giường

bệnh.

Bộ phim mở đầu với nghi thức khai mạc bằng video nghiêm trang, trang trọng, xúc động với những hình ảnh hào hùng về Quân Lực VNCH hay bị thương với con tàu vượt biển lênh đênh trên biển cả.



Một quang cảnh dưới cơn mưa tại Sài Gòn tháng 6/1965.

Cuốn phim tổng hợp được nhiều người yêu thích nhất là bản “Quốc Thiệu Việt Nam Cộng Hoà” được trình diễn xuất sắc bởi ban đại hoà tấu Phủ Tổng Thống Ukraine, do Vietnam Film Club thực hiện năm 2012 tại Ukraine.

Bức tranh toàn cảnh của Miền Nam Việt Nam đã gây thốn thức cho khán giả, kể cả một vài trẻ em ngồi trên sàn gần sân khấu để nhìn cho rõ phần phụ đề tiếng Anh.

Nhiều đồng hương đã hát theo những bài hát trong phim quen thuộc mà dường như đã bị quên lãng. Họ hát theo mà nước mắt chảy dài!

Tôi không thể ngờ, miền Nam đã có một thời huy hoàng, văn minh và nhân bản như vậy! Hầu như mọi khán giả ở lại cho tới phút cuối cùng của buổi chiếu phim và cùng đứng dậy đồng ca bài Việt Nam Việt Nam của Phạm Duy trước khi cuốn

phim chấm dứt!

Họ vẫn không ra về mà ở lại cùng quay quần với nhau để có những tấm hình chụp chung làm kỷ niệm, và thắt chặt tình người ty nạn. Cảm ơn các nhiếp ảnh gia thiện nguyện nhiệt tình từ trái tim người ty nạn.

*Cô Thanh Ngọc,
Khóa 14/2 đang
giới thiệu tác
phẩm
“Mảnh Da
Vàng”.*



Tôi nghĩ đó chính là thông điệp mà bộ phim My South Vietnam muốn gửi đi cho giới trẻ Việt Nam suy nghĩ về trách nhiệm trong hiện tại ở hải ngoại và trách nhiệm về tương lai khi đất nước có cơ hội thay đổi.

Cảm ơn Vietnam Film Club về bộ phim tài liệu lịch sử quý giá. Cảm ơn Ban Tổ Chức đã làm việc cật lực mấy tháng qua. Cảm ơn quý đồng hương tham dự tràn ngập hội trường. Cảm ơn các nhà tài trợ và khán giả đã đóng góp cho một chương trình tổ chức đầy ý nghĩa và đầy tình nhân bản khi cùng đồng cảm nhìn về một quá khứ miền Nam tốt đẹp, đầy tiềm năng phát triển cách đây nửa thế kỷ.

Ngày 1 tháng 9 năm 2024.

Lời Nào Cho Em!

Trần Thức, "ĐĐ3/3/40/SĐ 22 BB"

- Để mặc niệm ngày 30/4/75, tròn 50 năm - Ngày Tổ Quốc Việt Nam bị phủ màu tang.

- Để vinh danh những người phụ nữ VN có chồng con đi tù "cải tạo" sau 30/4/75. Các chị đã một lòng thủy chung chờ đợi ngày đoàn tụ, không sa ngã trước muôn ngàn cám dỗ.

- Bài thơ này để riêng tặng cho vợ tôi, Tôn Nữ Thanh Thủy, và tất cả chị em phụ nữ VN có chồng đã trải qua nhiều năm trong ngục tù CSVN.

Quên sao được những lần em đến trại
Thăm nuôi anh từng lon muối túi đường
Em thức dậy từ mờ sáng tinh sương
Xe đăm chuyển mới đến "Trường Cải Tạo"



Lần đầu tiên em nhìn anh thấy lạ
Dáng bơ phờ và gầy yếu xanh xao
Em cắn môi kèm nước mắt tuôn trào
Anh đau xót nghe tim mình rỉ máu

Thời gian ấy tình em càng quý báu
Thăm nuôi chồng và dạy dỗ con thơ
Tàn tảo sớm hôm kiên nhẫn đợi chờ
Anh ra trại để gia đình đoàn tụ.

Viết về em ngôn từ nào cho đủ
Tình yêu em như biển rộng sông dài
Dù cuộc đời có những lúc bi ai
Nhưng tình em vẫn miên trường vĩnh cửu

Anh nhớ mãi một chiều nơi An Cựu
Phố Huế mưa phùn lạnh buốt thịt da

Nhìn thấy em qua vóc dáng ngọc ngà
Như nàng tiên một thời anh mơ mộng
Gần 50 năm chúng mình chung sống
Em hiền hòa đôn hậu trọng nghĩa nhân
Vợ chồng ta tuy có lúc thăng trầm
Em vẫn giữ trong tim một hình bóng
Có nhiều đêm tâm tư anh lắng đọng
Thương em nhiều em có biết hay không?
Giữa lúc tình ta đang đượm hương nồng
Anh lại phải lên đường đi chinh chiến
Kể từ đó từng đêm em cầu nguyện
Nơi chiến trường cho anh được bình an
Cho Quê hương không còn cánh điêu tàn
Và mơ ước anh về vui chiến thắng
Nhưng trớ trêu! Cuộc đời nhiều cay đắng
Kẻ vinh quang lại là lũ vô thần
Một chuỗi sầu đã đến với Quốc Dân
Kể từ độ tháng Tư Đen năm ấy
50 năm rồi chắc em nhìn thấy
Trong lòng dân còn ngưỡng mộ các anh
Những người trai sứ mệnh chưa hoàn thành
Đành ôm hận đi vào vòng lao lý
Mấy chục năm kể từ ngày đến Mỹ
Em đã chu toàn bổn phận phu thê
Cùng với anh lo thu xếp mọi bề
Em là cả những gì trong hạnh phúc
Cám ơn em một người vợ hiền thực
Đã cho anh thể xác lẫn tâm hồn
Bao năm tù em một dạ sắt son
Không sa ngã trước muôn ngàn cạm bẫy

St. Louis, Mùa Quốc Hận 30/4/2025.

Về Thăm Trường Mẹ Sau Ngày Mất Nước

Bùi Văn Đoàn K19

Tôi nghĩ rằng trong hàng ngũ Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, ít người được may mắn như tôi là được trở lại thăm trường sau ngày mất nước.

Sau 1975, qua những năm gian khổ trong lao tù CS, tôi trở về với gia đình và sống trong hoàn cảnh rất bi đát. Một người bạn kiến trúc sư rủ tôi đến làm việc với anh trong đội xây dựng và sửa chữa nhà cửa. Tôi nhận lời, công việc tuy bận rộn, nhưng rất vui và lại có tiền để chi tiêu.

Đến năm 1989, Đội chúng tôi được mời tới sửa chữa và xây dựng một số công trình tại Trường Võ Bị. dịp may đã đến với tôi, tôi mừng lắm! Ra trường năm 1964, nay trở lại trường 1989, nghĩa là sau 25 năm dài đặng đẵng, tôi chưa có dịp quay lại Đà Lạt. Tôi nôn nóng chờ đợi ngày được vào trường.

Tôi vào trường bằng cổng sau (khu Chi Lăng) qua Trường Chi Huy Tham Mưu và khu Quang Trung. Cảnh vật ở đây đối với tôi không có gì xa lạ, nhưng bây giờ tiêu điều vắng vẻ, doanh trại cũ kỹ thảm thương.

Qua một đoạn đường ngắn, nhiều ổ gà tôi đến Vũ Đình Trường Lê Lợi. Thật không thể nào tưởng tượng được, một nơi mà ngày trước thật đẹp đẽ và trang nghiêm, bây giờ lại tàn tạ hoang phế như vậy!

Trên sân là một bãi cỏ hoang, cỏ dại mọc cao đến đầu gối, lan tràn lấp cả đường đi. Khán đài sụp đổ xiêu vẹo, những miếng tôn lợp mái bay rải rác khắp nơi. Đài Chiến Sĩ Trận Vong còn đó, nhưng Huy Hiệu Trường Võ Bị Quốc Gia đã mất, thay vào đó là hình Hồ Chí Minh mặt mày lem luốc nhoe nhoe! Chung quanh vẫn là những đồi thông bát ngát, tôi cảm thấy hồn thiêng sông núi vẫn còn phảng phất đâu đây.

Nhớ hồi còn học tại trường, nhớ rõ vị trí của mình đứng trong hàng quân trong những buổi tập cơ bản thao diễn, múa sung, xếp đội hình thành chữ “V B Q G”, nhớ tiếng nhạc Quân Hành “Cầu sông Kwai” vang lên trong tiếng hét của Đại Úy Liên Đoàn Trưởng Huỳnh Bửu Sơn, nhớ những buổi tập trận giả mệt mỏi nhưng thích thú, nhớ đêm Truy Diệu xúc động và nghiêm trang, nhớ ngày mãn khóa tung bừng lộng lẫy cờ quạt, nhớ thầy, nhớ niên trưởng và các bạn.

Nhớ nhiều lắm, tôi giật mình, lau nước mắt trở lại với thực tại.

Vào thăm doanh trại, tôi thông thạo đường đi nước bước khiến bọn VC ngạc nhiên vì chúng không biết rằng trường này là trường của tôi. Tôi muốn đi thăm tất cả nhưng đã bị chúng hạn chế.

Sân cỏ trước doanh trại bây giờ là một bãi cỏ hoang, xen lẫn vào là những luống khoai lang, rau cải đủ loại. Tôi được hướng dẫn đến thăm “batiment” của Đại Đội H cũ. “building” này bị lún sâu và hơi nghiêng, bọn Việt Cộng nhờ chúng tôi đến quan sát và cho ý kiến để sửa chữa. Lý do bị lún là vì hệ thống thoát nước hư hỏng đã lâu, bao nhiêu nước thải đổ xuống một góc nên nhà bị lún.

Tôi vào doanh trại, tường và sàn nhà vàng ố dơ bẩn. Qua

các phòng ngủ, tôi thấy khóa đều bị hỏng, bọn cán bộ vc đã đục cửa và choàng dây xích để khóa lại. Trong phòng các cửa kính đều vỡ, thay vào đó là những tấm “carton”, không còn giường sắt mà là những chiếc giường gỗ đóng sơ sài có trải chiếu, trên bàn, ly chén lỏng chỏng, lại có cả bát nhang và đèn cầy. Góc phòng là một cái bếp kê trên ba hòn gạch, nồi niêu xoong chảo bừa bãi, một vài phòng có cả chuồng gà. Nhà tắm và nhà vệ sinh hoàn toàn không dùng được vì hệ thống cống hư hỏng, bây giờ là nơi phơi quần áo. Không thể nào ngờ được nơi đây trước kia chúng tôi nâng niu lau chùi, đánh bóng từng viên gạch, bây giờ cũ kỹ, bẩn thỉu. Ngoài hành lang và cầu thang đầy đất cát và rác rưởi!

Theo lời một số cựu Sinh Viên Sĩ Quan khác cho biết, sau ngày VC chiếm Miền Nam, chúng biến Trường Võ Bị thành Trường Đào Tạo Cán Bộ Cao Cấp của VC. Dân Đà Lạt kể lại rằng những cán bộ VC thụ huấn tại trường đã nhiều đêm bị kinh hoàng, vì những oan hồn Sinh Viên Sĩ Quan chiến sĩ trận vong về đòi lại trường. Đêm đêm khi chúng đang ngủ thì có những trận cuồng phong nổi dậy, giông tố mịt mù giữa những tiếng reo hò, gào thét của những chiến sĩ. Người chỉ huy xưng danh là Nguyễn Anh Vũ (Thủ Khoa Khóa 18). Chúng sợ quá giật mình choàng dậy thì thấy vật dụng trên bàn trên tủ rơi đầy xuống đất. Có tên VC còn bị quăng xuống sàn. Bọn VC ra phổ hỏi ý kiến đồng bào rồi về trường lập bàn thờ cúng. Sau đó chúng mới được tạm yên.

Câu chuyện trên tôi được nghe kể lại, không biết hư thực ra sao, nhưng có một điều tôi xác nhận là khi thăm doanh trại, tôi thấy trong mỗi phòng ngủ đều có bát nhang. Riêng tôi đã rất xúc động. Do đó trước khi cho đội bắt tay vào xây dựng sửa chữa trong trường, tôi đã cho lập một bàn thờ để tưởng niệm các Cố Sinh Viên Sĩ Quan.

Tôi vào thăm phạm điểm, nơi đây trước kia ngày ba bữa, chúng tôi tụ họp ăn uống, sinh hoạt vui vẻ, nhớ những bữa ăn “thắng góc” thời Tân Khố Sinh. Tôi nhớ Đại Ủy Soạn, nhớ

những buổi tập nhạc, tập nhảy vui nhộn thích thú. Bây giờ phạm điểm tôi tắm trống trải, không trang trí, nhện giăng khắp nơi, ruồi nhặng, hôi hám.

Chúng tôi quan sát khu đất phía sau phạm điểm, bọn VC muốn xây bốn dãy nhà tiền chế để dùng làm nhà tắm, nhà vệ sinh cho các khóa sinh. Mỗi dãy gồm 10 căn nhà cầu thô sơ nhất, ngồi chồm hồm có thùng chứa phân bên dưới, phân thải ra dùng tưới rau. Giữa nhà có một hồ chứa nước để tắm, kiểu nhà tắm tập thể. Công việc xây dựng đơn giản thế thôi. Tôi không hiểu khi trời Đà Lạt vào mùa Đông, làm sao bọn chúng tắm rửa như thế này được.

Sau buổi quan sát để về thiết kế, tôi rời trường bằng cổng trước. Cổng trường vắng tanh, có một tên cối cầm AK đứng gác. Câu lạc bộ cũ kỹ buồn tẻ, nơi đây ngày trước chúng tôi thường ra ăn uống, đánh billard... bây giờ đã đóng cửa.

Ra khỏi trường, tôi dừng lại trên đồi, nhìn lại toàn khu Trường Võ Bị, vẫn như vậy dưới bầu trời nhiều mây trắng, giữa những đồi thông xanh thoai thoải là những tòa “building” gạch đỏ đồ sộ.

Trường tôi đó, nơi đào tạo những đứa con yêu cho Tổ Quốc vẫn sừng sững nguy nga trên Đồi 1515. Đẹp quá, chỉ thiếu những hình ảnh quen thuộc thân yêu, thiếu Quốc Kỳ, thiếu Quân Kỳ, thiếu tiếng kèn tập hợp, thiếu những bộ quân phục mang alfa đỏ với nhịp chân hùng hồn theo tiếng hát Võ Bị Hành Khúc, thiếu tiếng hô “TAN HÀNG... TỰ THẮNG” và thiếu cả đàn bò Farrant thường gặm cỏ quanh trường, thiếu... và thiếu tất cả!

Rời trường, tôi bàng hoàng không muốn rời bước. Một cảm xúc nghẹn ngào, xót xa dâng lên, hai hàng nước mắt tuôn ra vì tôi biết rằng từ đây tôi phải xa trường, như tâm trạng của một đứa con xa mẹ, dù biết rằng sẽ có ngày trở lại.

Phát Hành Đa Hiệu 130

Tháng 12 Năm 2024

Do Hội Võ Bì Nam California đảm trách.

(Vài hình ảnh tiêu biểu.)



Các chị Phụ Nữ Lâm Viên North Carolina
đã thân tặng một bánh sinh nhật để kỷ niệm buổi gói báo này.





Một buổi hội ngộ bỏ túi tươi vui và có ý nghĩa.





Chị Quách Thường, K20/1 (thứ hai từ trái), chủ nhân.



Phái đoàn Bắc California bao gồm NT Nguyễn Văn Miêu K18 và phu nhân, cùng các CSVSQ Hoàng Như Cầu, Trương Thành Minh và Huỳnh Dĩ Minh, K28



Hồi Ký Phạm Trọng Sách

Hồi Ký là một thể loại được cho là vừa dễ, vừa khó viết. Dễ vì tư liệu sống có sẵn. Những sự việc đã xảy ra được kể lại bằng chữ viết thay vì lời nói, không cần hư cấu. Khó vì phải giữ tính trung thực của mọi sự việc, không che giấu cũng không phóng đại. Đây là tinh thần chính yếu của hồi ký. Tác phẩm của tác giả Phạm Trọng Sách, gần như là một tự truyện



vừa của chính tác giả vừa của bất cứ người nào đã trải qua giai đoạn mất nước vào cuối tháng 4-75 cùng hậu quả kéo dài đầy bi quan sau đó. Tác giả chia tác phẩm thành bốn phần: Cuối Đường, Ngục Tù, Ta Về, và Ga Cuối Cuộc Đời.

Trên là lời giới thiệu Tác Phẩm Hồi Ký Phạm Trọng Sách của Niên Trưởng Phạm Trọng Sách, Khóa 18 vừa được Nhà Xuất Bản Nhan Anh Publisher cho phát hành vào năm 2024.

Quyển sách có khổ giấy 8.5” x 5.5”, trắng, dày 200 trang, được trình bày trang nhã và dễ đọc.

Các độc giả muốn order sách, có thể tìm thấy trên website bằng cách đánh máy Phạm Trọng Sách (có dấu hoặc không). Quyển sách được bày bán trên Amazon (ISBN-13979-8869188380), với bìa mềm, giá 20\$/ quyển (chưa kể shipping).

Tác phẩm Hồi Ký Phạm Trọng Sách đáng được quý vị độc giả chọn đọc và làm quà tặng gửi đến các thân hữu của mình.

Trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

Ban Biên Tập

LIÊN HỘI VÕ BỊ CHÂU ÂU
Yểm Trợ Đa Hiệu 131 - Học Bổng TTNDH
- Quỹ THPT (17/3/2025)

		Đa Hiệu 131	Học Bổng TTNDH 2025	Quỹ THPT
1	Phân Hội Tây Nam Âu Châu	200 €		
2	Lê Ngọc Diệp	12	50 €	50 €
3	Nguyễn Vĩnh Giám	19	100 €	
4	Nguyễn T Huyền Nga	TH	50 €	50 €
5	Đặng Văn Khanh	25	200 €	100 €
6	Đặng Tuấn Khôi	25/2		50 €
7	Đặng Tuấn Khoa	25/2		50 €
Tổng Cộng Euros		600 €	250 €	200 €

HỌC BỔNG VÕ BỊ

Niên Học 2024 - 2025

Kính Đại Gia Đình Võ Bị,

Để kết nối tình thân giữa hậu duệ Võ Bị trong và ngoài nước, khuyến khích lòng hiếu học và phụ giúp phí bút mực cho các hậu duệ Võ Bị trong nước, đây là năm thứ tám Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu duy trì Học Bổng Võ Bị.

Với sự thương yêu hỗ trợ của Đại Gia Đình Võ Bị, chúng cháu đã có thể gởi đến hậu duệ Võ Bị trong nước 29 phần học bổng cho niên học 2024 - 2025.

Kèm theo đây là danh sách của các hậu duệ đã nhận được học bổng năm nay:

Tiểu Học (từ lớp 1 đến lớp 5) - \$100 (7 giải):

Châu Ngọc Duy K.31/3 - Lớp 4

Thiên Long K.31/3 - Lớp 4

Thiên Vương K.31/3 - Lớp 2

Đặng Nguyên K.31/3 - Lớp 4

Trịnh Xuân Huy K.19/3 - Lớp 5

Thanh Trúc K.31/3 - Lớp 3

Lương Triệu K.31/3 - Lớp 3

Trung Học Đệ Nhất Cấp (từ lớp 6 đến lớp 9) - \$150 (6 giải):

Châu Ngọc Lê K.31/3 - Lớp 9

Hồ Tuấn Kiệt K.31/3 - Lớp 8

Phạm Đình Khiêm K.31/3 - Lớp 6

Phạm Khánh My K.31/3 - Lớp 9

Nguyễn Trường Giang K.31/3 - Lớp 8

Lương Triều K.31/3 - Lớp 7

Trung Học Đệ Nhị Cấp (Lớp 10 đến Lớp 12) – \$200 (6 giải):

Lê Nguyên Phúc K.31/3 Lớp 10

Nguyễn Hải Đăng K.31/3 Lớp 10

Nguyễn Cao Đăng Khôi K.31/3 - Lớp 11

Trịnh Hoàng Anh K.19/2 - Lớp 10
Phạm Khánh Ngân K.31/3 - Lớp 12
Lê Nguyên Phúc K.31/3 - Lớp 10

Đại Học: \$250 (10 giải):

Lê Nguyên Khang K.31/3 - Đại Học
Nhân Hậu K.20/3 - Đại Học
Phúc Hậu K.20/3 - Đại Học
Nguyễn Ngọc Bảo Hân K.31/3 - Đại Học
Hồ Nguyễn Uyên Nhi K.31/3 - Đại Học
Trịnh Thị Khánh Nguyên K.19/3 - Đại Học
Thái Ngọc Quỳnh Anh K.18/3 - Đại Học
Gia Thịnh K.21/3 - Đại Học
Bảo Thy K.21/3 - Đại Học
Khánh Huy K.19/3 - Đại Học

TĐ/ TTNDH xin thành thật cảm ơn Đại Gia Đình Võ Bị đã luôn sát cánh trong cùng mọi hoạt động của chúng cháu.

Xin đại diện TĐ/ TTNDH cảm ơn Phó Chủ tịch Nội Vụ Tammy Thủy Huỳnh K19/2 và Thủ Quỹ Trần Phương Tuyền K21/2 đã bỏ nhiều thời gian và công sức để giúp tiếp tục duy trì chương trình Học Bổng Võ Bị hàng năm.

Học Bổng Võ Bị tuy khiêm nhường nhưng gói ghém rất nhiều những tình cảm, quan tâm của hậu duệ hải ngoại dành cho hậu duệ Võ Bị trong nước.

TĐ/ TTNDH một lần nữa xin được chúc mừng các hậu duệ đã nhận được học bổng năm nay và thân chúc các em luôn là con ngoan trò giỏi để không hổ danh là hậu duệ của các CSVSQ/ TVBQGVN.

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ, ngày 20 Tháng Ba 2025

Đỗ Anh Tú K1/2

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu
Nhiệm Kỳ 2024 - 2026

TỔNG KẾT TÀI CHÁNH

Yểm Trợ Tập San Đa Hiệu Số 130

Kính thưa quý vị độc giả.

Tháng Ba rồi Trường Mẹ, Tháng Tư ra trường vội vã để xả thân trực tiếp vào cuộc chiến nóng bỏng không một ngày giở phép, để rồi đến cuối Tháng Tư gãy súng trong uất hận đờn đau. Từ trong ký ức, những thước phim được quay lại rõ ràng qua mỗi Tháng Tư Đen.

Thời gian đã xa, nhưng trong tôi, những kỷ niệm vẫn còn đó. Đêm quỳ gối trong phòng với ngọn nến lung linh để được Sinh Viên Sĩ Quan Cán Bộ đội lên chiếc nón trắng Tự Thắng Đề Chỉ Huy, đặt trên vai chiếc Đai Cổ Truyền với huy hiệu Ròng Ngâm Kiếm, như đã trao một lời nguyện suốt đời không phai. Những kỷ niệm đã thôi thúc chúng ta phải làm việc để giữ lại những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp đã được lưu truyền từ các Khóa Đàn Anh.

TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM, NƠI QUY TỤ NHỮNG CHÀNG TRAI VIỆT CÓ LÝ TƯỚNG QUỐC GIA.

Tám bảng trắng đơn giản viết lên hàng chữ trên được cắm trên hồ Than Thở, luôn khẳng định một lập trường dứt khoát của Tập Thể Cựu Sinh Viên Sĩ Quan trên toàn thế giới. Nơi đây, Tập San Đa Hiệu, cơ quan ngôn luận chính thức của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, luôn theo đuổi một lập trường bất di bất dịch, nhằm phục vụ cho Lý Tưởng Quốc Gia, như lời thề từ khi xuống núi..

Cuốn theo dòng đời, dân tộc Việt Nam nói chung và Quân, Dân, Cán, Chính VNCH nói riêng đã trải qua 50 năm thương hận. Một số đã phải bỏ đất nước thân yêu ra đi, nhưng niềm đau vẫn cánh cánh trong lòng. Tập Thể Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, bên cạnh niềm đau mất nước, vẫn luôn mang trên vai món nợ núi sông chưa đền đáp.

Niềm đau, nỗi nhục, những tai ương thực tế đã giáng xuống dân tộc Việt sau Tháng Tư Đen, tinh thần chiến đấu hào hùng, quật khởi trong mọi hoàn cảnh, tranh đấu không ngừng để mang lại tự do thật sự cho dân tộc Việt Nam, được gói ghém trong hơn 350 trang báo này, được Ban Biên Tập gửi đến quý độc giả với tấm lòng trân trọng nhất.

Ban Trị Sự Đa hiệu xin tường trình danh sách yểm trợ Đa Hiệu dưới đây để mong quý vị cùng chung sức, góp tay.

1. Bằng check, (phong bì đính kèm theo hồi báo) xin ghi tên Minh Truong, ghi chú Yểm Trợ Đa Hiệu (hoặc các yểm trợ khác), gửi về:

**DA HIEU MAGAZINE
PO. Box 341
Mt. Eden, CA. 94557**

2. Qua Paypal:

Minh Truong: (510) 944-7750

3. Qua Zelle:

Minh Truong: (510) 944-7750

Trân trọng cảm ơn và kính chào toàn thể quý vị.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025
Thủ Quỹ kiêm Trị Sự Đa Hiệu
CSVSQ Trương Thành Minh, Khoá 28.

DANH SÁCH

GIA ĐÌNH VÕ BỊ & THÂN HỮU

YẾM TRỢ TẬP SAN ĐA HIỆU 130

(Tính tới ngày 20 tháng 3 năm 2025)

		Họ và Tên		Khóa	Yểm Trợ
1	GS	Trần Huy	Bích	VHV	200
2	GS	Lê Trọng	Lập	VHV	30
3	Mrs.	Đỗ Anh	Tú	1/2	50
4	Mr.	Phạm Bá	Hoa	3	20
5	Mrs.	Bạch Diệp	Lâm	3/2	50
6	Mr.	Nguyễn Đình	Hoà	4	50
7	Mr.	Vũ Thượng	Đôn	4P	50
8	Mr.	Trần	Kiên	8	50
9	Mr.	Vũ Ngọc	Lý	8	30
10	Mr.	Lê Bá	Độ	10	30
11	Mr.	Trần	Dương	10	100
12	Mr.	Nguyễn Văn	Lạc	10	40
13	Mr.	Vũ Minh	Bội	12	50
14	Mr.	Trương Đình	Nuôi	12	50
15	Mrs.	Nguyễn Trọng	Mạc	15/1	50
16	Mr.	Trương Đình	Quý	15	30
17	Mr.	Vĩnh	Dác	16	50
18	Mr.	Hồ Khắc	Đàm	16	25
19	Mrs.	Nguyễn Như	Phú	16/1	20
20	Mr.	Nguyễn Văn	Úc	16	100
21	Ms.	Nguyễn Hồ	Diễm Anh	17/2	100
22	Mr.	Bùi Đức	Cần	17	50
23	Mr.	Nguyễn Duy	Long	17/1	30
24	Mr.	Đình Văn	Măng	17	50
25	Mr.	Hoàng Đình	Ngoạn	17	50

26	Mr.	Võ Văn	Sung	17	100
27	Mrs.	Nam Sinh	Tín	17/1	50
28	Mr.	Nguyễn Quang	Trung	17	50
29	Mr.	Lương Công	Cần	18	50
30	Mr.	Nguyễn Chánh	Dật	18	50
31	Mr.	Huỳnh Văn	Giai	18	50
32	Mr.	Trần Ngọc	Huế	18	50
33	Mr.	Bùi Văn	Miêu	18	50
34	Mr.	Phan Nhật	Nam	18	40
35	Mr.	Nguyễn Văn	Nhân	18	50
36	Mr.	Nguyễn Văn	Thiệt	18	50
37	Mrs.	Nguyễn Văn	Thiệt	18/1	50
38	Mr.	Hoàng Xuân	Thôi	18	40
39	Mr.	Trần Gia	Trai	18	50
40	Mr.	Lã Quý	Trang	18	100
41	Mr.	Trịnh Bá	Tứ	18	50
42	Mrs.	Nguyễn Văn	Xuân	18/1	50
43	Mr.	Tôn Thất	Ban	19	50
44	Mr.	Nguyễn	Chí	19	50
45	Mr.	Dương Văn	Chiến	19	200
46	Mrs.	Đỗ Tự	Cường	19/1	50
47	Mr.	Vĩnh	Đào	19	50
48	Mr.	Võ Trọng	Em	19	50
49	Mr.	Nguyễn	Gio	19	20
50	Mr.	Hồ Văn	Hạc	19	50
51	Mrs.	Tammy	Huỳnh	19/2	50
52	Mr.	Lê Khắc	Kha	19	100
53	Mr.	Vũ Đình	Khang	19	20
54	Mr.	Phạm Kim	Khôi	19	20
55	Mr.	Trương	Khương	19	50
56	Mr.	Nguyễn Anh	Linh	19	50
57	Mr.	Bùi Văn	Nam	19	50
58	Mr.	Nguyễn Ngọc	Nam Cường	19	60
59	Mr.	Lê Kim	Ngọc	19	50

60	Mr.	Nguyễn Nho	Nho	19	50
61	Mr.	Huyền Văn	Phú	19	30
62	Mr.	Trịnh Đức	Phương	19	30
63	Mr.	Nguyễn Thành	Son	19	50
64	Mr.	Trương Thanh	Sương	19	50
65	Mrs.	Hoàng Gia	Thái	19/1	30
66	Mr.	Hoàng	Trai	19	30
67	Mr.	Hồng Khắc	Trân	19	50
68	Mr.	Trần Văn	Trữ	19	50
69	Mr.	Trần	Vệ	19	30
70	Mr.	Phạm Văn	Hồng	20	50
71	Mr.	Nguyễn Hữu	Mạnh	20	100
72	Mr.	Hoàng Văn	Ngọc	20	30
73	Mr.	Võ	Nhấn	20	100
74	Mr.	Lê Thanh	Phong	20	50
75	Mrs.	Quách	Thuởng	20/1	100
76	Mrs.	Vi	Vân	20/1	100
77	Mrs.	Hồ Tấn	Đạt	21/1	100
78	Mr.	Nguyễn Thanh	Đoàn	21	100
79	Mrs.	Võ Minh	Hoà	21/1	100
80	Mr.	Đồng Duy	Hùng	21	50
81	Mr.	Trần Văn	Khiết	21	50
82	Mr.	Nguyễn	Robert	21	30
83	Mr.	Nguyễn Đắc Song	Phương	21	30
84	Mr.	Lê	Thắng	21	50
85	Mr.	Hoàng Dũng & Phương Tuyền		21/2	50
86	Mr.	Lâm Đức	Vượng	21	20
87	Mr.	Lê Văn	Bá	23	30
88	Mr.	Lê Khoa	Toàn	23	100
89	Mr.	Đỗ Mạnh	Trường	23	100
90	Mr.	Nguyễn Trọng	Việt	23	50
91	Mrs.	Cao Văn	Hải	25/1	50

92	Mr.	Nguyễn	Hàm	25	100
93	Mr.	Đoàn Đình	Hùng	25	50
94	Mrs.	Đinh Như	Khả	25/1	100
95	Mr.	Lê Khắc	Phước	25	50
96	Mr.	Đàm Văn	Phương	25	50
97	Mr.	Hà	Tham	25	30
98	Mr.	Nguyễn Văn	Bên	26	50
99	Mr.	Trần Quang	Diệu	26	50
100	Mr.	Trần Văn	Giỏi	26	50
101	Mr.	Đào Quý	Hùng	26	250
102	Mr.	Phạm Đình	Lê	26	50
103	Mr.	Lý Bảo	Nhơn	26	50
104	Mr.	Nguyễn Thiện	Nhơn	26	50
105	Mr.	Nguyễn Văn	Tảo	26	100
106	Mr.	Trương Văn	Thanh	26	50
107	Mr.	Hồ Sĩ	Thơ	26	100
108	Mr.	Nguyễn Thanh	Thủy	26	50
109	Mr.	Vũ Kim	Trọng	26	50
110	Mr.	Trần Văn	Hồ	27	40.27
111	Mr.	Nguyễn Tân	Long	27	50
112	Mr.	Nguyễn Hoàng	Phước	27	40
113	Mr.	Trương Thành	Minh	28	50
114	Mr.	Ân Danh Nam	California	28	50
115	Mr.	Hoàng Như	Cầu	28	50
119	Mr.	Ân Danh		29	100
116	Mr.	Ân Danh 2		29	250
117	Mr.	Ân Danh 3		29	100
118	Mr.	Phan Văn	Ý	29	50
120	Mrs.	Trần Nguyệt	Ánh	TH	100
121	Mr.	Bùi Thị	Báu	TH	30
122	Mr.	Lâm N.	Chiêu	TH	50
123	Linh	Mục Nguyễn Hùng	Đức	TH	20
124	Mr.	Nguyễn Anh	Dũng	TH	50

125	Mr.	Nguyễn Mạnh	Hải	TH	50
126	Mr.	Huỳnh Phi	Hồ	TH	20
127	Mrs.	Trần Thị	Hoà	TH	40
128	Mrs.	Quản Thụy	Hoài	TH	30
129	Mrs.	Phạm Thị	Huệ	TH	100
130	Mrs.	Quốc	Hương	TH	50
131	Mr.	Võ	Jamesnico	TH	30
132	Mr.	Đặng Thanh	Long	TH	25
133	Mr.	Trần Hồng	Minh	TH	30
134	Mr.	Lại Q.	Nam	TH	30
135	Mrs.	Đặng Đức	Nghiêm	TH	50
136	Mr.	Ngô	Nguyên	TH	20
137	Mrs.	Phan Thị	Nhã	TH	100
138	Mr.	Ngô	Nhì	TH	30
139	Mr.	Phạm Văn	Thành	TH	50
140	Mr.	Nguyễn Lộc	Thọ	TH	30
141	Mr.	Trần	Thức	TH	20
142	Mr.	Nguyễn M.	Tuấn	TH	30

Cộng **8140.27**

Liên Hội Võ Bì Châu Âu (Độc chi tiết Trang 335.)	600 €
---	-------

Thu **8,140.27 + 600 €**
Từ Đa Hiệu 130 **8,914.19**

Tổng Cộng: **16,954.46 + 600 €**

TT	CHI	SỐ TIỀN
1	In ấn	5,300.00
2	Mua thêm bàn ghế	131.00
3	Gởi trong nước	1,748.28
4	Gởi nước ngoài	899.71
5	Box Strap	75.77

6	Busines License Renew	85.77
7	Solfware	19.90
8	Vận chuyển	170.00
9	Văn phòng phẩm	159.42
10	Software Bưu Điện (Renew)	48.00
11	Gởi báo thêm	53.55

Tổng Chi	8,691.40
-----------------	-----------------

Tồn Quỹ:

16,954.46 (+ 600 €) - 8,691.40 = 8,363.06 + 600 €

Tập San Đa Hiệu số 131 sẽ dự trữ được phát hành vào ngày Chủ Nhật, 13/1/2025 tại tư gia chị Quả Phụ Quách Thuồng, Khóa 20/1. Tập San đến gia đình các CSVSQ/ TVBQGVN và Thân Hữu, mang một thông điệp rõ nét về một quyết tâm, kiên trì, và bền chí để giữ vững những sinh hoạt truyền thống hài hòa, trong tình cảm Võ Bị của tập thể CSVSQ/ TVBQGVN.

Ban Trị Sự xin chân thành cảm ơn toàn thể Ban Biên Tập, đứng đầu là Niên Trưởng Chủ Bút Nguyễn Trọng Việt, Khóa 23, đã phát hành Đa Hiệu 131 đến Đại Gia Đình Võ Bị khắp năm châu đúng hạn kỳ. Cảm ơn các niên trưởng, phu nhân, anh chị của Hội Võ Bị Nam California, do Niên Trưởng Trần Văn Giỏi làm hội trưởng, đã đóng góp công sức cho việc làm đầy ý nghĩa này.

Xin tri ơn những tấm lòng rộng mở của quý vị độc giả đã yểm trợ Tập San Đa Hiệu, nhằm duy trì và bảo vệ tiếng nói chính thức và trung thực của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan.

Xin đa tạ.

CSVSQ Trương Thành Minh, Khóa 28

Lá Thư Chủ Bút

Orange, ngày 30 tháng 3 năm 2025

Chúng tôi rất vui mừng được tái ngộ cùng quý vị độc giả.

Nhân dịp này, Ban Biên Tập Tập San San Đa Hiệu xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý tác giả đã đóng góp những tác phẩm giá trị, cũng như những thân hữu đã luôn hỗ trợ tài chánh để tạo nên mảnh vườn Đa Hiệu có nhiều sức sống và ý nghĩa. Kính mong quý vị ghi nhận sự trân trọng, tấm lòng biết ơn của Ban Biên Tập đặc biệt dành cho quý vị.

Đa Hiệu 131 đã và đang trên tay quý vị, với chủ đề: “Tuởng Niệm Năm Mươi Năm Quốc Hận”, mà biến cố xảy ra chính là nỗi đau buồn và tủi nhục của cả dân tộc Việt Nam!

Mỗi lần nhắc đến ngày 30 tháng Tư, chúng ta liên tưởng đến sự hủy diệt toàn bộ chế độ văn minh, tự do và thịnh vượng của miền Nam, là sự áp đặt một chế độ bạo tàn cho cả nước dưới sự thống trị của đảng cộng sản. Gia đình của tất cả chúng ta đã chịu đựng bao bất hạnh dưới chế độ này.

Đó là quá khứ, nhưng còn hiện tại và tương lai thì sao? Người xưa có câu “văn hóa là những gì còn lại khi ta mất tất cả”, Đa Hiệu sẽ là một trong những phương tiện để chúng ta duy trì nền văn hóa của VNCH tồn tại mãi.

* Tác phẩm xin gửi về Nguyễn Trọng Việt

E-mail: dahieu2023@gmail.com.

Thay mặt Ban Biên Tập Đa Hiệu.
Nguyễn Trọng Việt, Khóa 23



Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN

PHÂN ƯU

Mục Sư **PHẠM ĐỨC LONG**

Nguyên Giáo Sư Văn Hóa Vụ/ TVBQGVN

Từ trần Ngày 18 tháng Giêng Năm 2025

tại San Jose, California, Hoa Kỳ.

Hưởng Thọ 85 tuổi.

Ông Glacobé **NGUYỄN KIM TRỌNG**

Nguyên Giáo Sư VHV/ TVBQGVN

Từ trần Ngày 13 Tháng 2 Năm 2025

tại Stockton, California, Hoa Kỳ.

Hưởng Thọ 83 tuổi.

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Cầu mong
Chương linh quý vị giáo sư Văn Hóa Vụ, có tên ở trên
sớm được về cõi vĩnh hằng.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ngày 15 tháng 4 năm 2025

Tổng Hội CSVSQ/ TVNQGVN



Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN

PHÂN ƯU

Đại Niên Trưởng **NGUYỄN HUY HÙNG**, Khóa 1/ TVBQGVN

Pháp danh Khiết Châu

Từ trần Ngày 1 Tháng Giêng Năm 2025

Tại Marion, Iowa, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 94 tuổi.

Niên Trưởng **NGUYỄN XUÂN CẢO**, Khóa 5/ TVBQGVN

Pháp danh Tâm Giác Ngộ

Từ trần Ngày 14 Tháng 12 Năm 2024

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 95 tuổi.

Niên Trưởng **HỨA YẾN LÊN**, Khóa 6/ TVBQGVN

Thánh danh PHERO

Từ trần Ngày 8 Tháng Giêng Năm 2025

Tại Tukwila, Washington, Hoa Kỳ

Hưởng thượng thọ 93 tuổi.

Niên Trưởng **VŨ CÔNG QUỐC**, Khóa 14/ TVBQGVN

Đã mãn phần Ngày 13 Tháng 2 Năm 2025

Tại Nam California, Hoa Kỳ

Hưởng đại thọ 94 tuổi.

CSVSQ **TRẦN VĂN ĐÊ**, Khóa 17/ TVBQGVN

tức Hòa Thượng **THÍCH THÔNG GIÁC**

Viên tịch Ngày 3 Tháng 2 Năm 2025

Tại Melbourne, Úc Châu.

CSVSQ NGUYỄN THANH HƯƠNG, Khóa 17/ TVBQGVN
Từ trần Ngày 21 Tháng 1 Năm 2025
Tại Úc Châu
Hưởng đại thọ 90 tuổi.

SVSQ VŨ XUÂN THÔNG, Khóa 17/ TVBQGVN
Mất Ngày 12 Tháng 3 Năm 2025
Tại San Diego, California
Hưởng thọ 86 tuổi.

CSVSQ PHẠM TẦN, Khóa 18/ TVBQGVN
Từ trần Ngày 7 Nháng 12 Năm 2024
Tại Philadelphia, Pennsylvania, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ PHẠM VĂN HÒA, Khóa 18/ TVBQGVN
Pháp Danh MINH ĐẠO
Từ trần Ngày 28 Nháng Giêng Năm 2024
Tại Sugar Land, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 82 tuổi.

CSVSQ PHẠM CHÂU, Khóa 19/ TVBQGVN
Thánh Danh Benedicto
Từ trần Ngày 25 Nháng 12 Năm 2024
Tại Vũng Tàu, Việt Nam
Hưởng thọ 84 tuổi.

CSVSQ LÂM VĂN XÊ, Khoá 19/ TVBQGVN
Đã từ trần Tháng 12 Năm 2024
Tại Việt Nam
Hưởng thọ 86 tuổi.

Nhạc Mẫu của Cố CSVSQ Trần Hồng Phú, K19 là:
Cụ Bà Maria **LƯU THỊ ĐƠN**
Từ trần ngày 10 tháng 3 năm 2025
Tại San Jose, California, Hoa Kỳ
Hưởng đại thọ 105 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN THIÊN SANH, Khóa 20/ TVBQGVN
Đã mệnh chung Ngày 2 Tháng 12 Năm 2024
Tại Indianapolis, Indiana, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ PHẠM HÙNG LONG, Khóa 20/ TVBQGVN
Đã mất vào ngày 30 Tháng 1 năm 2025
Tại San Jose, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 84 tuổi.

CSVSQ CHÂU VĂN KỲ, Khóa 21/ TVBQGVN
Pháp danh THUẬN TÁNH
Tử trần Ngày 16 Tháng 1 Năm 2025
Tại Dallas, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 82 tuổi.

Phu Nhân Cố CSVSQ Nguyễn Khắc Thuận, Khóa 21/ TVBQGVN
Bà Maria HỒNG THỊ THẢO
Vừa từ trần Ngày 5 Tháng 2 Năm 2025
Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 82 tuổi.

Phu Nhân CSVSQ Nguyễn Ngọc Khai, Khóa 22/ TVBQGVN
Bà Maria NGUYỄN THỊ MỸ DUNG
Vừa từ trần Ngày 16 Tháng Giêng Năm 2025
Tại Garland, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 76 tuổi.

CSVSQ ĐỖ HUY CƯỜNG, Khóa 26/ TVBQGVN
Đã mệnh chung Ngày 4 Tháng Giêng Năm 2025
Tại Đà Lạt, Việt Nam
Hưởng thọ 77 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN VĂN MÃN, Khóa 28/ TVBQGVN
Đã từ trần Ngày 16 Tháng 12 Năm 2024
Tại Gò Vấp, Việt Nam
Hưởng thọ 73 tuổi.

CSVSQ LÊ THIÊN TỬ, Khóa 28/ TVBQGVN
Đã từ trần Ngày 25 tháng 12 Năm 2024

Tại Tây Ninh, Việt Nam

Hưởng thọ 73 tuổi.

CSVSQ LÝ ĐÌNH QUY, Khóa 28/ TVBQGVN

Pháp danh **NHUẬN HƯỚNG**

Đã từ trần Ngày 27 Tháng 12 Năm 2024

Tại Huế, Việt Nam

Hưởng thọ 73 tuổi.

Phu Nhân CSVSQ Phan Văn Lộc, Khóa 30/ TVBQGVN

Bà Sao Linh **TRẦN THỊ BÉ**

Pháp danh Tự Hạnh

Vừa từ trần Ngày 16 Tháng Giêng Năm 2025

Tại El Monte, Los Angeles, California, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 71 tuổi.

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Sự ra đi vĩnh viễn của các Niên Trưởng, các CSVSQ, các phu nhân nêu trên là những tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị và cho gia đình mỗi người.

Nguyện cầu linh hồn những vị đã khuất sớm được về cõi vĩnh hằng.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ngày 15 tháng 4 năm 2025

- Ban Chấp Hành Tổng Hội
- Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát
- Đại diện 31 khoá CSVSQ/ TVBQGVN
- Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

*Với Lòng Thương Cảm
Sâu Sắc Nhất!*

THANH THIẾU NIÊN



ĐA HIỆU